NĂM THỨ MƯỜI TÁM • # 207 • JULY 2006

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

MOZART
250 NĂM

NHẤT LINH
100 TUỔI

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

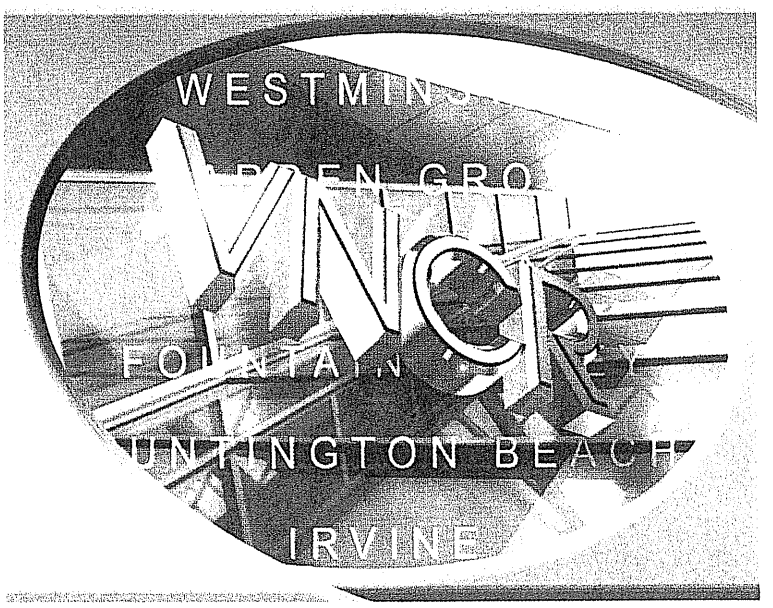

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO*
phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động.
Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn,
thu hút người xem trên khắp thế giới.

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!
QUẢNG CÁO NGAY TRÊN
WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

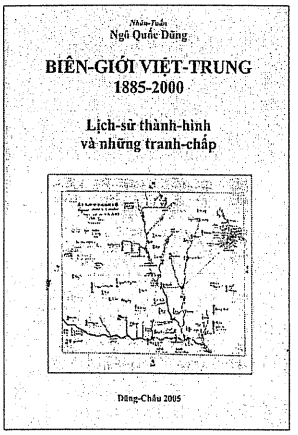

BIÊN GIỚI VIỆT TRUNG 1885-2000

Biên khảo của **NHÂN TUẤN NGÔ QUỐC DŨNG**

Trước những dư luận phẫn nộ của người Việt Nam trong và ngoài nước về việc đảng Cộng sản Việt Nam đã nhượng quá nhiều đất đai và biển cả cho Trung Quốc, tác giả Nhân Tuấn Ngô Quốc Dũng hiện đang sống ở Pháp đã vào các văn khố của nước này để tìm tòi tài liệu liên quan đến biên giới hai nước Hoa Việt.. Sách biên khảo rất công phu và khoa học, tài liệu khách quan và phong phú, có thể giúp cho mọi người Việt Nam biết rõ đâu là đất đai thật sự của Việt Nam do ông bà tổ tiên để lại từ ngàn xưa. Giá 30 Mỹ kim

NHẤT LINH CHA TÔI

Hồi ký của **NGUYỄN TƯỜNG THIẾT**

Cuốn hồi ký này gồm những bài viết liên quan đến người cha của tác giả, là nhà văn Nhất Linh. Tác giả "đã dựng lại con người lịch sử, con người tiểu thuyết Nhất Linh như con người bình thường của đời thường, chứ không phải trong đời thường Cụ vẫn hiện diện như con người của lịch sử hay tiểu thuyết," như nhà văn Lê Minh Hà đã nhận xét. Tuy là viết chuyện có thật, vì thực chất đây là hồi ký, nhưng là một thứ hồi ký đầy chất văn chương và chất thơ, thời gian không gian nhân vật được trình bày như trong một tiểu thuyết hiện đại. Giá 16 Mỹ kim.

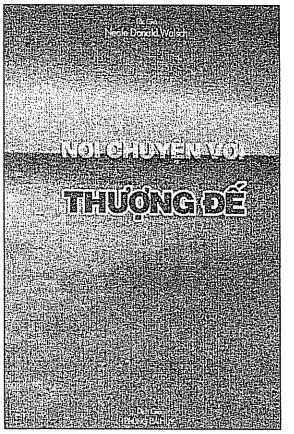

NÓI CHUYỆN VỚI THƯỢNG ĐẾ

NEALE DONALD WALSCH,
PHÙNG BÁ HUY dịch

Thường thì người ta hay nói: "cầu nguyện Thượng đế," chứ không ai nói "nói chuyện với Thượng đế," vì ai cũng thấy đó là điều bất khả trong thân phận con người. Thế như chính tác giả đã trải qua một kinh nghiệm đặc biệt, đã thất vọng về đời mình, đã oán trách đấng cao xanh, nhưng rồi bỗng có một cái gì bí nhiệm đã đến với ông, khuyến khích ông đối thoại, và cuối cùng ông nhận ra rằng ông có khả năng ấy, khả năng "nói chuyện với Thượng đế." Và ông chia sẻ kinh nghiệm có một không hai này với bạn đọc. Giá 12 Mỹ kim.

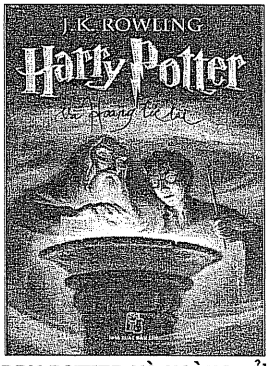

HARRY POTTER VÀ HOÀNG TỬ LAI

J.K. ROWLING - LÝ LAN, HƯƠNG LAN dịch

Dù là chúng ta đang ở trong thế kỷ thứ 21, dù là khoa học kỹ thuật ngày nay đang ngự trị toàn thể cuộc đời con người trên trái đất... thế nhưng, thật là lạ lùng, trí tưởng tượng về những cuộc phiêu lưu kỳ bí và hoang đường vẫn còn sức mạnh quyến rũ toàn thể con người trên hành tinh này. J.K. Rowling là một tác giả người Anh đã có một khả năng "bịa chuyện" vô song, sách của Rowling hấp dẫn, lôi cuốn không những trẻ con mà cả người lớn, đã được Hollywood quay thành phim và được dịch ra không biết bao nhiêu là thứ tiếng trên thế giới. Và lần này là tiếng Việt Nam. Giá 21 Mỹ kim.

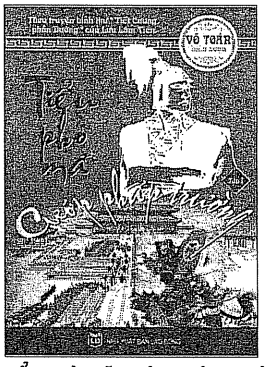

TIỂU PHÒ MÃ CƯỚP PHÁP TRƯỜNG

LƯU LÂM TIÊN; VÕ TOÁN soạn lại bản tiếng Việt

Ở Trung Quốc ngày xưa có một hình thức văn nghệ dân gian rất được ưa chuộng là kể chuyện (bình thư), vì đa số dân chúng không có khả năng đọc sách. Tác phẩm bình thư này của nữ nghệ nhân Trung Quốc Lưu Lâm Tiên, mang tựa đề Tiết Cương Phản Đường. Sách chứa đựng những sự kiện và nhân vật lịch sử quen thuộc với người Việt Nam như Tiết Nhơn Quý, Tiết Đinh San, Phàn Lê Huê v.v... nhưng được soạn lại bằng tiếng Việt theo một kỹ thuật tân kỳ hơn các truyện Tàu ngày trước. Trọn bộ bốn cuốn giá 38 Mỹ kim.

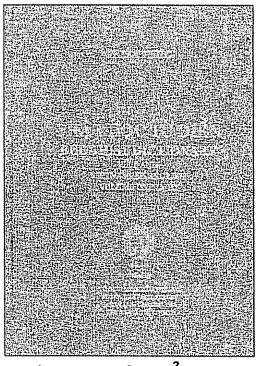

PHẬT HỌC TỪ ĐIỂN Việt Anh

THIỆN PHÚC

Một bộ từ điển khá bề thế: cả bộ gồm sáu cuốn, mỗi cuốn ngót 1000 trang khổ lớn. Từ điển này là một tập hợp các từ ngữ Phật giáo, các từ ngữ có liên quan đến Phật giáo, và các từ ngữ thường thấy trong các sách giáo khoa Phật giáo. Mỗi từ hay cụm từ được giải nghĩa bằng tiếng Việt kèm theo tiếng Anh, hoặc chỉ ghi tiếng tương đương trong Anh ngữ. Soạn giả Thiện Phúc là tác giả duy nhất của bộ này, tuy nhiên ông cũng tiết lộ là nhờ có sự giúp sức của nhiều bậc tu hành cũng như đạo hữu một công tác lớn lao như thế mới có thể thành tựu được.Bộ sáu cuốn, giá 250 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email: Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

Ghi chú: ***Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)***

Đón đọc:

Dòng Sử Việt

Chuyên sưu tầm, nghiên cứu, và quảng bá lịch sử Việt Nam

Chủ biên: Trần Anh Tuấn

. Tiếp nối truyền thống *Tập San Sử Địa* tại quê nhà trước năm 1975.
. Chủ nhiệm & chủ bút: Trần Anh Tuấn, cựu giáo sư Ban Sử ĐHVK Sài gòn, cựu thư-viện-trưởng Thư Viện Hội Société des Études Indochinoises Saigon, giáo sư đại học cộng đồng College of Alameda, California.
. Ban Biên Tập sơ khởi: Phạm Cao Dương, Bùi Minh Đức, Nguyễn Khắc Kham, Huỳnh Văn Lang, Mai Liệu, Hà Mai Phương, Trương Toại, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Thượng Vũ...
. Thường xuyên có nhiều mục độc đáo: *Xã hội Việt Nam qua các thời đại, Lịch sử lập cư của người Việt tại Hoa Kỳ, Nghệ thuật & Mỹ thuật Việt Nam, Phong trào Hướng Đạo Việt Nam, Mỗi kỳ một nhân vật, Mỗi kỳ một tác phẩm, Giới thiệu sách báo về Việt học, Giải thích quê hương bản quán cho độc giả, Hình hay ảnh lạ, Sử liệu hiếm quý, Bưu hoa VNCH* (kèm tem thật do Bưu Điện VNCH phát hành trước 1975, theo truyền thống của tạp chí *France Asie* thập niên 1950)...
. *Dòng Sử Việt* xuất bản mỗi ba tháng, khổ 18cm x 27cm.
. *Dòng Sử Việt* sẽ chỉ phát hành qua Bưu Điện, và bầy bán ở hai nhà sách tại California (nhà sách *Tự Do*, San Jose và nhà sách *Văn Khoa*, Westminster)
. Số ra mắt: tháng 7-9 năm 2006. Giá mỗi số $10.00 (kể cả cước phí hạng nhất trong nội địa Hoa Kỳ)
. Mong đón nhận sự cộng tác của bằng hữu và độc giả bốn phương về hai phương diện: đọc và viết.
. Liên lạc bài vở: Trần Anh Tuấn
. Ngân chi phiếu xin đề: Nhu N. Tran

P. O. Box 1413, Alameda, CA 94501 USA
Điện thoại: (510) 865-9276 h. (nhắn lại)
(510) 220-1535 c.
Điện thư: att411@comcast.net

Hãy tìm đọc

VIỆT NAM CỘNG HÒA
10 NGÀY CUỐI CÙNG

biên khảo của **Trần Đông Phong**

"Đây là cuốn sách mọi người còn lưu tâm đến vấn đề Việt Nam nên có bên cạnh những cuốn có giá trị cao về biên khảo hay vừa biên khảo vừa hồi ký đã được xuất bản từ trước của các Giáo sư Lê Xuân Khoa, Nguyễn Tiến Hưng, của cựu Đại Sứ Bùi Diễm và của nhiều tác giả khác như Nguyễn Kỳ Phong chẳng hạn..."

Tiến Sĩ Sử học Phạm Cao Dương

Cuốn sách được nhiều người đọc nhất trong tháng 4 năm 2006
và đã được tái bản chỉ trong vòng một tháng.
Sách dày 458 trang, Nam Việt xuất bản 2006.

Giá bán tại Hoa Kỳ: $25.00 (media mail) - $30.00 (priority mail)
Ngoài nước Mỹ: US$35.00 (global priority mail)

Chi phiếu hoặc money order:
Trần Đông Phong
P.O. Box 8524 Fountain Valley, CA 92728
e-mail: trandongphong2006@yahoo.com

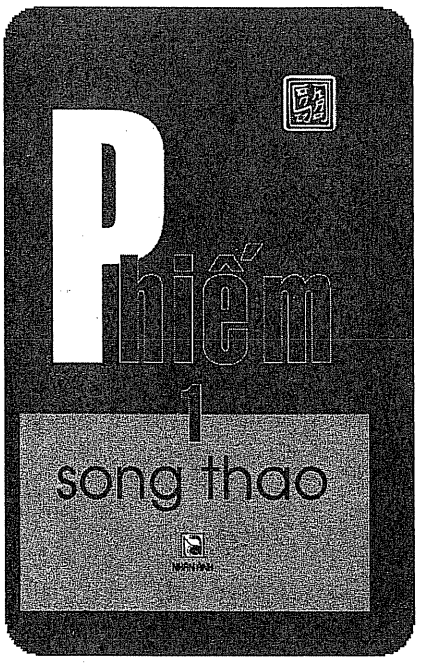

ĐÃ TÁI BẢN:

Phiếm 1

của song thao

40 chuyện phiếm, 380 trang
NHÂN ẢNH tái bản

Sách có chữ ký của tác giả, xin liên lạc về:
7805 Claire Fauteux, #1
Montréal, P.Q., H1K 5B6
Điện thoại: **(514) 354-5338**
Email: **tatrungson@hotmail.com**

Ấn phí (bao gồm luôn cước phí):
Canada: 22 Gia kim (chi phiếu hoặc money order)
Hoa Kỳ: 20 Mỹ kim (chi phiếu hoặc money order)
Các nước khác: 29 Mỹ kim (money order)
Chi phiếu và money order xin đề tên: TẠ TRUNG SƠN

SÁCH MỚI

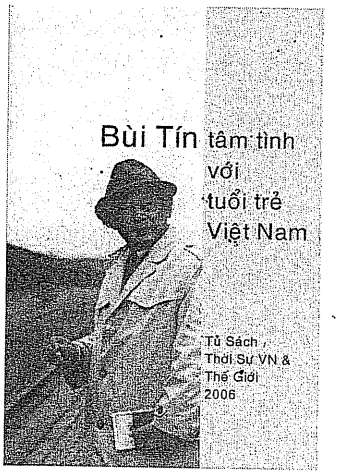

TÂM TÌNH VỚI TUỔI TRẺ VIỆT NAM của BÙI TÍN

Nếu một người Việt trẻ tuổi ở nước ngoài có dịp trở lại Việt Nam để thăm quê thì:
- Nên **nói chuyện gì**, và **như thế nào** với người trong nước?
- Nên **đối thoại** ra sao? về những **đề tài gì**? với **nội dung** ra sao để có kết quả tốt nhất?...

Cuốn sách này nhằm thử trả lời cho những câu hỏi ấy. Giá 10 Mỹ kim.

Tủ sách Thời sự Việt Nam
và Thế Giới
2607 Military Road
Arlington, VA 22207 – USA

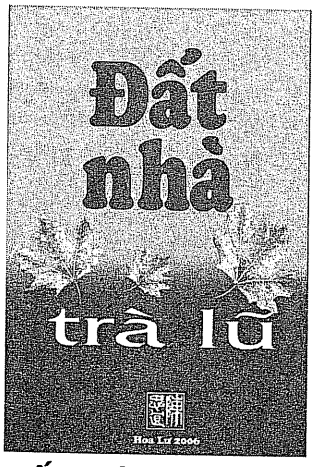

ĐẤT NHÀ

TRÀ LŨ

Giá 15 Mỹ kim
Liên lạc: Trà Lũ
113 Kennedy Avenue
Toronto, Ontario M6S 2X8
Canada

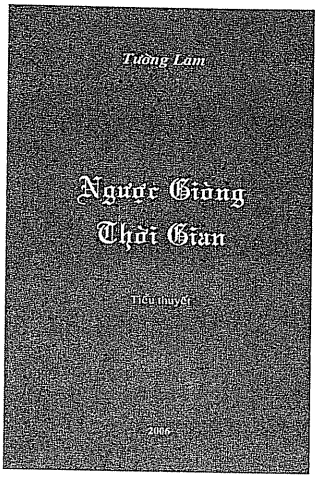

NGƯỢC GIÒNG THỜI GIAN

Tiểu thuyết của
TƯỜNG LAM

Một cuốn tiểu thuyết góp nhặt những mảnh đời vỡ vụn do cuộc chiến gây nên.
Giá 15 Mỹ kim.
Tác giả xuất bản từ Đức Quốc.

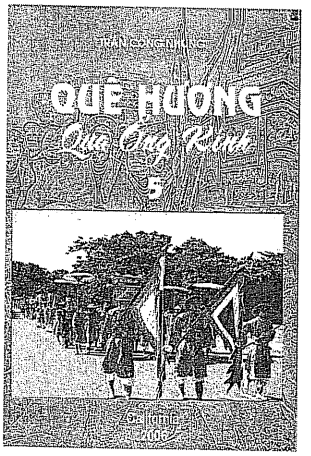

QUÊ HƯƠNG QUA ỐNG KÍNH 5

TRẦN CÔNG NHUNG

Quảng Bình Quan xuất bản
Liên lạc: Trần Công Nhung
P.O. Box 2197
Hawthorne,
CA 90250 – USA

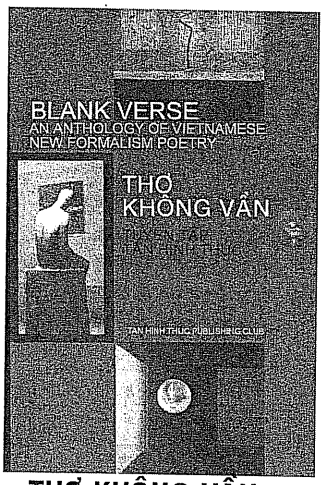

THƠ KHÔNG VẦN

Tuyển Tập Tân Hình Thức
BLANK VERSE
An Anthology of Vietnamese
New Formalism Poetry
Sách song ngữ,
do KHẾ YÊM biên tập,
J. ĐỖ VINH dịch thuật.
Giá 20 Mỹ kim.
Nhà xuất bản Tân Hình Thức
P.O. Box 1745 Garden Grove
CA 92842 - USA

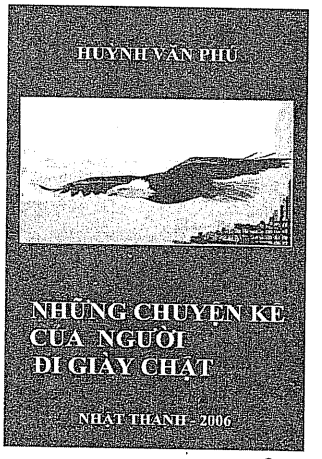

NHỮNG CHUYỆN KỂ CỦA NGƯỜI ĐI GIÀY CHẬT

HUỲNH VĂN PHÚ

Giá 12 Mỹ kim
Liên lạc: Huỳnh Văn Phú
5900 N. Water St
Philadelphia, PA 19120 - USA
E-mail: phuvhuynh@aol.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Sweet Dream*, tranh sơn dầu của họa sĩ **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Lưu Văn Vịnh, Nguyễn Tường Thiết**, tài liệu của nhạc sĩ **Nghiêm Phú Phi** và nhạc sĩ **Nguyễn Quý Lãm**; tư liệu.

MỤC LỤC

Số 207 – Tháng Bảy 2006

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – VĂN HÓA
8. Người giàu người nghèo ở nước Mỹ – **Ngô Nhân Dụng**
14. Trong người lại ngẫm đến ta – **Nguyễn Minh Cần**
18. Những vấn đề và thách thức của thời đại – **Trần Ngọc Ninh**
24. Bầu cử sơ bộ và cuối năm – **Cổ Lũy**

250 NĂM MOZART
33. Wolfgang Amadeus Mozart: cuộc đời, sự nghiệp, tác phẩm – **Cung Tiến**
37. Mozart, con cưng của trời – **Quỳnh Giao**
39. Cái chết của Mozart – *Sơn Diệm* **Vũ Ngọc Ánh**
42. Nhạc hội Mozart tại Sài Gòn cách đây 50 năm – ***Thế Kỷ 21***

100 NĂM NHẤT LINH
59. Thế hệ bắc cầu – **Thụy Khuê**
62. Người thứ bảy trong Tự Lực Văn Đoàn là ai? – **Cao Quang Nghiệp**
77. Những trang viết dang dở - **Nhất Linh**
85. Làm sáng tỏ một sự kiện văn học – **Nguyễn Tường Thiết**

CÁC BÀI KHÁC
87. Sonate xanh – **Mai Ninh**
93. Hoa cúc và những bước đi hạnh phúc – **Đặng Thơ Thơ**
95. Bài thơ cho loài súc sinh (thơ) – **Phạm Công Thiện**
99. Đẹp như kiếp Bohémien – **Nguyễn Tường Thiết**
110. Giới thiệu "Xích lại gần với hiện thực" của Cao Hành Kiện – **Trần Anh Tuấn**
111. Khuất chiều (thơ) – **Chu Vương Miện**
113. Trên xe lửa xuyên Âu – **Lưu Văn Vịnh**
116. Nhà Tây Sơn qua ca dao (tiếp theo) – **Đào Đức Chương**

MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết và Thư trị sự
46. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
52. Chuyện phiếm – **Song Thao**

Phim Đường Xưa Mây Trắng

Dựng một cuốn phim về Đạo Phật tưởng không có tập nào hay và thích hợp hơn tập Đường Xưa Mây Trắng của thiền sư Nhất Hạnh. Bút pháp nhẹ nhàng, thi vị, nội dung thoáng đạt, linh hoạt như tiểu thuyết, sẽ giúp người viết phim bản và đạo diễn khi phân cảnh rất nhiều.

Đối với độc giả ngại đọc gần 600 trang *Old Path White Clouds* thì có thể tìm đọc cuốn sách mỏng hơn, 151 trang, *The Awakened One* -Người Tỉnh Thức, của Sherab Chodzin Kohn (Shambhala xb 1994), vẽ lại rất trong sáng, gọn nhẹ, cuộc đời của đức Phật. Cả hai cuốn đều vô cùng hấp dẫn, nhưng chắc chắn phim ảnh dễ phổ biến sâu rộng toàn cầu hơn.

Bụt sĩ Lưu Văn Vịnh
(Tịnh Khẩu Pháp Môn- Bắc California)

Ngày mai về xứ lạ

Đọc Ngày Mai Về Xứ Lạ của Nguyễn Hiền trên Thế Kỷ 21 số tháng Sáu vừa rồi tôi thích quá. Thú thật lâu lắm tôi mới thấy có một truyện thật sự hay mà mình thích – có thể có nhiều truyện khác cũng hay nhưng lại không thấy thích mấy. Tôi không biết tác giả Nguyễn Hiền là người Nam hay Trung hay Bắc, nhưng khung cảnh làng quê miền Nam lẫn đối thoại trong truyện đều tỏa ra một nỗi thân thương của miền Nam, tuy rằng không có vẻ "miệt vườn" tí nào. Câu chuyện ông dựng rất xuất sắc, một chuyện "tình chị duyên em" thời miền Nam đổ vỡ sau 1975 rồi kéo dài ra một nước Tây Âu khi cuộc tình duyên đi đến hôn nhân với người em sau các chuyến vượt biên. Tôi không thể kể hết câu chuyện ra ở đây – quý vị ai cũng đọc hết rồi, kể làm gì nữa! – nhưng tôi vẫn muốn chia sẻ với các bạn cảm tình của tôi đối với truyện Ngày Mai Về Xứ Lạ: trong đó có đủ hết cuộc đời của chúng ta, trước 75, sau 75, vượt biên, tị nạn, lấy nhau, bỏ nhau, em về thăm chị, nỗi lòng chị em... Viết thật tỉnh táo, thật sâu sắc mà giọng văn hiền, đầy tình cảm.

Tiếc quá, tôi không có khả năng của một người phê bình văn học nên không thể phân tích nhiều về tác phẩm, tôi chỉ có vừa đủ khả năng nói rằng mình thích quá, và chia sẻ với các bạn, vậy thôi.

Trần Văn Thái *(Texas)*

Mùa đá banh

Mùa đá banh lại tới với người Việt sinh sống ở Mỹ, cứ bốn năm một lần. Ở xứ không thích môn đá banh như Mỹ, mùa World Cup chẳng có gì sôi nổi. Trừ những nhóm thiểu số như người Mễ, Đại Hàn, Việt Nam... còn thì cả nước Mỹ im lìm, chẳng quan tâm gì đến chuyện chính nước mình cũng có một đội bóng đi tranh World Cup. Làm đội tuyển cho một xứ sở như vậy thật là bất hạnh, đi đấu trong sự ghẻ lạnh của chính dân chúng xứ mình. Tôi nghĩ lòng quan tâm, sự yêu mến, lời cầu nguyện của cả một dân tộc cho đội bóng của mình có ảnh hưởng lớn đến tinh thần thi đấu của các cầu thủ, họ đá banh mà như đang làm một sứ mạng thiêng liêng của dân tộc giao phó. Dân tộc nào trên trái đất cũng vậy, trừ Mỹ. Dù đội tuyển Mỹ có hay đến mấy, cũng khó lòng mà đạt thành công khi mà sau lưng mình hầu như là một sự trống rỗng như thế.

Vĩnh Hưng *(Internet)*

Bạo và mới trong thời của mình

"*Cho đến phút này, màng lưới của đôi bên vẫn còn trinh bạch...*" Đó là một câu chúng ta thường nghe trong những buổi trực tiếp truyền thanh các trận bóng tròn của cố ký giả thể thao Huyền Vũ thời Việt Nam Cộng Hòa. Huyền Vũ tường thuật lưu loát và hấp dẫn, thời xưa nghe câu đó chúng ta chỉ thấy là một ví von duyên dáng, không mấy khi kịp nhận ra tính chất "sex" trong sự so sánh rất trực tiếp màng lưới của khung thành bóng tròn với màng trinh của người phụ nữ. Bây giờ nhớ lại thấy Huyền Vũ "bạo" và mới mẻ ghê!

M.T.M. *(Internet)*

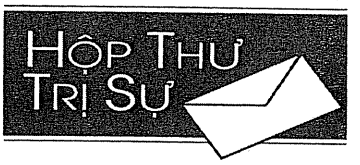

Độc Giả Mới

Mrs. Đào Hòa – CA; Hân Phúc Mi Huy An – WA; Đinh Thị Minh – Canada; Phan Hong Dieu – IL.

Độc Giả Gia Hạn

Huong Ly (Bonnyrigg High School) – Australia; Thuy Armstrong – Belgium; Cuong Trong Bui – Australia; Nguyen Thu Huong Denise – CA; Tiến Nguyễn Hữu – CA; Radio Free Asia Library – DC; Periodicals Dept King CNTY LIB SYST – WA; Lê Duy Thống – CA: Tuan Quoc Le – Canada; Trương Anh Thụy – VA; Vũ Ngô Quý – Canada; Lê Đăng Hạc – TX; Ngô Thị Bạch Tuyết – Australia; Trần Thị Tuyết Lê – CA; Nguyen Minh Huan – PA; Lê Thanh Phong – CA; Tuyet Mai Thi Nguyen – CA; Chu Xuan Vien – VA; Thai Tu Hap – CA; Ngoc Van Nguyen – CT; Tran Van Dung – Canada; Vu Thi My – Canada; Tan Van Hong – CA; Phạm Công Thiện – TX.

Độc giả đã đóng thêm tiền để nâng cấp gửi báo

Dong My Dang – Canada; Dinh Vu – CA; Giao Nguyen – CA; Tran Tan Viet – CA; Dinh Thuc – VA; Viet Nguyen – CA; Phe Tran – MN; Le Nhan Tien – TX; Do Kim Bang – CA; Huynh Hong Mai – FL; Nguyen Dac Cuong – Canada; Le Huong Pham – CA; Nguyen Thi Chinh – CA; Vu Thi Nhan – IL; Nguyen Van Tinh – NC; Nham Dang – VA; Duong Minh Chau – Canada; Ông bà Võ Đình Tấn – CA; Minh & Thanh Nguyen – TX; Phu Le – OH; Hoàng Tân – CA; Hien Auto Repair – CA; Minh Hang Thi Le – CA; Van Ba Lam – Canada; Lê Duy Thống – CA; Vũ Ngô Quý – Canada; Diem Dang Nguyen, MD – WA; Thuc Tri Nguyen – MN; Tran Thao – OH; Cuong Phan Vu – MD; Vo Cong – WA; Le Duc Vi – OR; Phan Duc Loi – France; The Uyen – WA; Huyen Dinh – NM; Kim Ngoc Nguyen – PA; Lan M Vu – San Diego.

Người giầu người nghèo ở nước Mỹ

NGÔ NHÂN DỤNG

"Tại sao mình lại có nhiều tiền hơn thiên hạ? Như thế có hợp lý hay không?" Nhiều người giầu đã tự hỏi như vậy. Nhưng giầu nghĩa là gì? Là có nhiều tiền. Nhiều tiền nghĩa là gì? Ông Warren Buffett, 75 tuổi, với tài sản hơn 40 tỷ mỹ kim, đã suy nghĩ và thấy khi có tiền là mình có quyền ảnh hưởng trên hành động, trên công việc của người khác – được quyền "sai bảo" họ cung ứng các sản phẩm hoặc dịch vụ theo nhu cầu của mình. Đồng tiền là những "giấy biên nhận" cho phép mình chìa giấy ra bảo người khác phải làm gì đó cho mình, một thứ "giấy đòi nợ," (claims checks on the activities of others in the future, ông Buffett nói). Tại sao có tiền là có thứ quyền này?

Do cách tổ chức xã hội với những cơ cấu chính trị, kinh tế, luật pháp, cho mình được hưởng những quyền mà đồng tiền mang lại. Nếu loài người chưa tiến bộ về kỹ thuật cũng như về định chế đến tình trạng có tổ chức như hiện nay; hoặc nếu xã hội được xếp đặt theo một cách khác, thí dụ nó cho phép một ông vua muốn thay đổi luật lệ để "quốc hữu hóa" đồng tiền của mình lúc nào cũng được, thì chắc ông Buffett không có gia sản lớn như thế. Tức là không được hưởng những quyền đặt lên trên người khác như thế.

Nhưng có cách nào không cần nắm tiền trong tay mà vẫn được hưởng những quyền do đồng tiền tạo ra hay không? Có chứ, trong nhiều xã hội người ta không cần cầm tiền mà vẫn được hưởng những quyền ưu tiên trên người khác. Thí dụ những người có tấm thẻ ưu đãi để mua ở những cửa hàng đặc biệt. Thời Liên bang Xô viết, có du khách hỏi người hướng dẫn du lịch giá các loại xe, chỉ tay một cái xe hỏi mãi không ai biết giá. Vì đó là thứ xe dành riêng cho các ủy viên Bộ Chính trị hoặc Trung ương Đảng! Như vậy thì những thứ quyền do đồng tiền mang lại là do cơ cấu xã hội quy định ra, chứ không phải chỉ do mình tạo ra. Một người Thụy Điển làm ra tiền giỏi như ông Buffett cũng không được giữ lại nhiều như ông, vì chính phủ Thụy Điển nhân danh xã hội, thu lại nhiều hơn, gọi là thu thuế. Ông Buffett giầu như thế cũng là nhờ cơ cấu chính trị Mỹ khác bên Thụy Điển! Vì thế, ông Buffett vẫn nói rằng không ai nên giữ tất cả những thứ "quyền đòi nợ" của đồng tiền để truyền lại cho con cháu mình, mà trước khi chết đi nên trả lại phần nào cho xã hội. Có người hỏi nên để lại cho con cháu bao nhiêu, ông Buffett nói, "Cho chúng nó vừa đủ để làm cái gì chúng muốn, nhưng không nhiều quá đến nỗi chúng không phải làm gì cả!"

Thế nào là bình đẳng?

Nếu quý vị ở Mỹ, và nếu quý vị sống nghèo, thì không bao giờ phải suy nghĩ chuyện lẩm cẩm đó cả. Nhưng nếu quý vị có tài sản trên một vài triệu mỹ kim chẳng hạn, và cũng là người hay băn khoăn thao thức, thì có lúc quý vị cũng đặt ra những câu hỏi như ông Buffett. Ở nước Mỹ không mấy ai cảm thấy ghen tị với ông Buffett hay ông Bill Gates, khi thấy họ giầu bao nhiêu chục tỷ mỹ kim. Không mấy ai muốn đấu tranh đòi chia lại tài sản của những người giầu như thế. Một lý do là trong xã hội này nhiều người tin rằng ai cũng có cơ hội như nhau, nhiều người trẻ tuổi tin là trong đời họ, họ có thể sẽ thành tỷ phú. Tại sao những người Thụy Điển bị đánh thuế có khi tới 90 phần trăm mà đa số họ chấp nhận, trong khi người Mỹ (những người giầu nhất) phải đóng thuế 39 phần trăm là kêu Trời? Vì ai sinh ra ở Thụy Điển cũng biết trước rằng lớn lên mình có thể bị đánh thuế như vậy, nếu mình làm giầu. Ngược lại, nếu mình thất cơ lỡ vận mà nghèo hơn người khác thì sẽ được guồng máy xã hội giúp đỡ tận tình. Khi ra đời có ai biết trước là mình sẽ thành công và bị đánh thuế cao, hay là sẽ thất thế và được giúp đỡ? Rất khó biết trước. Mọi người thường "bình đẳng trước số phận," ông Trời ổng sẽ quay sổ số, lúc đó mình mới biết kết quả.

Nước Mỹ khi thành lập đã viết bản tuyên ngôn nói rằng "Mọi người sinh ra đều bình đẳng." Nhưng khái niệm "bình đẳng" này có tính chất siêu hình: Trước mặt Thượng đế ai cũng như nhau. Sau đó phải thể hiện tư tưởng siêu hình này qua một guồng máy chính trị, kinh tế, luật pháp, thành một cơ chế mong bảo đảm mọi người có cơ hội bằng nhau. Nghĩa là mọi người cùng đứng ở một mức khởi hành trước khi cuộc chạy đua bắt đầu. Nhưng một cái phôi thai thành hình trong bụng bà Melinda Gates thì khi sinh ra sẽ có nhiều cơ hội hơn hàng

triệu những phôi thai ra đời từ bụng các bà mẹ khác ở Mỹ. Cơ cấu xã hội, luật pháp có thể giúp cho các đứa trẻ đó bình đẳng hơn hay không? Không. Các thanh niên vào đời bắt đầu cuộc chạy đua ở các mức khởi hành khác nhau, tùy theo tài sản của bố mẹ.

Đây là một vấn đề rất đáng suy nghĩ. Nếu quý vị hay thao thức về công lý, về tự do và bình đẳng, chắc thế nào cũng có lúc phải suy nghĩ về giá trị "bình đẳng" này. Một người con trai ông Lê Duẩn, xưa là tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam, bây giờ đang là một doanh nhân thành công. Có người hỏi ông rằng là con một lãnh tụ như vậy có được lợi khi kinh doanh không? Ông cho biết, tất nhiên có nhiều người nâng đỡ, nhưng cũng có nhiều người ghét bỏ cho nên ghét lây cả con! Ông cũng vất vả mới kiếm ra tiền chứ không phải chỉ ngồi đó hưởng. Nhưng ông cũng công nhận rằng khi nào ở Việt Nam có "bình đẳng về cơ hội" thì chỉ những người thật sự làm việc mới có thể giầu, chứ không thể chỉ ngồi ăn hối lộ mà giầu được. Bình đẳng cơ hội đòi hỏi một điều kiện: Mọi người bình đẳng trước pháp luật!

Nhiều người không thỏa mãn với quan niệm "bình đẳng về cơ hội," tranh đấu cho tất cả mọi người được hưởng thụ bằng nhau trong các nhu cầu tối thiểu. Gọi đó là quyền bình đẳng trong thụ hưởng. Làm sao để tôi không bị đói trong khi anh dư đồ ăn? Làm sao để khi mắc bệnh tôi cũng được thầy thuốc săn sóc như bà hàng xóm? Nói xa hơn, tôi cũng muốn được lái chiếc xe mới gần gần bằng anh, chứ tại sao cái xe anh trị giá trăm ngàn còn tôi phải lái chiếc xe cũ, chưa đáng trăm bạc? Có cách nào chúng ta chia sẻ lợi tức hoặc tài sản với nhau được không? Thay đổi cơ cấu xã hội như thế nào để mọi người cùng chia sẻ?

Nếu xã hội được tổ chức để được bình đẳng về thụ hưởng, "các tận sở năng, các thụ sở nhu," ai nấy làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu, thì chắc sẽ khó khích lệ làm việc. Vì cái thói cha chung không ai khóc, kinh nghiệm loài người đã thấy. Làm thế nào để cơ cấu xã hội vừa giúp tái phân lợi tức cho bình đẳng hơn mà vẫn không làm mất động cơ thúc đẩy con người cố tạo ra thêm lợi tức và của cải? Đây là một vấn đề vừa kinh tế vừa chính trị, mỗi xã hội lựa chọn trên căn bản đạo lý của họ.

Chênh lệch giầu nghèo

Ở nước Mỹ có bao nhiêu người nghèo? Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) cứ 100 gia đình sống ở Mỹ trong năm 2004 thì có 12 gia đình, ít nhất một lần đã lo lắng không đủ thức ăn. Texas là tiểu bang "đói" nhất. Theo USDA, trong thời kỳ 1999-2001 có 13.9 phần trăm các gia đình ở Texas từng lo đói (food insecure, không có nghĩa là thực sự đã bị đói). Tới những năm 2002-2004 thì tỷ số này tăng lên 16.4%. Cũng "nghèo" như Texas là những tiểu bang hàng xóm như New Mexico, Oklahoma, và Mississippi, North Carolina, trên 15% gia đình ở đó đã lo thiếu thực phẩm. California thuộc loại "nghèo vừa vừa," với tỷ số từ 12 đến 15 phần trăm gia đình lo thiếu ăn ít nhất một lần trong năm.

Những người lo đói có phải là các di dân mới hoặc bất hợp pháp, hay những người lười biếng không chịu làm việc? Tổ chức Second Harvest, tài trợ 200 cơ sở cung cấp thực phẩm miễn phí (food bank) trên toàn quốc, cho biết 93% những người đến lãnh thức ăn là công dân Hoa Kỳ, 40% người da trắng, và một phần ba những gia đình lo bị đói có ít nhất một người đi làm. Nhiều gia đình có người đi làm rồi bị mất việc, nhiều người làm việc không đủ tiền chi tiêu; họ phải lựa chọn giữa việc mua thức ăn hay trả tiền điện, hoặc mua xăng chạy xe. USDA tính rằng một gia đình ở Mỹ phải chi 40 đô la mỗi tuần cho thực phẩm một người. Có gia đình bốn người, cha hay mẹ đi làm mà chỉ còn 75 đô la một tuần sau khi trả các thứ "bills" tiền nhà, tiền điện, tiền hơi đốt, tiền xăng.

Ai săn sóc những gia đình lo bị đói? Chính phủ liên bang Hoa kỳ mỗi năm chi 12 tỷ đô la trong các chương trình dinh dưỡng cho trẻ em, trong đó có việc cung cấp bữa ăn trưa và ăn sáng trong trường học. Năm 2005 có 7.7 triệu em đã ăn sáng và 17.5 triệu em ăn trưa miễn phí ở trường.

Tại một trường ở học khu Chapel hill, Texas, có những ngày Thứ Sáu nhiều em ăn trưa cố ăn thật lâu, ngốn cho thật đầy bụng, các em thú nhận vì không biết cuối tuần nhà có đủ thức ăn hay không. Những sáng Thứ Hai có em chạy đến trường thật sớm để ăn sáng, ăn thêm cả phần còn dư trong khay của các bạn ngồi kế bên, bù cho ngày cuối tuần bị thiếu ăn. Nhiều học sinh đến lớp không học được, vì đói.

Trước cảnh đó các tổ chức rừ thiện tư nhân góp công "cứu đói." Trong bốn năm qua, kinh tế Mỹ phát triển rất tốt, nhưng số người cần cứu đói lại tăng thêm. Ở thị xã Waterloo, tiểu bang Iowa, giữa vùng nông nghiệp phì nhiêu nhất nước Mỹ, mỗi tháng có một ngàn gia đình đi lãnh thực phẩm cứu trợ, mà hồi năm 2001 chỉ có 500 gia đình đi xin

một tháng. Tại vùng Đông bắc Iowa, trong 16 quận, có 35,700 người được giúp đỡ thức ăn trong một năm, 40 phần trăm là trẻ em.

Từ năm 1995, Tổ chức từ thiện Rice Depot ở Arkansas đã tặng thêm thức ăn vào ngày Thứ Sáu, cho học sinh thiếu ăn mang về nhà. Những học sinh lãnh đồ hộp hoặc bánh nhét vào túi hoặc ôm trên tay thường bị bạn bè chế nhạo. Rice Depot đã có sáng kiến phát những "ba lô" đựng sẵn thực phẩm trong đó, nhiều ít tùy theo hoàn cảnh từng học sinh, để các em tới lãnh đeo lên vai mang về. Sáng Thứ Hai các học sinh đem ba lô trả lại cho cơ quan từ thiện. Cảnh chế nhạo chấm dứt. Sáng kiến trên được nhiều tổ chức khác bắt chước, lan ra khắp nước Mỹ. Theo Tổ chức từ thiện Second Harvest, họ có 70 địa điểm phát thực phẩm với chương trình phát "ba lô thức ăn" trên toàn nước Mỹ, mỗi cái túi đeo vai chứa thức ăn trị giá khoảng 2, 3 đô la.

Kinh tế Mỹ phục hồi trong hai năm rưỡi vừa qua "nghiêng về phía những người Mỹ có lợi tức cao nhất." Biểu hiện dễ thấy nhất là giá cổ phần trên thị trường chứng khoán tăng lên từ hai năm nay, và lợi nhuận các xí nghiệp lên mức rất cao kỷ lục. Cả hai đều mang lại lợi lộc cho những người làm chủ nhiều cổ phần, thuộc lớp giầu nhất nước. Ngược lại, trong lúc lương trung bình tăng được dưới 2 phần trăm, thì giá sinh hoạt lại tăng thêm với tỷ lệ 3.3 phần trăm một năm. Nghĩa là khả năng tiêu thụ, mãi lực của người lao động ở Mỹ thật sự đã giảm. Khi giá xăng và thực phẩm tăng lên thì giới lao động và lợi tức thấp chịu thiệt thòi hơn người khá giả, vì hai món này chiếm tỷ lệ rất lớn trong ngân sách chi tiêu các gia đình nghèo, còn trong lớp người khá giả thì hai món đó không đáng kể. Kinh tế vọt lên trong hơn hai chục năm qua nhờ hiệu năng làm việc (productivity) cao hơn, nhưng phần lớn thành quả đó được chuyển vào túi các người giầu. Năm 1980 lợi tức của 1% những người kiếm nhiều tiền nhất nước chiếm 8 phần trăm lợi tức chung. Năm 2005 thì 1% những người giầu nhất chiếm 16 phần trăm lợi tức cả nước.

Thống kê của bộ Nông nghiệp Mỹ cho biết: Vào năm 2000, có 11.1 triệu gia đình Mỹ sống nhờ vào các cơ quan từ thiện để có đủ thực phẩm, khoảng 33 triệu người; đến năm 2004 đã tăng lên thành 13.5 triệu gia đình, hơn 38 triệu người. Số trẻ em phải sống nhờ trợ giúp thực phẩm tăng thêm 2 triệu trong thời gian đó từ 12.9 triệu lên 13.9 triệu.

Hai nhà tỷ phú cộng tác

Hôm 26 tháng Sáu 2006, ông Buffett, người giầu thứ nhì thế giới, công bố sẽ tặng cho Quỹ từ thiện Bill & Melinda Gates Foundation số tiền khoảng 35 đến 37 tỷ mỹ kim. Số tặng dữ đó là 5 phần 6 tổng số tiền ông định tặng các hội thiện, gồm 85 phần trăm các cổ phần của ông trong công ty Berkshire Hathaway. Quỹ từ thiện của vợ chồng ông Gates hiện có khoảng 35 tỷ mỹ kim, lớn gần gấp ba lần ngân sách của Liên Hiệp Quốc. Quỹ đã chi ra 1.36 tỷ trong năm 2005. Nếu món tiền ông Warren Buffett tặng năm nay, chừng tỷ rưỡi mỹ kim được dùng ngay vào các việc thiện, ngân sách chi sẽ tăng gấp đôi.

Thường các nhà giầu có lập ra những quỹ từ thiện để mang tên mình. Tại sao ông Buffett không lập ra một quỹ tự thiện riêng, mà ông lại tặng cho một tổ chức có sẵn mang tên ông bà Gates? Thực ra 40 năm trước đây ông Buffett đã lập ra một Quỹ từ thiện mang tên bà vợ, Susan Thompson Buffett Foundation. Quỹ này hiện có khoảng 270 triệu mỹ kim, và sẽ được ông Buffett tặng thêm trên 3 tỷ mỹ kim nữa trong đợt này. Ngoài ra, ba quỹ từ thiện khác do hai người con trai và cô con gái của ông lập ra cũng được tặng hàng tỷ mỹ kim. Nhưng ông Buffett ủng hộ chủ trương của Bill & Melinda Gates Foundation. Tổ chức này chú trọng tới việc làm giảm bớt bệnh tật, phát triển giáo dục, và cải thiện kinh tế ở các vùng nghèo nhất thế giới. Nhiều người chỉ trích hệ thống kinh tế tư bản thường nói rằng các nhà tư bản khi đem tiền đi giúp nước nghèo cũng chỉ vì họ muốn mở mang thị trường tiêu thụ sản phẩm của họ. Không ai lại nghĩ rằng những trẻ em ở Phi châu được chủng ngừa bệnh lao hay bệnh đậu mùa trong các năm tới, hoặc những người sẽ được chữa bệnh AIDS ở Ấn Độ, sẽ là khách hàng tương lai của Microsoft hoặc sẽ mua bảo hiểm nhân thọ hoặc bảo hiểm cháy nhà, đụng xe, do các công ty của ông Buffett đem bán!

Ông Buffett cho biết trước đây ông vẫn tính là sau khi ông qua đời thì bà vợ ông sẽ tặng tài sản cho các quỹ từ thiện. Tại sao ông không đem tặng sớm hơn, trước khi qua đời? Vì, ông giải thích, tài sản trong tay ông quản lý chắc sẽ sinh lợi nhiều hơn, để khi ông chết sẽ tặng nhiều hơn! Bà Susan qua đời năm 2004 khiến ông đổi chương trình.

Ông Gates, 50 tuổi, với tài sản chừng 55 tỷ mỹ kim, từng nói rằng ông nghĩ đến chuyện đem tiền đi làm việc thiện sau khi nghe ý kiến của ông Buffett nói rằng không nên để lại tài sản cho con

cháu, chỉ khiến chúng sinh hư. Cả hai nhà tỷ phú đều chống lại dự luật bãi bỏ thuế di sản mà Tổng thống George W. Bush muốn quốc hội Mỹ thông qua từ khi chấp chính. Ông Warren Buffett vẫn từng nói, "Không có lý do gì mà những 'đứa con nhà Buffett' lại đứng vào địa vị chỉ huy trong xã hội chỉ vì chúng tình cờ sinh ra từ trong một cái bụng bà mẹ đó. Như vậy còn gì là công lý nữa?" Nói như bà Joan Weill, khi chết đi chẳng ai mang được tiền đi theo, vì "cái áo tẩm niệm (shrouds) không may túi!" Chồng bà, ông Sandy Weill, có một tài sản khiêm tốn trong đám tỷ phú, chưa tới một tỷ rưỡi mỹ kim, nhưng đã nghỉ việc ở công ty tài chánh Citigroup, về hưu để đem tiền đi làm việc thiện. Ông Buffett cũng chỉ trích những người giầu có cứ than phiền về chế độ trợ cấp xã hội làm cho người nghèo tạo thói quen sống lệ thuộc tiền trợ cấp; trong khi đó chính họ đang trợ cấp con cái để sống lệ thuộc họ suốt đời!

Nhưng ông Bill Gates cũng chịu ảnh hưởng của ông bố và bà mẹ khi bước vào công việc từ thiện. Tháng Giêng năm 1994, Bill cưới vợ vì từ lâu bà mẹ đã thúc dục phải lập gia đình. Trước ngày đám cưới bà mẹ chú rể viết cho cô dâu một lời dặn dò: "Những người được Trời cho nhiều thì cũng có bổn phận với người khác nhiều hơn." Tháng Sáu năm đó bà Mary qua đời, ông bố đã khuyên hai vợ chồng nên thực hiện ước nguyện thứ hai của bà mẹ là cậu con trai tỷ phú hãy làm việc thiện. Tính từ 12 năm qua gia đình Gates đã tặng 8 tỷ mỹ kim vào các việc thiện.

Năm 1993 Melinda và Bill Gates đi nghỉ hè ở Phi châu, họ thấy tận mắt cảnh nghèo khổ, nhất là sự thiếu thốn về y tế. Chuyến đi thăm Phi châu này ảnh hưởng sâu xa. Bill Gates cho biết ông đọc bản báo cáo về "Phát triển thế giới" của Liên Hiệp Quốc và nhìn vào các con số thống kê ông ý thức được còn biết bao nhiêu người ở những nước nghèo bị mắc bao nhiêu thứ bệnh hiểm nghèo mà thực ra rất dễ tránh; chỉ cần chút ít tiền là có thể ngăn ngừa được. Năm 1997 Bill Gates đã thành lập một Quỹ giáo dục, cấp học bổng cho các sinh viên, học sinh. Năm 2000 họ thành lập tổ chức mới, mang tên hai vợ chồng. Năm 2006, Bill Gates tuyên bố sẽ dần dần rời khỏi công việc trong công ty của ông, để hết thời giờ cho việc quản trị quỹ từ thiện!

Từ lâu nay quỹ gia đình Gates vẫn chú trọng tới việc phòng bệnh; họ đã giúp thuốc men cho các nước nghèo, với dự án cung cấp thuốc chủng ngừa các bệnh thông thường cho tất cả trẻ em trên thế giới. Nhưng trong năm nay, Quỹ bắt đầu chú trọng tới lãnh vực phát triển kinh tế, với các dự án lập những ngân hàng cho những người nghèo nhất vay những món tiền nhỏ từ mấy chục mỹ kim trở lên (micro-finance) theo mẫu của Grameen Bank, do Mohammed Yunus, một giáo sư kinh tế ở Bangladesh sáng lập. Những ngân hàng kiểu này sẽ không phát tiền cho người nghèo. Họ theo quy luật thị trường, buộc người vay phải trả lãi và vốn; nhưng họ vẫn giúp ích vì thông thường những người nghèo này không có tài sản nào để cầm thế nếu muốn đi vay ở các ngân hàng thương mại. Một chiều hướng mới khác của Quỹ Bill & Melinda Gates là chú trọng thêm đến việc phát triển sản năng nông nghiệp. Nửa thế kỷ trước đây một phần nhờ những quỹ từ thiện Ford và Rockefeller khuyến khích mà người ta đã gây giống được những thứ lúa có năng suất cao và bổ dưỡng, gây nên một cuộc "cách mạng xanh."

Ông Buffett tặng tiền cho Quỹ Gates vì đồng ý với chủ trương đem tiền ra giúp các nước nghèo chứ không chỉ làm việc thiện ở Mỹ; nhưng một phần khác cũng vì ông tin tưởng ở khả năng quản trị việc từ thiện của gia đình Gates. Kiếm tiền đòi hỏi phải giỏi quản trị, đem cho tiền cũng phải biết quản trị, nếu không sẽ phí phạm, có khi còn gây tai hại. Chính ông Andrew Carnegie từng than rằng 95 phần trăm các việc từ thiện thường vô ích, có khi lại gây hại. Các công tác viện trợ do chính phủ quản trị nhiều khi chỉ làm cho người thụ hưởng sinh ỷ lại, mà người cho tiền thì coi như đem cho là xong bổn phận, không quan tâm đến hệu quả. Những người làm giầu thân lập thân như Gates và Buffett rất chú ý đến hiệu năng trong công việc. Hy vọng khi họ đi làm việc phân phát tài sản của mình cho việc thiện, họ cũng sẽ chuyên chú, lo toan để đồng tiền bỏ ra đạt được hiệu quả cao nhất, giống như khi họ lo tích lũy tài sản.

Liệu những nhà tỷ phú, triệu phú đô la gốc Việt Nam có thể noi gương các tỷ phú Mỹ, lập ra các quỹ giúp cải thiện y tế, giáo dục, phát triển kinh tế, giúp người nghèo khổ trong nước hay không? Chắc sẽ có rất nhiều người bỏ tiền và sắn tay áo ra làm việc thiện. Chỉ thiếu một điều kiện là người trong nước phải được tự do thành tập các tổ chức vô vị lợi, những tổ chức của tư nhân, tự nguyện và độc lập với đảng và nhà nước.

Khuyến khích đem tiền đi cho

Ở Mỹ, những tài sản tặng cho quỹ từ thiện sẽ

được trừ vào lợi tức để không phải đóng thuế. Tiền lời do quỹ gây ra cũng không đóng thuế nếu quỹ đem phân phối 5% cho các việc bất vụ lợi mỗi năm. Nhờ chế độ thuế khóa đó, nhiều nhà giầu ở Mỹ đã lập ra những quỹ có mục đích văn hóa, giáo dục, nghệ thuật và từ thiện từ hàng trăm năm nay. Một trong những nhà từ thiện sớm nhất ở Mỹ là Andrew Carnegie, một di dân đời thứ nhất từ Scotland sang Mỹ vào giữa thế kỷ 19, sau trở thành một "Ông vua thép." Số tiền ông Carnegie để lại cho các hội thiện trước khi ông mất năm 1919 là 350 triệu mỹ kim, coi thì rất nhỏ so với 37 tỷ mỹ kim mà ông Warren Buffet mới đem tặng. Nhưng vào lúc đó thì số tiền cúng dường của ông Carnegie tương đương với 0.42% GDP, tức lợi tức một năm của toàn thể nước Mỹ; còn bây giờ ông Buffett cho nhiều tiền hơn nhưng cũng chỉ bằng 0.25% của GDP mà thôi – ông Bill Gates đã tặng 35 tỷ mỹ kim, tương đương với 0.28% GDP. Andrew Carnegie đã viết một câu trong bài "Wealth" (Tài sản) vào năm 1889, "Người nào chết đi mà vẫn còn giầu thì chết xấu hổ," (He who dies thus rich, dies disgraced). Một nhà tư bản nổi danh khác, John Rockfeller năm 1913 đã thành lập một Quỹ từ thiện mang tên ông, đóng góp 450 triệu mỹ kim vào quỹ, tương đương với 0.49 phần trăm GDP nước Mỹ lúc đó, có thể coi là con số cao nhất.

Nhưng các Quỹ từ thiện của Carnegie và Rockfeller bây giờ cũng không được xếp trong hạng 10 quỹ từ thiện lớn nhất ở Mỹ. Đứng hàng thứ nhì là Ford Foundation chỉ có tài sản bằng một phần ba, 11.6 tỷ. Lớn nhất hiện giờ là Quỹ Bill & Melinda Gates, với khoảng 35 tỷ trong tài sản, trước khi tăng gấp đôi nhờ số tiền tặng dữ của Warren Buffett. Đứng thứ nhì là Ford Foundation có mặt từ năm 1936, với tài sản hiện nay khoảng 12 tỷ mỹ kim, đứng hàng thứ mười là Gorden & Betty Moore, với 5.2 tỷ mỹ kim. Nhiều nhà tỷ phú thân lập thân cũng có những quỹ từ thiện lớn như nhà Hewllett (hơn 7 tỷ), Packard (gần 6 tỷ). Ông Soros, tỷ phú gốc Hungary, cũng lập một quỹ chuyên giúp các nước cựu cộng sản trong việc giáo dục và phát triển.

Nhờ luật thuế khóa khích lệ nên dân Mỹ tặng cho việc thiện nhiều nhất thế giới. Cuộc nghiên cứu của Đại học John Hopkins cho biết ở nước Mỹ số tiền cúng cho các tổ chức từ thiện lên tới 250 tỷ đô la, tương đương với 1.85 Tổng sản lượng Nội địa (GDP). Trong khi đó dân Anh quốc chỉ tặng 0.84 GDP cho việc thiện, Pháp quốc 0.32%, Nhật Bản 0.22%, và Đức quốc chỉ có 0.13%. Những nước Âu châu thường thiết lập những chương trình xã hội do quốc gia đảm nhiệm cho nên những người yếu kém về kinh tế thường trông cậy vào chính phủ. Người Mỹ trái lại, vẫn chủ trương chính phủ không can thiệp vào các lãnh vực thuộc trách nhiệm cá nhân, nhu cầu làm việc thiện cao hơn khiến người ta cũng đóng góp nhiều hơn. Thuế di sản, trước đây lên tới 55 phần trăm, khiến các người giầu muốn đem tiền lập quỹ từ thiện. Nếu bỏ thuế di sản đi, có thể số tiền tặng cho các hội thiện sẽ giảm.

Chắc nhiều người giầu có ở Mỹ sẽ bắt chước gia đình Gates và Buffett, không muốn các con cháu mình "sinh hư" vì hưởng gia tài quá lớn! Nhưng cũng nhiều người chống lại thuế di sản, vì khi kiếm tiền người ta đã phải đóng thuế lợi tức một lần, không lý gì khi chết lại phải đóng thuế lần nữa. Ai làm việc cũng nghĩ đến việc để lại tài sản cho con cháu, đánh thuế di sản có khiến người ta bớt hăng hái làm việc hay không? Đây là một vấn đề sẽ còn tranh cãi mãi.

Trong tháng trước, các nghị sĩ Cộng Hòa ở Thượng viện Mỹ đã không thu hút đủ số phiếu để thông qua dự luật bãi bỏ thuế di sản vĩnh viễn. Hiện nay chỉ có khoảng 5 phần trăm người Mỹ có thể bị đánh thuế di sản, vì những di sản của một người qua đời trị giá từ 2 triệu đô la trở xuống thì không bị đánh thuế. Có khoảng 18,000 người sẽ bị đánh thuế di sản trong số khoảng 2 triệu rưỡi người Mỹ chết trong năm. Bãi bỏ thuế này sẽ làm cho ngân quỹ chính phủ Mỹ bị mất một ngàn tỷ mỹ kim trong 10 năm kể từ năm 2012. Giữ thuế này thì số thu có thể bù được một nửa những thiếu hụt trong Quỹ Hưu bổng xã hội (Social Security). Các dân biểu Cộng Hòa ở Hạ viện đã biểu quyết một dự luật nhẹ hơn, chỉ bãi bỏ thuế di sản cho những gia tài từ 5 triệu trở xuống, những tài sản lớn hơn sẽ phải đóng thuế từ 15% đến 25%, thay vì phải đóng từ 45 đến 55% theo luật hiện hành.

Nên bỏ thuế di sản hay không?

Nước Mỹ mới đặt ra thuế di sản từ năm 1916, giữa thời chiến tranh. Nhiều quốc gia không đánh thuế di sản, thí dụ ở Canada. Tại những nước có đánh thuế di sản thường chính phủ tính vào thuế của những người thụ hưởng di sản đó. Hai nước Mỹ và Anh đặc biệt lại tính trên thuế mà người chết phải đóng trước khi lìa trần. Cho nên những người chống thuế di sản đặt tên nó là "Thuế

Chết," theo nghĩa nếu không chết thì khỏi phải đóng, vì chết nên mới phải đóng! Lý do người ta đánh thuế trên di sản, cũng như áp dụng thuế lũy tiến, tức lợi tức cao phải đóng suất thuế cao hơn, là đạo công bằng, không muốn mức chênh lệch giầu nghèo trong xã hội gia tăng từ đời cha ông xuống đời con cháu, và muốn mọi người có cơ hội bình đẳng như ông Buffett nói. Tài sản tích lũy nhiều thế hệ sẽ tạo nên một thứ "giai cấp quý tộc" vĩnh viễn ở Mỹ, như Tổng thống Theodore Roosovelt cảnh cáo.

Nhưng cũng có lý do kinh tế nữa. Những người lợi tức cao, gia sản lớn được hưởng những lợi ích của việc xây dựng, duy trì và bảo vệ quốc gia, cũng giống như người nghèo. Nhưng người giầu được thụ hưởng nhiều hơn người nghèo. Người nghèo không cần được bảo vệ an ninh chống ngoại xâm hoặc trộm cướp bằng người giầu, vì tài sản nếu bị mất cũng nhỏ hơn! Những dịch vụ khác do quốc gia cung cấp cũng vậy. Một năm tôi đi 10 chuyến máy bay, tôi hưởng các tiện nghi của phi trường, việc bảo vệ an ninh phi cảng, vân vân, gấp năm lần những người chỉ đi hai chuyến. Có biết bao nhiêu người không bao giờ đi máy bay, họ không hưởng gì cả! Nếu mỗi năm tôi lái xe đi 30 ngàn cây số, tôi sử dụng đường xá, hưởng dịch vụ cảnh sát công lộ, vân vân, gấp 10 lần những người chỉ lái xe ba ngàn cây số một năm. Nếu ngôi nhà tôi trị giá 10 triệu thì tôi được hưởng nhiều hơn những người nhà giá 100 ngàn về tất cả các dịch vụ của chính phủ bảo vệ an ninh, trật tự trong xã hội. Tổng thống Mỹ Theodore Roosevelt nói, "Những người giầu có trách nhiệm đặc biệt cao hơn đối với quốc gia, vì họ được hưởng nhiều lợi ích đặc biệt hơn trong hiện tượng giản dị là chính quyền có mặt."

Cũng trong tháng rồi, Thượng viện Mỹ đã bác bỏ dự luật nâng mức lương tối thiểu lên 7.25 đô la một giờ. Mức lương tối thiểu hiện nay là 5.15 đô la đã được ấn định từ năm 1996, sẽ còn lâu mới hy vọng được tăng lên. Nước Mỹ đã thiết lập chế độ lương tối thiểu từ năm 1938. Mức lương tối thiểu lên cao nhất là vào năm 1968, nếu tính ra giá trị đồng mỹ kim hiện nay sau gần 30 năm lạm phát thì lương tối thiểu hồi đó tương đương với gần 7 đô la một giờ.

Nếu quốc hội Mỹ cho tăng lương tối thiểu, thì sẽ có tám triệu người lao động ở Mỹ được hưởng – những người hiện nay làm với mức lương dưới 7.25 đô la một giờ. Những người chống lại việc ấn định lương tối thiểu lý luận rằng chính phủ và quốc hội không nên xen vào các quyết định kinh tế của tư nhân. Hơn nữa, nếu lương tối thiểu lên cao quá thì những người thợ không chuyên môn, các sinh viên học sinh sẽ khó kiếm việc, vì các chủ nhân sẽ ngần ngại khi thuê thêm người.

Nhưng một người làm lương tối thiểu bây giờ thường không phải chỉ là những thiếu niên. Có 66 phần trăm trong số đó thuộc lớp tuổi từ 20 đến 64 và gần 5% tuổi 65 trở lên. Hơn 62 phần trăm trong tổng số là người da trắng, người da đen chỉ chiếm 16 phần trăm, người La tinh 17 phần trăm. Những người học trên bậc trung học, có người đã tốt nghiệp đại học chiếm gần 29 phần trăm!

Chênh lệch giầu nghèo ở nước Mỹ hiện rõ hơn trong hưu liễm của những quản đốc công ty so với các nhân viên. Những người đứng đầu các công ty lớn lãnh lương cao gấp 262 lần một nhân viên trung bình. Nghĩa là họ làm việc một ngày, 250 ngày mỗi năm, lãnh lương cao hơn một người thợ làm việc trung bình suốt năm. Economic Policy Institute ở Washington D.C. cho biết lương trung bình của một nhân viên thường năm ngoái là 42,000 mỹ kim một năm, còn lương trung bình của một CEO là 11 triệu. Có 11 người trong số những công ty lớn nhất nước Mỹ được hưởng số thù lao tổng cộng 865 triệu đô la, trong khi giá trị các cổ phần của các công ty đó đã bị giảm xuống mất 640 tỷ đô la!

Năm 1965 lương trung bình của các CEO chỉ cao gấp 24 lần lương nhân viên trung bình. Trong thập niên 1990 kinh tế phát đạt, mức chênh lệch tăng lên đến 300 lần! Sự chênh lệch nặng nề hơn nữa là hưu bổng. Nhật báo *Wall Sreet* cho biết trong khi các công ty lớn quyết định cắt hoặc không tăng hưu bổng của công nhân và nhân viên, thì nhưng hưu bổng của các vị quản đốc vẫn tăng. Ông chủ tịch công ty Pfizer khi về hưu sẽ lãnh 6.5 triệu đô la một năm, cho đến khi qua đời. Ông chủ tịch công ty AT&T sẽ tới tuổi 65 vào cuối năm2006, nếu về hưu sẽ được trả ngay một số tiền gần 19 triệu, rồi sẽ lãnh 5.4 triệu đô la một năm cho đến hết đời.

Nếu những vị quản đốc giầu có đó cũng giống ông Warren Buffett thì chắc họ cũng sẽ thắc mắc tại sao họ lại được hưởng nhiều như vậy, trong lúc những nhân viên thường dưới quyền không được hưởng. Tổ chức xã hội đã cho phép họ hưởng những quyền lợi đó! Chúng ta nên tổ chức xã hội như thế nào? Đó là những câu hỏi sẽ còn được bàn cãi mãi mãi.

Nhân dịp Đại HộiThế Giới 2006 Phong Trào Quốc Dân Đòi Trả Tên Sài Gòn

Trông Người Lại Ngẫm Đến Ta

NGUYỄN MINH CẦN

Dân Nga hầu như không mấy ai không biết vua Piôtr (tiếng Anh gọi là Peter, tiếng Pháp — Pierre) Đệ Nhất (1672-1725). Lên ngôi từ năm 1682, ông là một Nga hoàng sống bình dị, ham lao động, ham học hỏi và đặc biệt ông là một nhà cách tân táo bạo. Trong thế kỷ 17, nước Nga còn rất lạc hậu so với nhiều nước tiên tiến ở Tây Âu. Ý thức được điều đó, ông quyết tâm làm những cuộc cải cách lớn để cố đưa nước Nga theo kịp đà tiến của các nước Âu châu. Chính ông đã quyết định xây dựng thủ đô mới của nước Nga trên sông Neva nằm trên đường ra biển để "trổ một cửa sổ sang châu Âu." Pháo đài bắt đầu xây dựng ngày 16.5.1703, tiếp theo đó ông cho xây cất khu dân cư. Ông mời các kiến trúc sư, các chuyên gia nổi tiếng từ Ý, Pháp, Anh, Đức... đến thiết kế xây dựng thủ đô. Từ việc làm đường sá, cầu cống, kênh đào, đến việc kiến thiết lâu đài, dinh thự, thánh đường, công viên, các chuyên gia nước ngoài đều sát cánh cùng với các chuyên gia Nga, nhờ đó nhiều tài năng mới của nước Nga đã được đào tạo.

Có nhiều giai thoại còn lưu truyền đến bây giờ nói lên việc nhà vua thạm gia trực tiếp và quan tâm đôn đốc thường xuyên công cuộc xây dựng thủ đô của nước Nga. Sau đây, xin trích một chuyện đã kể trong sách "Hạnh Phúc Trong Tầm Tay" của Inna Malkhanova:

"Piôtr Đại Đế xây dựng thủ đô mới trên bờ sông Neva. Có một bận, Ngài đi vi hành thị sát xem mọi người làm việc như thế nào. Ngài cải trang thành thường dân và bí mật vào thành. Ngài gặp một đoàn ngựa thồ. Thấy người đánh xe ngựa nào Ngài cũng đặt cùng một câu hỏi: "Ông đang làm gì ở đây vậy?" Những người này trả lời Ngài như sau:

Người thứ nhất: Tôi đang chở đá, ông không thấy à!

Người thứ hai: Tôi đang làm việc để nuôi gia đình tôi!

Người thứ ba: Sao ông lại hỏi thế?! Tôi đang xây nhà thờ Thánh Isaak mà!

Người thứ tư: Ông có tưởng tượng được không, tôi đang xây thành phố trên bờ sông Neva!

Người thứ năm: Tôi đang trổ một cửa sổ sang châu Âu đây!

Và lúc ấy, Nga hoàng Piôtr Đệ Nhất quyết định để người thứ nhất vẫn làm đánh xe ngựa thồ, ban cho người thứ hai làm chủ thầu xây dựng, người thứ ba làm trợ lý kiến trúc sư, người thứ tư làm trợ lý cho thị trưởng và người thứ năm làm trợ lý cho Ngài."

Giai thoại đó cho ta thấy nhà vua biết đánh giá chính xác tầm nhìn, cũng như nhân cách của mỗi người, trên cơ sở đó mà giao công việc cho họ. Nhờ sử dụng khéo và huy động tốt năng lực của mọi người nên việc xây dựng thành phố chóng thành công. Khi xây dựng xong, thành phố mang tên là Sankt Peterburg (nghĩa là: thành phố Piôtr) để ghi công người sáng lập. Đến năm 1914, thành phố lại đổi tên là Petrograd, nhưng ý nghĩa vẫn như cũ (1). Năm 1917, những người cộng sản Nga dưới sự lãnh đạo của Lenin đã cướp chính quyền ở thủ đô, thiết lập nền chuyên chính vô sản và chế độ cộng sản cực quyền toàn trị trên cả nước Nga. Sau khi Lenin chết vào năm 1924, Stalin và Đảng cộng sản đã tự ý thay đổi tên thành phố thành Leningrad (tức là thành phố Lenin), mặc dù Lenin chẳng hề có chút công trạng nào trong việc tạo lập thành phố cả, trái lại ông đã gây ra quá nhiều bạo hành, tiêu diệt tinh hoa của thủ đô Nga bằng cách giết hại trí thức ưu tú, còn những người có tiếng tăm lớn thì trục xuất ra khỏi nước. Sau cuộc Cách mạng dân chủ tháng 8.1991, chế độ cộng sản xô viết bị sụp đổ và ĐCS Liên Xô tan rã, thị trưởng thành phố Leningrad bấy giờ là Anatoli Sobchak đã tổ chức trưng cầu dân ý toàn thể cử tri thành phố về việc nên giữ lại tên Leningrad hay trả lại tên nguyên thuỷ cho thành phố. Được sự chấp thuận của đại đa số cử tri, từ năm 1991,

cố đô của nước Nga lấy lại tên cũ là Sankt Peterburg mà ĐCS đã tiếm đoạt một cách vô lý suốt 67 năm. Công lý đã được khôi phục theo đúng ý nguyện của dân chúng.

Trông người lại ngẫm đến ta! Sài Gòn thân yêu của chúng ta ra đời trước Sankt Peterburg vài chục năm, nếu lấy thời điểm địa danh Sài Gòn được ghi vào sử sách (tháng 4 năm 1674) coi như ngày sinh thành phố. Sài Gòn được xây dựng lên nhờ công lao của nhiều sắc dân — người Việt, người Hoa, người Khmer... và cả người Pháp nữa. Lai lịch hai chữ Sài Gòn đến nay vẫn chưa xác định được (2), chứng tỏ rằng địa danh này là một sáng tạo dân gian trải qua trên ba thế kỷ và đã trở thành quen thuộc, thân thương với mọi người. Từ năm 1788, Sài Gòn trở thành nơi buôn bán sầm uất, đông đúc cư dân. Cuối thế kỷ 19, công cuộc đô thị hoá được mở rộng và sang thế kỷ 20 Sài Gòn đã trở thành "Hòn ngọc Viễn Đông." Lịch sử đô thành Sài Gòn gắn liền với lịch sử Đất Nước. Sài Gòn cũng đã phải trải qua những đau thương giống như những đau thương chung của Đất Nước. Sau ngày 30.4.1975, khi những người cộng sản chiếm được Sài Gòn và đặt nền thống trị trên cả nước thì Sài Gòn cũng đã bị cướp mất tên và bị áp đặt một cái tên mới là thành phố Hồ Chí Minh, trước sự ấm ức, uất hận của người dân Sài Gòn và sự ngỡ ngàng của nhân dân cả nước.

Có lẽ cho đến nay không mấy người Việt Nam biết được ĐCS Việt Nam quyết định đổi tên Sài Gòn thành thành phố Hồ Chí Minh là từ bao giờ? Nhiều người nghĩ là từ sau ngày 30.4.1975. Cũng đúng nhưng chưa hoàn toàn đúng! Hôm nay, chúng tôi xin "bật mí" về những điều được biết và xin nói ra với tất cả trách nhiệm của mình. Chắc nhiều bạn đọc còn nhớ, sau trận Điện Biên Phủ, Tố Hữu có làm bài thơ "Ta Đi Tới" (1954), trong đó có đoạn sau:

"...Ai đi Nam Bộ
Tiền Giang, Hậu Giang
Ai vô thành phố
Hồ Chí Minh
Rực rỡ tên vàng"... [3]

Hồi những năm 50 thế kỷ trước, dường như nhiều người chỉ đọc lướt qua, ít ai để tâm suy nghĩ "thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng" đó là thành phố nào ở miền Nam vậy? tại sao Tố Hữu "lăng-xê" cái tên mới lạ ấy lên? mà lại "lăng-xê" vào thời điểm 1954?

Hồi đó, Tố Hữu chỉ là trưởng ban tuyên huấn trung ương đảng thôi, ông không có quyền phát ngôn về những việc tương tự, nhưng ông là một nhà thơ "cung đình" khi "nghe hơi nồi chõ" mấy ông trong Thường Vụ TƯ (sau này gọi là Bộ chính trị) trao đổi với nhau về việc đổi tên Sài Gòn thì ông mới dám mạnh tay viết như thế. Về cái tài làm thơ nhờ "nghe hơi nồi chõ" của Tố Hữu thì sau này chính ông cũng đã thú nhận (4). Nhưng, hồi đó chưa có quyết định chính thức của ĐCS. Đến năm 1960, Bộ chính trị (BCT) mới chính thức bàn và quyết định về việc đổi tên thành phố Sài Gòn. Chúng tôi biết được điều này là do trong chương trình nghị sự cuộc họp của BCT hôm đó có mục Hà Nội báo cáo tình hình thành phố. Như mọi khi, ông Trần Danh Tuyên, bí thư thành uỷ đến báo cáo với BCT và hôm đó được ngồi nghe bàn cả một vấn đề khác. Sau khi đi dự họp về, ông Tuyên có kể lại cho thường vụ thành uỷ về quyết định của BCT đổi tên Sài Gòn. Chúng tôi có hỏi: "Thế Bác Hồ có ý kiến gì không?" Ông Tuyên trả lời: "Bác đồng ý, nhưng có dặn là chưa nên nói ra khi thành phố chưa ở trong tay mình." Thế là rõ, quyết định đổi tên Sài Gòn là từ năm 1960, và trong việc quyết định đó có ông Hồ Chí Minh tham gia. Ông rất muốn được như Lenin, lưu danh mình muôn thuở! Bây giờ thì nhiều người đều biết rằng đã từ lâu ông Hồ Chí Minh rất thích tôn vinh mình, bằng chứng là chính ông đã bịa tên một "nhà báo nổi tiếng" Trần Dân Tiên để tự mình viết về mình và tha hồ tung hô mình (5). Đó là chuyện có thật không còn che giấu được nữa.

Nhưng thành phố Sài Gòn có đáng phải mang danh một người chẳng làm được việc gì cho Sài Gòn cả, hơn nữa một người đã từng đem lại bao nhiêu đau thương cho Dân Tộc hay không? Vấn đề chính là ở chỗ đó!

Đánh giá toàn diện về ông Hồ Chí Minh, công và tội của ông đối với Dân Tộc và Đất Nước - chắc chắn Lịch Sử rồi đây sẽ có điều kiện để làm một cách bình tĩnh, công bằng, khách quan và nghiêm túc. Chẳng hạn, trách nhiệm của ông trong việc Việt Minh (ĐCS) tàn sát những lãnh tụ, đảng viên và quần chúng các đảng phái có cùng mục đích giải phóng dân tộc, cũng như giết hại các vị lãnh đạo và tín đồ các tôn giáo, trách nhiệm của ông trong việc gây ra cuộc chiến tranh Bắc-Nam huynh đệ tương tàn làm chết khoảng một chục triệu sinh

mạng con dân Việt Nam, trong đó có chừng bốn triệu quân nhân của cả hai phía, v.v... Những việc đó, rồi đây các nhà sử học sẽ trình bày đầy đủ chứng cớ để xét đoán công minh.

Nhưng thiết tưởng có một vấn đề mà trách nhiệm của ông Hồ Chí Minh quá rõ ràng là cuộc cải cách ruộng đất (CCRĐ) ở miền Bắc Việt Nam hồi những năm 1953-1956 làm trên một trăm ngàn người chết oan. Về số người bị giết trong CCRĐ, người viết nhân đây xin nhận thức của Hà Nội cho biết là 123.266 người về sau được chính thức xác nhận là oan, tức là 71,6%!7 Riêng về địa chủ cường hào gian ác tỷ lệ sai lên đến 77, 4%, cụ thể là trong số 26.453 người bị quy là địa chủ cường hào gian ác thì có 20.493 người được xác nhận là oan! Như vậy, CCRĐ rõ ràng là một cuộc tàn sát hàng loạt người dân vô tội, về thực chất là một cuộc diệt chủng vì kỳ thị và hận thù giai cấp (8), và như thế là một tội ác đối với loài người!

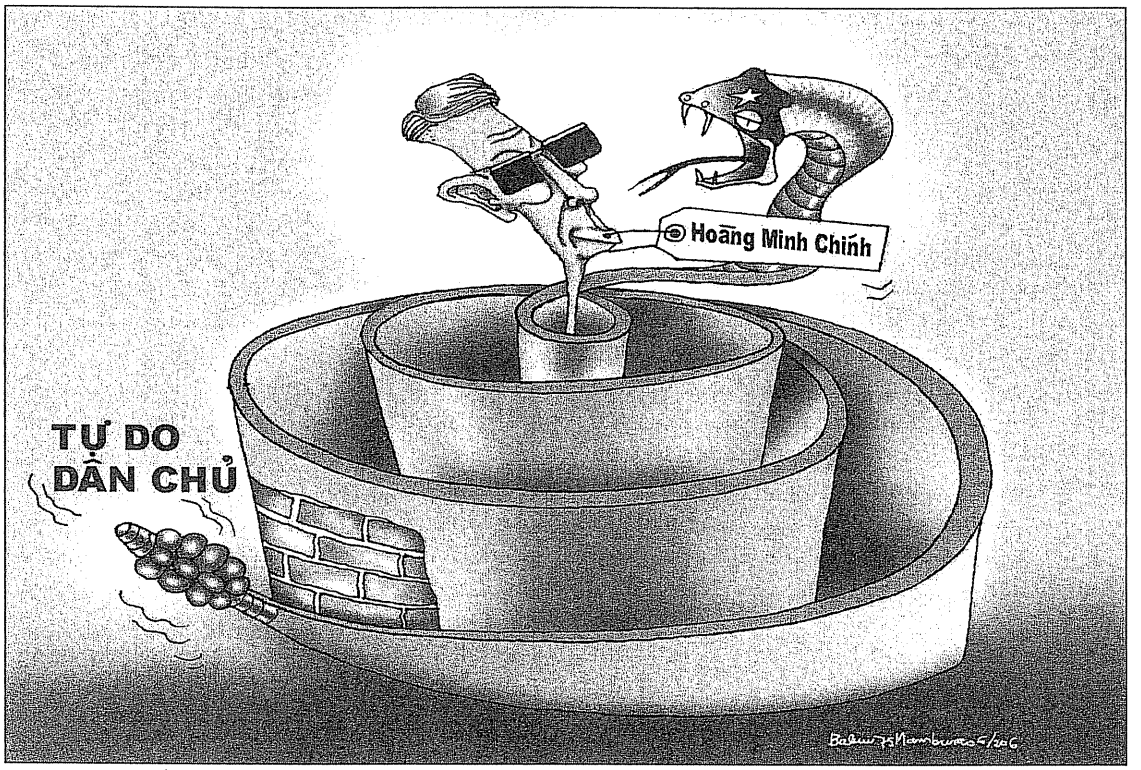

một thiếu sót là trong bài báo hồi năm 2002 về CCRĐ đã đưa ra một phán đoán quá thấp, là chừng năm-sáu nghìn người. Gần đây, ông Võ Xuân Minh đã đưa ra dẫn chứng, dựa trên tài liệu đã công bố trong sách "Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam 1945-2000" do Viện Kinh tế Việt Nam xuất bản — ghi rõ là trong CCRĐ 172.008 người đã bị xét xử (trong sách không ghi rõ là bị giết), nhưng ông Minh đã phân tích có cơ sở vững chắc là CCRĐ được thực hiện ở 3.563 xã với 10 triệu dân số, theo tỷ lệ đã quy định trước là 5% địa chủ (những dẫn liệu này có ghi rõ trong sách đó) thì con số gọi là "địa chủ" phải là 500.000 người, vì thế phải hiểu rằng số 172.008 người này chính là số đã bị giết (6). Trong số 172.008 người này thì cũng theo tài liệu chính

Trong cuộc CCRĐ này, ông Hồ Chí Minh là người phải chịu trách nhiệm chính — đúng như lời ông Vũ Đình Huỳnh, người thư ký riêng của ông Hồ, đã nói. Vì rằng ông Hồ thời ấy vừa là chủ tịch ĐCS, vừa là chủ tịch nước, trước quốc dân đồng bào chính ông phải gánh chịu món nợ máu lớn lao đó, chứ không phải ai khác. Nói cụ thể hơn thì chính ông Hồ đầu năm 1951 đã đến Moskva để nhận chỉ thị của Stalin và Mao Trạch Đông (9) (lúc đó cũng có mặt ở đấy) về nước làm CCRĐ. Chính ông đã cùng với BCT ĐCS chuẩn bị về mọi mặt trong hai năm (1951-1952) để làm CCRĐ mà họ gọi là "cuộc cách mạng long trời lở đất." Chính ông đã mời các chuyên gia Trung Quốc sang giúp ĐCS Việt Nam làm CCRĐ. Chính ông đã đọc báo cáo và

chủ trì hội nghị TƯ lần thứ tư khoá II đầu tháng 1.1953 bàn và quyết định về CCRĐ, đã đọc báo cáo về nhiệm vụ làm CCRĐ tại kỳ họp thứ ba của Quốc hội khoá I Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 1.12.1953, sau khi Quốc hội thông qua Luật CCRĐ ngày 4.12.1953 thì ông Hồ với tư cách chủ tịch nước đã ra sắc lệnh ban hành Luật này. Trong cuộc làm thí điểm CCRĐ ở sáu xã thuộc huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên thì chính ông Hồ đã đồng ý hoặc ít nhất là không phản đối việc thi hành án tử hình với bà Nguyễn Thị Năm, một người yêu nước, hoàn toàn vô tội (10). Hơn nữa, CCRĐ không phải diễn ra một ngày, một tuần, một tháng, một năm, mà diễn ra trong ba năm ròng rã, bao nhiêu tiếng khóc than của người dân và đảng viên vô tội, nhiều người thuộc cấp của ông đã trình báo cho ông, thế mà ông chủ tịch nước vẫn im lặng để cho các đoàn, các đội CCRĐ cứ lộng hành tàn sát dân lành. Có bao nhiêu việc động trời đã xảy ra, không thể nói là ông không biết, như chuyện thiếu tướng Vương Thừa Vũ, chủ tịch uỷ ban quân quản thành phố Hà Nội về thăm nhà ở làng Tó (Thanh Oai) ngoại thành Hà Nội bị đội CCRĐ bắt giữ (may mà sau đó đã được giải thoát), như chuyện ông Đặng Văn Hướng, bộ trưởng trong chính phủ của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hồi đó, được nghỉ phép, cùng với vợ về thăm nhà ở miền Trung, bị đội CCRĐ bắt giữ, truy đấu, đến nỗi cả hai ông bà phẫn uất quá, tự tử chết (11)... mà ông chủ tịch nước cứ im lặng đến nỗi ông Vũ Đình Huỳnh, thư ký riêng của ông đã phải thốt lên: "Máu đồng bào đồng chí đã đổ mà Bác ngồi yên được à?" Sau này, khi tổng kết CCRĐ, ông có nhận là CCRĐ có nhiều sai lầm nghiêm trọng, nhưng một lời "nhận" như thế không thể nào xoá bỏ trách nhiệm của ông được.

Đem tên một người có trách nhiệm chính và rất lớn đối với một cuộc diệt chủng khủng khiếp như vậy để áp đặt cho thành phố Sài Gòn là một sự đại bất kính đối với tiền nhân đã dựng nên đô thành xinh đẹp này, là một sự phỉ nhổ, chà đạp lên tâm hồn những người Việt Nam yêu nước, thiết tha yêu mến Sài Gòn. Chính vì thế đại đa số dân chúng Việt Nam đâu có chịu thừa nhận cái tên áp đặt đó, vì thế trong đời sống thường nhật người ta vẫn ngang nhiên dùng tên Sài Gòn như cũ. Đây chính là tinh thần đề kháng có tính quần chúng đông đảo, là một cuộc đấu tranh nhẹ nhàng, hoà bình nhưng quyết liệt, dai dẳng kéo dài đã trên 30 năm rồi để chống lại cường quyền.

Với tinh thần đề kháng này, chúng ta có thể tin chắc rằng sớm muộn thì Sài Gòn sẽ giành lại cái tên đích thực của mình. Và lúc đó Đất Nước ta nhất định sẽ chuyển hoá từ thể chế độc tài toàn trị sang thể chế dân chủ chân chính.

Chú thích:

1. "Petro" cũng là Piôtr, Peter hay Pierre, còn "grad" là thành phố.

2. Các học giả xưa nay đã đưa ra rất nhiều cách giải thích khác nhau, người thì cho chữ Sài Gòn do chữ Prei Kor gốc Khmer, có nghĩa là "Củi gòn"; người thì cho do chữ Tây Cống, mà người Hoa phát âm là "Xây Ngòn", người thì cho do chữ Đề Ngạn, người Hoa phát âm là "Thầy Nguồn", v.v... nhưng đến nay chưa có giải thích thoả đáng được mọi người nhất trí.

3. Có người cho biết, trong bản in năm 1965, Tố Hữu không cho đoạn thơ này vào bài "Ta Đi Tới" nữa. Chắc là dựa theo ý kiến của ông Hồ Chí Minh khi BCT quyết định đổi tên Sài Gòn hồi năm 1960. Việc Tố Hữu sửa chữa thơ của mình dựa theo ý kiến người khác là chuyện ông ta thường làm.

4. Xem cuốn "Chân Dung Và Đối Thoại" của Trần Đăng Khoa.

5. Xem sách "Những Mẩu Chuyện Về Đời Hoạt Động Của Hồ Chủ Tịch" của Trần Dân Tiên.

6. Xin ghi thêm để tham khảo: Trong sách *J'ai vécu dans l'Enfer Communiste du Nord Vietnam* của Gerard Tongas, một giáo sư người Pháp ở lại Hà Nội cho tới năm 1959, NXB Les Nouvelles Éditions Debress. Paris, 1960, tác giả viết "Kết quả của cuộc tàn sát kinh khủng này là một trăm ngàn người" (tr.222) [ghi lại từ sách "Từ Thực Dân Đến Cộng Sản" của Hoàng Văn Chí, tr.225].

7. Xin nói rõ, ngay cả 48.742 người trong số 172.008 , tức là 28,39% mà tài liệu chính thức của Hà Nội cho là không oan, "đáng tội" thì cũng chưa chắc đã đúng, vì toàn bộ cuộc CCRĐ ở miền Bắc nước ta là rập khuôn theo mẫu mã CCRĐ của Trung Quốc, hoàn toàn xa lạ với hoàn cảnh Việt Nam, như vậy là đã sai từ gốc rồi, lại thêm sự thi hành hết sức tuỳ tiện theo nguyên tắc "thà sai hơn bỏ sót" của cán bộ các đội.

8. Có những cuộc diệt chủng vì kỳ thị chủng tộc thì người chủng tộc này tàn sát chủng tộc khác, còn những cuộc diệt chủng vì kỳ thị giai cấp thì một bộ phận của dân tộc tàn sát một bộ phận khác mà họ cho là không cùng giai cấp. Trong cuộc CCRĐ ở miền Bắc thì đúng là người Việt Nam giết hại người Việt Nam mình vì kỳ thị giai cấp!

9. Hồi đó, ông Hồ Chí Minh và ĐCS coi Stalin và Mao Trạch Đông là lãnh tụ cách mạng thế giới, hết sức tin tưởng và ra sức chấp hành mọi chỉ thị của hai ông này. Về sau loài người tiến bộ đã nêu rõ: cùng với Hitler, Stalin và Mao Trạch Đông là những tên bạo chúa khủng khiếp nhất của thế kỷ 20, mỗi tên đã giết hại hàng chục triệu người. Chỉ có một khác biệt là Hitler tàn sát chủ yếu là dân tộc khác, nhất là dân Do Thái, còn Stalin và Mao Trạch Đông thì tàn sát chủ yếu là dân tộc nước mình.

10. Khi làm thí điểm CCRĐ ở huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên thì BCT trực tiếp chỉ đạo, về sau các án tử hình đều do các đoàn uỷ CCRĐ tự quyết định.

11. Ông bà Đặng Văn Hướng có người con trai Đặng Văn Việt, là đại tá, đã lập chiến công trong chiến dịch Biên giới, hiện ở trong nước.

Những Vấn Đề và Thách Thức Của Thời Đại

TRẦN NGỌC NINH

LTS. *Vào tháng Bảy năm 2006, ở Sài Gòn sẽ có một Đại Hội Phật Giáo mở ra tại Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam (716 Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận). Đề tài của Đại Hội là: Những vấn đề và thách thức của thời đại.*

Giáo sư Trần Ngọc Ninh (hiện ở tại California, Hoa Kỳ) được mời tham dự Đại Hội này, nhưng vì không đích thân đi Việt Nam được, nên đã viết hai bức thư cho giáo sư Lê Mạnh Thát, tức Thượng Tọa Thích Trí Siêu, để đóng góp ý kiến về đề tài của Đại Hội. Sau đây là nguyên văn của hai bức thư đó được đăng tải như hai phần của một bài viết, và Tòa soạn đã mượn đề tài của Đại Hội, "Những vấn đề và thách thức của thời đại" để làm tựa đề chung cho bài viết này.

30 - 01- 2006
Kính gửi
T.T Thích Trí Siêu – Lê Mạnh Thát

Kính bạch Thượng Tọa,

Chúng tôi vừa mới nhận được thư mời Hội thảo của Thượng Tọa thay mặt Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam. Là một người chỉ mới học Phật, lại đã rời bỏ quê hương từ gần đúng ba mươi năm, tôi không dám tham luận hay thuyết trình và cũng không thể có mặt dự cuộc hội thảo rất quan trọng này. Tuy nhiên, vì tinh thần trách nhiệm tôi cũng xin đóng góp một vài ý kiến riêng tư thô thiển gửi đến Thượng Tọa để Thượng Tọa và Ban Tổ chức Hội Nghị hoàn toàn tùy nghi sử dụng. Tôi sẽ không nói gì đến chính trị và Chính quyền, vì sau khi rời nước, tôi đã nguyện chỉ nói chính trị với những người hay đoàn thể có trách nhiệm hay với toàn thể nhân dân, nhưng tất nhiên không thể tránh được sự gián tiếp đụng chạm nếu có người cho rằng không có một lời nói hay một hành động gì của một cá nhân nào không có một khía cạnh chính trị và một sắc thái giai cấp.

Tôi xin phép vào đề ngay và sẽ phát biểu rất vắn tắt, không biện luận vì mỗi vấn đề là cả một cuốn sách nếu không là một tủ sách, và không có một vấn đề nào thu hẹp được trong một không gian hay thời gian giới hạn.

Thế giới của Việt Nam xưa --gọi là xưa nhưng cách đây cũng không lâu, có chân trời ở Yên-kinh, rồi ở Paris mà ta gọi là Ba-lê vì chưa ra khỏi sự đô hộ trí thức của Trung Hoa Khổng Mạnh. Nay chân trời chỉ mới đổi chiều nhưng vẫn bị một bức tường thành chặn tầm mắt và tư tưởng. Nhưng thế giới mà Đức Phật gọi là Cõi người vì đã thấy rằng nó có giới hạn --đang khép lại, và không những rằng nó bao vây ta, nó sẽ, nó đang xâm nhập ta. Đó là một sự đáng mừng, nhưng không có một sự đáng mừng nào không tạo ra những ưu phiền và lo âu, tạm gọi là vấn đề. Một vấn đề là một vấn đề, một câu hỏi vĩnh viễn không giải đáp cho đến khi có một vấn đề khác.

Tôi tạm ra khỏi Việt Nam ở thời nay. Vì rằng những người chết vẫn sống với chúng ta và quá khứ vẫn mờ mịt cả hiện tại.

Bỏ ra ngoài những văn minh đã chết hay bị dìm chết, (nhiều nền văn minh sáng lạn hơn Việt Nam) và thu hẹp nhãn quan vào châu Á-Âu (về địa lí, Âu châu chỉ là một cái mỏm cực Tây của đại lục Á châu), chỉ có hai địa hạt tinh thần, một là giải đất rộng từ India (tôi xin phép dùng những địa danh quốc tế không qua cái lăng kính của hoa ngữ) từ India đến bán đảo Greece qua khu vực Tiểu Asia; hai là châu thổ Hoàng hà và Dương tử. Trong một thời đại kì diệu mà có một triết gia (tôi lại xin phép không kể tên cũng không dẫn chứng) gọi là "thời trục," ở hai khu vực này đã có những vị thượng-trí-thức xuất hiện để hướng dẫn nhân loại: Zarathustra, tác giả vô danh của ba cuốn Upanishads (Áo nghĩa thư) đầu tiên, Đức Phật Sakya, Mahavira Jina, Socrat, Plato, Aristot, Jesus rồi Mohamet, ở địa hạt thứ nhất; Khổng Khâu, Lão Đan (?), Mặc Tử, Trang Châu ở Trung Hoa. Tất cả các vị này, tuy mỗi vị có một giáo lí hay một học thuyết riêng, nhưng cũng

đều chịu ảnh hưởng của những luồng tinh thần ngầm của các dân tộc địa phương mà ngày nay không còn ai biết rõ. Trong địa hạt India-Greece, cái giòng chính là dùng sự luận lí để đi tìm chân lí, từ cái gốc ấy đã mọc ra khoa logic và triết lí, và một cái chồi nữa là algorith, toán học với khoa học. Trong địa hạt hoa ngữ, giòng chính là sự đi tìm "đạo" để tạo ra nền trật tự gọi là "bình thiên hạ" từ cái gốc ấy, kĩ thuật đã nảy nở mà không vào khoa học và triết lí cũng không phát triển được. Đến đời Hán thì một "đạo" được chính quyền chọn là chính thống và các tranh luận của Bách gia chư tử bị cắt đứt, cho đến khi Đạo Phật du nhập vào. Đạo Phật lúc ấy đã qua thời đại Nagurjuna (Long Thọ) và Asanga -Vasubandhu (Vô Trược - Thế Thân) đã phải chuyển di sang Trung Hoa để tránh nạn diệt vong. Lúc đầu phải chấp nhận không những là một số ngôn từ của tư tưởng Hán mà cả một vài chế độ của xã hội Hán (tục thờ cúng tổ tiên, đức hiếu, sự biến Moggallana thành Mục Kiền Liên, sự dìm địa vị của người đàn bà), Đạo Phật chinh phục cả cõi Đông Á. Thiền đạo từ Tổ Huệ Năng, không những đã chuyển từ Lăng già mà Bồ-đề Đạt-ma (Bodhi-Dharma) mang tới, sang Kinh Kim cương, mà còn thu nhập phép Tĩnh Tâm để biến Thiền Như Lai và Diện Bích Thiền thành Thiền của Tổ và bắt đầu lập ra những công án như Trang tử. Tôi nhắc lại những chuyện xưa này chỉ để nói rằng trong lịch sử (không phải là lần thứ nhất) Đạo Phật đã dung hóa mà còn tự hóa để hoằng đạo. Đó là cái Đức lớn của Đạo. Sau đó thì chính Khổng giáo cũng phải thay đổi. Chu Hi, Trình Hạo rồi Vương Dương Minh cùng đều nhiễm Duy Thức học để lập ra Tân Khổng giáo đời Tống và đời Minh. Cho đến thời nay. Tất cả các đạo cũ, của hơn hai ngàn năm lịch sử, đều bị cấm vì đã có một đạo mới lên ngôi thượng tôn. Cũng vẫn ở trong truyền thống Trung Hoa là chối từ sự tìm chân lí và bản thể bằng logic mà thôi. Gần đây, báo chí quốc tế đăng tin rằng võ thuật Thiếu Lâm tự lại được phục sinh. Thiền Thiếu Lâm là Thiền Bắc tông, tôi gọi là Thiền dấn thân, Thiền của các thiền sư cầm thiền trượng đi hành hiệp, có khi trong các Bang Hội buôn muối. Hãy cẩn thận. Đây có thể chỉ là để diệt một phái Phật giáo dấn thân mới thành lập. Tôi xin ngưng bút tuy là chuyện nước khác.

Thế giới cũ dễ lắm. Chỉ có chuyện với lân bang. Mà lân bang dù lớn đến đâu, thì đại khái cũng chỉ hơn ta một chút. Lâm trận thì cũng cầm cây giáo, cây qua, và đỡ bằng cái khiên mộc. Chiến thuyền thì bằng gỗ, cọc tre có thể đâm thủng.

Thế giới biến đổi khi từ một nửa trái đất xa, có những chiến hạm bịt sắt, chạy hơi nước, có súng đại bác lắp trên, đến cửa bể của ta. Hai mươi người lính đánh thuê có súng, đủ để hạ thành Hà-nội và chiếm cả Bắc Hà. Đó là chuyện của ngày hôm qua.

Ngày hôm nay, chúng ta đã sang một kỉ nguyên khác nữa. Từ Bắc cực hay từ một lục địa khác, người ta có ý thức hệ đường mật, có tiền tài, có nhạc rock, có tivi, có computer... để dỗ dành, để quyến rũ, hỏi ai là người mà không ham? Là vì trong bụng con người, lòng người thì ngắn mà lòng lợn thì còn dài lắm.

Đó là mối đe dọa lớn nhất, không những cho dân tộc, không những cho nước, mà trước nhất là cho Đạo. Tức là cho Con Người. Kể cả con người của các siêu cường quốc.

Tôi là một người ở trong khoa học. Tuy rằng Y học trong thực tế chỉ là một khoa học áp dụng, nhưng gần đây đã có những căn bản khoa học vững chãi. Và không bao giờ tôi mất tin ở khoa học. Khoa học và một phần nào, cả kĩ thuật nữa là một yếu tố lớn để giải thoát tri thức của con người.

Nhớ lại, vào khoảng 1970, tôi được mời vào ban Giáo sư Trường Đại học Vạn Hạnh. Năm đầu tôi được giao cho đề tài: Đạo Phật và Khoa Học. Lúc ấy, tôi chẳng biết gì về Đạo Phật tuy rằng tôi đã thờ Phật từ Thế kỉ thứ Mười Hai. Tôi bắt đầu học Phật để đi tìm lại tôi và tôi đọc Đại Tạng, qua Trường Bộ Kinh (mới có quyển đầu) và bản dịch Anh ngữ của Hội Pali Văn Bản. Đức Phật dạy tôi rằng phải đổi lại đề tài đi. Và tôi giảng về: Khoa học và Kĩ thuật có hợp với tinh thần Phật giáo hay không? Tôi vẫn nghĩ rằng đó là một vấn đề then chốt trong thời đại. Mục đích thứ hai của Hội thảo trong tương lai phải là sự phán xét của Phật giáo về khoa học hiện đại, phương pháp, thành quả, khuynh hướng, chứ không phải là "thảo luận một cách khoa học về những vấn đề của Phật giáo."

Nhưng ở tình trạng khoa học của đầu thế kỉ 21, vấn đề lại thay đổi, vì những khám phá mới không đi ngược lại những hé lộ trong Kinh Phật. Tôi chỉ kể ba điểm.

Thứ nhất là ba điều căn bản: 1. Về luận lí logic, Godel chứng minh rằng trong bất cứ một hệ định đề nào của toán học, cũng có những

điều không thể chứng minh cũng không thể phủ nhận bằng chính những định đề của hệ thống; 2. Về vật lí, không thể nào xác định được cùng một lúc vị trí và tốc độ của một hạt (Heisenberg); 3. Không có cách nào theo rõi được sự biến đổi của một hệ thống từ một thể có-cơ-cấu chuyển thành hỗn độn (chaotic). Sắc tức thị không, không tức thị sắc.

Hai. Chính Đức Phật giảng về sự nở và sự co rút của các vũ trụ, một điều mà Einstein không dám nhận và đã được chứng minh, ít ra là cho vũ trụ của chúng ta, rồi đưa đến thuyết bùng nổ lớn nguyên thủy (Big Bang). Và Kinh Hoa Nghiêm nói về cái mạng lưới của Indra để giữ các thiên hà và các tinh tú trên trời, một hình ảnh của những siêu thằng (superstrings) trong thuyết mới nhất về thiên thể học.

Ba. Cấu trúc vòng xoắn kép (Double helix) của DNA để giải thích luật di truyền mà Đức Phật nhận là có, trong khi khoa học huyền bí Á Đông còn truyền những thoại vô căn cứ về địa lí.

Đến đây tôi thấy rằng bức thư này đã quá dài. Tôi xin phép kết thúc bằng một lời mong ước. Là trong một thời đại mới trước tất cả những vấn nạn mới của con người trong thế giới và ở Việt Nam, Giáo Hội cần có một lớp tăng ni mới, không những là hiểu giáo lí như T.T Tuệ Sỹ và các Thày đã luôn luôn nhắc nhở, mà còn có cái học ngoài đời. Không cần phải đi đến những công thức và phương trình (bình quân) toán học, lí hóa, hay những thống kê phiền phức, nhưng phải cố hiểu được những điều căn bản về xã hội, tâm lí, sinh học, môi trường... và cả đến những vấn đề trai gái, sinh đẻ, giáo dục, phá thai v.v... Tiếng nói của các tăng ni cho mỗi người vẫn còn có một sức mạnh thuyết phục rất lớn.

Và đối với Giáo Hội, nên có một thái độ tích cực thực tiễn về những vấn đề lớn như tư bản và bố thí, tham gia, cộng tác và đạo đức nghề nghiệp, ma túy và những sản phẩm khiêu dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ vị thành niên, bệnh AIDS (SIDA) và các bệnh hoa liễu... tùy theo thời cuộc. Sự tham khảo ý kiến của các phật tử hữu học là một việc phải thường xuyên và nên nuôi dưỡng.

Tôi sợ rằng trong sự nhiệt thành, có lúc tôi đã đi quá xa. Nhưng tôi nghĩ rằng trong bất cứ hoàn cảnh nào, một tôn giáo lớn của dân tộc, đã tự chứng trong lịch sử, cũng là một sức mạnh tinh thần vô cùng xây dựng và luôn luôn hiệu quả.

Trần Ngọc Ninh
(Hoa Kì)

Thưa Thượng Tọa.

Tôi rất mừng được thấy Thượng Tọa vẫn mạnh, vẫn đóng góp nhiều cho Đạo Pháp và xứ sở, dân tộc. Xin chúc cho buổi Hội Thảo thành công, nhân dân trong nước và ngoài nước đều hưởng ứng Giáo Hội vĩnh cửu bình an.

Thân kính.

*

Tháng Hai, 2006
Kính gửi Thượng Tọa Trí Siêu

Thưa Thượng Tọa:

Trước hết tôi xin Thượng Tọa thứ lỗi cho vì vẫn gọi Thượng Tọa với chức cũ và tên cũ. Đối với tôi một Thượng Tọa mà tôi biết mãi mãi là một Thượng Tọa, bất kể nay là gì, để giữ được mối thân tình xưa. Sau nữa, là vì không về dự Đại Hội Nghiên Cứu Phật Học được và chỉ viết thư riêng về Thượng Tọa chứ không có bài tham luận.

Bữa nay, vừa lễ Phật xong, bỗng nghĩ đến một vấn đề là một nguyên nhân của hận thù và chiến tranh trong quá khứ và còn lâu hơn nữa trong tương lai, mà Đức Thế Tôn xưa, từ hơn 25 thế kỉ trước, đã nói ra và đã chỉ dạy đường lối để giải tỏa, là sự chênh lệch càng ngày càng lớn sâu giữa người có và người không, nước có và nước không, và có lẽ giai cấp có và giai cấp không...

Tôi không nói gì đến sự có, sự không về tiền của và về phương tiện sản xuất hay phương tiện giết người. Càng nói đến những điều này, càng gây thêm sự thù hận, sự đổ máu, cách mệnh, khủng bố và gì nữa mà đời chúng ta chưa biết. Giải quyết vấn đề bằng tàn bạo, thanh toán không giải quyết được gì cả, vì hận thù không những gọi hận thù mà còn tích lũy lên và truyền đời theo luật danh dự của đời phong kiến mà đời nay chưa xóa bỏ. Tôi không kể những thí dụ hiển nhiên của lịch sử cận đại.

Tôi nghĩ đến cái hố sâu giữa sự có và sự không về sự hiểu và sự biết-làm (know-how). Một bên là cái thế giới nắm giữ khoa học và kĩ thuật học ở đó sự hiểu biết chỉ có một giới hạn là trời xanh; một bên là cái thế giới rải rác được gọi một cách khinh bỉ che đậy là Thế giới Thứ Ba. Cái vực sâu thăm thẳm ấy không chỉ ở trên bình diện trái đất không thôi mà ở ngay trên đất nước của ta (và ở trong xã hội của ta, nhưng tôi xin phép không nói đến sự chênh lệch giữa những người

"có học" và những người thiếu học, tuy cũng là người Việt Nam gốc). Nói một cách vắn tắt và thu gọn, những người "có" tự coi là lớp trên, giới "hữu học," giới "thượng lưu," và coi thường những người "không" là quê mùa, mọi rợ, thấp kém, hạ tiện.

Về phương diện triết lí, sự phân biệt ấy là sự tồn tại và biến chất của một nét tâm lí bộ lạc được gọi là "cái khác" (l'autre, the other) hay "cái không ta." Những người của một bộ lạc gặp một bộ lạc khác thấy rằng họ khác mình; mình đội khăn lông chim trĩ, thắt lưng lá gồi, xâm mình chim cút; họ đội khăn có cái lông công, thắt lưng lá cọ, xâm mình con rắn; mình nói như chim di, họ nói như chim chích. Trong tiếng ta, ta tự xưng là "người", họ là "kẻ" (kẻ kia), xa hơn nữa là "mán," là "mọi." Trong tiếng tầu, người tầu tự xưng là Hoa, là Thương, là Chu, là Hán, còn ngoài ra thì là Di, là Nhung, là Man... Trong tiếng Hilạp mình là Grec, họ là Barbari. Hiện tượng học (Phenoménologic) suy tư rất nhiều về "cái khác." Có một điều phải nói ngay là thời thái cổ, những tên gọi ấy không có tính cách châm biếm hoặc khinh thị, mà còn có sự e dè kinh sợ. Người Hán nói đến dân Khuyển Nhung, Hung nô hay Nam Man như những kẻ địch đáng nể vì, chứ không phải là để coi thường. Vạn Lí Trường Thành còn đó để chứng tỏ sự đe dọa của các bộ lạc miền Bắc. Người thời cổ văn minh hơn người đời nay ở chỗ ấy.

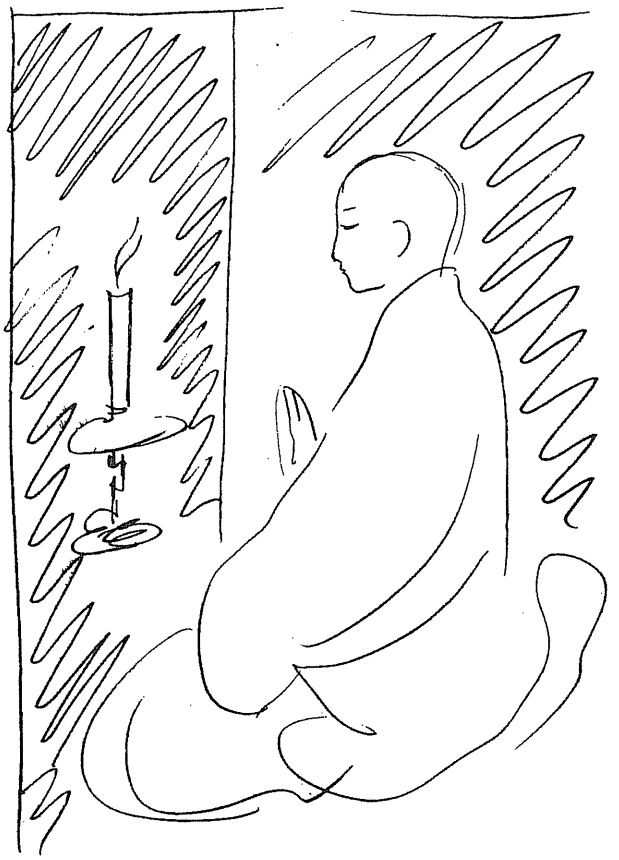

Thế giới văn minh ngày nay là một thế giới vô cùng tự kiêu. Trong ít nhất là hai thế kỉ vừa qua, Âu Châu nghĩ rằng họ là cái rốn của vũ trụ. Sự kiêu ngạo ấy được truyền sang Nhật Bản, rồi sang Nga khi Nga lập chế độ Cộng sản và đi vào sự công nghệ hóa triệt để. Trong hiện tại, Hoa Kì là siêu cường giàu mạnh và tân tiến nhất; họ đang tưởng rằng cả thế giới sẽ phải ở dưới chân họ. Chủ nghĩa Marx đã cáo chung, nhưng chủ thuyết Darwin xã hội vẫn còn dai dẳng: họ tin rằng mạnh được yếu thua, kẻ nào không đi được vào đời sống tiến bộ sẽ phải bị đào thải như những con vật tiền sử. Phong trào Tân Phát xít vẫn còn hoạt động dưới những trá-danh trong vài giới ở vài nước. Trong tinh thần Trung Đạo của Đức Thế Tôn, tôi lên án những chủ trương cực đoan, quá khích, sai lầm, tự tôn vô lối ấy. Tại sao sai lầm? Tại sao vô lối?

Quả đất là một trái cầu xoay nghiêng và quay lệch quanh mặt trời. Không biết vì lí do gì, đất tụ ở Bắc Bán cầu nhiều hơn là ở Bán cầu phía Nam, vì thế mà sự di động của các loài, thực vật cũng như động vật, có phần dễ dàng và giàu mạnh tại Bán cầu miền Bắc. Loài người nguyên thủy sinh ra là ở một vùng tại bờ đông của Phi châu nhiệt đới và chỉ có một loài ấy mà thôi. Có một hai sự đột biến của hệ Gen trong loài người ấy, nhưng trong tình trạng hiện tại các người sống trên mặt đất ngày nay là cùng một mẹ. Sau đó, có sự dị biệt trong loài là do sự thích nghi với thiên nhiên: địa chất, địa hình và khí hậu là những yếu tố liên tục rất mạnh mẽ. Có sự tranh đấu chủ yếu là trong và với thiên nhiên. Darwin không biết rằng sự tồn tại và bành trướng của loài người còn có những lí do tích cực chỉ thấy trong xã hội loài người, là sự cộng tác, sự tổ chức, và lòng từ bi Phật tâm có từ nguyên thủy.

Trong lịch sử, chúng ta thấy rằng ở Tây phương có khuynh hướng là phải thắng được thiên nhiên và nếu có thể sai khiến được thiên nhiên. Trong khuynh hướng này, tôi coi Ấn Độ của người Aryan (bắt đầu từ khoảng năm 5000 trước D.L), là thuộc về Tây phương. Còn ở Đông Á, ý-hệ chung là phục tòng, và cố gắng để hòa hợp với Trời Đất. Theo thiển ý, khuynh hướnh và ý hệ này phải được thành từ tiền sử. Có nguyên nhân gì không? Tất nhiên là phải có và có thể có nhiều nguyên nhân, nhưng chúng ta chỉ có thể dựng lên những giả thuyết. Ở Âu châu, với những người di chuyển từ Tiểu Asia lên, khí hậu lạnh nhưng cũng không quá lạnh, cho phép người ta chống lại sự rét mướt một cách hiệu quả. Còn ở Nam-Á và Đông Á, hai trận thiên tai long trời lở đất, trận núi lửa Krakatoa phun làm mờ gần nửa trái đất (75,000 năm trước) và trận nước bể dâng lên làm ngập khắp cõi Nam Dương (18,000 năm trước), thêm vào là những trận lụt hằng năm của các con sông lớn (xem huyền thoại Đại Vũ và Chử Đồng-tử) làm cho lòng người bắt buộc phải luôn luôn bất an.

Được hưởng một nền an ninh tương đối, con người ở Tây phương đã lập ra khoa Địa-kế (kỉ hà, Geometry) khoa Thiên văn, rồi khoa Logic ở Hi Lạp thái cổ và một niềm tin tuyệt đối vào Lí trí toán học với Descartes. Khoa học và sau đó, kĩ thuật đã phát triển một cách huy hoàng lấn áp cả tôn giáo. Với cái đồng hồ, cái tàu chạy hơi nước và những khẩu súng lớn, Tây phương đã thắng trên khắp mặt đất và đem chủ nghĩa tư bản hoặc chủ nghĩa đối nghịch cực đoan hơn đi gieo rắc vào các nước nghèo, không có súng và không có sự hiểu biết.

Đông phương đã đi vào nông nghiệp rất sớm, trước Âu châu cả ngàn năm; nhờ có một chút ổn định về kinh tế nên kĩ thuật cũng phát triển. Nhưng lũ lụt hằng năm tạo ra một tâm lí thờ phụng để cầu an. Tục thờ cúng Ông Bà trước hết là để có trong vĩnh cửu một sự che chở. Tục ấy rất sớm đã dẫn đến chế độ vương quyền. Vua trên lí thuyết, là người bố tối cao, nhưng trên thực tế, là người trị thủy. Đó là điều mà Karl Marx, gọi là đường lối kinh tế của Á Đông. Sự trị thủy đòi hỏi một quyền uy tuyệt đối để huy động dân ra đào kênh, đắp đê. Cho đến ngày nay, giờ phút này. Khổng tử đặt vấn đề "bình thiên hạ" là mục đích của đạo Nho, cũng là trong ý hệ ấy. Phải lập và giữ trật tự của nước. Trật tự và tôn ti. Quân, thần, phụ, tử. Người ta cũng có xây cầu cống, làm cửa cao nhà rộng, và có những gia tài địch quốc. Nhưng người ta chôn của và chỉ có vài quan niệm khoa học ấu trĩ về âm dương, ngũ hành. Ngày nay, sau những tang thương đổ vỡ kéo dài suốt thế kỉ vừa qua, quá khứ đã gần như bị xóa bỏ hẳn. Trung Quốc đã gia nhập cái thế giới "văn minh" của Tây phương, với tất cả những bệnh tật và mâu thuẫn bên trong của nó, cộng với những xung đột nội bộ của một xã hội rất kềnh càng phức tạp đang bị cưỡng bách thoát xác. Và một sự tự kiêu vô bờ, kết liên với một sự nuối tiếc cái thời còn là "nước giữa" của cõi người.

Nhìn về phía bên kia của cùng một trái đất (hay của cùng một nước), thấy cả một thái cực. Nhìn vào những đồng bào sơn cước của chúng ta. Hay xa ra một chút, đến vùng chân núi của Bangla Desh. Xa hơn nữa sang Phi châu: Somali, Ethiopia với những năm dài đói kém, bò cũng không có cỏ để ăn vì sa mạc cướp đất, châu chấu cướp lúa của người; những đất ở giữa lục địa, nắng xích đạo cháy da thịt, ruồi muỗi và côn trùng tranh thức ăn với voi và sư tử. Hoặc nhìn qua cái mênh mông của đại dương với những đảo Đen, đảo Đa rắc lơ thơ trong nước, sang đến Nam Mĩ, ở bờ sông Amazon thấy cái nhân loại nguyên sơ đã cách biệt loài người không biết bao nhiêu ngàn năm. Tôi không nói đến sự trần trụi, sự đói khổ, sự bệnh tật hiển nhiên của những người này. Chỉ biết rằng họ cũng là homosapiens sapiens (giống người hiểu biết) rằng họ cũng có cùng một tuổi là hơn hai triệu rưỡi năm từ khi loài tổ xuất hiện, như người Mĩ, người Pháp, người Nga, người Mường và người Việt Nam. Nhưng trên bước đường đi tìm một đất sống, một đất hứa, họ đã lạc hay bị dồn vào những miền mà cây hoang cỏ dại và những côn trùng, những rắn rết, những muông thú đã chiếm đóng trong những địa kì dài chưa có bóng người. Và những đàn người này sống lẫn lộn với cá sấu và chim chóc, không được hưởng sự tiếp xúc hay cả sự đụng chạm với một "kẻ kia" để mà học hỏi lấy một điều mới lạ.

Nhưng đừng nghĩ rằng những dã nhân, người rừng, này không biết gì cả. Và chớ nên đem những thành kiến và sản phẩm văn minh bã giả của mình đến để viện trợ hay giáo hóa họ. Đó là những bạo lực thầm lặng có thể tạo ra nhiều đau khổ hơn là súng đạn nhất thời.

Những dân tộc ở ngọn nguồn các dòng sông, hay ở rừng rú, núi cao, ở những đảo hẻo lánh

giữa đại dương đã ở đó từ một thời huyền thoại không ai biết là bao nhiêu thế kỉ. Họ biết từng hòn đá, từng lạch nước họ biết tính nết và thói quen của từng loài, có lẽ của từng con vật ở trong môi trường. Họ có những cấm kị truyền đời mà vì không hiểu, ta gọi là mê tín dị đoan. Họ có thể đi đứng dễ dàng trên những cành cây, dây leo chập chùng nghiêng ngả. Họ ngửi được trong gió một sự nguy hiểm đang rình nấp. Họ có những phản xạ sống còn như điện chớp. Ở đất ấy, họ là người của đất. Họ có những thần linh của họ, tại một khe nước, trong một hòn đá, ở một gốc cây. Họ có những giả thuyết nói về trời, trăng, sao và các hiện tượng vật lí để giải tỏa các mối sợ hãi, tương đương với các giả thuyết vô tích sự của chúng ta về cái nổ bùng nguyên thủy và những siêu thằng của vũ trụ.

Đem đến cho những người ấy một cái radio, một cái máy hát, hoặc thường thức hơn, một đống áo quần, giầy dép. Người ta đã làm việc ấy, gọi là vì nhân đạo hay vì một lí do công khai gì đó rất là cao quí. Sau một thời gian sợ hãi kinh hoàng vì những tiếng người, tiếng kèn phát ra mà không thấy người, người ta cũng quen và biết ham muốn. Ở mấy đảo xa xôi, mỗi khi có tàu đến thì dân đảo lại lội ra để xin những đồ phế thải của văn minh. Sau ít lâu thì cái xã hội mọi rợ nhưng thanh bình của đảo bị biến cải: nền văn hóa cũ, đã nghìn năm thích hợp với thiên nhiên, biến thành một thứ văn hóa mà dân tộc học gọi đó là văn hóa cargo, đem lại bởi các tàu chở hàng. Quần áo giày dép cũng gây những bệnh mới vì không có thuốc giặt và nước ngọt như các nước Âu Mĩ.

Dân Pygmê ở Nam Phi sống bằng sự nhặt vặt trong thiên nhiên. Món ăn thượng đẳng của họ là kiến; họ biết súc những tổ kiến về ăn và để lại một số kiến để sinh sản. Liên Hiệp Quốc gửi chuyên viên đến để dạy họ cày ruộng và trồng trọt. Họ từ chối, nói rằng "Đất là Mẹ, sao lại đào thịt Mẹ lên để ăn." Nhiều chuyên gia của những nước văn minh có mỏ than, mỏ dầu lửa không chịu, ép họ trồng lúa, trồng cây. Họ bỏ đất đang sinh sống và kéo nhau đi vùng hoang dã khác. Liên Hiệp Quốc hiểu cái lí do thiêng liêng "thiếu văn minh" của sự phản kháng ấy và chuyển sang một kế hoạch khác mà dân Pygmê chấp nhận.

Ở Việt Nam ta, đến nay còn nói đến đất *thịt, màu mỡ* của đất, và sự cần thiết phải *"bón"* ruộng đất. Không hiểu từ lúc nào, chúng ta hết nghĩ rằng đất sống và là mẹ của muôn loài, để đi vào sự khai thác tài nguyên của Mẹ. Không hiểu chân lí của những người Pygmê hay ở các nước kĩ nghệ và siêu kĩ nghệ. Ông Feyerabend Giáo sư Triết ở Berkeley, Mĩ và Giáo sư Triết lí Khoa học ở Zurich, Thụy Sĩ, viết rằng "(Đừng nên quên rằng) nhiều vấn đề của Thế giới Đệ tam (đói, nhân mãn, suy đồi tinh thần) đã bị gây nên vì những cách sống lành mạnh trong môi trường và thỏa mãn tinh thần đã bị chặt đứt và bị thay thế bởi các sản phẩm nhân đạo của Văn minh Tây phương. Cả các khung huyền thoại, trực giác, thần bí hay ma quái để hướng dẫn đời sống cũng không phải là mơ tưởng hão huyền (lâu đài trong mộng); cái gì chúng hứa thì chúng có trao; chúng đã bảo đảm sự sống còn và sự thỏa mãn tinh thần trong những điều kiện hiểm nghịch nhất" (P.Feyerabend – Farawell to Reason 1987).

Nói như thế không phải là bỏ mặc những nhóm người không có. Những người này dầu là dân Stieng, Radê hay thổ dân Africa và Amazon, chỉ là những người đã bị đẩy vào những môi trường khắc nghiệt nhất của một nước hay của nhân gian. Ta gọi họ là những "dân tộc ít người." Tôi nghĩ rằng đó là một quan điểm hủ lậu, sai lầm. Họ là dân Việt Nam, thế thôi. Nếu Việt Nam thực là một nước một, bất khả phân, thì bắt đầu phải xóa bỏ hết những tàn tích của cái thứ đế quốc chủ nghĩa phi lí cũ kĩ ấy đi.

Đạo Phật có làm gì được không? *Từ* là chữ thứ nhất của tứ vô lượng tâm. Trong lòng từ, có sự bao dung. Lời Đức Phật xưa, gọi là Dharma, là Giáo pháp. Đức Phật đạt được Vô thượng Chính Đẳng Chính Giác, là Bậc "Có." Người đã để cả cuộc đời để truyền cái Có của Ngài cho những người Không Có. Sự nghiệp ấy là Giáo, là dạy. Không phải là dùng thần thông (tức là súng ống, quyền lực) để đàn áp, dọa nạt, bắt người khác phải theo, mà giảng dạy, và dẫn dắt, tùy duyên phương tiện. Và dạy là để người kia tự làm, tự thành. Đó là Bố Thí Ba la mật.

Đức Phật còn dạy hơn thế nữa. Đức Phật dạy không được phân biệt. Kẻ ấy chính ta, ta chính là kẻ ấy. Kẻ ấy không có, nhưng kẻ ấy là ai? Như tục ngữ nói, đầy Phật tâm: *Ăn mày là ai? Ăn mày là ta, Đói cơm rách áo, hóa ra ăn mày.*

Thư này đã quá dài. Tôi rất mừng vì gần cuối đời được thấy Đạo rời sự tụng niệm và bước vào những đau khổ thực của đời.

Xin cầu chúc Thượng Tọa tâm thân an lạc.

Thân kính

Trần Ngọc Ninh

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

BẦU-CỬ SƠ-BỘ VÀ CUỐI NĂM

CỔ LŨY

Khi số Thế-Kỷ 21 này đến tay người đọc, chỉ còn khoảng năm tháng nữa là cuộc bầu-cử giữa nhiệm-kỳ hai của tổng-thống George W. Bush sẽ xảy ra vào đầu tháng Mười-một. Nhưng đầu tháng Sáu vừa qua nhiều cuộc bầu-cử sơ-bộ (primary election, nói chung là để chọn người ra đại-diện đảng cho kỳ bầu-cử cuối năm) đã xảy ra ở nhiều tiểu bang Hoa-Kỳ. Nhiều dân-biểu, nghị-sĩ mới sẽ được bầu ra trong kỳ bầu-cử cuối năm từ những nhân-vật thuộc hai đảng chính, Cộng-hòa và Dân-chủ, được chọn trong kỳ bầu-cử sơ-bộ.

Trong nhiều bài viết trước về nhiệm-kỳ Bush II trên Thế-Kỷ 21 chúng tôi đã nhắc-nhở đến tầm quan-trọng của cuộc bầu-cử giữa nhiệm-kỳ cuối năm nay, nhất là trong bài mới đây trên Thế-Kỷ 21 số tháng Sáu, 2006. Tóm lại, kết-quả bầu-cử cuối năm có thể làm mất đa-số Cộng-hòa trong một hoặc cả hai viện thuộc Quốc-hội. Nếu phe Cộng-hòa mất đa-số này nhiều hệ-quả khó-khăn cho chính-quyền Bush trong hai năm chót của nhiệm-kỳ —và còn đi xa hơn nữa: tổng tuyển-cử năm 2008 với một tổng-thống mới và tham-vọng áp-đảo chính-trường Mỹ lâu-dài của đảng Cộng-hòa.

N ếu phe Dân-chủ lấy lại được đa-số trong Quốc-hội họ sẽ có khả-năng hay ít nhất cũng cố gắng tiến-trình giải-nhiệm(impeachment) tổng-thống Bush. Tiến-trình này, một khi bắt đầu, sẽ đặt chính-quyền vào thế thụ-động bất lợi: chính-quyền sẽ phải lo giải-thích, chống-đối và tránh-né những buộc tội gắt-gao của đảng đối-lập. Chính-quyền sẽ mất uy-tín, sự ủng-hộ cần-thiết và năng-lực đẩy mạnh những chính-sách có sẵn hoặc dự định. Nó cũng như đám mây mờ che lên tương lai của đảng có người bị mũi dùi giải-nhiệm, trong trường-hợp này là tương-lai đảng Cộng-hòa trong kỳ tổng tuyển-cử năm 2008. Giấc mơ lớn của tổng-thống Bush và cũng như đảng đang cầm-quyền nhằm duy-trì và phát-triển quyền lực cuả phe Cộng-hòa trên chính-trường Mỹ và thế-giới có thể tan biến nhanh-chóng. Về chi-tiết những lý-do, cơ-hội cho đảng đối-lập xúc-tiến tiến-trình impeach-ment, xin xem bài Bầu-Cử Giữa Nhiệm-Kỳ Bush II, Thế-Kỷ 21 tháng Sáu vừa qua, cùng người viết.

Trong cái liên-hệ nhân-quả giữa các cuộc bầu-cử, nhiều giới quan-sát chính trị Mỹ "đọc" được những tín-hiệu ảnh-hưởng giây chuyền từ cuộc bầu cử sơ-bộ vừa qua đến cuộc bầu-cử cuối năm, và đi xa hơn nữa.

Trong kỳ bầu-cử sơ-bộ vừa qua trên nhiều tiểu-bang, đáng chú-ý nhất là một số bầu-cử ở California. Giới chính-trị, nhất là giới chính trị California và phía Tây Hoa-Kỳ nói chung thường tuyên-bố với một ít tự-hào rằng những gì xảy ra ở California sẽ được toàn quốc theo-dõi sát sạt, nếu không nói là "bắt chước" theo đuôi. Trong chiều-hướng này, bài sẽ chú cái nhìn về California.

CỔ-LŨY

Bầu cử sơ bộ ở California xảy ra ngày 6 tháng Sáu vừa qua, trong đó đáng kể nhất là tranh cử sơ bộ cấp tiểu bang giữa hai nhân vật ngang ngửa lâu đời thuộc đảng Dân-chủ để đảng viên chọn người ra tranh cử thống đốc tiểu bang chống lại thống đốc Cộng-hòa đương nhiệm. Đáng chú ý hơn nữa là tranh cử chính thức giữa hai nhân vật Cộng-hòa và Dân-chủ "mới toanh" lên thay thế dân biểu dân biểu Randy "Duke" Cunningham (Cộng-hòa, vùng San Diego) đã mất chức và đi tù tám năm vì tội hối mại quyền thế trên hai triệu đô-la (xin xem bài Hối-Mại Quyền-Thế Kiểu Mỹ, *Thế-Kỷ 21*, tháng Năm 2006, cùng người viết).

Kết quả bầu cử đưa ra nhiều "tín hiệu" cho giới quan sát chính trị tiểu bang cũng như toàn quốc, nhưng những tín hiệu này không nhất thiết là rõ ràng.

CHIẾN-TRƯỜNG GIỮA HAI ĐẢNG

Trong bầu cử vừa qua, chiến trường giữa hai đảng trong chiều hướng hiện tại (như đã trình bày trong bài tháng Sáu) rõ ràng là gay gắt; chiến trường trong cùng một đảng có vẻ cũng không kém gay gắt.

A. Đảng Dân Chủ và ứng viên tương lai gần

Có thể nói rằng chiến trường đắt giá (tính theo số tiền hai triệu phú dồn vào cuộc chiến) và tàn khốc (nhìn theo mức độ tố cáo, chỉ trích lẫn nhau) giữa hai ứng viên thống đốc Dân-chủ Phil Angelides và Steve Westly cũng là cuộc chiến về một câu hỏi khó khăn và gây chia rẽ lớn lao trong phe Dân-chủ: ứng viên Dân-chủ nào sẽ thành công trong những kỳ bầu cử sắp tới —một ứng viên tự do tiến bộ (liberal) đi ngược hẳn phe Cộng-hòa bảo thủ (conservative), hoặc một ứng viên ôn hòa trung dung (moderate) hơn?

Theo ký giả Michael Finnegan thuộc nhật báo hàng đầu trong nước *Los Angeles Times*, những buộc tội, chỉ trích cá nhân gắt gao giữa hai ứng viên thống đốc hiện đang giữ chức bộ trưởng tiểu bang (do dân chúng bầu ra, theo luật lệ California) hầu như làm lu mờ những khác biệt về ý thức hệ; nhưng hai ứng viên rõ ràng có những chọn lựa khác hẳn nhau nhằm lấy phiếu của người trong đảng: ông Angelides dựa vào người *liberal* và ông Westly nương vào phía *moderate* trong đảng. Mối băn khoăn này cũng là cái lực chia rẽ đảng Dân-chủ trong mọi tranh chấp, từ tranh cử cấp quốc hội cuối năm nay cho tới tranh cử tổng thống năm 2008. Một ví dụ hiện nay cho thấy một số giới dân cử Dân-chủ cấp liên bang trước đây bỏ phiếu ủng hộ chiến tranh Mỹ ở Iraq (có thể xem là cánh moderate) đang bị thách thức từ phía những người cùng đảng phản đối cuộc chiến (được xem là cánh liberal).

Trong vận động tranh cử chiến trận chính là thuế má. Ông Angelides kêu gọi "giới triệu phú và các công ty kỹ thương lớn" phải đóng thuế nhiều hơn; ông Westly hứa sẽ kiểm soát chi tiêu chừng mực để tránh phải tăng thuế má. Đúng ra cả hai đều muốn gia tăng thuế, nhưng ông Angelides là người đòi hỏi nhiều hơn và xem đây là phần chính trong vận động tranh cử. Ông đòi giới khá giả phải "hy sinh nhiều hơn cho giáo dục và y tế công cộng," và chỉ trích tổng thống Bush cắt giảm thuế cho người giầu có và giới đại kỹ thương. Ông Westly chỉ trích ông Angelides sai lầm ở điểm này.

Khi vận động tranh cử ông Angelides có giọng điệu gay gắt với thống đốc Cộng-hòa đương nhiệm Arnold Schwarzenegger, tổng thống Bush và những giới Cộng-hòa khác; ở mặt khác, ông Westly kêu gọi hợp tác thỏa nhượng giữa hai đảng (bipartisanship) là yếu tố chính để làm việc hữu hiệu.

Thăm dò dư luận dân chúng cho thấy trước và sau bầu cử ông Angelides được ủng hộ mạnh mẽ từ phía *liberal*, và ông Westly được điểm cao trong giới *moderate*. Nhưng để đánh bại thống đốc Schwarzenegger ứng viên Dân-chủ phải lấy được ủng hộ của giới độc lập (independent, không thuộc một trong hai đảng chính) và cả giới Cộng-hòa nữa —và khuynh hướng liberal rõ ràng của ông là một trở ngại lớn. Xin mở dấu ngoặc ở đây là, sau khi thắng cử sơ bộ ông Angelides vội ôn hòa hơn về việc tăng thuế —có lẽ vì ông thấy rõ việc cần lấy phiếu của phe ôn hòa cùng đảng cũng như không muốn thành cái đích lớn lao cho phe độc lập và Cộng-hòa bảo thủ cùng giới khá giả tấn công tới tấp khi ra đối đầu với thống đốc đương nhiệm Schwarzenegger. Giáo sư chính trị học Frank Gilliam thuộc viện Đại-hoc California tại Los Angeles (UCLA) nhận xét, "Đây là trận chiến cổ điển giữa tả và hữu phái: Làm thế nào để lấy ủng hộ của người [cực đoan] cùng đảng ở mức bầu cử sơ bộ nhưng vẫn còn chỗ cho người ôn hòa [cả trong lẫn ngoài đảng] đến với mình trong bầu cử chính?"

Trong vận động tranh cử ông Westly nêu cao những thăm dò dư luận dân chúng cho thấy ông có nhiều triển vọng hơn ông Angelides trước đối thủ Schwarzenegger; ông là "người Dân-chủ có thể đánh bại thống đốc Schwarzenegger." Các cố vấn của ông Angelides nghĩ rằng ông Westly đã sai lầm khi đưa ra hình ảnh một người ôn hòa và trung dung trong bầu cử sơ bộ ở một thời điểm mà người Dân-chủ —và nhiều người độc lập nữa— ở California đang rất gay gắt oán thán chính quyền Bush và Quốc-hội với đa số Cộng-hòa. Ông Angelides nói người Dân-chủ phải đưa ra những gì khác hẳn với phe Cộng-hòa, và sẽ thắng cử "bằng những hướng nhìn khác hẳn để đưa California tới chiều hướng khác với những gì ông Arnold Schwarzenegger dự phóng."

Có lẽ ông Angelides đã quên rằng phía

Cộng-hòa ở California qua bao nhiêu thập niên cũng phải đối đầu với tranh chấp giữa phái bảo thủ và ôn hòa trong cùng một đảng. Trong cuộc bầu cử sơ bộ cho chức vụ thống đốc năm 2002, nguyên đô trưởng Los Angeles, ông Richard Riordan tranh cử như một người ôn hòa với đủ sự ủng hộ để loại được thống đốc Dân-chủ lúc bấy giờ là ông Gray Davis không có mấy triển vọng. Nhưng phe Cộng-hòa lại chọn ứng viên bảo thủ rõ rệt Bill Simon và từ đây cho ông Davis cơ hội tranh cử như một người ôn hòa, và thắng cử sau đó. Ông Garry South, chiến lược gia của ông Westly, nhận xét: "Tranh cử ở California luôn luôn là trận chiến nhắm vào phía trung dung ở giữa. Không nhắm vào cực tả và cũng không muốn phô trương ai là người tăng thuế má hơn ai. Đây cho thấy ông Angelides sai lầm hoàn toàn." Phía ông Angelides đưa ra thí dụ nguyên thống đốc California, ứng viên Cộng-hòa cực kỳ bảo thủ đã hai lần thắng cử tổng thống trong thập niên 1980.

Dân-biểu Cộng-hòa đắc cử Brian Bilbray và phu-nhân ăn mừng chiến-thắng ngắn-ngủi ở San Diego.

B. Đối đầu Cộng Hòa và Dân Chủ ở California

Cùng ngày với bầu cử sơ bộ cuộc bầu cử đặc biệt hiếm hoi ở vùng San Diego, California, chọn người thay thế dân biểu liên bang, nhân vật Cộng-hòa Randy Cunningham phải vào tù và mất chức vì hối mại quyền thế hơn hai triệu đô-la qua giới "lốp-bi" và thầu khoán với bộ quốc phòng. Giới quan sát chính trị nhìn vào kết quả bầu cử đặc biệt này (phe Cộng-hòa thắng cử) với nhiều e ngại cho cả hai đảng chính.

Phe Cộng-hòa có thắng cử —tuy không lớn lắm— nhưng những đe dọa như vẫn tiếp tục ở kỳ bầu cử cuối năm nay. Nó cũng cho thấy phe Dân-chủ không nhất thiết sẽ được lợi điểm tối đa vì những khó khăn nhiều mặt của chính quyền Bush và tai tiếng Quốc-hội với đa số Cộng-hòa. Cuộc bầu cử như xác nhận rằng trong thời buổi đối chấp gay gắt giữa hai đảng người đi bầu như không muốn những thay đổi lớn và nhanh; những thay đổi, nếu có, sẽ đến một cách tuần tự chứ không bất chợt và ngoạn mục.

Hai ứng viên ghế dân biểu trống này, ông Brian Bilbray phe Cộng-hòa và bà Francine Busby có thể xem là hai "mặt mới" trên chính trường. Ông Bilbray có cái nhìn ôn hòa về những vấn đề xã hội hơn nhiều giới Cộng-hòa, nhưng ông cũng là một tay "lốp-bi" và cử tri trong đơn vị bầu cử cũng không hài lòng lắm với những đường hướng của ông Bush trong nhiệm kỳ hai (bẩy-mươi phần trăm cử tri địa phương nghĩ rằng ông Bush đã đi không đúng đường, theo thăm dò dư luận của phe Cộng-hòa). Tuy nhiên, giữa những cái bất lợi này hầu như tất cả giới đi bầu Cộng-hòa quyết định ủng hộ ông, thay vì biểu lộ những bất mãn của họ bằng cách bỏ phiếu cho bà Busby. Giáo sư chính trị học Gary Jacobson thuộc viện đại học Cali-

fornia tại San Diego (UCSD) nhận xét: "Trong thời buổi kèn cựa gay gắt giữa hai đảng như hiện nay thật khó mà lấy được phiếu từ phía đối lập."

Đây có thể là điều đáng mừng cho phe Cộng-hòa, vì như đã trình bầy trong bài trước, đường lối cũng như thành công trong các bầu cử của ông Bush và phe Cộng-hòa dựa hoàn toàn vào giới cử tri Cộng-hòa nòng cốt ("core voters" hay "base"). Làm mọi cách đẩy mạnh cử tri Cộng-hòa nòng cốt đi bầu là yếu tố chính đưa đến thành công của đảng trong những năm 2002 và 2004. Trong tranh cử giữa ông Bilbray và bà Busby Hội-đồng Cộng-hòa Toàn-quốc (Republican National Committee, RNC) đã bỏ tiền ra và làm một chiến dịch vận động cử tri đi bầu vĩ đại chưa từng thấy trong một bầu cử "trắc nghiệm." Câu trả lời cho giới Cộng-hòa như một trấn an: RNC có thể thúc đẩy cử tri Cộng-hòa nòng cốt đi bầu cho đảng cuối năm nay —dù họ không bằng lòng mấy với ông Bush— và không sợ rằng họ sẽ bỏ đảng để bầu cho các ứng viên Dân-chủ.

Nhưng nhìn ở một khía cạnh khác, phe Cộng-hòa chưa thể hân hoan chào mừng chiến thắng. Những con số về cuộc bầu cử cho thấy giới cử tri độc lập hồ hởi bỏ phiếu cho bà Busby. Ông Bilbray chỉ lấy được khoảng hơn một ngàn phiếu trên mức đảng dự trù trước bầu cử trong khi bà Busby lấy được gần mười ngàn phiếu trên mức đảng dự trù —có nghĩa là số phiếu này đến từ giới cử tri độc lập. Ông Bilbray thắng cử dù không được mấy phiếu từ giới độc lập vì đơn vị bầu cử đại đa số gồm cử tri ngả về phía Cộng-hòa. Nhưng theo chiều hướng giới độc lập ngả về phía Dân-chủ nhiều như con số bầu cho bà Busby cho thấy, phe Cộng-hòa phải lo lắng về những đơn vị khác trên toàn quốc — những nơi không đông đảo cử tri Cộng-hòa và nhiều cử tri ôn hòa cũng như độc lập như Connecticut, New Mexico và Pennsylvania.

Lợi điểm của ứng viên Busby với giới cử tri độc lập là cái tin vui lớn nhất cho phe Dân-chủ qua kỳ bầu cử đặc biệt; nhưng khả năng lấy phiếu nói chung của bà có thể là cái quan ngại cho đảng. Bà chỉ lấy được 45 phần trăm số phiếu trong đơn vị, chỉ hơn ứng viên tổng thống Dân-chủ John Kerry một phần trăm trong kỳ bầu cử năm 2004 ở cùng đơn vị. Số cử tri Dân-chủ — với mức bất mãn rộng lớn với chính quyền Bush và Quốc-hội trấn át bởi đa số Cộng-hòa— tuy có đi bầu đông đảo hơn cử tri Cộng-hòa nhưng cũng không đông đảo như phe Dân-chủ hy vọng. Số cử tri độc lập đi bầu cũng không đông đảo mấy.

Giáo sư Jacobson đưa ra một kết luận, những con số, nhận xét và phân tích cho thấy dù bà Busby có lấy được lợi thế từ những bất mãn với đảng Cộng-hòa bà "không đưa ra những gì dân chúng có thể lấy làm điểm tập trung hay hứng khởi để tiến tới." Có lẽ đảng Dân-chủ trên toàn quốc cũng ở trong hoàn cảnh không khác mấy trường hợp bà Busby. Cuộc bầu cử đặc biệt (đi cùng với bầu cử sơ bộ) cho ông Bilbray quyền thay thế ông Cunningham đến hết nhiệm kỳ cuối năm nay; bầu cử cuối năm sẽ quyết định dân biểu cho đơn vị này hai năm tới. Hai phe Cộng-hòa và Dân-chủ sẽ lại đối đầu nhau lần nữa.

MẶT TRẬN TOÀN-QUỐC

Trong một văn thư mới gửi cho giới lãnh đạo đảng Dân-chủ hai chiến lược gia lâu đời Stanley Greenberg và James Carville báo động rằng trong vòng vài tháng qua hình ảnh đảng Dân-chủ qua mắt cử tri không được sáng sủa lắm, dù tỉ số dân chúng bất mãn với chính quyền Bush gia tăng rõ ràng (tuy tình hình kinh tế hiện nay khá sáng sủa, tỉ số dân chúng ủng hộ chính quyền nằm ở mức giữa 30 đến 35 phần trăm, giống như đầu thập niên 1970, trước khi tổng thống Cộng-hòa Richard Nixon bị đe dọa giải nhiệm). Theo hai ông, đảng Dân-chủ có thể sẽ "đạt kết quả dưới mức trông đợi" trong kỳ bầu cử cuối năm nếu không đưa ra những câu trả lời hấp dẫn hơn phe Cộng-hòa hiện nay. Theo ký giả Ronald Brownstein ở Hoa-Thịnh-Đốn, giới chiến lược Cộng-hòa dự đoán mức độ tham gia bầu cử của cử tri hai đảng năm nay sẽ thấp hơn hai-mươi năm trước căn cứ theo mức đi bầu (voter turnout) trong kỳ bầu cử sơ bộ ở những tiểu bang có tổ chức bầu cử sơ bộ vừa qua.

Đây là tin không đáng lạc quan cho phe Dân-chủ (xin xem bài về bầu cử cuối năm nay, *Thế-Kỷ 21* tháng Sáu 2006, cùng người viết). Theo chiều hướng lịch sử và cũng là cái oái oăm của dân chủ tự do, nếu dân chúng thờ ơ không tham gia bầu cử, cử tri phía Cộng-hòa (nói chung cao hơn phe Dân-chủ về mặt học vấn và kinh tế) tuy là nhóm thiểu số (nhưng thường có mức tham gia đi bầu cao, *high voter turnout*, so với cử tri phe Dân-chủ đông đảo hơn) sẽ quyết định

kết quả bầu cử. Tóm lại là những người thuộc đảng thắng cử đều thuộc phe thiểu số; nói một cách khác, thiểu số có học và có tiền quyết định kết quả bầu cử chứ không phải đa số dân chúng trong nước, và người đắc cử đi vào chính quyền cũng như Quốc-hội sẽ phục vụ hay chú trọng đến quyền lợi của nhóm thiểu số bầu ra họ. Chính quyền "bởi dân," "do dân" mà ra sẽ làm việc "vì dân" theo đúng nguyên tắc dân chủ Mỹ.

Theo ông Brownstein, truyền thống hay chiều hướng bầu cử ở Hoa-Kỳ (và có lẽ ở nhiều nước "tự do dân chủ" thật sự khác nữa) trong đó thiểu số khá giả và có học nắm phần quyết định, những con số do ông Greenberg thu lượm được cũng như cuộc bầu đặc biệt ở San Diego cho thấy cái thông điệp rõ rệt: những bất mãn với giới Cộng-hòa ở Hoa-Thịnh-Đốn rất rộng lớn, nhưng những bất mãn này không nhất thiết sẽ chuyển thành hay đưa đến ủng hộ cho phe Dân-chủ.

A. Đảng Dân Chủ: tiến thoái lưỡng nan?

Với tổng thống Bush và Quốc-hội đang gặp khó khăn lớn với cử tri và dân chúng trong nước (tỉ số dân chúng hài lòng với Quốc-hội trấn át bởi phe Cộng-hòa ở cả hai viện còn tệ hơn với ông Bush: dưới 30 phần trăm đều đặn) nhiều người trong đảng đối lập như thêm tin tưởng rằng dân chúng đang sẵn sàng chờ đợi những gì đảng Dân-chủ sẽ đưa ra.

Vấn đề khó giải quyết là phe Dân-chủ có giải pháp, đề nghị nào để trình bầy trước dân chúng không? Giới lãnh đạo đảng có đưa ra một số trả lời cụ thể về phương cách đối phó về mặt an ninh quốc gia, nhiên liệu và đạo đức chính trị (chống hối mại quyền thế mà phe Cộng-hòa bị mang tiếng nhiều trong sáu năm chính quyền Bush) nếu họ lấy lại được một hoặc cả hai viện trong Quốc-hội. Nhưng còn nhiều câu hỏi, vấn đề khác chưa có trả lời rõ rệt, thỏa đáng. Cái thận trọng, ngập ngừng có vẻ như bất định của giới lãnh đạo Dân-chủ như phản ánh những băn khoăn giay dứt trong nội bộ đảng.

Một phái trong đảng bao gồm những người tin rằng phe Dân-chủ phải đưa ra những đề nghị, giải pháp khác hẳn với chiều hướng ông Bush đưa ra —như phe Cộng-hòa đã làm khi họ đưa ra những đề nghị bảo thủ trong "Hợp-đồng với Đất-nước" (Contract with America) trước khi họ nắm lấy được đa số Quốc hội khá ngoạn mục

Ứng-viên Dân-chủ Francine Busby có hy-vọng cuối năm nay.

năm 1994 dưới thời tổng thống Dân-chủ Bill Clinton. Giám đốc phong trào tự do tiến bộ với tài lực và ảnh hưởng lớn MoveOn.org, ông Eli Pariser tuyên bố, "Đây là lúc chúng ta phải tiến đến mức tấn công và cho dân chúng thấy rõ chúng ta tranh đấu cho những gì."

Phái thứ hai trong đảng gồm những nhà chiến lược thận trọng hơn. Họ e ngại nếu phe Dân-chủ đưa ra quá nhiều chi tiết rõ rệt, phe Cộng-hòa sẽ lợi dụng điều này để chĩa mũi dùi vào các đề nghị, giải pháp và làm dân chúng quên đi những nhược điểm và bất mãn lớn lao với sáu năm Cộng-hòa vừa qua. Thái độ thận trọng này rất rõ rệt giữa những nghị sĩ Dân-chủ ở Thượng-viện. "Nếu chúng ta bắt đầu nói về những kế hoạch, chương trình lớn... chúng ta sẽ thành cái đích cho mọi người nhắm vào, và đây chưa phải là lúc phe Dân-chủ cần làm điều này," một nhà chiến lược Thượng-viện giải thích.

Thông thường, thận trọng là điều hay, nhưng cố thu vén khép kín lại có thể trở thành nguy hiểm. Nếu phe Dân-chủ ngại ngần không muốn đưa ra chi tiết kế hoạch bên mình, phe Cộng-hòa có thể dùng đây như một cơ hội để khẳng định những ưu tiên của phe Dân-chủ cho người đi bầu. Và thật vậy, Ủy-ban Cộng-hòa Toàn-quốc đã phân phối cho giới truyền thông mười-

tám bản tin buộc cho phe Dân-chủ những gì không nhất thiết là đúng, nhưng có lợi cho phe Cộng-hòa: phe Dân-chủ sẽ gia tăng thuế má, "bỏ chạy" ở Iraq và sửa soạn giải nhiệm tổng thống Bush. Phái ôn hòa thận trọng đưa ra bằng chứng các thăm dò dư luận cho thấy cùng với mức tín nhiệm vào Quốc-hội (với đa số Cộng-hòa) đi xuống dân chúng cũng trông mong nhiều hơn vào phe Dân-chủ đương đầu với những vấn đề trọng đại. Phái này tin rằng những chi tiết các chương trình, kế hoạch nếu được công bố sẽ giúp phe Cộng-hòa chuyển trọng tâm bầu cử từ "bản án nặng nề" của cử tri về những gì chính quyền Bush đã làm trong sáu năm qua sang một "phán xét" về những gì phe Dân-chủ sẽ làm trong tương lai khi họ nắm quyền hành trong tay. Nói một cách khác, đây sẽ là một chuyển dịch trọng tâm cuộc bầu cử từ một "trưng cầu dân ý" về thành tích của chính quyền Bush (có lợi cho phe Dân-chủ) sang một "chọn lựa" giữa hai đảng (có thể mang nhiều lợi thế cho phe Cộng-hòa).

Ngược lại phái Dân-chủ ủng hộ những chương trình, giải pháp rõ rệt nại bằng cớ dựa theo những thăm dò dư luận dân chúng của hệ thống truyền hình ABC và nhật báo *Washington Post* cho thấy phần lớn dân chúng Mỹ không nghĩ rằng đảng Dân-chủ đã đưa ra những chọn lựa khác hẳn phe Cộng-hòa. "Những thăm dò dư luận cho thấy dân chúng rất mơ hồ về lập trường của đảng Dân-chủ," nhà phân tích dư luận dân chúng Ruy Teixeira, thuộc viện nghiên cứu tự do tiến bộ Center for American Progress, nhận xét.

Cuối năm qua, giới dân cử Dân-chủ thuộc hai viện trong Quốc-hội cùng với một số thống đốc tiểu bang và Ủy-ban Dân-chủ Toàn-quốc (Democratic National Committee, DNC) đưa ra tuyên ngôn sáu mục tiêu tổng quát của đảng, trong đó phải kể cải thiện đạo đức chính trị, củng cố an ninh quốc gia, khuyến khích độc lập về nhiên liệu và mở rộng dịch vụ y tế — những mục tiêu đa số người trong đảng đồng ý với nhau. Nhưng tuyên ngôn không cho biết rõ phe Dân-chủ sẽ làm cách nào và những gì để đạt mục tiêu đề ra. Đầu năm nay một số giới dân cử Dân-chủ đưa ra những đề nghị kiểm soát chặt chẽ hơn giới "lốp-bi" quá lộng hành dưới thời chính quyền Bush. Tháng Ba họ đưa ra nghị trình về an ninh quốc gia với những mục tiêu khá mạnh mẽ, như chuyển nhiều trách nhiệm hơn vào tay người Iraq trong cuộc chiến Mỹ ở Iraq (kiểu như "Việt-Nam-hóa," Vietnamization, cuộc chiến trước đây), nhưng cũng không đi sâu mấy về chi tiết làm thế nào để thực hiện mục tiêu này.

Lãnh tụ thiểu số Hạ-viện, bà Nancy Pelosi (Dân-chủ, San Francisco) cũng đưa ra năm biện pháp Hạ-viện sẽ thông qua ngay tức khắc nếu phe Dân-chủ lấy lại được đa số: gia tăng lương tối thiểu cho công nhân, bãi bỏ việc giảm thuế cho người giầu có và giới đại kỹ thương, nhất là giới kỹ nghệ nhiên liệu, xét lại việc mua thuốc trong chương trình trợ giúp y tế Medicare để chính quyền trực tiếp điều đình giá thuốc men với giới cung cấp nhằm hạ thấp giá cả đã quá cao cho người tiêu thụ, giảm lãi xuất cho sinh viên vay tiền đi học, và thực hiện thêm những cải tổ về an ninh quốc gia dựa theo đề nghị của Ủy-ban điều tra vụ khủng bố ngày 11 tháng Chín năm 2001. Bà cũng xác nhận trong một buổi họp kín với người trong đảng là đảng sẽ không tìm cách giải nhiệm tổng thống Bush.

Từ đây cho đến bầu cử tháng Mười-một chắc chắn sẽ còn nhiều tranh cãi giữa hai phái Dân-chủ ôn hòa và cấp tiến về những biện pháp, kế hoạch và nhất là có nên trình bầy chi tiết rõ rệt cho cử tri và phe đối lập hay không. Nhấn mạnh chọn lựa dùng bầu cử cuối năm như một "trưng cầu dân ý" về chính quyền Bush và Quốc-hội Cộng-hòa, một lãnh tụ Dân-chủ nói: "Cái thông điệp rất là giản dị và dễ dàng. Phe Cộng-hòa nắm tất cả quyền hành [cả lập pháp, hành pháp và tư pháp] trong sáu năm qua, câu hỏi đặt ra cho người đi bầu là: kết quả, ảnh hưởng trực tiếp đến bạn như thế nào?" Hoặc rõ ràng và thông thường hơn: đời sống của người dân có khá hơn trong sáu năm qua không?

B. Những lý thuyết

Trong nhiều tuần lễ qua , và chắc chắn trong tương lai nữa, người ta thấy một loạt những sách vở, bài viết, tuyên ngôn của các nhà lý thuyết và chiến lược Dân-chủ được tung ra trước công luận nhằm ảnh hưởng vào những kế hoạch, biện pháp và thông điệp của đảng Dân-chủ trong những mùa bầu cử sắp tới.

Ông Peter Beinart, nguyên chủ biên tờ New Republic, và ông Will Marshall, giám đốc viện nghiên cứu Progressive Policy, thúc đẩy đảng phải có chính sách ngoại giao mạnh mẽ hơn. Nhà bình bút David Sirota kêu gọi biện pháp

dùng công quĩ để tài trợ tranh cử đồng đều (ứng cử viên không được nhận tài trợ tư nhân hoặc dùng tiền riêng của mình để tranh cử —nhằm tránh việc dùng tiền mua phiếu và nhất là việc ai có nhiều tiền hơn sẽ thắng như thông thường hiện nay), và bớt dễ dãi, ưu đãi giới đại kỹ thương.

Đáng chú ý là ông Michael Tomasky, chủ biên tờ American Prospect, với bài tiểu luận kêu gọi người Dân-chủ suy nghĩ và hành động theo đường hướng "phúc lợi chung" ("the common good"), một chọn lựa nhằm thách đố cái ông gọi là "chủ nghĩa cá nhân cực đoan trong thời đại Bush" (đề cao quyền lợi cá nhân tối đa) và chủ nghĩa tự do tiến bộ kiểu phe nhóm (đặt quyền lợi phe nhóm, *interest group*, lên trên hết). Hai cố vấn quan trọng cũ của tổng thống Bill Clinton, ông Bruce Reed và Rham Emanuel, sắp ra quyển "The Plan" đề nghị các kế hoạch, đường hướng nội trị và ngoại giao mới của đảng Dân-chủ. Ông Reed nói, "Có cả một lỗ hổng lớn những ý tưởng mới trong đảng và ngoài dân chúng —một nhu cầu không được thỏa mãn đòi hỏi những trả lời chưa từng thấy từ đầu thập niên 1990... Càng đi gần đến 2008 những câu trả lời từ phía Dân-chủ càng phổ cập hơn." Ngoài ra, cùng với triết gia Bill Galston, hai ông Greenberg và Teixeira cũng sửa soạn tung tờ điện san *Chiến-lược-gia Dân-chủ* (Democratic Strategist). Hai người Dân-chủ trẻ hơn cũng tung ra tờ *Democracy: A Journal of Ideas* trình bầy những ý kiến, lập trường và giải pháp mới. Đồng thời nhóm New Democrat Network, một nhóm ôn hòa với chủ trương nối liền hai phái tả hữu trong đảng cũng bắt đầu hoạt động trở lại.

Nhưng có lẽ mọi người đều trông chờ tiếng nói của bà nghị sĩ Hillary Clinton (Dân-chủ, Nữu-Ước), phu nhân cựu tổng thống Clinton và được xem là ứng viên tổng thống hàng đầu cho năm 2008. Bà muốn được xem là người ôn hòa nhắm vào cử tri không cực đoan, mạnh mẽ về mặt an ninh quốc gia và chừng mực trong việc phê bình chỉ trích chính quyền Bush. Trong tháng Bẩy nhóm Hội-đồng Chỉ-đạo Dân-chủ, một nhóm ôn hòa dưới sự lãnh đạo của bà, sẽ đưa ra kế hoạch kinh tế nhằm gia tăng cơ hội kinh tế cho nhiều người Mỹ. Từ sáu năm nay, sau khi rời tòa Nhà-Trắng và thành nghị sĩ bà đã một cách âm thầm nhưng chắc chắn hóa thân từ một người tự do tiến bộ (nhiều giới Cộng-hòa vẫn ghét cay ghét đắng bà) thành một ứng viên ôn hòa thận trọng nhắm vào các cử tri không cực đoan thuộc cả hai đảng và những người độc lập. Trong chiều hướng này bà là người Dân-chủ thực tiễn với chủ ý mở rộng căn cứ địa (base of suppot) của mình —không khác mấy hình ảnh ông Clinton trước đây, người đã thắng cử hai nhiệm kỳ trong thập niên 1990.

C. Phe Cộng Hòa sửa soạn

Giới lãnh đạo Cộng-hòa trước bầu cử sơ bộ và nhất là cuộc bầu cử đặc biệt ở San Diego có vẻ lo lắng rất nhiều. Giới *core voter* hay nòng cốt của đảng như mất tinh thần và tín nhiệm vào đảng, phản ánh phần nào qua những tỉ số dân chúng ủng hộ tổng thống Bush và Quốc-hội với đa số Cộng-hòa. Giới quan sát chính trị nhìn thấy tình trạng này qua những dấu hiệu trên toàn quốc —những chỉ số về tinh thần, mức thu nhập quĩ ủng hộ tranh cử và một số bầu cử sớm.

Nhiều người không hăng hái đi bầu, có người ký tiền ủng hộ cho phe đối lập; trong kỳ bầu cử sơ bộ sớm cấp tiểu bang ở Pennsylvania người Cộng-hòa đẩy hơn một tá giới dân cử Cộng-hòa ra khỏi quốc hội tiểu bang. Đa số những than phiền nhắm vào giới lãnh đạo Cộng-hòa ở Hoa-Thịnh-Đốn: thâm thủng ngân sách vì chi tiêu quá mức, những bất ổn ở Iraq, chính sách di cư của tổng thống. Những thăm dò dư luận chồng chất bi quan về Quốc-hội khiến giới cử tri phải đặt câu hỏi có thể cứu vãn nổi Quốc-hội hay bỏ mặc cho phe đối lập chiếm lại đa số. Mức cử tri Cộng-hòa ủng hộ tổng thống Bush tụt xuống mười-hai phần trăm trong tam cá nguyệt đầu năm nay, theo thăm dò dư luận dân chúng của hệ thống truyền hình NBC và nhật báo *Wall Street Journal*; mức ủng hộ Quốc-hội cũng đi xuống tương tự trong cùng thời gian. Đáng ngại hơn nữa là cử tri Dân-chủ như có vẻ hăng hái nhiệt thành tham gia bầu cử khác với trước đây.

Giới chiến lược Cộng-hòa quay trở lại chiến lược quen thuộc (xin xem bài trên *Thế-Kỷ 21*, tháng Sáu, cùng người viết) làm động cơ thúc đẩy giới cử tri Cộng-hòa nòng cốt. Sau một thời gian trì hoãn dài, giữa tháng Năm tổng thống Bush ký luật giảm thuế trị giá bẩy-mươi tỉ đô-la. Tổng thống và Quốc-hội lại hâm lại chuyện nỗ lực viết tu chính án ngăn cản hôn nhân giữa người đồng tính luyến ái đã bỏ quên ngay sau

bầu cử năm 2004 với mục đích lấy lòng phái bảo thủ cực đoan (ai cũng biết chuyện làm tu chính án thay đổi hiến pháp là chuyện khó khăn tầy trời, nhất là mục đích ngăn cản hôn nhân nói trên không được nhiều người xem là tối quan trọng). Tổng thống cũng "làm mạnh" đưa vài ngàn vệ binh quốc gia (National Guards) đến trấn đóng tại một vài địa điểm sát nách biên giới với Mễ-Tây-Cơ để giúp ngăn chặn người di dân và làm dịu bớt chống đối đề nghị của tòa Nhà-Trắng cho nhập cư công nhân và cho di dân "lậu" từ nước này cơ hội hợp thức hóa thành công dân. Và tổng thống cũng tỏ ra chú tâm đến những đòi hỏi bổ nhiệm quan tòa liên bang bảo thủ từ lâu nay.

Chiến lược này tự nó có nhiều nguy hiểm rủi ro. Trong nỗ lực lấy lòng giới Cộng-hòa bảo thủ chính quyền và Quốc-hội đẩy thêm cử tri Dân-chủ vào thế đối lập gắt gao, gián tiếp thúc đẩy họ tham gia bầu cử nhiệt thành hơn để biểu dương một phản ứng tiêu cực. Nó cũng làm ứng viên Cộng-hòa, nhất là những ứng viên ôn hòa hơn, mất phiếu của cử tri ôn hòa và những giới cử tri độc lập. Ngay cả trong giới Cộng-hòa bảo thủ phản ứng của dân chúng không nhất thiết là tích cực; họ xem hành động chiến lược nói trên nhằm hình thức bên ngoài thôi. Ông Joe Glover, chủ tịch tổ chức tôn giáo bảo thủ Family Policy Network ở Hoa-Thịnh-Đốn, tuyên bố: "Chúng tôi không tin họ chút nào nữa. Đã hai lần ông Bush làm lớn chuyện ngăn cản hôn nhân đồng tính [trong kỳ tranh cử tổng thống 2000 và 2004]. Nhưng khi đã yên ổn trong tòa Nhà-Trắng không ai nghe tổng thống nhắc nhở đến chuyện này nữa."

Ông Phil Angelides được chọn làm ứng-viên Dân-chủ cho chức-vụ thống-đốc tiểu-bang California.

Tuy nhiên Ủy-ban Cộng-hòa Toàn-quốc rất lạc quan. Họ tin rằng ứng viên Cộng-hòa sẽ thành công một khi cử tri để ý đến những chính sách phe Dân-chủ đề ra nếu họ chiếm được đa số trong Quốc-hội: phe Cộng-hòa phải nhấn mạnh, nhắc nhở cử tri về số phận của họ nếu phe Dân-chủ nắm được Quốc hội. Họ tin rằng đảng vẫn còn được sự ủng hộ của giới *core voter* Cộng-hòa, và khác biệt giữa hai đảng sẽ rõ rệt hơn trong kỳ bầu cử cuối năm.

Nhiều người Cộng-hòa khác không lạc quan đến vậy. Nhà thăm dò dư luận Cộng-hòa Neil Newhouse nhận xét, "Người ta không thể phủ nhận sự kiện là cái base Cộng-hòa không mấy hứng khởi về cuộc bầu cử sắp tới. Tôi không nghĩ rằng kỳ bầu cử này có thể thắng được dựa hoàn toàn vào việc có đủ người đi bầu hay không, nhưng chắc chắn chúng ta sẽ thua nếu chúng ta không có đủ số người đi bầu." Những bất mãn có thể ảnh hưởng trực tiếp vào khả năng gây quĩ tranh cử. Mới đây có lẽ là lần đầu tiên Ủy-ban Tranh-cử Thượng-viện Dân-chủ cho biết đã gây được nhiều quĩ tranh cử, sáu triệu đô-la hơn phe Cộng-hòa. Đây có thể xảy ra vì nhiều lý do, nhưng giới gây quĩ than phiền rằng cử tri Cộng-hòa như không mấy quan tâm nhiệt thành như trước.

Nghị sĩ Charles Schumer (Dân-chủ, Nữu-Ước) cho biết ông nhận được món tiền ủng hộ tối đa luật pháp cho phép từ một cử tri Cộng-hòa. Đây có thể là trường hợp hiếm hoi, nhưng

phe Cộng-hòa có vẻ lo sợ thiếu người tình nguyện hoạt động tranh cử cho đảng. Phe Dân-chủ nương theo đây và hồ hởi đi tìm cũng như nhắm vận động vào giới Cộng-hòa ôn hòa. Mới đây họ cũng thử chạy những quảng cáo chính trị trong bốn tiểu bang bảo thủ về kế hoạch cải tổ an sinh xã hội của tổng thống Bush —nhiều đề nghị trong kế hoạch này bị giới tôn giáo bảo thủ xem như không thể chấp nhận được. Phe Cộng-hòa không lo sợ mấy về cử tri *core voter* ra đi bỏ họ. Mối lo đúng ra là thành phần chủ lực này không chịu đi bầu, giống như bầu cử Quốc-hội năm 1994 khi số cử tri Dân-chủ tụt hẳn xuống đưa chiến thắng vẻ vang cho phe Cộng-hòa. Tỉ số cử tri đi bầu cuối năm nay hiện khó tiên đoán được, tuy nhiên nhìn vào xu hướng những bầu cử mới đây cử tri Dân-chủ có đi bầu đông đảo hơn cử tri Cộng-hòa.

Đáng quan ngại hơn nữa là thái độ bất mãn chống đối những người đương quyền của cử tri nói chung. Dĩ nhiên cả hai đảng đều lo sợ thái độ này, nhưng phe Cộng-hòa sẽ mất mát thua lỗ nhiều hơn vì họ là phe đa số cầm quyền và sẽ là cái đích lớn cho những chống đối bất mãn này. Trong bầu cử sơ bộ ở tiểu bang Indiana, một nhà chính trị "mặt mới" đánh bại chủ tịch thượng viện tiểu bang với 36 năm trên chính trường. Ở Pennsylvania bầu cử sơ bộ loại hết ít nhất là 17 nhân vật dân cử đương nhiệm —trong số đó chỉ có sáu nhân vật Dân-chủ bị loại— với lý do chính giới dân cử đa số Cộng-hòa đã bỏ phiếu tự tăng lương gấp rưỡi cũng như tăng thuế và chi tiêu quá mức. Một vị dân cử nhận xét, "Đây là bằng chứng cho thấy giới cử tri Cộng-hòa bất mãn đến mức nào. Và đây cũng là cảnh cáo cho phe Cộng-hòa trước bầu cử cuối năm nay."

Sau bầu cử đặc biệt ở San Diego nói ở trên phe Cộng-hòa có vẻ lạc quan hơn vì họ có thể bảo vệ thành trì của mình trong một môi trường chính trị thù nghịch (vì hai nhân vật Cộng-hòa: ông Cunningham mất chức vì hối lộ và đi tù; ông Bilbray làm nghề "lốp-bi"). Nhưng việc ứng viên Cộng-hòa Bilbray thắng cử ở San Diego không đưa đến một cái nhìn rõ rệt về kết quả bầu cử cuối năm: Liệu phe Cộng-hòa có giữ nổi đa số trong Quốc-hội bằng cách giữ được những ghế thuộc các đơn vị ngang ngửa giữa hai phe —khác với đơn vị San Diego hầu như luôn luôn bầu cho ứng viên bảo thủ. Nói một cách khác, cuộc bầu cử đặc biệt không thể là một "tiền lệ" hoàn hảo. Nhưng nó cũng là điều nhắc nhở những giới hạn trên khả năng cũng như ước vọng của phe Dân-chủ muốn chuyển hóa những bất bình với ông Bush và sự khinh thường Quốc-hội với đa số Cộng-hòa thành thắng lợi rõ rệt ở những đơn vị có truyền thống bảo thủ. Mức ủng hộ quá thấp cho chính quyền và Quốc-hội không nhất thiết giúp phe Dân-chủ đạt được chiến thắng vẻ vang như phe Cộng-hòa đã thành công năm 1994.

Phe Cộng-hòa có thể nói ngay rất thực tiễn rằng ai muốn phân tích mổ xẻ cách nào tùy ý, sự thật ở San Diego là họ thắng. Nhưng cũng thực tế nhìn vào cái giá của thắng trận, đây không phải là nhỏ. Phe Cộng-hòa phải đổ tiền bạc và nhân lực ghê gớm vào cái chiến thắng tương đối khiêm nhường (49 phần trăm thắng, so với 45 phần trăm thua) ở một đơn vị họ vẫn quen chiến thắng dễ dàng (ông Bush thắng 55 phần trăm ở đây năm 2004). Tổng thống và phu nhân Laura Bush, phó tổng thống Dick Cheney và nghị sĩ John McCain (một ứng viên tổng thống Cộng-hòa năm 2008) đều ghi âm những thông điệp qua điện thoại thúc đẩy cử tri bỏ phiếu cho ông Bilbray. Ủy-ban Cộng-hòa Toàn-quốc bỏ ra ít nhất bốn triệu rưỡi đô-la vào tranh cử với cả trăm nhân viên điều hành và người tình nguyện. Ông Mark Mellman, một nhà thăm dò dư luận Dân-chủ nhận xét: "Họ sẽ không có bốn hay năm triệu đô-la để đổ vào bảo vệ số ghế Cộng-hòa ở những đơn vị ngang ngửa giữa hai đảng [khác với San Diego thiên Cộng-hòa rõ rệt]."

Giới chiến lược Dân-chủ đưa ra nhận xét lạc quan: nếu các ứng viên Cộng-hòa lấy được tỉ số phiếu nhỏ hơn tỉ số phiếu ông Bush thắng năm 2004 ở các đơn vị khác, phe Dân-chủ chắc chắn sẽ thắng mười-lăm ghế cần thiết để lấy lại đa số. Hoặc phe Dân-chủ chỉ cần lấy lại những ghế ở những đơn vị thiên Dân-chủ hoặc ngang ngửa nằm rải rác ở vùng Đông Bắc và vùng kỹ nghệ Trung Tây Hoa-Kỳ.

Ông Stuart Rothenberg, một nhà thăm dò dư luận độc lập, và một số nhà phân tích chính trị khác lại nhận xét khác hẳn: nhìn vào cuộc bầu cử đặc biệt, phe Dân-chủ khó mà lạc quan rằng những bất mãn với phe Cộng-hòa sẽ cho phép đảng Dân-chủ mở rộng chiến trường đến các đơn vị có truyền thống Cộng-hòa.

Wolfgang Amadeus Mozart
Cuộc đời, Sự nghiệp, Tác phẩm

CUNG TIẾN

Chân dung Mozart do Joseph Lange vẽ khoảng năm 1789.

Ngày 27 tháng Giêng 2006 vừa qua, lúc 20:00 giờ đúng, chuông các nhà thờ thành phố Salzburg, Áo quốc, đã đua nhau đổ liên hồi, rộn rã. Ngày, giờ đó là ngày, giờ sinh của Mozart 250 trước đây; thành phố đó là nơi sinh trưởng của nhà soạn nhạc được kính trọng và yêu mến nhất này trong lịch sử âm nhạc cổ điển Tây phương.

Những hồi chuông ấy rung lên cũng để báo hiệu ngày chính thức khai mạc Năm Kỷ niệm Mozart ("Mozartjahr 2006") tại Áo, đặc biệt là trong hai thành phố mà Mozart đã cư ngụ trong cuộc đời ngắn ngủi (35 năm) của mình: Salzburg và Wien. Và chẳng phải chỉ duy tại hai thành phố này mà thôi: hầu như cả toàn cầu đã, đang và sẽ được nghe các tác phẩm của nhà soạn nhạc vĩ đại này trong năm nay.

Những phòng hòa nhạc tại hàng trăm thành phố lớn khắp năm châu đã và còn tung ra những buổi trình diễn đón mừng năm sinh này. Chẳng hạn, Đài Phát thanh Thụy Điển đã dựng lên một đài trên Mạng lưới truyền thanh nhạc Mozart suốt 24 tiếng mỗi ngày, năm ngày mỗi tuần. Những dàn nhạc và rạp nhạc kịch lẫy lừng thế giới đã chuẩn bị trình diễn nhạc của ông tại New York, Mạc-tư-khoa, Washington, Praha, Paris, Đông-kinh, Caracas, Quito, Ha-vana, Thành phố Mễ-tây-cơ, Đài-bắc, Budapest, và nhiều thành phố khác nữa trên thế giới.

Kỷ niệm không rời

Tôi còn nhớ mãi, tại Sài Gòn, cũng trong dịp sinh nhật đó 50 năm về trước, lần đầu trong đời tôi đã được nghe nhạc Mozart trình diễn "tại chỗ" (*"live"*) để mừng 200 năm ông ra đời. Đó là một "phát hiện" vô cùng xúc động cho tôi. Trước kia, tôi đã biết đến Mozart qua Đài phát thanh Pháp-Á và Đài Quốc gia. Ngoài những độc tấu khúc (*sonatas*), một số nhạc "thính phòng" (*chamber music*), tôi còn vẳng nghe trong tâm tưởng một khúc nhạc cho tới hôm nay vẫn còn rất phổ biến trên thế giới. Đó là dạ khúc (*serenade*), K. 525[1] viết cho ban đàn dây, mang tên *Eine kleine Nachtmusik* ("Một khúc nhạc đêm nhỏ", 1787).

Nhưng trong cái tháng giêng kỷ niệm ấy (năm 1956), tôi đã được nghe nhạc giao hưởng, hiệp tấu khúc (*concertos*) cho dương cầm và vĩ

cầm, tam tấu khúc (*trio*) và tứ tấu khúc (*quatuor*) nữa.

Chương trình "Đại Nhạc Hội" năm kỷ niệm ấy do Nha Vô tuyến Truyền thanh Quốc gia tổ chức, dưới sự bảo trợ của Bộ Thông tin và Thanh niên[2]. Suốt từ ngày 24 tháng giêng cho tới 2 tháng hai, 1956, Bộ này đã tổ chức các buổi nói chuyện, diễn thuyết (mà cố nhạc sĩ Thẩm Oánh, ? - 1996, là một diễn giả), các buổi trình tấu nhạc thính phòng và nhạc hòa tấu, tại Thính đường Trường Sư phạm, Hội Liên minh Pháp, và rạp Thống nhất. Dàn nhạc giao hưởng còn được Tổng thống Ngô Đình Diệm mời vô trình diễn trong Phủ toàn bộ chương trình vào đêm 1 tháng hai.

Người điều khiển Dàn nhạc Giao hưởng thứ nhất đó của Việt Nam là cố nhạc sĩ Michel Nguyễn Phụng (1927-2005), tốt nghiệp môn Điều khiển Dàn nhạc tại Nhạc viện Cao đẳng Quốc gia ở Paris. Hai nhạc sĩ cộng tác với dàn nhạc trong tư cách độc tấu là Brigitte de Beaufond (vĩ cầm) và Nghiêm Phú Phi (dương cầm). Người ngồi ghế đầu bộ phận vĩ cầm I (*"concert master"*) là Roubin Gabriel, do Tòa Đại sứ Pháp cung cấp; và người ngồi ghế kế bên là cố nhạc sĩ Nguyễn Văn Giệp. Trong ban nhạc còn một số nhạc công Việt Nam khác, như cố nhạc sĩ Vũ Thành (sáo dài), các nhạc công đàn dây Đan Thọ, Trần Đình Cầu, Dương Văn Huyến, Đoàn Quang Minh, và kèn gỗ như Lưu Văn Khoa (*clarinet*), vv. Trong phần nhạc thính phòng, ngoài Nguyễn Văn Giệp, còn có nhạc sĩ đại đề cầm (*cello*) Nguyễn Trí Nhường, và nhạc sĩ dương cầm Nguyễn Cầu.

Hồi ấy tôi đang theo học năm chót trung học ở trường Chu Văn An. Mặc dù đang là năm phải học thi, tôi vẫn cứ bỏ lớp đi nghe dàn nhạc tập dượt ở Trường Sư phạm. Chương trình nhạc khá phong phú, gồm hai tiền tấu khúc (*overtures*) cho hai vở hài nhạc kịch (*opere buffe*) nổi tiếng nhất của Mozart là *Đám cưới Figaro* (*Le nozze di Figaro*, 1786), và *Gã Don Juan* (*Il Don Giovanni*, 1787); hai hiệp tấu khúc, một cho vĩ cầm, và một cho dương cầm. Tấu khúc cho vĩ cầm, do Brigitte de Beaufond đảm nhiệm, là Hiệp tấu khúc K. 216 (1775), cung Sol trưởng; tấu khúc cho dương cầm, là chuyển động chậm mang một nhan đề khá lãng mạn là "Romanze" của Hiệp tấu khúc K. 466 (1785) cung Ré thứ, do Nghiêm Phú Phi. Concerto K. 466 là một trong các hiệp tấu khúc của Mozart được trình tấu thường xuyên nhất; nó đã gây nhiều ấn tượng mạnh nơi Beethoven hồi trẻ, do đó chính Beethoven đã chơi và soạn các *cadenzas*[3]. Theo Charles Rosen , một dương cầm thủ và nhạc học nổi tiếng, "Đó là một thực hiện đầy đủ nhất của cái khía cạnh Mozart mà thế kỷ 19 đặt tên rất đúng là 'thần sáng tạo'..." (Trong *The Classical Style*, tr. 228).

Bản Giao hưởng duy nhất được Nguyễn Phụng chọn trình diễn trong các buổi hòa nhạc ấy là tác phẩm tuyệt diệu, uy nghi, hùng tráng, với kỹ thuật đối điểm[4] và fuga[5] điêu luyện, "thông thái" của Mozart: ấy là bản giao hưởng cuối cùng của Mozart, số 41, K. 551, cung Do trưởng (1788), mà về sau được ai mệnh danh là "Jupiter" (Mộc tinh, tượng trưng cho thần sấm và sét). Phần kết thúc (*finale*) bản giao hưởng số 41 có năm nhạc đề ngắn tíu tít "nói chuyện" với nhau. Năm nhạc đề này được phối hợp theo kỹ thuật đối điểm nghịch đảo (*invertible counterpoint*), nghĩa là tất cả có thể xướng lên cùng một lúc, mà bất cứ nhạc đề nào cũng có thể ở trên hay ở dưới các nhạc đề khác mà vẫn tôn trọng luật hòa âm. Mozart đã soạn bản này và hai bản giao hưởng nổi tiếng khác (số 39, K. 543, cung Mi giáng trưởng, và số 40, K. 550, cung Sol thứ) trong một thời gian kỷ lục: sáu tuần lễ, từ 26 tháng 6, tới 10 tháng 8, 1788!

Sau trời là papa

Salzburg ngày nay là một bang độc lập của nước Áo. Nhưng thời Mozart, nó là một thành-quốc trong đế chế La-mã. Người đứng đầu tiểu công quốc đó là Công tước-Tổng giám mục thuộc Giáo hội Công giáo. Thực ra, thời đó dân Salzburg không nhận mình là người nước Áo, mà là người Đức —không trong cái nghĩa chính trị như các thế kỷ sau này phân biệt, mà vì tiếng mẹ đẻ là tiếng Đức, hoặc một trong các phương ngữ của nó.

Gia đình Mozart theo đạo Công giáo. Tên rửa tội (tên thánh) của Mozart, nguyên tiếng Hy-La là Joannes Chrysostomus Wolfgangus Theophilius, được đặt theo tên vị Thánh của ngày sinh ông (Joannes Chrysostomus), tên ông ngoại (Wolfgang), và tên cha đỡ đầu (Theophilius). Tên tiếng Đức là Johann Chrysotom Wolfgang Gottlieb. Về sau Mozart đổi Theophilius, hay Gottlieb, thành Amadeus (cả ba đều có nghĩa là "Thiên Sủng" – "Trời Thương"). Nhưng trong thời trưởng thành, ông

thường ký tên là Wolfgang Amadeus (hoặc Amadé, theo tiếng Pháp).

Ông là con út, và là một trong hai người con sống sót, của Leopold Mozart (1718-1787) và Maria Anna (nhũ danh Pertl, 1720-1778); người kia, chị ông, là Maria Anna Walburga Ignatia (nhà thường gọi yêu là "Nannerl"), cũng là một nhạc sĩ piano có tài (1751-1829). Cha mẹ ông sinh cả thảy được bảy người con; năm người chết yểu.

Cả hai chị em Mozart đều không được đi học ở trường, mà hoàn toàn học ở nhà, dưới sự dạy dỗ của bố. Ông bố vô cùng tận tụy và sáng trí, dạy con đọc và viết, số học, sử và địa, ngoại ngữ (Anh, Pháp, Ý). Cả hai trẻ đều có chữ viết tốt, đọc rộng, họa giỏi và ăn nói rất lưu loát. Và tất nhiên được chuyên học về âm nhạc nữa. Vì Leopold Mozart, không những thuở thiếu thời được giáo dục bởi các thày tu dòng Tên, rồi theo học một thời gian ngắn tại trường đại học dòng tu Biển-đức (Benedictine) tại Salzburg, còn là một vĩ cầm thủ, một nhà soạn nhạc có tài, và một thày dạy nhạc có năng khiếu. Cuốn chuyên luận về cách dạy đàn vĩ cầm của Leopold, xuất bản năm 1756, về sau được dịch sang nhiều thứ tiếng và trở thành một sách giáo khoa căn bản khắp Âu châu trong hậu bán thế kỷ 18. Và tất cả những gì Leopold biết, ông đã truyền lại cho người con trai út—từ cách phối hòa âm một giai điệu, cách đặt một câu cho điệu vũ *menuet*, đến chơi đàn clavico (*clavecin; harpsichord*), và vĩ cầm.

Sau khoảng năm 1760, Leopold bỏ hết sức lực vào việc dạy nhạc cho hai người con. Mặc dù một số trong giới viết tiểu sử ngày nay (thí dụ Maynard Solomon, sách dẫn trong phần "Tài liệu tham khảo"), có khuynh hướng chỉ trích Leopold là một ông bố che chở con mình quá đáng và còn khai thác chúng cho tư lợi nữa, nhưng Leopold cho rằng sứ mệnh của mình là tiết lộ cho thế giới biết "cái phép lạ mà Thượng đế đã ban cho sinh ra tại Salzburg." Ta phải khen phục rằng ông đã có công cho con trai mình cơ hội tiếp xúc với những phong cách âm nhạc quốc tế, mà sau này giúp rất nhiều vào sự phát triển âm nhạc của người con. Bởi lẽ, trong những năm hình thành tài năng và phong cách của Mozart, 1762 tới 1781, ông đã được bố dắt đi "tour" các thủ đô âm nhạc Tây Âu (Áo, Đức, Hòa-lan, Anh, Pháp, và Ý), cho dù chỉ với mục tiêu kiếm được một việc làm, và một địa vị âm nhạc trong triều đình.

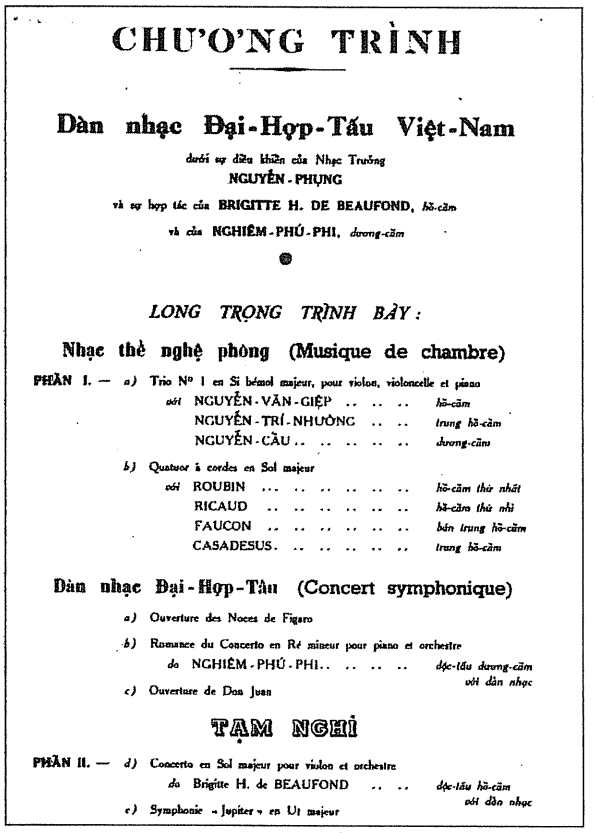

CHƯƠNG TRÌNH

Dàn nhạc Đại-Hợp-Tấu Việt-Nam

dưới sự điều khiển của Nhạc Trưởng
NGUYỄN-PHỤNG

và sự hợp tác của BRIGITTE H. DE BEAUFOND, hồ-cầm

và của NGHIÊM-PHÚ-PHI, dương-cầm

LONG TRỌNG TRÌNH BÀY :

Nhạc thể nghệ phòng (Musique de chambre)

PHẦN I. — a) Trio N° 1 en Si bémol majeur, pour violon, violoncelle et piano
với NGUYỄN-VĂN-GIỆP .. .. .. hồ-cầm
NGUYỄN-TRÍ-NHƯỜNG .. .. trung hồ-cầm
NGUYỄN-CẦU .. .. dương-cầm

b) Quatuor à cordes en Sol majeur
với ROUBIN ... . hồ-cầm thứ nhất
RICAUD .. .. hồ-cầm thứ nhì
FAUCON .. .. bán trung hồ-cầm
CASADESUS. .. .. trung hồ-cầm

Dàn nhạc Đại-Hợp-Tấu (Concert symphonique)

a) Ouverture des Noces de Figaro

b) Romance du Concerto en Ré mineur pour piano et orchestre
do NGHIÊM-PHÚ-PHI.. .. .. .. độc-tấu dương-cầm với dàn nhạc

c) Ouverture de Don Juan

TẠM NGHỈ

PHẦN II. — d) Concerto en Sol majeur pour violon et orchestre
do Brigitte H. de BEAUFOND .. .. độc-tấu hồ-cầm với dàn nhạc

e) Symphonie « Jupiter » en Ut majeur

Chương trình Dàn nhạc Đại Hợp Tấu Việt Nam

Ngoài những kiến thức phổ thông, ngoài âm nhạc, Leopold còn dạy Mozart cách "sống ở đời." Rằng thế giới được cai trị bởi những người giàu; rằng đồng tiền, chứ không phải trí thông minh hoặc tài năng, mang lại cho ta quyền thế. Cho nên ta phải giàu; muốn giàu, khi ta đẻ ra đã nghèo, thì phải đi kiếm bạc; muốn kiếm bạc (mà không ăn cắp) ta phải có cái gì để bán; muốn có gì để bán được, ta phải làm nó ra; muốn làm nó ra, ta phải biết; vì vậy; phải làm việc. Và Mozart đã làm việc, làm việc và làm việc suốt đời, ngay cho tới phút trước khi nhắm mắt.

Mozart thương cha tha thiết như Leopold thương con. Cho nên người ta hiểu được tình cảm của cậu bé Mozart: thư viết cho bố hồi thiếu niên thường chấm dứt với câu "Sau Thượng đế là Papa."

"...ngày mai có thể con sẽ không còn ở đây nữa..."

Theo Stendhal (1783-1842)[6], trong cuốn *Đời Mozart* (1814), mà phần lớn lấy tài liệu của Schlichtegroll[7], một trong mấy người sớm nhất viết tiểu sử về Mozart[8], thì suốt đời Mozart ốm yếu; người bé nhỏ, cao 1 mét 63, gầy ốm, nước da tái; và mặc dù có một khuôn mặt lạ thường, nhưng diện mạo ông không có gì đặc biệt ngoài đôi mắt rất lớn và ngoài cái đặc tính là dễ biến đổi vô cùng: luôn luôn cho thấy lúc vui, lúc buồn từng phút. Người ta cũng để ý nơi Mozart một trạng thái thường xuyên căng thẳng, bồn chồn, như bị kích thích (*nervous*): các ngón tay luôn luôn gõ xuống mặt bàn hay lưng ghế, chân luôn luôn giậm xuống đất.

Từ nhỏ, Wolfgang đã mang nhiều bệnh. Hồi sáu tuổi bị một trận đau nặng do vi khuẩn liên cầu (*streptococcus*). Sau đó bị viêm khớp mãn tính. Hồi lên chín bị hôn mê vì sốt thương hàn, tưởng đã chết. Hồi 11 tuổi, bị bệnh đậu mùa, rồi viêm gan, rồi áp-xe răng. Từ năm 1784 trở đi, Mozart bị nhiều trận ỉa chảy dữ dội và đau thận: bệnh này có thể là nguồn gốc cái chết sớm của ông, lúc mới 35 tuổi. Ngoài các tài liệu tiểu sử do những người đồng thời của ông viết về sức khỏe Mozart, kho tàng trên 2 000 lá thư của gia đình Mozart viết cho nhau là một nguồn thông tin vô giá[9]. Trong các thư đó, ông thường nói tới sự chết một cách thản nhiên, vui lòng chấp nhận định mệnh. Chẳng hạn thư viết cho bố ngày 4-4-1778 khi được tin ông này đang đau nặng và sắp chết: "Con cảm ơn Thượng đế đã cho con cơ hội [...] để học biết rằng [sự chết] là chìa khóa cho phúc thật của chúng ta. Buổi tối, không bao giờ con đi ngủ mà không suy nghĩ rằng có thể ngày mai (mặc dù con đang còn rất trẻ) con sẽ không còn ở đây nữa..." (Còn một kỳ)

Chú thích:

(1) "K." là chữ viết tắt của *K chel Verzeichnis* ("Danh mục liệt kê của K chel"). Ludwig von K chel (1800-1877) là một nhà thực vật học, khoáng chất học, và nhà giáo dục thành Wien. Ông sưu tầm và xuất bản danh mục liệt kê những tác phẩm của Mozart vào năm 1862. Danh mục này ghi ra toàn bộ tác phẩm Mozart theo thứ tự thời gian sáng tác, và cho mỗi tác phẩm một con số "KV" hoặc "K". Từ đó tới nay danh mục này đã được cập nhật nhiều lần bởi nhiều nhà nhạc học chuyên về Mozart.

(2) Người viết xin thành thực cảm tạ nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi đã cung cấp các tài liệu về dịp kỷ niệm 200 năm sinh nhật Mozart này ở Sài Gòn.

(3) Các đoạn nhạc độc tấu có tính cách điêu luyện, điển hình chơi trước đoạn chót mỗi phần (chuyển động) của bản nhạc. Chúng có thể do chính tác giả, hoặc do một nhà soạn nhạc khác viết ra, hoặc do nhạc sĩ độc tấu chơi tùy hứng, cốt để trổ tài kỹ thuật biểu diễn của mình. Các *cadenzas* của Beethoven soạn cho concerto số 20 của Mozart hiện nay vẫn còn được dùng; chẳng hạn, Martha Argerich, với Orchestra di Padova e del Veneto, do Alexandre Rabinovich điều khiển; TELDEC 4509-98407-2.

(4) *Counterpoint*: Kỹ thuật phối hợp hai hay nhiều làn điệu cho xướng lên cùng một lúc với nhau mà vẫn tôn trọng luật hòa âm.

(5) *Fugue*: kỹ thuật đối điểm phỏng mẫu (*imitative counterpoint*) , theo đó các nhạc đề được các giọng ca (hoặc nhạc cụ) lần lượt xướng lên theo một qui luật nhất định trong hệ thống nhạc chủ âm (*tonal music*).

(6) Tác giả *Cái đỏ và cái đen* (1830) và *Tu viện dòng chartreuse tại Parma* (1839).

(7) Friedrich von Schlichtegroll, *Chrysostomos Wolfgang Gottlieb Mozart* (1793).

(8) Nhưng nguồn gốc căn bản về tiểu sử Mozart là cuốn của Georg Nikolaus von Nissen (1761-1826), nhà ngoại giao Đan-mạch và nhạc sử, chồng sau của góa phụ Constanze Mozart, xb. hai năm sau khi Nissen chết, 1828, nhan đề *Biographie W. A. Mozart's*. Sách dựa trên kho thư từ của gia đình nhà soạn nhạc.

(9) Nhà xb. Flammarion ở Pháp, hồi tháng giêng năm nay đã cho phát hành kho tàng đó, nhan đề *Correspondance de Mozart* (một bộ gồm bảy cuốn), do Geneviève Geffray dịch.

Tài liệu tham khảo và để đọc thêm

Sách:

- Anderson, Emily (biên tập và dịch), *The Letters of Mozart and His Family* (3rd edition, London, 1985).
- Brown, A. Peter, "'Amadeus' and Mozart: Setting the Record Straight", in *The American Scholar*, Winter 1992.
- Downs, Philip G., *Classical Music–The Era of Haydn, Mozart, and Beethoven* (W.W. Norton and Company, NY, 1992).
- Glover, Jane, *Mozart's Women–His Family, His Friends, His Music* (Harper Collins Publishers, NY, 2005).
- Keefe, Simon P. (Ed.), *The Cambridge Companion to Mozart* (Cambridge University Press, Cambridge, UK, 2003).
- Randel, Don Michael, *The Harvard Biographical Dictionary of Music* (The Belknap Press of Harvard University Press, Cambrifge, Mass., 1996).
- Rosen, Charles, *The Classical Style: Haydn, Mozart, Beethoven* (W.W. Norton and Co, NY, 1992).
- - - - -, *Piano Notes: The World of the Pianist* (The Free Press, NY, 2002).
- Sadie, Stanley, *The New Grove Mozart* (W.W. Norton and Co., 1983).
- Solomon, Maynard, *Mozart–A Life* (Harper Collins Publishers, NY 1995).
- Slonimsky, Nicolas, *Lectionary of Music* (McGraw-Hill Publishing Co., NY, 1989).
- Warrack, John and Ewan West, *The Oxford Dictionary of Opera* (Oxford University Press, UK, 1992).

Các tạp chí:

- *L'Express*, "Hồ sơ đặc biệt" về Mozart, 22-12-2005.
- *Nouvel Observateur*, số đặc biệt kỷ niệm Mozart, 22-12-2005.

Mạng lưới thông tin điện tử:

- Boerner, Steve, *The Mozart Project* (www.mozartproject.org).
- Internationale Stiftung Mozarteum Salzburg, *Mozarteum Salzburg*.
- Wikipedia, bách khoa thư miễn phí.

Bức tranh Đám mây Mozart tại Vienna. Ảnh Lưu Văn Vịnh

Mozart mất ngày mùng năm tháng 12 năm 1791.

Mười lăm năm trước, thế giới không kỷ niệm 200 năm ngày giỗ Mozart rầm rộ như những sinh hoạt được phát động từ ngày 27 tháng Giêng năm nay để mừng 250 năm ngày sinh của ông. Phải chăng là từ trong tiềm thức nhân loại đã muốn chào mừng nhiều hơn là vĩnh biệt một nhân vật bật sáng như một ngôi sao băng trong cõi tục lụy này?

Mozart sinh năm 1756, "hưởng dương" có 35 tuổi.

Chữ "hưởng" ấy là một ước lệ, như nhiều ước lệ khác còn được dùng để nói về Wolfgang Amadeus Mozart. Chúng ta có thói quen lấy gang tay của mình để đo giải Thiên Hà, và dùng những khái niệm hữu hạn để nói về cõi vô tận.

Trong 35 năm tại thế, Mozart hưởng không nhiều, nhưng nhân loại lại được hưởng quá nhiều những gì ông để lại cho đời.

Mozart học đàn từ khi còn bé, có khi đã từ mấy kiếp và là một diệu thủ được thân phụ dắt đi lưu diễn khắp Âu Châu như một thần đồng. Loài người không còn được nghe tiếng đàn Mozart vì thời ấy chưa có máy ghi âm, chỉ được biết là cậu bé gầy yếu này được các triều đình và giới quyền quý Âu châu đón chào như một "quái tượng." Mozart chơi piano-forte, violin và nhiều nhạc cụ khác ở mức siêu đẳng, thuộc loại hay nhất Âu Châu thời ấy.

Hãy nghĩ đến một gánh xiếc thời nay để thương cho con người ấy.

Thời nay, nhân loại có văn minh hơn, nên việc thân phụ khai thác một đứa trẻ như vậy chưa chắc đã được chấp nhận.

Không được nghe diệu thủ Mozart, nhân loại ngày nay vẫn được nghe những tác phẩm của kỳ danh Mozart: cậu bé viết hợp tấu concerto đầu tiên khi lên năm, bản giao hưởng symphony đầu tiên khi lên bảy, cả một vở opéra khi mới 12. Ngôi sao băng này tỏa sáng trong hầu hết mọi lãnh vực âm nhạc, Mozart soạn hợp xướng, opéra, nhạc thính phòng, cho dàn giây tứ tấu hay ngũ tấu, các bản hợp tấu hay solo concerto, viết nhạc dạo và còn nhiều thể loại khác mà thể loại nào cũng lên tới mức toàn hảo. Nghệ thuật dương cầm chịu ơn Mozart nhờ những bản piano concertos, được hậu thế coi là những sáng tác đẹp nhất của ông.

Trong vỏn vẹn 35 năm hưởng dương, Mozart

để lại hơn 650 tác phẩm, nếu có được ghi âm và phát hành thì hơn 200 giờ âm nhạc Mozart sẽ là một chồng CD cao gấp đôi vóc dáng nhỏ nhắn của tác giả.

Sau nhiều năm đau yếu và túng thiếu, Mozart tạ thế vì bệnh, được "an táng" trong một mồ chôn tập thể.

Loài người quả thật là thiếu tử tế.

Sau mối tình vô vọng với Aloysia Weber, Mozart thành hôn với em gái Aloysia nhưng bị thân phụ chống đối vì cho là nàng ca sĩ Constance Weber này chưa xứng với con mình. Hai người có sáu con thì chỉ hai con trai thoát cảnh yểu tử. Cả hai lại không lập gia đình và không có con. Mozart không để lại gì cho gia đình, nhưng cho nhân thế một di sản âm nhạc lớn lao.

Mười tám năm sau khi Mozart ra đi, Constance tái giá với một nhà ngoại giao Đan Mạch. Mảnh sao băng vụt tắt, vòm trời trở lại vùng tối đen trong khá lâu. Mãi về sau, những chân tài như Beethoven, Schubert hay Chopin và cả Wagner mới biết ơn Mozart, chứ đa số nhạc sĩ đương thời vẫn coi thường di sản của ông. Loại nhạc cung đình phù phiếm.

Dù thường đau yếu, Constance Weber lại khá thọ, bà cùng chồng biên soạn lại nhiều lá thư của Mozart. Là một nhà ngoại giao và một nhà văn ngưỡng mộ Mozart, Georg Nikolaus von Nissen viết một cuốn tiểu sử về bậc thiên tài này. Rồi cả trăm năm sau, nhân loại mới thực sự khám phá ra Mozart, mỗi thời đại lại nhìn ra một khía cạnh, về con người và về tác phẩm.

Và ở mỗi tuổi, người ta lại thích một thể loại âm nhạc của Mozart.

Người Á Đông ta có một niềm tin rất kỳ, có khi lại đúng với hoàn cảnh của Mozart.

Lúc nào cũng sợ trời cướp mất con nên các cụ ưa đặt tên thật xấu để giấu con trong cõi tầm thường cho đến ngày khôn lớn. Song thân của Mozart không nghĩ vậy.

Họ đặt tên con là Johann Chrysostom Wolgang Theopilus. Hai tên đầu, Johann Chrysostom, là tên thánh của ngày sinh, Wolgang là tên ông ngoại. Khi khôn lớn, Mozart thích nhất tên thứ ba của mình, là Amadeus theo tiếng La Tinh, Theophilus theo chữ Hy Lạp, là Gottlieb theo tiếng Đức hay Amadé theo lối ông ký sau này. Mozart đi nhiều và nói nhiều thứ tiếng nên tên ông được phiên âm qua nhiều ngôn ngữ.

Có lẽ, nên hiểu Amadeus là "con cưng của Chúa" hơn là "kẻ yêu Chúa". Nên mới sớm được gọi về! Thượng Đế cho loài người như vậy là quá đủ rồi.

Mozart là đứa trẻ không có tuổi thơ.

Cậu bé được khăn áo trịnh trọng dọc ngang khắp cõi Âu Châu để giải trí cho thế giới người lớn. "Chuối non dú ép chát ngầm"... Mozart thèm khát tình thương từ thuở măng sữa và nỗi khát khao ấy tuôn vào nhạc. Người ta cứ lầm tưởng rằng thiên tài là một cống hiến tự nhiên, dễ dàng như hơi thở. Thực ra, Mozart có viết nhanh và nhiều, công trình sáng tác của ông vẫn là đoạn đường khổ ải. Ông bị vắt cho kiệt.

Mozart có nhĩ quan tuyệt hảo và ký ức phi thường nên nhớ được hết những gì đã nghe.

Đi nhiều, nghe nhiều, Mozart tiếp nhận tất cả những trào lưu sáng tác đương thời và trả lại cho đời những âm thanh châu báu, qua giai điệu trong sáng tuyệt vời mà dễ nhớ, khiến người nghe thấy mình thấm đượm những gì thanh thoát nhất của một cõi khác.

Nhưng, là đứa trẻ nghịch ngợm Mozart không có chỗ chơi.

Ông để lại một di sản thư từ với ngôn ngữ quái dị, đôi khi thô tục, làm loài người khi ấy khó chịu. Hơn hai trăm năm sau, có lẽ loài người vẫn chưa hiểu vì chỉ đo đếm âm thanh rực rỡ tựa những phiến minh châu và viết nhiều về phong cách sáng tác qua từng thời kỳ của Mozart mà vẫn chưa hiểu tâm hồn của đứa trẻ. Đôi ba lần còn hiểu sai.

Ra khỏi thế giới âm nhạc, thiên tài kỳ diệu này là một đứa trẻ không có hạnh phúc. Niềm khát khao không toại nguyện ấy có thể là một động lực sáng tác khác, một sự giải phóng.

Nghe Mozart, chúng ta có thể tin là có Thượng Đế. Nhưng nhớ Mozart, chúng ta biết chắc là loài người vẫn bất toàn. Chúng ta sẽ còn viết nhiều về Mozart, nhất là về nhạc thuật của ông, tiếp tục... dang tay đo đếm Thiên Hà. Tưởng nhớ ông, Quỳnh Giao lại muốn nghiêng về một khía cạnh khác, từ cái nhìn của một phụ nữ, của một người mẹ, và buồn về những bất công của thế giới người lớn với một đứa trẻ. Vừa thoáng gặp một vị thiên sứ của âm nhạc thì đã vội ghìm đứa trẻ vào cõi tục lụy: ngoài sự ghen ghét của nhiều tác giả đương thời, Mozart bị đủ thứ bệnh tật từ khi còn nhỏ.

Ngoài kho tàng sáng tác đã kỳ diệu, Mozart ở với thế gian lâu như vậy cũng là một phép lạ.

Cái chết của Mozart

SƠN DIỆM VŨ NGỌC ÁNH

Vào một buổi tối nóng nực giữa tháng 7 năm 1791 có một người khách lạ mặc một bộ áo quần màu xám đậm tới gõ cửa tự xưng là Anton Leitgeb xin được gặp Mozart. Từ ngày đi Prague về, Wolfgang Amedeus Mozart cảm thấy sức khỏe sa sút nên cứ tối đến, nếu không phải đi trình diễn hoặc dự một dạ hội nào thường nằm nghỉ trên chiếc ghế dài trong phòng ngủ. Khi Constanza, vợ của Mozart vào phòng mời chồng ra, Mozart từ chối.

Có lẽ phần nào nể lời người khách lạ, Constanza cố năn nỉ,. Mozart vốn nể vợ, rốt cuộc nhượng bô, uể oải đứng dậy mặc chiếc áo khoác ra tiếp khách.

Dưới ánh sáng chập chờn của mấy ngọn nến của cây đèn đặt trên lò sưởi, cách ăn mặc và bộ diện khác thường của người khách làm cho Mozart hơi giật mình. Người khách vội vàng xin lỗi về sự tới thăm quá đường đột. Không cần đợi Mozart lên tiếng, hắn tự giới thiệu là đại-diện cho một nhân vật có tiếng tăm tới đặt Mozart sáng tác một nhạc lễ Requiem (tức nhạc lễ cầu hồn cho người qua đời) đặc biệt dành cho bà vợ của ông ta mới qua đời cách đó mấy tháng. Đương trong lúc cần tiền, Mozart chấp nhận liền sau khi các điều kiện thù lao Mozart đưa ra đều được đối phương chấp thuận một cách mau chóng.

Những ngày sau đó, Mozart bỗng cảm thấy bồn chồn mỗi khi nhớ lại cuộc gặp gỡ ngắn ngủi và dường như lạ lùng kia. Rồi Mozart thầm nghĩ: phải chăng người khách lạ tới từ thế giới bên kia, và bài bản Requiem kia dành cho chính bản thân mình.

Đã có một vài lần, Mozart chia sẻ những ý nghĩ bi quan này với thân thuộc và bạn bè.

Những tháng ngày tiếp theo đó, Mozart cảm thấy khỏe và yêu đời hơn, vả lại hoàn cảnh gia đình không được sung túc, lại nợ nần nhiều, nên Mozart đã làm việc trở lại một cách thiệt hăng hái.

Cũng may là chính trong thời gian này, lần đầu tiên các nhà xuất bản bắt đầu trả bản-quyền tác-giả, đồng thời Mozart được đề cử giữ chức phụ-tá vị sư-trưởng Âm Nhạc (Kapellmeister) của nhà thờ St. Stephen. Ngoài ra Mozart đã hoàn thành và cho trình diễn tác phẩm nổi tiếng *The Magic Flute*. Vì tác phẩm chịu ảnh hưởng tư tưởng phái Tam Điểm (Franc-Masonery), nên Mozart đã làm mất lòng triều-đình và hoàng-gia Áo lúc đó. Tuy nhiên các buổi trình diễn của *The Magic Flute* rất thành công.

Những ngày cuối thu năm đó, trời bỗng trở lạnh khác thường, sức khỏe của Mozart bỗng nhiên sa sút rõ rệt, tất nhiên khả năng làm việc của Mozart cũng kém dần.

Đêm đêm Mozart thường bị sốt, ho nhiều, chân tay mỏi mệt và đau nhức, mồ hôi luôn luôn nhơm nhớp, làm cho ông không thể nào ngủ được, mặc dầu Constanza, người vợ hiền thục đầu gối tay ấp của Mozart từ gần chín năm qua đã cho chồng uống một loại trà pha mật ong được đặc chế bằng những dược thảo có tính chất bổ dưỡng và an thần. Và từ mấy ngày qua, nàng đã yêu cầu Mozart ngưng hẳn việc sáng tác và thói quen uống cà phê.

Thực ra thì từ hôm bị nhuốm bịnh, thể xác đau đớn đã vậy mà về phương diện tinh thần Mozart cũng tỏ ra xuống thấp một cách rõ rệt.

Trong khi Constanza bỏ thêm củi vào lò sưởi, Mozart vừa ho khù khụ vừa hỏi vợ: "Mấy hôm nay trời lạnh quá, giá củi than đắt lắm phải không em? Nhà hết tiền em xoay đâu ra tiền để chi tiêu và mua thêm quần áo lạnh cho các con trong mùa đông này?" Mặc dầu đau đớn, Mozart vẫn không quên lo lắng cho gia-đình và các người thân đồng thời chờ đợi một tin vui không bao giờ tới, chẳng hạn như được triều-đình đặt sáng tác những tác-phẩm mới cho ban nhạc đại hòa tấu Hoàng-gia hoặc một chức vị nào đó trong triều đình của vua Leopold II, vị hoàng-đế mới của Áo vừa được đăng quang.

Trừ những lúc nằm một mình hoặc ngủ thiếp đi vì quá mệt mỏi, Mozart nhớ và luôn nhắc nhở tới bạn bè và các người thân với những câu hỏi như: "Thằng Franz vẫn đi học đàn đều đặn đấy chứ? Antonio thường phàn nàn với tôi là thằng nhỏ không chịu đi học đều đặn, nên tôi rất lo cho nó. Nếu như em có gặp Antonio, em cứ nói là Wolfgang xin gửi lời hỏi thăm ông và trông

cậy ở nơi ông ấy rất nhiều." hoặc " Tại sao mấy hôm nay tôi không thấy Sophie tới thăm chúng ta? Sắp tới lễ Giáng sinh rồi, nhớ cố mua quà thực hậu hĩnh cho mẹ và cô bé."

Constanza trước sau sinh nở tới sáu lần, những rốt cuộc chỉ còn lại có hai con trai: Franz và Xaver. Franz là đứa con thứ, lúc đó mới chừng bảy, tám tuổi.

Antonio đây chính là Antonio Saliery, bậc trưởng thượng của giới âm nhạc tại kinh thành Vienne, người mà Mozart rất tin cậy nên đã gửi gắm con mình cho Antonio huấn luyện. Trước đó, Haydn và Beethoven cũng đã từng là học trò của Anthony Salieri, con người mà theo truyền thuyết luôn luôn ganh tị và tìm cách ngăn cản, phá phách bước tiến cũng như các nỗ lực thực hiện các dự tính trình diễn nghệ thuật của Mozart. Truyền thuyết này đã là cốt chuyện cho cuốn phim chiếu bóng Anédeus khá nổi tiếng của ngành điện ảnh Hoa Kỳ trước đây ít năm.

Sophie thì là em gái út của Constanza và Aloysa, mối tình đầu của Mozart. Từ sau ngày mẹ Mozart chết, ngoài vợ mình ra, Sophie có lẽ là người đàn bà Mozart quý mến nhất.

Giữa tháng 11 năm đó, bệnh tình của Mozart ngày càng nguy kịch hơn. Mozart sốt liên miên, luôn luôn nôn mửa, hầu như không còn có thể ăn uống được gì, chân và tay bỗng sưng lớn, làm cho ông đau đớn vôcùng. Thân mình Mozart xông ra một mùi xú uế rất đặc biệt làm cho người chung quanh thấy khó chịu. Rốt cuộc, sau một thời gian dài chịu đựng những đau đớn ghê gớm, Mozart trở nên mê mệt, nằm liệt bất tỉnh...

Tối ngày 4 tháng 12, Mozart bỗng tỉnh hẳn lại. Tối hôm đó, tác phẩm lớn cuối cùng của Mozart: *The magic flute*, được trình diễn tại Opera House của thành phố Vienne.

Trong khi Mozart mơ màng quang cảnh huy hoàng với những lời hoan hô và tiếng vỗ tay như vỡ rạp tại nhà Opera thì người phụ tá trẻ tuổi của ông là Sussmayer tới thăm.

Khi nhận ra người tới thăm là Sussmayer, Mozart tỏ vẻ rất vui mừng.

Vì sợ mình không thể hoàn thành tác-phẩm Requiem nên trước đó Mozart đã yêu cầu Sussmayer tiếp tục công việc sáng tác trong trường hợp ông qua đời hoặc ở trong tình trạng bất khả thi. Cũng chính vì lý do đó, nên sau khi trao đổi tin tức về cuộc trình diễn tác phẩm *The magic flute* , Mozart yêu cầu Constanza lấy ra bản thảo nhạc lễ Requiem để trình bày những ý-kiến và dự tính của mình về những phần còn lại của tác phẩm cho Sussmayer nghe. Mặc dầu ho, khó thở và mất tiếng, Mozart đã nhiều lần cố hát hoặc phát âm các nét nhạc, hoặc bụm miệng "*bầm bầm bầm...*" bắt chước tiếng trống viết trong tác phẩm.

Khi tới cuối phần thứ III, bắt đầu khúc Lacrimosa, cố gắng nhìn vào bản thảo đặt trước mặt, Mozart cất tiếng hát, nước mắt giàn giụa : "*Lacrimosa dies illa...* " (tiếng la-tinh, có nghĩa là: *Hôm nay là ngày buồn phiền tang tóc...*) Hát tới đây, có lẽ vì quá xúc động, Mozart bỗng nghẹn ngào, hai tay chới với rồi nằm vật xuống giường, mê man... từ đôi mắt sâu hoắm, hai hàng nước mắt vần trào ra...

Lúc đó đêm đã về khuya, ngoài tiếng khóc thút thít của mấy người thân, người ta nghe thấy rõ mồn một tiếng xe ngựa chạy lọc cọc, xa xa trên con đường vắng bên dưới...

Gần một giờ sáng đêm đó, nhà viết nhạc lớn nhất của thời đại qua đời.

Mấy ngày sau, tang lễ được cử hành một các hết sức đơn giản, với sự hiện diện một số rất ít người thân và bạn bè, mặc dầu khi còn sinh thời, hầu như cả kinh thành Vienne đều ái mộ nhà sáng tác nhạc có thiên tài đặc biệt này. Lễ cầu hồn và làm phép xác được cử hành tại nhà thờ St. Stephen. Ca-đoàn hát Requiem trong buổi lễ hôm đó do chính Anton Salieri điều khiển.

Cho tới ngày nay, người hậu thế vẫn hằng thắc mắc là tại sao trong buổi lễ an táng xác Mozart tại Nghĩa-địa không có một người thân hoặc bạn bè nào có mặt, kể cả vợ của Mozart là Constanza.

Người ta đồn rằng gia-đình Mozart lúc đó nghèo và thiếu thốn tới độ không có tiền để làm đám tang cho Mozart, do đó xác của ông đã bị quăng xuống hố chôn công cộng đổ đầy vôi sống dành cho xác những người nghèo khổ khốn cùng hoặc vô thừa nhận.

Sự vắng mặt của những người thân như đã nói ở trên quả là đúng. Sự kiện này đã gây ra nhiều thắc mắc đồng thời cũng là nguồn gốc của nhiều giả-thuyết về cái chết đầy khả nghi của Mozart.

Vốn là một thần đồng, sau này trở một thành một nhà sáng tác kỳ tài, đồng thời là một nhà trình diễn trứ danh, Mozart luôn luôn được mời đi trình diễn tại các cung đình vua chúa ở khắp các nước Âu châu, ông thường phải tiêu tốn rất nhiều tiền để may mặc, ăn ở và di chuyển đây đó. Ngoài ra ông còn là một con người rất hào phóng, rộng rãi đối với bạn bè và người thân.

Chính vì thế mà ông lúc nào cũng thiếu tiền và nợ nần cùng mình.

Với chức vụ của ông trong ban nhạc hoàng gia, hàng tháng ông được lãnh tới 800 florins, tức khoảng 10, 000 một năm, nếu tính theo tiền bây giờ thì lương hằng năm của ông tương đương với trên bốn mươi hai ngàn US dollars. Nên nhớ là vào thời đó, trên bốn chục ngàn đô-la có giá-trị và lớn hơn bây giờ gấp trăm lần. Ngoài ra lợi tức hằng năm của Mozart còn gồm có những thù lao sáng tác và lệ phí bản quyền tác giả nữa. Những số thu này đâu có nhỏ. Thực vậy, Mozart ở trong số năm phần trăm những người có lương cao nhất Âu châu thời đó. Như thế đâu có thể nói là Mozart nghèo túng. Chẳng qua vì ăn tiêu quá chớn, bóc ngắn cắn dài, nên Mozart mới luôn luôn lâm vào cảnh túng quẫn và nợ nần.

Còn về đám táng, vì không dư giả nên bất đắc dĩ Constanza đã mua cho chồng một đám tang hạng ba. Tuy cũng chỉ là một đám tang rẻ tiền, nhưng đó cũng là loại đám tang phổ thông nhất, có thể nói là của đại đa số dân chúng Vienne thời đó.

Và câu chuyện xác Mozart bị ném xuống hố chôn công cộng rồi được đổ vôi sống phủ lên trên cũng như cái chết trong sự nghèo túng cùng cực của bậc vĩ nhân thực ra chỉ là sản phẩm của óc tưởng tượng đầy tính chất lãng mạn của những người mộ mến ông tạo dựng ra sau này mà thôi.

Vì không có ai là thân thuộc hiện diện trong lúc chôn, nên sau này người ta đã không thể nào tìm ra xác của ông thực sự đã được chôn ở đâu. Có người nói là xác của ông, không hiểu vì lý do gì, đã bị người đào lên rồi sau đó thủ tiêu hoặc ăn cắp đem đi táng ở một nơi nào đó.

Sau khi Mozart qua đời, việc mổ xẻ tử thi để khám nghiệm đã không được thực hiện, hồ sơ bệnh lý cũng như giấy chứng tử không có, cộng thêm vào đó là xác của ông bị mất, cho nên, mặc dầu 250 năm đã trôi qua, người ta vẫn chưa vẫn tìm ra nguyên do cái chết có đôi chút khả nghi của Mozart.

Các nhà viết sử, các nhà khoa học, các bác sĩ nghiên cứu bệnh lý cũng như người hậu thế vốn yêu mến ông đều rất thắc mắc về cái chết của ông vì hai lý do chính sau đây:

1/ Căn cứ vào một vài lời nói của Mozart lúc sinh thời cũng như sự tiết lộ của Anton Salieri khi bị giam trong nhà thương điên thì Mozart đã bị ông ta giết bằng phương pháp đầu độc, nên đã có nhiều người đưa ra giả thuyết *Mozart đã chết vì bị đầu độc*.

2/ *Mozart đã chết vì bệnh giang mai kinh niên và chất mercure* trong loại thuốc trị bệnh giang mai thời xa xưa đó.

Mặc dầu vị giám đốc trại trị bệnh thần kinh cũng như người nữ y-tá trông coi Anton Salieri đều quả quyết là ngoài họ ra không có ai có quyền được tiếp xúc với Salieri và người bệnh nhân này luôn lầm lầm lì lì chưa bao giờ nói lên những điều như vậy, nhiều người vẫn tin huyền thoại giữa Salieri và Mozart là chuyện có thực một trăm phần trăm.

Lại có giả thuyết khá lạ lùng khác là vì một lẽ gì đó Mozart đã tạo dựng nên một cái chết hoàn toàn giả mạo để rồi trốn sang Đan mạch, đổi tên đổi họ, và ít năm sau ông đã có thể trở lại Vienne với cái tên là Georg Nicolaus Nissen và chức vụ Sứ thần của Đan Mạch tại triều đình Áo, đồng thời cưới lại người vợ yêu quý trước kia của mình là Constanza.

Suốt 250 qua, người ta đã tốn không biết bao nhiêu tiền của, công sức và giấy mực để tìm ra một kết luận thỏa đáng cho bài toán trên đây, nhưng rất tiếc hết thảy chỉ là công dã tràng.

Năm 2005, người ta đã thử sử dụng phương pháp DNA, nhưng vì còn gặp nhiều khó khăn trong vấn đề sưu tầm các mẫu DNA nên vẫn chưa có thể đi tới một giải đáp quyết định nào.

Trong khi khi chờ đợi, chúng ta chỉ cần biết Wolfgang Améus Mozart là một thần đồng, một thiên tài mà trong bao nhiêu thế kỷ mới thấy xuất hiện một lần trên địa cầu này. Có lẽ ông là một thiên thần trời sai xuống để giúp người trần thế có đươc nhưng giây phút vui vẻ thần tiên để rồi có thể tạm quên hết những nỗi đau khổ ở nơi trần thế này đồng thời như hé mở cửa thiên đường cho chúng ta nghe lén chút nhạc của các thiên thần.. Đó cùng chính là cái sức mạnh và sự huyền diệu của âm nhạc, đặc biệt là nhạc Mozart.

Không ai có thể chối cãi, Mozart đã mang đến cho nhân loại khá nhiều hạnh phúc.

Để kết thúc bài này, tôi xin phép được mượn lời của một thiên tài khác của thế kỷ 20, Albert Einstein, khi ông nói về Mozart:

"Mozart là bậc vĩ nhân vĩ đại nhất. Beethoven đã sáng tác ra âm nhạc, trong khi nhạc của Mozart trong vắt và đẹp tới cái độ mà người ta nghĩ rằng Mozart đã chỉ như tìm thấy nó mà thôi, điều đó có nghĩa nó là một điều vẫn hằng có như một phần tử của cái đẹp vốn tiềm tàng trong lòng Vũ trụ đương luôn luôn chờ đợi con người chúng ta khám phá ra một lúc nào đó."

NHẠC HỘI MOZART TẠI SÀI GÒN CÁCH ĐÂY 50 NĂM

Đầu năm 1956, một "Chương trình Đại Nhạc Hội MOZART" đã do Nha Vô Tuyến Truyền Thanh Quốc Gia tổ chức dưới sự bảo trợ của ông Bộ Trưởng bộ Thông Tin và Thanh Niên. Trong một bản Thông báo mang tên "Thần Đồng Mozart," nha Vô Tuyến Truyền Thanh viết:

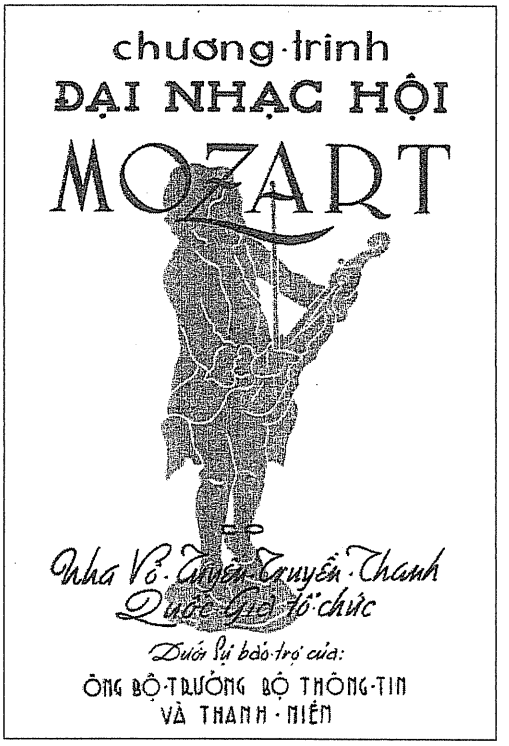

"Năm 1956 này, toàn thể thế giới, nhất là những nước văn minh, dân chủ đều lần lượt, làm lễ kỷ niệm đệ nhị bách chu niên ngày sinh nhật của một Thần Đồng Âm Nhạc, một thiên tài muôn thuở: WOLFGANT AMÉDÉ MOZART.

Nước Việt Nam Cộng Hòa của chúng ta, lần đầu tiên, trân trọng góp phần suy tôn bậc vỹ nhân MOZART. Sáng kiến của ông DOAN VAN CUU, Giám Đốc Nha Vô Tuyến Truyền Thông Quốc Gia, tổ chức Đại Nhạc Hội Mozart này, đã được thượng cấp chấp thuận và nhạc giới hoan nghênh.

Thực là một bước mạnh tiến trên con đường Việt Nhạc, đưa tới nơi họp mặt, để cảm thông, của nền nhạc năm châu." (...)

Trong lúc khắp nơi trên thế giới rầm rộ tổ chức kỷ niệm 250 Mozart trong năm 2006 này, chúng ta không ngờ đúng 50 năm trước đây tại thủ đô Sài Gòn của miền Nam Việt Nam cũng đã tổ chức kỷ niệm Mozart nhân 200 năm ngày sinh của ông. Lúc ấy, nền đệ nhất Cộng Hòa vừa mới khai sinh, một tổ chức như Festival Mozart này được xem là một bước mở đường sinh hoạt cho nền văn hóa đa dạng của một quốc gia chọn con đường khai phóng và dân chủ.

Chương trình kéo dài từ ngày 24 tháng 01 đến ngày 2 tháng 2 năm 1956 với các buổi thuyết trình và hòa nhạc Mozart. Nhạc sĩ Thẩm Oánh đã nói chuyện về *Thần đồng Mozart* trong hai ngày 24 và 25 tháng 01, tại thính đường trường Sư Phạm Quốc Gia. Một diễn giả người Pháp, ông Faucon nói về Mozart vào ngày 26 tháng 1. Cũng tại trường Sư Phạm, và thêm một địa điểm nữa là Alliance Francaise, các buổi nhạc thính phòng, mà thời ấy gọi là "Trình tấu nhạc thể nghệ phòng" (Concerts de Musique de Chambre) được tổ chức vào các ngày 27 và 28 tháng 1 năm 1956.

Sang ngày 1 tháng 2, 1956, lúc 9 giờ tối, một buổi trình tấu quan trọng đã được tổ chức tại dinh Độc Lập với sự chủ tọa của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Một số nhân vật quan trọng khác như Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, ông Phạm Văn Nhu chủ tịch Quốc Hội, ông bà Ngô Đình Luyện v.v... có mặt trong buổi này (xin xem hình). Buổi này do nhạc trưởng Nguyễn Phụng điều khiển, với sự cộng tác của Brigitte H. de Beaufond (vĩ cầm và hồ cầm), Nghiêm Phú Phi (dương cầm) cùng với giàn "Đại nhạc tấu Việt Nam" (Symphonic Orchestra of Vietnam) như cách gọi của thời ấy. Giàn nhạc gồm cả nhạc sĩ Việt và Pháp, như Nguyễn Văn Giệp (vĩ cầm), Nguyễn Trí Nhường (hồ cầm), Nguyễn Cầu (dương cầm), Roubin (vĩ cầm), Ricau (vĩ cầm), Faucon (alto), Casadesus (hồ cầm). Chương trình chia làm hai phần, phần đầu là nhạc thính phòng với các tác phẩm như *Trio N.1 en Si bémol majeur* dành cho vĩ cầm, hồ cầm và dương cầm, *Quatuor en Sol majeur*; phần hai là đại hòa tấu gồm *Ouverture des Noces de Figaro, Ouverture de Don Juan, Symphonie Jupiter en Ut majeur* v.v...

Tuần lễ Đại nhạc hội Mozart kết thúc với một buổi trình diễn quy mô cho công chúng tại rạp Thống Nhất vào 9 giờ tối ngày 2 tháng 2 năm 1956, với thành phần trình tấu và nội dung tương tự các buổi trước.

Trong số báo kỷ niệm 250 năm Mozart này, *Thế Kỷ 21* rất cảm động giới thiệu cùng quý độc giả tài liệu và hình ảnh của một hoạt động văn hóa nghệ thuật cao cấp tại Sài Gòn nửa thế kỷ trước. Lịch sử chứng kiến sự sinh ra và kết thúc của các chế độ chính trị, nhưng loài người sống mãi với những tài năng nghệ thuật của mình, những kẻ đã làm công việc nâng đời sống tinh thần và tình cảm của con người ngày một lên cao.

Chúng tôi xin ngỏ lời trân trọng cám ơn hai nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi (California, Hoa Kỳ) và Nguyễn Quý Lãm (Sydney, Australia) đã rất sốt sắng cung cấp các tài liệu, hình ảnh quý báu của kỳ nhạc hội kỷ niệm Mozart lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam, năm 1956.

***Tạp chí* Thế Kỷ 21**

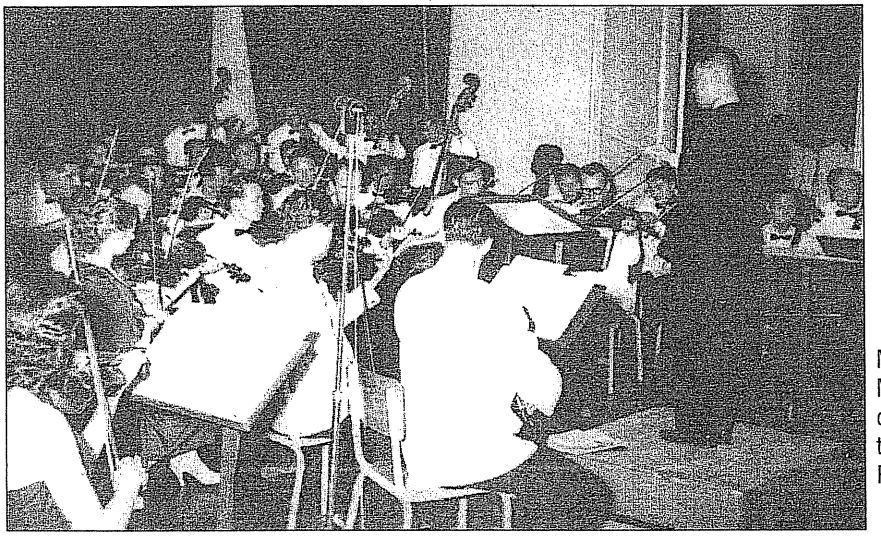

Nhạc trưởng Nguyễn Phụng đang điều khiển giàn nhạc trình diễn tại Phủ Tổng Thống

Tổng Thống Ngô Đình Diệm (giữa, chủ tọa buổi hòa nhạc). Bên tay mặt của Tổng Thống Diệm là Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ; bên phải PTT Thơ là Đại sứ một nước Tây Âu, bên cạnh ông là bà Nguyễn Ngọc Thơ và phu nhân của Đại sứ.
Bên tay trái của Tổng Thống Diệm là ông Phạm Văn Nhu, Chủ tịch Quốc Hội; kế bên là bà và ông Ngô Đình Luyện. Hàng ghế sau, giữa Tổng Thống Diệm và Phó Tổng Thống Thơ là ông Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Phủ Tổng Thống.

PROGRAMME OF CONCERT

at the Presidential Palace

9 : 00 p. m. — February 1, 1956

THE « SYMPHONIC ORCHESTRA OF VIETNAM »
NGUYEN PHUNG, conductor
with Brigitte H. de BEAUFOND, violin and NGHIEM PHU PHI, at the piano

Solemnly present :

PART I. — *Chamber music :*

a) Trio N° 1 in B flat major for violin, 'cello and piano
by NGUYEN-VAN-GIEP, *violin*
NGUYEN-TRI-NHUONG, *'cello*
NGUYEN-CAU, *piano*

b) Quatuor in G major
by ROUBIN, 1st violin
RICAUD, 2nd violin
FAUCON, Viola
CASADESUS 'cello

« Symphonic Orchestra of Viet-Nam »

a) Ouverture to *Noces de Figaro*
b) Romance from the concerto in D minor for piano and orchestra
c) Ouverture to *Don Juan.*

ENTR'ACTE

PART II

d) Concerto in G major for violin and orchestra
e) *Jupiter* in C major.

Imprimerie Française d'Outre-Mer Saigon

Bản Chương Trình bằng tiếng Anh của buổi hòa nhạc Mozart tại Phủ Tổng Thống.

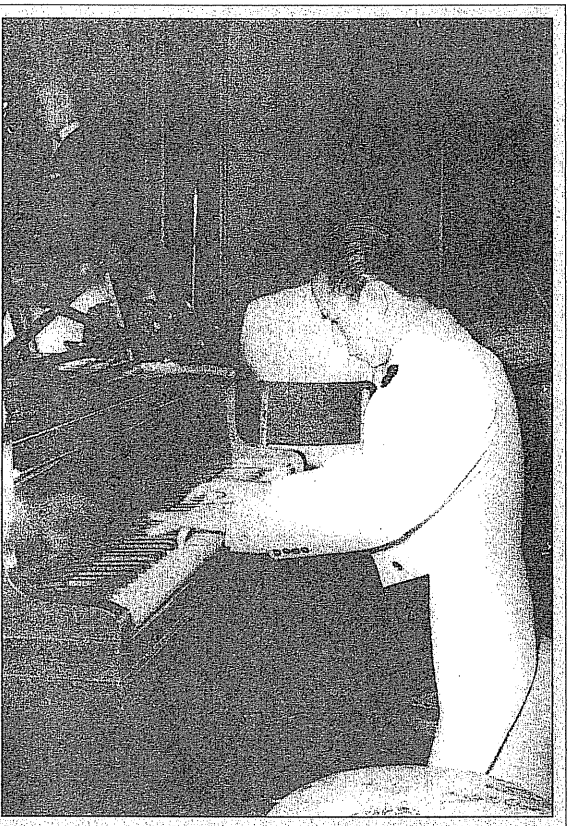

Nhạc sĩ piano Nghiêm Phú Phi

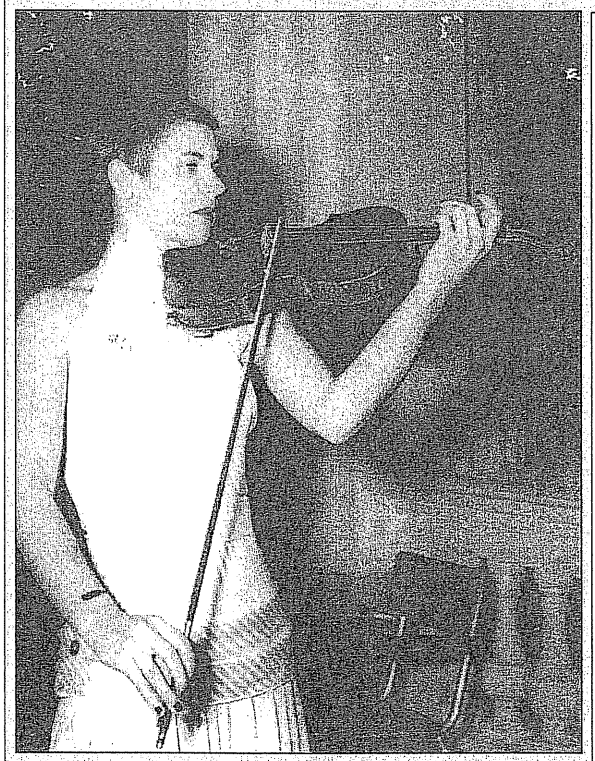

Nhạc sĩ violon Brigitte H. de Beaufond

LỊCH ĐẠI NHẠC HỘI MOZART — CALENDRIER FESTIVAL MOZART

CONCERT SYMPHONIQUE — ĐẠI NHẠC HỘI

AU THÉATRE NORODOM
21 h. - 2-2-1956
CONCERT SYMPHONIQUE
par l'Orchestre
SYMPHONIQUE du VIỆT-NAM
sous la direction de
Michel NGUYỄN-PHUNG
avec le concours
BRIGITTE DE BEAUFOND, violoniste
et de
NGHIÊM-PHÚ-PHI, pianiste

TỔ CHỨC TẠI RẠP THỐNG NHỨT
21 g. - 2-2-1956
ĐẠI NHẠC HỘI
với dàn nhạc
ĐẠI NHẠC TẤU VIỆT-NAM
dưới quyền điều khiển của nhạc trưởng
Michel NGUYỄN-PHỤNG
và sự hợp tác của
BRIGITTE DE BEAUFOND, hồ cầm
và của
NGHIÊM-PHÚ-PHI, dương cầm

February 2, 1956 at 9 : 00 P.M.
AT THE NORODOM THEATRE
SYMPHONIC CONCERT
By the
« SYMPHONIC ORCHESTRA OF VIETNAM »
With
Michel NGUYỄN-PHỤNG, Conductor
BRIGITTE DE BEAUFOND, violinist
NGHIÊM-PHÚ-PHI, pianist
and others

CHƯƠNG-TRÌNH
PROGRAMME

PREMIÈRE PARTIE — PHẦN THỨ NHẤT

1) Ouverture des Noces de Figaro
2) Mouvement du Concerto en Ré mineur pour piano et orchestre

DEUXIÈME PARTIE — PHẦN THỨ NHÌ

3) Ouverture de Don Juan
4) Concerto en Sol Majeur pour piano et orchestre
5) Symphonie « Jupiter » en Ut majeur

Quý vị sẽ có thể theo rõi được các công cuộc lớn lao do Chánh phủ Cộng Hòa dưới sự lãnh đạo anh minh của Ngô Tổng Thống đã và đang thực hiện hàng ngày.

Vous pouvez ainsi suivre et apprécier les œuvres gigantesques réalisées par le Gouvernement de la République du Viêt-Nam sous l'égide éclairée du Président NGO-DINH-DIEM.

You will therefore be able to follow up with and appreciate the work realized by the Republic of Vietnam's government under President NGO-DINH-DIEM.

Tờ Chương trình Đại nhạc hội Mozart tại rạp Thống Nhất

Tổng thống Ngô Đình Diệm bắt tay nhạc trưởng Nguyễn Phụng

Hai nhạc sĩ Nguyễn Trí Nhường và Casadesus đang tập dượt hồ cầm tại trường Quốc Gia Âm Nhạc.

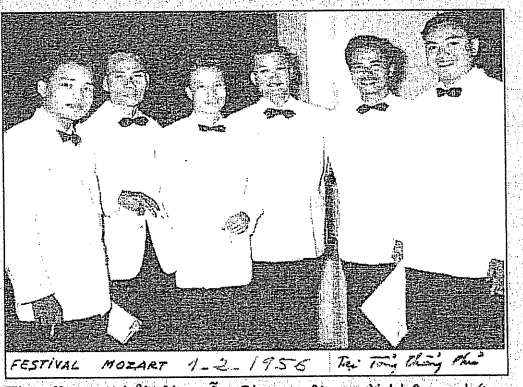

Từ trái qua phải: Nguyễn Giao; một người không nhớ tên; Đặng Văn Hiền (violon); Nguyễn Văn Giệp (violon); Vũ Thành (flute); Nguyễn Quý Lãm (Alto)

Bà Ngô Đình Nhu tặng hoa cho nhạc sĩ violon Brigitte H. de Beaufond

NGÔ NHÂN DỤNG

Việt Nam gia nhập WTO

Năm 1848 Karl Marx đưa ra Bản Tuyên ngôn Cộng Sản, mở đầu rằng "Lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp." Sau đó câu chuyện diễn ra như thế nào chúng ta đã biết.

Không ai viết một thứ Tuyên ngôn tương tự cho "chủ nghĩa tư bản." Chắc vì kinh tế tư bản nó tự phát sinh ra trong đời sống bình thường của xã hội, nó biến thái, chuyển hóa cùng với sự tiến bộ của loài người. Không ai đăng ký giành lấy bản quyền mình đã sáng chế ra chủ nghĩa tư bản; cũng không ai hô hào mọi người tranh đấu chết thôi cho lý tưởng tư bản. Thế chủ nghĩa tư bản nó tin tưởng ở cái gì? Ở xứ Thiên Chúa giáo người ta tự do tin Chúa, ở xứ Phật Giáo người ta vẫn lễ Phật, mấy nước Á Đông vẫn bảo nhau học Lễ, nghĩa, liêm sỉ, mà các ông Khổng Tử, Mạnh Tử dậy.

Hồi đầu năm 2006, ông Richard W. Fisher, chủ tịch Quỹ Dự trữ Liên bang vùng Dallas bỗng nẩy ra một ý: Thử tưởng tượng một thứ Tuyên ngôn Tư bản – Imagine a Capitalist Manifesto! Ông Fisher viết: Bản tuyên ngôn đó sẽ đề nghị phải có tự do thương mại, mở rộng cạnh tranh, có quyền lựa chọn của mỗi cá nhân, tôn trọng quyền tư hữu, và tất cả những điều cần thiết cho một nền kinh tế thị trường lành mạnh.

Tháng trước Việt Nam và Mỹ ký thỏa hiệp thương mại bình thường, mở đường cho nước ta gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới (WTO). Vào WTO sẽ là một cái mốc đánh dấu sự thay đổi của nước ta, thay đổi về nhiều mặt. Một nước vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới thì sẽ được hưởng nhiều cơ hội mới về kinh tế, điều này là chắc chắn. Nhiều người đặt câu hỏi: Nếu Việt Nam vào WTO thì đảng Cộng Sản Việt Nam được lợi hay người dân Việt Nam được lợi? Tại sao không đặt câu hỏi: Nếu Việt Nam **không vào** được WTO thì đảng Cộng Sản Việt Nam thiệt hay người dân Việt Nam thiệt?

Nói như vậy chắc quý vị cũng thấy rằng chuyện vào WTO không quyết định bên nào được lợi hay bị thiệt hại. Điều quyết định là tương quan lực lượng giữa người dân và những người nắm quyền chuyên chế. Nếu đảng Cộng Sản Việt Nam vững mạnh để tiếp tục khai thác tài nguyên, nhân lực của dân tộc Việt Nam với một chế độ độc tài như cũ thì họ sẽ được lợi lớn khi vào WTO: Các đảng viên cộng sản sẽ giầu có hơn, các cán bộ sẽ tiếp tục ra lệnh, con cái họ sẽ nối nghiệp cha anh đi ô tô con, ngồi trên đầu thiên hạ, xuất ngoại đều đều, chuyển ngân không giới hạn. Còn nếu người dân Việt Nam đủ sức giành lấy những quyền lợi của họ, thì việc vào WTO sẽ là một cơ hội rất tốt cho cả nước cùng tiến lên.

Bây giờ các đảng Cộng Sản ở Trung Quốc và Việt Nam vẫn nói họ theo chủ nghĩa Cộng Sản, nhưng thực ra họ chỉ theo một thứ Chủ nghĩa Cơ hội. Cơ hội nào giúp họ được ăn, được nói, được nắm quyền sinh sát, thì họ bảo đó chính là đường lối xã hội chủ nghĩa!

Liệu họ còn ăn trên ngồi trốc được bao lâu? Nếu họ cứ tiếp tục bảo vệ chế độ độc quyền chính trị và kinh tế, thì sẽ không lâu lắm đâu. Vì một cơ chế độc tài như thế sẽ ngăn cản việc phát triển kinh tế. Giáo sư Minxin Pei, trước dậy Đại học Princeton, nay làm ở một viện nghiên cứu, mới xuất bản cuốn sách về Trung Quốc nhan đề China's Trapped Transition: The Limits of Developmental Autocracy (Harvard University Press, 2006). Đọc cái tựa đó chúng ta biết ông đã kết luận như thế nào: Một chế độ độc tài sẽ thấy khả năng phát triển kinh tế của họ bị giới hạn. Nước Trung Hoa đang ở vào một thời kỳ chuyển tiếp, nếu không thay đổi cho kinh tế và chính trị tự do hơn thì sẽ đụng tới những giới hạn đó, giống như tự rơi vào trong cái bẫy do chính mình giăng ra.

Đọc lại những đặc tính của kinh tế tư bản mà ông Richard Fisher nêu lên ở trên thì chúng ta hiểu tại sao chế độ độc tài sớm muộn sẽ đụng phải trần nhà. Kinh tế thị trường chỉ phát triển được nếu có tự do, nếu quyền lựa chọn của cá nhân được tôn trọng. Không có tự do, không cho con người tự do lựa chọn, thì không thể phát triển đầy đủ. Chính các đảng viên cộng sản sẽ tự nhìn ra cái chế độ độc tài mà họ đang dùng để bảo vệ và thụ hưởng các quyền lợi sẽ đụng giới hạn. Họ sẽ muốn thay đổi cái chế độ đó. Việc gia nhập tổ chức WTO là cơ hội cho những người này thúc đẩy việc thay đổi cho nhanh hơn, triệt để hơn.

Không thay đổi không được.

Một bài nghiên cứu của Giáo sư Surya P. Subedi, Đại học Leeds, Anh quốc đã nêu lên những "nhiệm vụ của chính quyền Việt Nam khi gia nhập tổ chức WTO." Ông nói đến 24 thách thức mà đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ phải thực hiện, không cách nào tránh được. Chính quyền Việt Nam sẽ phải thay đổi luật pháp cho phù

hợp với thương mại quốc tế. Muốn vậy phải trao thêm quyền cho quốc hội, tức là không để quốc hội đóng vai bù nhìn làm nghị gật như cũ. Phải tăng lương cho các đại biểu quốc hội, phải có phương tiện cho họ hoạt động, và quốc hội phải họp suốt cả năm chứ không theo lối mỗi năm nghỉ hè 11 tháng như bây giờ! Các đại biểu quốc hội sẽ chỉ để làm việc đại biểu cho dân – làm luật chứ không kiêm nhiệm làm công chức, cán bộ của đảng. Phải cho các đại biểu quốc hội đi học thêm về luật pháp quốc tế. Trong chính phủ phải có một bộ riêng lo việc liên lạc với quốc hội trong quá trình lập pháp, để bảo đảm luật lệ được công bố và thi hành. Sẽ có các chuyên viên quốc tế đến giúp đỡ cho các đại biểu quốc hội hiểu việc làm luật như thế nào. Phải cho các thẩm phán đi học lại, thay đổi hệ thống tư pháp cho phù hợp với luật pháp quốc tế. Các cán bộ nhà nước cấp cao cũng như thấp cũng phải đi học lại giống như vậy.

Giáo sư Subedi nhấn mạnh: Vào WTO rồi, cần phân tách quyền hạn giữa hành pháp, lập pháp và tư pháp rõ ràng hơn. Ông không nói gì tới việc tách đảng Cộng Sản ra khỏi nhà nước, nhưng khi thực hiện được tam quyền phân lập thì lúc đó guồng máy đảng để làm gì? Đây chính là một cải cách về chính trị. Nhưng ông Subedi vẫn nhấn mạnh: Những cải cách kinh tế cần phải kèm theo các cải cách chính trị để duy trì mức tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Nếu không, sẽ đụng vào các giới hạn như Giáo sư Minxin Pei đã nêu ra.

Ký Tuyên ngôn Tư bản

Ông Subedi tóm tắt lại 24 thử thách kể trên thành 14 nhiệm vụ mà đảng Cộng Sản Việt Nam phải làm. Nhiệm vụ thứ sáu nói rõ: Cải cách chính trị đi kèm cải cách kinh tế. Điều số tám viết: Nắm bắt các lý tưởng của chủ nghĩa tư bản, trong đó có các giá trị của thị trường tự do. Điều 10 nói đến chính sách minh bạch công khai. Điều 11, Áp dụng thống nhất các chính sách trên toàn quốc. Điều thứ 13 viết: Hạn chế các hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước. Điều 14, ấn định thời hạn bắt đầu trả tự do cho sinh hoạt kinh tế.

Nhìn vào những điều mà ông Subedi nêu ra, chúng ta hiểu vì sao cánh bảo thủ trong đảng Cộng Sản chống việc gia nhập WTO. Vào WTO là ký tên dưới bản Tuyên ngôn Kinh tế Tư bản. Sẽ không còn ai nhớ có cái bản Tuyên ngôn Cộng Sản nữa.

Ông Subedi kết luận rằng, "Tương lai kinh tế của nước Việt Nam tùy thuộc vào cách điều tiết quá trình trả tự do cho nền kinh tế và hội nhập kinh tế thế giới, bằng luật pháp." Cuối cùng Việt Nam thành công hay không "sẽ tùy thuộc vào quá trình làm luật của quốc hội."

Liệu đảng Cộng Sản Việt Nam có muốn "hoàn tất các nhiệm vụ" sau khi gia nhập tổ chức WTO hay không? Ai cũng biết Bộ Chính trị và Trung ương Đảng không muốn. Bất đắc dĩ họ phải chịu. Ai dại gì nắm sôi đang ngậm trong miệng lại nhả ra, lại buông bỏ những quyền hành đang nắm chặt trong tay? Đảng sẽ cố gắng không nhả ra. Nhưng khi đã vào WTO rồi, làm sao bảo vệ được các đặc quyền của ba triệu đảng viên cộng sản, như trong bài Quốc tế ca đã kêu gào: *"Bao nhiêu lợi quyền tất qua tay mình!"*

Đến đây thì ta phải nhìn tới vai trò của đồng bào Việt Nam. Người dân nước ta sẽ được thấy những ích lợi của kinh tế tự do khi nước mình gia nhập WTO. Họ sẽ ý thức rằng các điều kiện gia nhập WTO được thi hành là mở con đường dẫn tới phát triển kinh tế. Mà WTO chỉ đòi hỏi các điều kiện để cho việc thương mại giữa các nước được tự do hơn chứ có đòi ăn thịt ai đâu? Người dân Việt sẽ thấy chính họ cũng được tự do hơn. Đảng Cộng Sản không thể mị dân, nói rằng WTO là một thứ đế quốc bóc lột, rồi hô hào "Chống WTO cứu nước!" Nó có bắt nước nào phải gia nhập đâu, xin mãi nó mới cho vào đấy chứ? Không thích thì sao lại làm đủ mọi cách để được gia nhập?

Người công nhân sẽ thấy nền kinh tế hội nhập vào thế giới mang lại các thị trường mới giúp giới lao động có thêm việc làm, người doanh nhân thấy làm ăn trong tự do và luật lệ minh bạch thì bớt phải hối lộ, có cơ hội phát triển doanh nghiệp mà không lo có lúc bị cướp mất như ngày xưa. Nhiều thứ lợi ích do sự hội nhập vào kinh tế thế giới mang lại. Người Việt Nam sẽ được hưởng nếu chính quyền thực tâm hội nhập sau khi vào Tổ chức WTO. Và họ sẽ muốn bảo đảm các quyền lợi đó cho được lâu dài, không lo đảng "vỗ cho béo để làm thịt," không lo bị cướp mất khi đảng Cộng Sản họp một cái Đại hội khác rồi tuyên bố thay đổi trở về chính sách đánh tư sản của ông Đỗ Mười! Người dân Việt Nam, trong đó có cả các

đảng viên cộng sản đang làm kinh doanh lương thiện, sẽ đòi thay đổi chính trị. Các đảng viên nắm quyền và có tiền cũng muốn thay đổi để bảo đảm tài sản của mình sẽ không bị truất hữu.

Một cuộc nghiên cứu của Quỹ Dự trữ Liên bang Mỹ ở Dallas, cuối năm 2005, đã nêu lên những lợi ích của hội nhập kinh tế thế giới. Một lợi ích là việc cải thiện guồng máy cai trị (governance). Các nhà nghiên cứu đã chọn 60 nước, chia làm bốn nhóm, từ những nước hội nhập thấp nhất lên đến nhiều nhất. Đứng đầu về hội nhập toàn cầu là những nước như Singapore, Ireland, Đan Mạch, Mỹ, vân vân. Đứng thấp nhất trong việc hội nhập có những nước như Trung Quốc, Brazil, Ấn Độ, Nga. Những nước hội nhập cao nhất thì tỷ lệ lạm phát thấp, kinh tế ổn định, nạn tham nhũng cũng rất ít, guồng máy hành chánh hữu hiệu hơn, thuế khóa thấp và lành mạnh hơn, quyền tư hữu được tôn trọng. Các nước hội nhập ở mức thấp thì ngược lại.

Gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới là một bước đi thẳng vào tiến trình hội nhập kinh tế hoàn cầu. Người dân Việt Nam sẽ thấy tương lai từ từ sáng dần lên. Và khi được nếm những quyền tự do kinh doanh, tự do ký hợp đồng trao đổi, dần dần người ta sẽ thấy được tự do lựa chọn là một thứ quyền tự nhiên. Sau cùng, sẽ thấy quyền tự do quan trọng nhất là được tự do bầy tỏ ý kiến về những người cầm quyền, phản đối bọn tham nhũng, ăn cắp của công. Từ đó, sẽ thấy chính mình phải được lựa chọn, được thay đổi người cầm quyền. Chỉ khi đó chính quyền mới phải làm theo nguyện vọng của người dân.

Cho nên, chúng ta có thể lạc quan tin tưởng khi nghe tin Việt Nam sẽ được vào WTO. Vì tin tưởng vào đồng bào chúng ta. Người Việt Nam không ngu dốt, cũng không hèn. Đồng bào ta sẽ biết đâu là quyền lợi của chính mình, sẽ tranh đấu, sẽ bảo vệ các quyền lợi đó.

Một ông thủ tướng không quyền

Ông thủ tướng nước nào tự nhận là mình không có quyền quyết định về nhân viên chính phủ?

Hãy hỏi ông Phan Văn Khải, thủ tướng ở Việt Nam. Trước khi báo tin cho các đại biểu quốc hội biết rằng ông sắp thôi làm thủ tướng vì điều đó đã được Trung ương Đảng chấp thuận, ông Phan Văn Khải cũng nói ông "xin nhận lỗi" vì trong sáu năm ông giữ những chức phó thủ tướng rồi chín năm làm thủ tướng, những vụ tham nhũng, đục khoét của công "diễn biến xấu hơn." Một ông thủ tướng cộng sản mà nhận mình có lỗi là chuyện ít khi xẩy ra. Cho nên có thể khen ngợi ông Khải đã dám công khai nhận lỗi.

Nhưng xin lỗi suông như vậy có được không? Chắc là không. Chức vụ thủ tướng đâu phải như chức canh cửa hay ông từ thắp hương trong đền thờ đầu làng để cứ xin lỗi một câu là xong được? Hơn nữa, một người cầm quyền bính suốt 15 năm rồi mới thú nhận rằng mình bất lực trước nạn tham nhũng, lạm quyền, đục khoét của công, thế thì ông nói trễ quá! Đúng ra chỉ cần ba tháng, sáu tháng, là phải biết liền chứ? Hay là ông Khải đã biết rồi, sau ba tháng ông biết ngay, biết mình sẽ không làm được gì để trừ tham nhũng cả, mà vẫn cứ tiếp tục ngồi giữ các chức vụ cao nhất nước?

Nhưng trước khi nói mấy câu nhận lỗi để chứng tỏ mình có danh dự, ông Phan Văn Khải đã nêu những lý do để tự bào chữa. Ông tự biện hộ rằng dù làm chức thủ tướng, chính ông cũng không có quyền: "Người đứng đầu bộ máy hành chánh không đủ quyền hạn cần thiết trong việc bố trí nhân sự dưới quyền, kể cả việc sắp xếp, thay thế, thi hành kỷ luật."

Vậy thì không biết ông giữ chức thủ tướng bấy nhiêu năm để làm cái gì?

Đặt câu hỏi đó với ông Phan Văn Khải thì vô ích. Ông là một đảng viên cộng sản, đảng bảo làm gì ông làm cái đó. Làm gì cũng là công tác do đảng sai bảo, tự nhiên người đảng viên phải chấp nhận và thi hành. Ông Phan Văn Khải chỉ chịu trách nhiệm đối với đảng của ông thôi, không chịu trách nhiệm với ai khác, nhất là với cái nhóm người gọi là quốc hội. Ông chỉ báo tin cho các đại biểu quốc hội biết rằng Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đồng ý cho ông từ chức thủ tướng một năm sớm trước khi hết nhiệm kỳ. Như vậy ai sẽ thay ông? Ông Phan Văn Khải lại báo tin cho các đại biểu quốc hội biết Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chọn một ủy viên Bộ Chính trị để thay ông làm thủ tướng rồi. Không ai phải suy nghĩ, thắc mắc mất công! Quốc hội chỉ được báo tin cho biết sắp có thủ tướng mới để mà chuẩn bị gật gật cái đầu thôi. Thử tưởng tượng mấy trăm cái đầu cùng gật một lúc, nhịp nhàng như múa ba lê!

Ông Phan Văn Khải đã biết nhận lỗi, rất đáng khen. Nhưng một người có lương tâm trước khi rời bỏ chức vụ mà thấy mình đã có những lỗi lầm thì ít nhất cũng chỉ vẽ cho người kế vị mình biết con đường đi qua như thế nào nào để mà tránh, không phạm lầm lỗi nữa. Ông Phan Văn Khải có ngỏ lời nào giúp người sắp lên thế ông không? Có

thể nói là không. Ông tuyên bố: "Tôi mong đồng chí kế nhiệm sẽ rút ra được bài học từ những yếu kém của tôi." Nói vậy thì ai nói chẳng được?

Nhưng tội nghiệp ông Phan Văn Khải. Ông không thể chỉ bảo gì cho người kế nhiệm ông cả. Vì trong cơ chế chính trị ở Việt Nam, ai làm thủ tướng thì cũng vậy, vẫn "không đủ quyền hạn cần thiết trong việc bố trí nhân sự."

Thí dụ như các ông Bùi Tiến Dũng, Nguyễn Việt Tiến, Đào Đình Bình, có phải do ông Phan Văn Khải bổ nhiệm họ làm các chức tổng giám đốc PMU, làm thứ trưởng, bộ trưởng Giao thông Vận tải, hay không? Cứ theo lời ông Khải nói thì không phải ông bổ nhiệm họ. Khi các ông Bùi Tiến Dũng, Nguyễn Việt Tiến bị tra hỏi về tham nhũng thì ông Phan Văn Khải có quyền bắt họ từ chức hay không? Chắc cũng là không! Vậy thì ai có quyền? Đúng vậy, thật ra ai mới có quyền?

Một chế độ vô trách nhiệm

Khi một ông thủ tướng không có quyền "bố trí nhân sự" thì ai là những người nắm quyền bố trí? Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, họ bố trí cả chức thủ tướng đến chức quốc trưởng. Nhưng ai bố trí những người trong Bộ Chính trị và Trung ương Đảng? Đã có các thái thượng hoàng. Hai ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh vẫn ngồi sau rèm nhiếp chính đường bệ như hai bà Từ Hi Thái Hậu. Nhưng ai chọn bà Từ Hi Thái Hậu? Chọn thái hậu thì chắc phải sang hỏi bên Bắc Kinh!

Khi biết guồng máy cai trị nước Việt Nam nó rắc rối như vậy thì ta hiểu được tại sao ông Phan Văn Khải dù có khuyên bảo cũng không ai làm gì được. Trừ khi người đó đi sang thẳng Bắc Kinh để xin lên thay Từ Hi Thái Hậu!

Căn cứ vào lời ông Phan Văn Khải thì không ai biết người nào chịu trách nhiệm nào ở nước Việt Nam cả. Ông nói vì "chức trách không rõ ràng và cơ chế công tác cán bộ không hợp lý" nên "không xác định được trách nhiệm cá nhân." Và đó là tình huống gây nên những cơ hội mua quan bán tước, tham nhũng, hối lộ. Cơ chế như thế nên mới đẻ ra những quan như Bùi Tiến Dũng đánh bạc bằng tiền Nhật Bản cho vay, mai mốt cả nước sẽ phải trả nợ. Cơ chế như thế cho nên mới có ông Nguyễn Xuân Hiển, tổng giám đốc Vietnam Airlines đem tiền của công ty nhà nước mà cấp cho con cháu mình và con cái các ông lớn đi du học.

Vậy thì làm cách nào để chấm dứt một chế độ vô trách nhiệm như thế?

Chỉ có một cách là bãi bỏ cái chế độ độc quyền chính trị của một đảng. Cơ chế chính trị một quốc gia phải có cân bằng, có những định chế độc lập kiểm soát lẫn nhau. Quốc hội phải đóng vai trò quốc hội thật chứ không phải chỉ ngồi gật đầu lãnh lương. Báo chí phải được tự do để lên tiếng phê phán từ trên xuống dưới, chứ không phải chờ ở trên cho viết gì thì được viết cái đó.

Tức là phải có tự do, dân chủ. Tự do dân chủ sẽ chấm dứt chế độ vô trách nhiệm. Hậu quả của một guồng máy cai trị quốc gia vô trách nhiệm tai hại không kể xiết.

Kinh tế phát triển, xã hội bất công

Các nước ở Á châu có hai đợt sóng phát triển kinh tế trong hơn 30 năm qua. Thời 1970 đến 1990 là cơn sóng trào thứ nhất, với những "con rồng nhỏ" nổi tiếng là Đài Loan, Nam Hàn, Singapore, Hồng Kông. Hai chục năm gần đây tới đợt thứ nhì, kinh tế một số nước cũng mới ngoi lên, cải tổ sớm là những nước Mã Lai Á, Thái Lan, Trung Quốc, thay đổi trễ hơn là Ấn Độ, Phi Luật Tân. Rồi tới những nước như Indonesia, Việt Nam, Cam Bốt cũng có triển vọng nhập vào đợt sóng thứ nhì này.

Một hiện tượng đáng chú ý trong đợt sóng phát triển thứ nhất là trong khi sản lượng các con rồng nhỏ Á châu đó tăng lên thì sự cách biệt về giầu nghèo trong nước họ lại giảm đi. Ngân hàng Thế giới công nhận là ở các nước đó phúc lợi chung gia tăng và được phân bố đều cho nhiều tầng lớp. Rồi chính nhờ phúc lợi được phân bố đều tới nhiều lớp người cho nên tốc độ tăng trưởng càng nhanh hơn.

Đợt phát triển thứ nhì ở Á châu trong những năm gần đây không có tính chất đó. Từ Trung Quốc là nước cải tổ sớm nhất, đến Việt Nam, Ấn Độ, kinh tế có tỷ lệ tăng trưởng cao hơn trước, nhưng một cái giá họ phải trả là hố chênh lệch giầu nghèo trong xã hội cũng rộng và sâu hơn. Một bài nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới cho biết trong số tám nước Á châu đang phát triển chỉ có Thái Lan đã giảm được mức chênh lệch giầu nghèo, còn nói chung tình trạng bất bình đẳng tăng lên gần gấp rưỡi, từ năm 1990 đến năm 2002. Bất công xã hội nổi bật nhất là ở Trung Quốc.

Nhiều người chấp nhận tình trạng bất công xã hội ở Trung Quốc và Việt Nam, họ giải thích rằng khi kinh tế phát triển thế nào cũng có người chạy nhanh, người đi chậm, không thể tránh được. Nhưng nếu nhìn lại các nước Đài Loan, Hàn quốc, đã phát triển rất nhanh trước đây 30, 40 năm, mà

mức chênh lệch giầu nghèo ở các nước đó lại giảm đi, thì chúng ta thấy lý lẽ trên chỉ là ngụy biện. Phải có những nguyên nhân khác gây ra cảnh bất công xã hội làm mọi người phải cảm thấy xấu hổ.

Một cuốn sách mới của Ngân hàng Phát triển Á châu (ADB), mang tựa đề "*Thị trường nhân dụng ở Á châu*" giải thích có hiện tượng này. Bất công xã hội gia tăng là do sự phát triển kinh tế không tạo ra đủ công việc làm, trong khi dân số tăng quá nhanh. Theo ADB, tại 18 nước Á châu có khoảng 500 triệu người không đủ việc làm (under-employed, khiếm dụng) hoặc thất nghiệp, và 500 triệu người khác chỉ kiếm được hai mỹ kim một ngày hoặc ít hơn. Cải tổ kinh tế tạo cơ hội cho nhiều người làm giầu. Những người có quyền thế được thêm cơ hội làm giầu. Nhưng những người không có việc làm, hoặc chỉ làm ba tháng, năm tháng là hết việc, thì không có cơ hội kiếm đủ ăn. Tất nhiên, hố ngăn cách giầu nghèo phải rộng thêm. Ở các nước tư bản họ giải quyết tình trạng đó như thế nào? Một hệ thống an sinh xã hội, bảo hiểm lao động, bảo hiểm thất nghiệp, vân vân, phân bố lợi tức từ người giầu sang người nghèo. Ở các nước cộng sản Á châu mới cải tổ họ bỏ nhiều xí nghiệp quốc doanh là xóa bỏ luôn hệ thống an sinh xã hội cũ do xí nghiệp đảm trách, mà không lập ra một hệ thống toàn quốc thay thế.

Chính sách tái phân bố lợi tức không có hiệu quả khiến khoảng cách giầu nghèo vì thế rộng hơn, bất công xã hội nặng nề. Chính phủ các nước cộng sản không chịu trách nhiệm trước dân chúng, các quan chức lớn nhỏ không bao giờ sợ bị lật đổ bằng lá phiếu. Vì thế không thực hiện được những chính sách giảm bất công xã hội. Nhìn lại những thập niên 1960 – 70, các nước đang lên như Hàn quốc, Đài Loan luôn luôn có những cuộc biểu tình, đình công bãi khóa của sinh viên, của công nhân. Chính phủ các nước đó phải lo cho cuộc sống của người dân để biện minh cho quyền bính của họ. Báo chí được tự do cho nên chính quyền càng phải lo. Hiện nay ở Trung Quốc và Việt Nam không có những chất men thúc đẩy đó.

Đa số dân chúng ở các nước đang phát triển sống ở nông thôn. Ở các nước cộng sản như Trung Quốc, Việt Nam, Cam Bốt, khi nông dân được giải thoát khỏi chế độ tập thể hóa để được tự quyết định trong việc sản xuất và bán nông sản, thì năng suất nông nghiệp tăng rất nhanh. Mức sống của nông dân được nâng lên, cùng với số lương thực gia tăng trong cả nước. Nhưng sau đó, năng suất nông nghiệp không thể tăng lên mãi được vì dù có cởi trói, kỹ thuật cũng không tiến nhanh hơn được nữa. Đồng thời chính sách của nhà nước không cho phép nông dân làm chủ ruộng đất, cộng với chính sách hộ khẩu khiến người dân gặp khó khăn nếu muốn đi tìm việc làm ở nơi khác, tạo nên những hàng rào cản trở đối với việc phát triển nông thôn. Đó là những nguyên nhân chính trị làm tình trạng bất công xã hội nặng nề hơn.

Có tự do, mới giảm bất công xã hội

Những cuộc biểu tình của nông dân Việt Nam đòi công bằng xã hội xẩy ra liên tiếp cho thấy chính sách về sở hữu ruộng đất của đảng Cộng Sản gây nên bất công, duy trì bất công. Nông dân ở Thái Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, vân vân đã kéo nhau ra Hà Nội "ăn vạ" ngay trước trụ sở đảng Cộng Sản. Tháng trước, nông dân từ Bến Tre lên Sài Gòn biểu tình, chứng tỏ họ không có biện pháp bình thường nào để giải quyết các nỗi uất hận về đất đai. Ở Trung Quốc trong năm qua có 87,000 vụ biểu tình của nông dân với con số lớn hơn 100 người mỗi lần. Hầu hết những vụ khiếu nại, kêu oan, đều vì vấn đề đất đai.

Vì theo luật lệ của các đảng Cộng Sản, người dân không có quyền làm chủ ruộng, đất, cho nên các quan chức cán bộ địa phương là những người có quyền quyết định việc sử dụng đất. Họ tha hồ lạm dụng quyền hành đó để biến của công thành của riêng, đuổi người đang sử dụng, thay đổi tình trạng sử dụng ruộng đất mà không bồi thường đúng mức cho các nông dân bị thiệt hại. Các quan chức trung ương cũng tham dự vào những vụ "ăn cướp" hợp pháp đó. Những ông lớn trong Bộ Giao thông Vận tải ở Việt Nam đã cùng các cán bộ, quan chức địa phương mua quyền sử dụng đất của nông dân với giá rẻ, sau đó họ quy hoạch làm những con đường đi qua các khu đất mới mua, giúp cho giá trị tăng gấp trăm lần. Mà đó chỉ là một ít thí dụ được báo chí đăng tải, còn hàng ngàn hàng vạn những vụ khác đều được hạ cánh an toàn. Người dân ngu đến mấy cũng biết là họ bị cướp giữa ban ngày!

Hơn nữa, vì người dân không được làm chủ đất cho nên họ cũng không thể khai thác những lợi lộc khác mà đất đai có thể mang lại. Họ không có quyền thế chấp đất để vay nợ lâu dài, không có quyền mua bán để khai thác trên một cơ sở rộng lớn hơn, vân vân. Do đó người ta cũng không đầu tư thêm về mặt kỹ thuật để gia tăng năng suất nông nghiệp. Chế độ sở hữu đất ngăn chặn kinh tế phát triển, nông dân càng bị tụt lại phía sau

trong khi những người có quyền, có tiền cứ tiến tới.

Khi nhà nước ở Việt Nam nhận được tiền viện trợ hoặc cho vay từ các nước và các tổ chức quốc tế với mục đích cải thiện đời sống nông thôn, thì các món tiền đó lại rơi vào tay guồng máy tham nhũng. Ngân sách xây dựng là một nơi nuôi nhiều tham nhũng bậc nhất, với sự chia chác từ trung ương xuống địa phương. Ngay cả những ngân sách cải tổ hành chánh, cải thiện y tế, giáo dục do các nước viện trợ cũng vậy. Những cán bộ đảng liên kết với nhau trong guồng máy tham nhũng này, từ trung ương tới các tỉnh, các huyện, tạo thành một thế lực bảo thủ không muốn thay đổi một thứ gì nếu quyền lợi của họ bị sút giảm.

Tình trạng tham nhũng, bất lực và ù lì vô trách nhiệm của cả guồng máy cai trị sẽ kìm hãm nông dân trong cảnh nghèo khó lâu dài. Vì muốn tiến bộ trong thế giới ngày nay thì phải cải thiện học vấn. Trong 20 năm qua, một thế hệ thanh thiếu niên ở nông thôn đã bị giam giữ trong cảnh nghèo nàn và thiếu học. Nửa thế kỷ trước, đảng Cộng Sản dùng khẩu hiệu "xã hội hóa" để tịch thu tài sản của người dân. Bây giờ họ đã phân phát tài sản cho các đảng viên trung thành, mẫn cán rồi thì lại hô khẩu hiệu "xã hội hóa" để bắt dân đóng những thứ "thuế mới" là thuế đi học và thuế khám bệnh. Chính sách bóc lột tạo nên cảnh bất công. Không những thế, nó còn giữ nguyên cảnh bất công đó kéo dài nhiều thế hệ sắp tới, trong y tế và giáo dục cảnh bất công lộ ra rõ rệt nhất. Từ khi đảng Cộng Sản đưa ra chủ trương "xã hội hóa," thì các học sinh tiểu học cũng phải đóng tiền. Nhiều em đã thất học, trong khi hiến pháp bảo đảm tất cả các trẻ em phải được đi học tiểu học miễn phí. Nền y tế cũng bị "xã hội hóa" như vậy, vào bệnh viện đụng cái gì cũng phải trả tiền. Trẻ em ở nông thôn thiếu bác sĩ, thiếu thuốc, chết non nhiều hơn ở các thành phố.

Những ông bà nhà giầu có thể bay sang Singapore hay Thái Lan chữa bệnh, trong khi con nhà nghèo có thể chết chỉ vì cảm sốt. Con cái các cán bộ và tư bản đỏ được đưa ra nước ngoài học hoặc để chữa trốn tránh bệnh ghiền ma túy, trong khi con cái nông dân và công nhân đi làm sớm mới kiếm đủ ăn. Cứ như vậy, trong nửa thế kỷ nữa tình trạng bất công vẫn không thay đổi mà còn có thể trầm trọng hơn.

Cho nên chế độ độc quyền của đảng Cộng Sản là nguyên nhân chính yếu gây ra cảnh chênh lệch giầu nghèo, bất công xã hội ở nước ta. Tất cả những người có suy nghĩ ở trong nước và ở ngoài đều đồng ý rằng muốn thay đổi cho nước Việt Nam tiến bộ hơn thì phải xoá bỏ chế độ độc quyền chính trị của một đảng.

Nhưng làm cách nào khiến họ phải thay đổi, trong khi tất cả guồng máy tham nhũng đang gắn bó chặt chẽ với nhau không thể tách ra được, sợ rút dây động rừng?

Phải bắt đầu thay đổi bằng việc đòi thi hành hai quyền tự do tối thiểu ghi trong hiến pháp. Người Việt Nam phải được sử dụng những quyền tự do hội họp và tự do ngôn luận. Khi nào người dân được quyền hội họp bầy tỏ nỗi oan ức của mình ở nơi công cộng một cách thường xuyên, công khai và hòa bình, thì mới hy vọng chế độ độc đoán độc quyền chịu lùi bước, để đời sống dân nghèo được cải thiện. Khi nào báo chí được xuất bản tự do, các mạng lưới internet được hoạt động tự do, mọi người có quyền lên tiếng, thì chính bọn tham nhũng, cường hào cũng phải bỏ bớt thói lộng quyền, gian tham. Khi người dân được tự do in báo, tự do vào mạng lưới thì sẽ không có cảnh những ông tổng giám đốc PMU 18 hay Vietnam Airlines nhơn nhơn dùng tiền mồ hôi nước mắt của dân để đi đánh bạc hoặc hối lộ trên dưới bằng cách cấp học bổng cho con em các ông lớn!

Các nhà báo ở Việt Nam đã chứng tỏ họ ý thức quyền tự do ngôn luận là quan trọng thế nào. Không những quan trọng đối với người làm báo mà còn quan trọng hơn nữa trong việc cải thiện đời sống chung của đồng bào. Nhiều nhà báo Việt Nam đã can đảm xé rào, lấn bước qua lằn ranh, vượt qua những rào cản vô hình mà đảng Cộng Sản giam hãm họ. Vì họ muốn nói lên tiếng nói của người dân. Chúng ta phải đòi cho mọi người, tất cả mọi người có quyền tự do ngôn luận. Một cựu chiến binh là ông Lê Trí Tuệ chỉ đứng chụp hình đoàn người Bến Tre lên Sài Gòn biểu tình mà cũng bị bắt giam. Đó là một vi phạm quyền tự do của người dân không thể chấp nhận được. Nghị định số 56 đặt những hình phạt để giới hạn, cấm đoán từ việc chụp photocopy đến việc vào mạng lưới internet, với ngôn ngữ mơ hồ giúp cán bộ cộng sản muốn kết tội ai, lúc nào cũng được nếu đụng tới máy in hay máy vi tính. Nghị định đó phải hủy bỏ. Không những vì nó đặt ra những cái cùm mới trên đầu trên cổ người dân Việt Nam, ngăn cản kinh tế phát triển, mà nó còn là một vết ô nhục cho đất nước trước thế giới văn minh ngày nay.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

MÊ

Nhà thơ Hoàng Cầm kể lại như thế này: "*Tên nàng cũng là Yến. Chúng mình lên đồi, mặt đất xanh rì, nhấp nhô mềm dịu như mông như vú đàn bà. Nắng đã bắt màu vàng tươi trên mái chùa Phật Tích ngói đỏ xa xa. Ngả mình nằm xuống thảm cỏ, nàng nhìn, cái nhìn như bảo ban. Bỗng nàng chồm dậy, hai tay bíu lấy đầu mình kéo xuống, rồi áp môi hơn những nụ hôn cuồng nhiệt. Khi buông nàng ra, mình đọc* 'Một con bướm lửa đậu môi.' *Nàng nắm hai tay mình kéo ra, miệng thầm thì* 'Hai nhành hoa lửa chia đôi tay cầm.' *Nhìn lên trời, những ráng mây xa óng ánh như sắp cháy bùng lên, mình tiếp* 'Ba làn mây lửa về thăm.' *Nàng như say sóng, ôm choàng lấy mình để giữ thăng bằng trong một cơn bão biển bất ngờ ào vào thân thể, mắt nửa khép nửa mở, tay quơ lên, miệng thở dốc. Mình lao vào nàng, vào cơ thể nàng, vào tâm hồn nàng bằng tất cả sinh lực đàn ông, cứ thế cho đến khi cùng kiệt. Nàng ngước mắt, vừa cười dịu dàng, vừa đếm '... Bốn lần chim lửa đến nằm rậm hoang'.*" (Nam Dao, *Những Con Người, Những Bóng Ma*, Văn Mới, 2006.)

Đó là mê, mê thơ cũng như mê tình. Mê là gì? Khéo hỏi! Ai chẳng đã từng mê! Nói tới mê là nói tới trạng thái nửa mơ nửa tỉnh, con người bị dẫn dắt đi, bỏ lại sau lưng cái anh khô không khốc có tên là lý trí. Khi mê thì mụ. Chẳng muốn suy nghĩ, mà cũng chẳng cần suy nghĩ. Có khi mê thiệt như nhà thơ Hoàng Cầm và cô nàng tên Yến. Có khi bị bỏ bùa mê thuốc lú. Bùa mê có hay không vẫn còn là chuyện lơ mơ. Nhưng thuốc lú thì có chắc. Dân chơi thường hay dở chiêu này để hại đời trinh nữ. Nói như vậy cho thêm phần thảm thương chứ trinh nữ hay không trinh nữ, khi đã bị chơi thuốc lú thì đều thiệt thân. Thuốc lú thường không mùi không vị, được bỏ vào các thứ nước uống hay rượu để đánh gục con mồng. Không mùi không vị thì làm răng mà biết? Biết chứ! Mà cũng mới có cách biết đây thôi. Cứu bồ là hãng bào chế *Bloomsbury Innovations Limited* ở bên Anh. Hãng này vừa chế ra một dụng cụ thử thuốc mê. Nếu đang ăn uống mà thấy trong người như muốn bệnh hoặc là thấy chóng mặt thì phải giở bửu bối ra ngay. Bửu bối có bốn ô vuông. Nhỏ thứ mình nghi có thuốc mê, thường là rượu hay nước uống, mỗi ô một giọt. Nếu thấy xuất hiện màu cam trên ô vuông này thì... 911 liền! Cái bửu bối quý giá này có thể phát hiện được tới sáu chục loại thuốc mê khác nhau thuộc ba nhóm chính: *ketamine, benzodiazepines* và *GHB*.

Mê loại... cưỡng bức này thuộc trường phái ma giáo. Bàn thêm chẳng có gì thú vị. Cứ để các ông phú lít làm việc là xong. Mê loại chính phái mới là điều đáng ngôn tới. Loại mê này ma ma phật phật làm người ta mê đắm trong thú vị. Mê quá một chút thì ông Khổng Tử nhịp nhịp ngọn roi liền. Như anh chàng Phan Sinh trong truyện Phan Trần chẳng hạn. *Đàn ông chớ kể Phan Trần / Đàn bà chớ kể Thúy Vân Thúy Kiều!* Anh chàng Phan Sinh tội ra sao mà bị một bản án thành thơ như vậy? Chuyện bắt đầu bằng cái thói quen can thiệp vào đời tư con cái của các bậc cha mẹ xưa. Phan Công và Trần Công là bạn học và cùng làm quan một triều. Hai phu nhân lại cùng có thai và đập bầu một lần. Họ Phan sanh con trai là Phan Sinh, họ Trần sanh con gái là Kiều Liên. Hai bên chơi trò hứa gả con cho nhau. Ngày xưa, hai bên cha mẹ mà hứa như vậy là mọi sự xong xuôi. Lớn lên, hai trẻ có bằng lòng hay không thì kệ xác chúng nó. Vợ chồng cứ phải chồng vợ từ hồi còn oe oe tiếng khóc. Khi hai ông quan này về hưu thì dọn nhà về hai nơi khác nhau. Quan san cách trở, phu trạm thì chỉ toàn chạy bộ hay cưỡi ngựa, việc quan là chính việc dân là phụ, điện thoại thì chưa có, internet cũng chưa nên i-meo i miếc vẫn còn là chuyện khoa học giả tưởng. Hai gia đình thất lạc nhau. Anh chàng Phan sinh là người chăm học, thi Hương đỗ cái rụp, thi Hội lại chẳng may đạp vỏ chuối nên tức không về nhà, quyết chí tìm nơi yên tĩnh dùi mài kinh sử để đi thi khóa hai. Trong

khi đó, Trần Công bỗng vội về với tổ tiên. Mẹ góa và con côi là nàng Kiều Liên lại gặp thời buổi giặc giã nên chạy loạn thất lạc nhau. Nàng tứ cố vô thân phải nương náu cửa chùa lấy pháp danh là Diệu Thường. Thân tu mà lòng vẫn cứ vấn vương về mẹ già thất tán và hôn phu chẳng biết đang lưu lạc nơi đâu. Sư cô trụ trì phải khuyên giải mãi mới nguôi. Sư cô này lại chính là cô của Phan Sinh. Một hôm, Phan Sinh tới thăm cô, thấy Diệu Thường bèn mê. Chàng nhờ nội gián là bà vãi Hương Công ngỏ lời giùm. Diệu Thường cự tuyệt. Thất vọng, anh chàng họ Phan ốm tương tư, mình gầy vóc hạc, coi bộ không khá. Diệu Thường nể lời sư cô tới thăm thì bệnh mười phần bớt đến chín. Một buổi tối, chàng bèn lấy cớ đến tạ ơn, gõ cửa phòng ni cô Diệu Thường đòi vào. Ni cô vốn có lòng từ tâm, sợ chàng làm quấy nên mở cửa đón vào chơi. Hai bên nói chuyện một hồi mới nhận ra nhau nhưng vì lễ giáo ở chùa nên chay tịnh. Sau Phan Sinh thi đỗ Thám Hoa mới đón Kiều Liên về để nên vợ nên chồng.

Chuyện "sếch" như vậy thì nhạt quá. Thế mà cũng bị làm thơ bêu riếu! Cái tôi nghĩ các cụ đồ ngày xưa không bằng lòng có lẽ là cái vụ mê mẩn đến tương tư của anh chàng Phan Sinh. Mê như vậy hèn người đi! Trai nam nhi thân dài vai rộng, chí lớn tang bồng mà yếu xìu như vậy thì không ra cái chi chi. Vì vậy nên các cụ... cấm vận! Các cụ không biết là tương tư cũng mê ly lắm chứ. Như anh cả đẫn Romeo và chị Juliette chẳng hạn. Cũng lưu danh hậu thế như ai.

Vậy thì tương tư, phó sản của mê, là cái gì? Nếu hiểu theo nghĩa thời thượng thì tương tư cũng chỉ là một hình thức của *stress* chứ chi! Này nhé, tương tư biểu hiện ra bằng sự nhớ nhung mòn mỏi quay quắt, day dứt, bồn chồn, lo lắng, loay hoay như ngồi trên lửa trong nỗi đam mê kéo dài vô vọng. Sách vở chỉ có thể diễn nghĩa tương tư bằng những tính từ lổn nhổn như vậy, muốn cảm được tương tư chỉ có cách là tự thử tương tư xem nó ra làm sao. Tương tư, dưới lăng kính khoa học, gồm có ba giai đoạn. *Giai đoạn báo động:* lo lắng, cảm giác bất an, hồi hộp, tim đập nhanh, nhịp thở tăng, tăng huyết áp... làm thay đổi tâm lý và lối sống. *Giai đoạn chống đỡ:* mối lo lắng và tuyệt vọng trở thành một ám ảnh thường xuyên mang đến sự suy nhược tinh thần lẫn thể chất. Nhìn con bệnh vào giai đoạn này biết đích thị là tương tư thứ thiệt, không chạy đi đằng nào được! *Giai đoạn stress:* Các rối loạn tâm thần, rối loạn cơ thể xuất hiện khi thì nhẹ khi thì nặng, sức khỏe suy kiệt có thể đưa đến tử vong bởi các bệnh khác thừa cơ hội nhảy vào ăn có! *Gió mưa là bệnh của trời / Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng!* Chơi một đường tương tư như vậy thì cơ thể sẽ tiết ra các chất gọi là kích thích tố của *stress* mà đặc biệt là sự gia tăng *prolactin*. Chúng sẽ làm rối loạn các chức năng sinh lý, kéo theo sự sa sút trầm trọng về tâm lý, làm xáo trộn hệ thống miễn dịch, hệ thống thần kinh giao cảm và đối giao cảm.

Tương tư, dưới lăng kính khoa học, nó lằng nhằng như vậy. Thấy mà phát khiếp. Chả dại gì mà mắc vào. Nhưng tương tư chuyên môn chơi trò du kích rất khó đề phòng. Thả lòng ra một cách bất cẩn là dính liền. Có tí máu tình là chỉ đợi dịp nhảy vào cái trò mê. Có tí máu nghệ sĩ thì mê như điếu đổ. Can không kịp.

biết mê từ thuở mười hai
năm hăm mấy tuổi con trai vẫn còn
cái thời lãng mạn bé con
mê vì cặp mắt tròn tròn đen đen
mê vì cánh mũi, hàng răng
đầu gối, mắt cá, gót sen, ngón ngà
mê vì hai búp tay hoa
chiều mưa dông bụm nóc tòa thánh riêng
mê đơn giản, mê thật hiền
cho nên mau lớn thành tiên như chừ
(Luân Hoán)

Mê nó lân la như vậy, từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài. Đụng đâu mê đấy. Mê nó làm con người lớn lên. Mê thành thơ như rứa thì cũng nên mê. Cuộc đời có thêm nhân thêm nhụy cũng bởi vì mê. Không có mê chúng ta không có cái gọi là tâm hồn nghệ sĩ. Không có tâm hồn nghệ sĩ thì cuộc đời là sa mạc. Chán ngắt!

Mà mê hoài mê hủy thì đời cũng không khá được. Cứ nằm trong cái vũng lầy đó thì còn làm ăn gì được nữa. Bèn... ngộ!

Khi mê bùn chỉ là bùn
Ngộ ra mới biết trong bùn có sen
Khi mê tiền chỉ là tiền
Ngộ ra mới biết trong tiền có tâm
Khi mê dâm chỉ là dâm
Ngộ ra mới biết trong dâm có tình
Khi mê tình chỉ là tình
Ngộ ra mới biết trong tình có dâm!
(Nguyễn Bảo Sinh)

Mê không phải là dễ, ngộ cũng không phải

là dễ. Ăn thua nơi ý chí của mỗi người. Ý chí? Nói cứ như thánh phán! Ý chí nào cản nổi làn sóng đam mê... đại trà đang làm cả đất nước ta lên đồng nhân dịp *World Cup* đang diễn ra ở tận bên Đức? Ừ thì đó là môn thể thao vua, ừ thì đó là nghệ thuật đỉnh cao của túc cầu thế giới, nhưng cơn mê ở Việt Nam là cơn mê lạ lùng. Tôi vừa coi xong một trận đấu, mở *computer* vào *web* của bất cứ tờ báo nào ở Việt Nam là đã có đầy đủ kết quả, bình luận, tán hươu tán vượn lại thêm cái màn *video* những bàn thắng. Cứ như là trận đấu vừa diễn ra ở Hà Nội hoặc Sài Gòn vậy! Cơn mê... đại đồng đang làm đứng lại sinh hoạt thường nhật của đất nước. Theo một phóng sự của Tiểu Kỳ Nam trên *Calitoday.com* thì Sài Gòn ta đã vào cơn mê từ ba tháng trước ngày khai mạc giải Túc Cầu Thế Giới lận. Thắng lớn là các nhà bán máy truyền hình. Trong mười ngày đầu tháng sáu, dân chúng đã khiêng về khoảng năm ngàn chiếc máy. Nhiều tiền thì khuân may lớn, ít tiền thì khuân máy nhỏ, ít tiền nữa thì khuân máy phục chế từ những màn hình của máy vi tính hư hỏng với cái giá rất mềm là sáu trăm ngàn đồng! Ký giả Văn Quang cho biết là ngay ở nhà quê, dân chúng cũng cố gắng bằng mọi giá có cái ti vi để xem "uốc cúp." Rồi báo cũng loạn lên với những cặp chân trên sân cỏ. Ít nhất đã có 10 tờ phụ bản chuyên về đá banh, tờ ra sáng, tờ ra chiều, cạnh tranh nhau từng bài từng trang. Có bài khuyên làm thế nào để đừng bệnh trong thời gian *World Cup*, có muốn bệnh thì chờ đến khi trái banh nó hết lăn thì mình sẽ... lăn ra bệnh sau! Ông nhà đèn thì bảo đảm sẽ không cúp điện làm bà con mất vui. Ông nhà nước thì cho đóng cửa công sở từ lúc bốn giờ chiều để sửa soạn coi ti vi vào lúc... nửa đêm. Các quán xá thì mở rộng cửa, trang bị những ti vi màn ảnh lớn để cho bà con vừa coi vừa bàn tán cho phỉ chí. Cả nước thức đêm, cả nước mê mệt, chuyện gì cũng dẹp qua một bên để chạy theo trái banh.

Bạn tôi, ông Luân Hoán, chẳng đá điếc gì, cũng mê mệt với trái banh. Cứ xong một trận đấu là phôn nhà tôi reo inh ỏi. Ông Luân Hoán ông ấy tìm người chịu khó nghe bình luận đấy! Chẳng cứ gì trái banh, nhà thơ của chúng ta có nhiều thứ mê lắm.

mê chim, mê cá, mê gà
mê tiếng dế gáy, mê hoa hương nhài
mê mưa chiều, nắng sớm mai
mê đi rông mãi ở ngoài đường trưa
mê ăn chè, uống nước dừa
mê cầm cây bút đong đưa điệu vần
mê nhất là cái cổ nhân
đã từng kính cẩn phong thần thế gian
mê trời, mê đất, mê nàng
mê luôn tôi sống mơ màng quanh năm.

Mê gì thì mê, cuối cùng cũng vẫn... đường xưa lối cũ. Mê nhất là cái đã được phong thần phong thánh. Cổ kim gì cũng rứa. Cứ một cõi đi về cho nó chắc ăn. Nhưng có khi muốn chắc ăn cũng chẳng được. Phùng Cung là một nhà văn, nhà thơ trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, đã bị bắt đi cải tạo. Trước đó, ông đã chết mê chết mệt yêu người thiếu nữ mà ông lấy làm vợ mặc dù Đảng ngăn cấm. Nằm trong tù, thương người vợ trẻ, ruột đau mà trí muốn cắt đứt liên hệ để người vợ không còn vướng bận với cái gông mà ông đang mang. Làm sao mà giết được một cơn mê? Trong cuốn bút ký "*Những Con Người, Những Bóng Ma*" của Nam Dao, tác giả đã thuật lại lời kể của nhà thơ Hoàng Cầm về con người quyết tâm chối bỏ một cơn mê này. "*Khi anh ấy bị đưa đi quản thúc trên Bất Bạt, chị Thoa lên thăm nuôi, nhưng anh ấy nhất định không nhận chị Thoa là vợ, không cho nhìn mặt, trả lại tiếp tế và khăng khăng một mực là mình không còn liên hệ gì với thế giới bên ngoài. Lần đầu, chị khóc sướt mướt. Đành về, rồi ít lâu sau chị lại lên. Anh Cung vẫn thế. Quản giáo vặn, lý lịch anh khai là đã kết hôn, thế là khai man. Anh đáp, thời ấy Đảng không đồng ý cho tôi lấy vì cô ấy thuộc giai cấp phong kiến, mà tôi thì mê mẩn, mất lập trường giai cấp. Nay tôi tỉnh ngộ, nhận có chung sống ngày trước, nhưng từ bây giờ tôi xin chấp hành... Thế thì anh lợi dụng hủ hóa, thêm một tội, quản giáo gằn giọng. Ừ thì thêm một tội. Thêm một chứ mười tôi cũng chịu... Chị Thoa lại về, để đồ tiếp tế lại chia chác cho anh em tù. Và chị cứ lên. Anh tiếp tục ruồng rẫy. Ba lần, bốn lần...*"

Nam Dao kể tiếp: "*Tôi thở dài, có lẽ là anh Cung mong chị quên anh ấy đi, chứ đã mang cái án miệng là phản động, là chống Đảng, bôi bác lãnh đạo như anh ấy thì biết ngày nào ra! Vả lại, chị Thoa khi ấy còn trẻ... Anh Cầm chép miệng, chắc vậy! Nhưng chị Thoa cứ đều đặn lên thăm nuôi, cho đến một ngày, hơn hai năm sau, hai vợ chồng mới lại nhìn nhau... Và chị Thoa sống cảnh chia ly như vậy suốt 12 năm*

đằng đẵng!"

Tôi cũng thở dài! Có cách nào để giết được cơn mê của đời mình không? Chắc vô phương!

06/2006

NÃO

Não là bộ chỉ huy trung ương của thân xác con người. Không có não, con người chẳng biết sẽ ra cái giống gì. Thường thì địa phương phải tuân lệnh của trung ương, nhưng có những ông bạn tôi hay phàn nàn về tình trạng trung ương bảo mà địa phương không thèm thi hành. Theo ngôn ngữ trong nước ngày nay thì đó là tình trạng trên bảo dưới không nghe. Đó là một chuyện bình thường chẳng có chi mà phải than thở trách móc. Bởi vì sống lâu với nhau, dưới lờn mặt với trên nên dưới cứ rũ rượi chẳng thèm nhận lệnh lạc gì cả!

Có hơi mất uy tín chút đỉnh nhưng não vẫn cứ là trên, chẳng ai cãi được. Không có não đố có thông minh nổi. Thông minh nằm ở trong não, chuyện đó ai cũng biết. Chúa cũng biết vậy. Có ba anh trẻ tuổi bỗng nằm lăn ra chết và họ gặp Chúa. Gặp ngày hên, Chúa đâm ra dễ tính, ban cho mỗi anh được một điều ước.

Anh thứ nhất xin: "Con xin được giữ hình dáng cơ thể như khi còn sống nhưng thông minh hơn một trăm lần."

Chúa ban cho anh ta thông minh hơn một trăm lần.

Anh thứ hai xin: "Con muốn được thông minh hơn anh kia. Xin Chúa cho con thông minh hơn một ngàn lần."

Chúa cho anh ta thông minh hơn một ngàn lần.

Anh thứ ba muốn được là người thông minh nhất, xin: "Thưa Chúa, con muốn được thông minh hơn hẳn hai anh kia. Xin Chúa cho con thông minh hơn một triệu lần."

Và Chúa biến anh ta thành một người đàn bà!

Như vậy là đàn bà thông minh hơn đàn ông sao? Khoa học vẫn còn lúng túng chưa xác định được. Nhưng tôi chắc chúng ta, những người đàn ông đầy kinh nghiệm, ai cũng biết điều này đúng là cái cẳng! Chẳng cần phải thử IQ làm gì cho tốn công. IQ là cái gì vậy? Đó là chỉ số thông minh, viết tắt của chữ Hồng Mao *Intelligence Quotient*. Nó cho biết khả năng suy nghĩ và lý luận của một người so với những người khác cùng một độ tuổi. Chỉ số này càng cao thì càng thông minh nhiều. Tôi định làm lơ với cái chỉ số khó chịu này vì chẳng bao giờ muốn trả lời những câu hỏi đo lường cái chỉ số lột mặt sự thông minh của mỗi người như vậy. Tôi không tin tưởng lắm vào sự thông minh của mình! Nhưng không được. Làm như vậy là thiếu... thông minh. Cứ như con đà điểu rúc đầu vào trong cát để làm lơ với những nguy khốn đang rình rập sát... phao câu! Sợ gì mà không đối mặt với IQ! Vậy nếu chỉ số IQ từ 65 tới 69: hơi chậm phát triển; từ 70 đến 79: nên theo học tại những trường đặc biệt: từ 80 tới 89: dưới trung bình; từ 90 đến 110: trung bình; từ 111 đến 124: trên trung bình; từ 125 đến 134: tài giỏi; từ 135 đến 144: rất tài giỏi; từ 145 đến 164: thiên tài; từ 165 tới 179: thiên tài loại xịn; từ 180 đến 199: thiên tài đặc biệt; trên 200: thiên tài vô song!

Có ai đạt được trên 200 không? Có chứ! Đó là nhà báo Marilyn vos Savant, sanh năm 1946, vẫn còn tại thế với chúng ta, đã được ghi vào sách kỷ lục Guinness là người có chỉ số IQ kỷ lục 228! Còn những ông như thiên tài Leonardo da Vinci hay "thánh" Mahatma Gandhi thì cũng chỉ được, ông trước 158, ông sau 160. Thua cả ông "thiên tài" đánh cờ Bobby Fischer, sanh năm 1943, hiện vẫn còn sống, khi ông này đoạt được tới 187 điểm. Ấy thế mà nữ tài tử Marilyn Monroe, tưởng chỉ có cái thân bốc lửa còn não chỉ đầy bùn, cũng được tới 163 điểm! Vậy mới hay cảm tính của mấy anh nam nhi chúng ta đúng không chê vào đâu được: các bà là thông minh nhất!

Thông minh là một chữ dùng thông thường để chỉ những người mà trong ngôn ngữ Việt Nam còn gọi là "sáng dạ." Tôi còn nhớ thế hệ ông bà tôi thường khen những đứa cháu học giỏi, nhớ lâu bằng câu: "Ừ! Thằng này sáng dạ thật!" Tại sao cái thứ thường được liên hệ tới não ở tuốt trên đầu lại bị các cụ kéo xuống tới... dạ dày? Vậy mà không chừng các cụ có lý. Bởi vì Giáo sư Mikhael Gershon, người Mỹ, một nhân vật rất nổi tiếng trong giới khoa học vừa... vuốt đuôi theo các cụ ta. Ông đã khẳng định là con người có hai mắt, hai tay, hai chân và hai bộ não. Bộ não thứ hai nằm ở dưới bụng! Một nhà khoa học nặng ký như Giáo sư Gershon, hiện đang phụ trách môn Giải Phẫu Học và Sinh Học Tế Bào của Đại Học Columbia, Nữu Ước và là người khai sanh ra lãnh vực khoa học mới chuyên về thần kinh trong ổ ruột, không thể

nói khơi khơi. Ông đã nghiên cứu và thấy là các trạng thái hay căn bệnh như tình trạng lo âu, khủng hoảng tâm lý, viêm loét và rối loạn đường ruột và bệnh Parkinson đều có các triệu chứng biểu hiện trên cả hộp sọ lẫn trong đường ruột. Sự biểu hiện trên bộ não của hộp sọ cũng như trong bộ não ở đường ruột giống như sự phản chiếu của hai tấm gương đối diện nhau. Có lẽ chúng ta đều có kinh nghiệm về việc này: khi chúng ta có chấn động về tâm lý thì thấy ruột bị quặn thắt lại! Cuốn sách "Bộ Não thứ Hai" của Giáo sư Gershon được xuất bản trước đây đã là một tiếng vang lớn trong giới chuyên môn. Ông khẳng định là hệ thống thần kinh của đường ruột không chỉ là một tập hợp thụ động các dây thần kinh chuyên thi hành các mệnh lệnh truyền xuống từ não bộ mà là một mạng lưới rất độc đáo có thể tự thực hiện những nhiệm vụ riêng. Điều đặc biệt là ngay cả khi không liên lạc được với não bộ và tủy sống, "bộ não thứ hai" vẫn một mình hoạt động độc lập trong các vấn đề liên quan tới hệ tiêu hóa được như thường. Bộ não ở... miệt dưới này cũng là một ngân hàng lưu giữ những dữ liệu của triệu triệu những kết quả thử nghiệm thực tế để có khả năng ứng xử với vô số những tình huống mới nảy sinh của bộ máy tiêu hóa. Cái anh chàng này còn biết cách tự thu nhận những chất bổ dưỡng nhất từ những gì cơ thể đã thu nhận được. Hóa ra các cụ của chúng ta đã đi trước cả khoa học!

Những đứa trẻ "sáng dạ" có điểm gì khác với những đứa trẻ khác không? Khoa học đã tìm thấy là vùng não liên quan đến tư duy của chúng thay đổi mạnh mẽ hơn trong thời kỳ vị thành niên. Thường thì khi trẻ trưởng thành, lớp vỏ não ở trước trán (cortex) của chúng dày lên rồi lại mỏng đi khi các kết nối thần kinh được tạo ra và sau đó được lược bớt để trở nên hiệu quả. Nhưng những đứa trẻ có chỉ số IQ cao thì vỏ não dầy lên nhanh hơn và trong thời gian dài hơn so với những đứa thuộc loại thường thường bậc trung. Đã có 307 em cư ngụ ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn tuổi từ 6 đến 20 tham gia cuộc thí nghiệm của Viện Sức Khỏe Tinh Thần Quốc Gia Hoa Kỳ do Giáo sư Philip Shaw hướng dẫn. Các em được chụp hình não liên tục trong vòng hai năm và được chia ra làm ba nhóm tùy theo chỉ số thông minh IQ. Nhóm siêu hạng (121 đến 145), nhóm IQ cao (109 tới 120) và nhóm trung bình (83 đến 108). Nghiên cứu cho thấy là vỏ não của các em bảy tuổi thuộc nhóm thông minh nhất bắt đầu dày hơn cho đến năm 11 hoặc 12 tuổi, trước khi lại mỏng đi. Trong khi đó trong nhóm trung bình thì vỏ não chỉ dày lên từ bảy tuổi tới tám tuổi rồi mỏng lại. Điều này cho thấy những đứa trẻ thông minh có thời gian phát triển não dài hơn. Sau đó, vỏ não của chúng cũng mỏng đi nhanh hơn ở cuối lứa tuổi vị thành niên nhằm loại bỏ hiệu quả của những kết nối thần kinh không cần thiết khi não bộ tinh giản các hoạt động.

Não có ăn nhậu gì tới giới tính không? Có là cái chắc! Người ta tin rằng nam giới thường suy luận thiên về lý trí hơn trong khi nữ giới thiên về tình cảm hơn. Điều này chắc tất cả chúng ta đều có kinh nghiệm. Nếu nghi ngờ thì cứ thử "cãi nhau" với các bà là biết liền một khi! Nhưng việc phân chia giới tính trong trường hợp này không phải là... bức tường Bá Linh cứng ngắc, bên này không thể nhảy qua bên kia được. Vẫn có những vụ nhảy rào. Theo Giáo sư Simon Baron-Cohen của Đại Học Cambridge thì cứ bảy nàng thì có một nàng có bộ óc tư duy đàn ông trong khi cứ năm chàng thì một chàng có bộ não đàn bà! Những nàng nhảy rào thường vượt trội về toán học và rất nổi về khả năng phân tích. Ngoài ra lại có một nhóm được gọi là nhóm "đứng giữa" có khả năng tư duy của cả nam giới lẫn nữ giới. Tại sao mà não lại... phiêu du lung tung xòe như vậy? Khoa học ngày nay vẫn coi đó là một điều bí ẩn chưa giải thích được. Não của con người bắt đầu hình thành ở giai đoạn phát triển sớm của phôi thai trong tử cung. Nó không nhận được một định hướng giới tính nào sau đó. Tuy nhiên các nhà khoa học đã tìm ra những dụng cụ thử nghiệm đặc biệt cho phép xác định giới tính của não bộ trong thời kỳ thơ ấu. Não của nam giới bộc lộ khả năng trong lãnh vực khoa học chính xác trong khi não của nữ giới lại phát triển hơn trong lãnh vực trừu tượng.

Thông minh có ăn nhậu chi với kích thước của não không? Thường chúng ta nghĩ là có. Cái gì bự hơn chắc phải ngon lành hơn. Suy nghĩ thông thường của chúng ta là vậy, cứ khơi khơi như vậy. Nếu bị hỏi ngược lại bằng chứng đâu thì chịu. Bà Sandra Witelson vừa cứu bồ. Bà này đã làm một cuộc thí nghiệm cho Đại Học McMaster ở Hamilton, thuộc tỉnh bang Ontario của Canada. Bà đã nghiên cứu trên 100 người, 58 bà và 42 ông, tất cả đều cư ngụ ở

ngay Hamilton trong 25 năm qua và đều bị ung thư ở giai đoạn hai. Khi sức khỏe của những người này còn tương đối tốt, họ đã đồng ý làm những trắc nghiệm về chỉ số thông minh và bằng lòng hiến não khi chết. Bà Witelson đã đo kích thước của não bằng định luật Archimède: bà bỏ não vào một chậu nước và đo dung tích số nước tràn ra ngoài để biết kích thước não. Kết quả là ông bà nào có não bự hơn thì chỉ số thông minh cao hơn. Cũng bà Witelson này, vào năm 1999, đã nổi tiếng vì khám phá ra là phần não liên hệ tới lý luận toán học của nhà bác học Einstein có kích thước lớn hơn 15% mỗi bề hơn não trung bình của mọi người. Nhưng tạo hóa luôn có khiếu khôi hài đã bày ra luật bù trừ. Anh muốn có cái này to thì cái khác của anh phải nhỏ. Trong trường hợp này, sự đổi chác diễn ra giữa não và... của quý. Não càng lớn thì thằng nhỏ càng nhỏ! Đây là chuyện nghiêm chỉnh đàng hoàng. Nhà nghiên cứu Scott Pitnick của Đại Học Syracuse, Nữu Ước, đã cùng hai cộng sự viên tìm ra được như vậy ở... loài dơi. Nhưng dơi và người chắc cũng vậy. Chỉ tiếc một điều là người ta không giữ được củ tỏi của nhà bác học Einstein để coi sự thể ra sao!

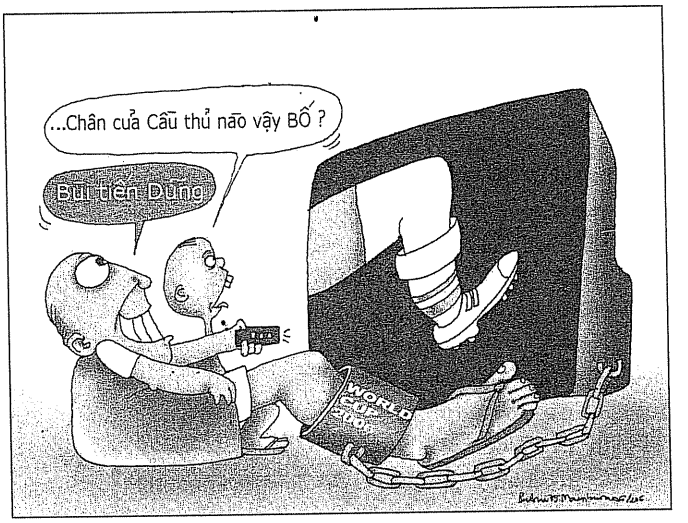

Ra sao thì ra, lớn não vẫn cứ oai phong. Bởi vì não có trí nhớ còn cái thứ thừa thãi nằm tuốt ở phía dưới đụng đâu hay đó, có biết đâu vào đâu! Tôi có một ông bác có trí nhớ phi thường. Những gì xảy ra trong họ, trong làng, từ nhiều chục năm về trước, ông kể ra vanh vách không sót một chi tiết. Nhưng thuở nhỏ nhà nghèo, ông không được đi học nhiều. Việc này làm ông tiếc rẻ mãi. Ông vẫn nghĩ là giá mà ông được đi học thì chắc chắn ông phải là một học sinh "sáng dạ"! Anh bạn hồi còn là sinh viên của tôi không biết có sáng dạ không nhưng trí nhớ của anh cũng phi thường. Năm đó, anh học thi năm thứ nhất Luật. Cả một cuốn cua luật dày vài trăm trang, anh bạn tôi thuộc lòng không sai một dấu phẩy. Anh còn tố thêm bằng cách bảo tôi, người dò xem anh đọc có trúng không, mở sang trang khi hết một trang cua! Một bà bác tôi lại có cái tài khác: tài nhớ ngày sinh tháng đẻ của tất cả mọi người trong họ trong làng. Ai Bính Thân, ai Nhâm Dần bà cứ tuôn ra chẳng cần phải dừng lại suy nghĩ lâu lắc. Năm 2003, tôi về Sài Gòn, có tới thăm bà. Lúc đó bà đã 95 tuổi mà vẫn là một cuốn tự điển sống về gia phả cho bà con làng nước tham khảo miễn phí. Tôi hẹn bà năm năm sau sẽ về ăn mừng thượng thọ bà đúng một trăm tuổi. Bà... bất liền! Nhưng bà không giữ lời hứa. Bà đã trốn đi vào đầu năm nay. Cuốn tự điển sống đã đóng lại! Bà bác tôi chắc cũng ngang ngửa với một bà người Do Thái có cái tên tắt là A J năm nay được 43 tuổi. Bà này có trí nhớ phi thường. Quá khứ của bà in chặt vào não, bà muốn quên cũng chẳng được. Vào tháng 11 năm 2003, được yêu cầu kể về các lễ Phục Sinh trong đời bà kể từ năm 1980, bà liệt kê ngay ra 24 ngày rơi vào đúng lễ Phục Sinh mà chỉ sai có một chi tiết. Bà còn tố thêm bằng những chi tiết dây mơ rễ má tới những ngày này. Chẳng hạn như sau: "Ngày 6 tháng tư, 1980, kỳ nghỉ lễ Phục Sinh của lớp 9 đã chấm dứt; 15 tháng tư làm bánh ngọt; ngày hôm sau S. chia tay với tôi; 13 tháng tư, 1993, rong chơi cả ngày, ăn spaghetti với R." Cả những chuyện tưởng là người đàn bà "nhiều ký ức" này không để ý tới thế mà nó cũng khơi khơi đi vào bộ nhớ của bà. Như bị hỏi một cách bất ngờ: "Bing Crosby chết hồi nào và ở đâu?" Bà đáp ngay: "Ông ấy chết trong một cuộc đánh golf ở Tây Ban Nha!" Rồi bà còn tố thêm cả năm chết của ông tài tử nổi tiếng này. Lúc Bing tạ thế vào năm 1977, bà A J mới có 12 tuổi! Nhớ như vậy có sung sướng gì không? Bà A J lắc đầu: "Hàng ngày tôi cứ phải nhìn lại cả cuộc đời mình và điều này làm tôi muốn điên lên!" Bà đã bị trầm cảm và phải

dùng thuốc Prozac.

Bạn đang đọc Phiếm. Trong một bài phiếm thường có những chữ bóng gió, nói bên đông phải hiểu bên tây, nói thế này phải nghĩ thế khác, cốt... thử thách độc giả. Có người đọc tới đó thì hiểu, cười thú vị, có người đọc bên đông cứ ở lì bên đông, chẳng chịu nhúc nhích sang bên tây. Thường thì chúng ta cho là hiểu được hay không hiểu, hiểu nhiều hay hiểu ít là do cái khiếu của mỗi người. Cái chỗ nào trong não làm cho một người... phiếm hay không phiếm? Vùng não bên trái có nhiệm vụ nhận thức ngôn ngữ làm cho chúng ta hiểu được nghĩa đen. Phiếm hay không phiếm là vùng não bên mặt, phía trước. Chính tại nơi này con người hiểu được các ngữ cảnh về xã hội và tình cảm để từ đó hiểu được nghĩa bóng. Nếu phần não này bị tổn thương thì đời mất vui đi. Khám phá này giúp giải thích được những đặc điểm của bệnh nhân tâm thần. Cũng như những người bị tổn thương phần bên phải não trước, những bệnh nhân tâm thần mất đi khả năng giải mã những lời nói châm biếm. Người ta cười, còn mình chẳng thèm cười. Nói như vậy, tôi không có ý gán bệnh tâm thần cho một ai cả. Tôi xin thề trước ông thần... phiếm!

Thề gì? Thề sống thề chết chăng? Câu nói tưởng là tầm thường chúng ta hay dùng: thề sống thề chết, chạy bán sống bán chết v.v... lại đặt ra một vấn đề hết sức nghiêm chỉnh. Thế nào là sống, thế nào là chết?

Khi não chết, con người đã chết chưa? Theo các tiêu chuẩn mới dựa trên những tiến bộ về y sinh thì một người được coi là chết khi hoạt động của toàn não bộ bị ngưng hoạt động, không hồi phục được nữa. Trên thực tế lâm sàng thì hiện tượng chết não thường do hai nguyên nhân chính: một là những chấn thương hay xuất huyết nặng của não bộ; hai là khi tim ngừng đập làm gián đoạn cung cấp máu cho não, dẫn đến thiếu máu não trầm trọng mang đến chết não hoàn toàn. Như vậy, sự phụ thuộc lẫn nhau của ba hệ thống hô hấp, tuần hoàn và thần kinh trung ương đã được xác nhận trong hoàn cảnh chết thật sự của con người. Theo tác giả Byrne, tiêu chuẩn về cái chết nói chung được mọi người đồng ý là: "Không ai được tuyên bố là bệnh nhân đã chết cho đến khi có sự phá hủy của ít nhất là ba hệ thống quan trọng trong cơ thể là não, tim mạch và hô hấp." Khi bệnh nhân được thở bằng máy hoặc gắn máy tạo nhịp tim để duy trì sự hoạt động của phổi và tim thì phải cần đến tiêu chuẩn chết não để kết luận một cách chắc chắn là bệnh nhân đã tử vong. Muốn chẩn đoán chết não thì người ta dùng máy đo điện não. Nếu không thấy xuất hiện những sóng đặc trưng cho hoạt động của não bộ là các sóng *alpha*, *béta* hay *delta* thì coi như là chết não. Nói theo khoa học thì nhẹ nhàng như vậy, nhưng thực tế nặng nề hơn nhiều.

Giả dụ là thân nhân chúng ta bị đứt mạch máu não, sự sống trông nhờ vào chiếc máy trợ giúp cho nhịp thở, cho nhịp tim. Người thân chúng ta đã hết hy vọng sống, não đã đầy máu, bác sĩ đã bó tay. Sống chỉ là sống nhân tạo. Để nằm như vậy hay rút ống máy ra cho siêu thoát? Bà cô tôi đã nằm như vậy tại một bệnh viện ở Quận Cam trong ba năm liền. Có nhiều người lâu hơn. Tính toán làm sao cho phải? Rút hay không rút là một vấn đề nhức... não. Nó dính tới tình cảm, tôn giáo, văn hóa, tập tục... Khi anh bạn văn Nguyễn Đông Ngạc bị xuất huyết trong não, đưa vào bệnh viện Jean Talon, nằm mê man chẳng biết gì nữa, thì gia đình đã trải qua những giờ phút căng thẳng không biết đối xử sao cho đúng. Anh không còn hy vọng phục hồi lại được cuộc sống, điều đó là chắc chắn. Các bác sĩ cũng xác nhận như vậy. Khi chúng tôi, từng hai người một, vào phòng bệnh, chúng tôi đã chỉ nghe thấy nhịp đập giả tạo của cuộc sống. Trước đó, khi còn khỏe mạnh, anh đã thường nói là nếu phải chết thì muốn chết rụp một cái là xong, vừa nhẹ phần mình vừa nhẹ phần người thân. Tại sao lại có cái sự trùng hợp khốn khổ giữa lời nói của anh và tình trạng anh bây giờ. Mẹ anh, vợ anh, anh em anh, bạn bè anh ngồi ngoài phòng đợi. Làm sao bây giờ? Người nào cũng muốn đùn trách nhiệm cho người khác. Ai là người giơ tay dứt đứt sự sống giả tạo ra khỏi người thân đây? Người kề vai áp má với anh, chị Nguyên Ngọc, lắc đầu từ chối. Làm sao mà đang tâm! Mẹ anh, khi được dò ý, đã ôm mặt khóc. Mẹ đẻ nó ra thì nỡ lòng nào giết nó! Anh em chẳng ai muốn đành đoạn với ruột thịt. Cuối cùng, mọi người đồng ý chờ cô em ở Toronto về. Cô là người được anh Ngạc thương nhất, chắc anh chẳng oán trách khi phải ra đi. Chuyện khó xử chưa được giải quyết thì, phúc thay, anh đã tự ý ngừng hơi thở, dứt khỏi bụi trần, làm nhẹ gánh cho những người thân. Tôi như nhìn thấy nụ cười nửa như bất cần, nửa như châm biếm nằm dưới bộ ria mép nghịch ngợm thường ngày của anh. Chuyện nhỏ!

06/2006
Website: www.songthao.com

THẾ HỆ BẮC CẦU

THỤY KHUÊ

Anh Thiết,

Rất lạ, khi ngồi trước máy vi tính để "viết" những dòng này, tôi đã gần như quên hẳn những câu chuyện lý thú chúng ta nói với nhau đêm giao thừa Bính Tuất, cách đây có hơn một tháng. Vậy mà hôm qua, khi đọc lại bài *Niềm vui chết yểu* của anh, những chi tiết về cái chết Nhất Linh trở lại rõ ràng như cuốn phim vừa xem xong, hoá ra tôi đã "thuộc" nội dung bài viết ấy, mặc dầu tôi chỉ đọc có một lần, cách đây cũng đến trên dưới 20 năm, tình cờ trên một tờ báo hay một cuốn sách không nhớ rõ ở đâu. Đó là lần đầu tôi "gặp anh."

Đọc hết *Nhất Linh cha tôi*, thì đấy không phải là "lần đầu," còn một lần nữa tôi đã gặp anh, xa hơn, mới thật là lần đầu, gặp mà không biết anh là anh Thiết, lần ấy tôi tưởng anh là "nhà xuất bản." Một hôm (hình như vào khoảng 79-80) tình cờ đi ngang một tiệm sách Việt ở Paris, tôi thấy họ bày bán bộ "*Xóm Cầu Mới*." Loại sách chụp và in lại (thời ấy rất thịnh hành) ấn bản của nhà Phượng Giang. Tôi hết sức ngạc nhiên, vì biết nhà Phượng Giang "chết" đã lâu rồi, ít ra là cùng với Văn Hoá Ngày Nay, những năm sáu mươi, hoặc sau cái chết của Nhất Linh. Và *Xóm Cầu Mới* chưa hề được Nhất Linh sinh thời nói đến chuyện cho in "toàn tập." Vậy tại sao lại có bộ sách này? Cũng như nhiều học sinh, sinh viên thời ấy, tôi đã quen biết với Cô Mùi, Ông Năm Bụng... trên *Văn Hoá Ngày Nay*. Nhưng 1962, tôi đi du học, không biết rõ những biến cố lịch sử xẩy ra sau đó: không biết rõ về cái chết của Nhất Linh, không biết tại sao Phượng Giang tái hiện, trong hoàn cảnh nào? Phượng Giang thật hay Phượng Giang giả? Bao nhiêu câu hỏi dồn dập, thúc giục tôi phải mua ngay bộ sách quý giá này. Về nhà, việc đầu tiên là lật toàn bộ tác phẩm để tìm một dấu hiệu nào đó, tôi chú ý ngay đến phần phụ lục ở những trang cuối, quyển 2. Có mấy lời của Nhất Linh, có bản đồ Xóm Cầu Mới và nhất là có "Lời nhà xuất bản": "*Tập bản thảo mà chúng tôi dùng để in quyển truyện này đã bị thất lạc từ mười năm nay mới được tìm thấy. Sự tình cờ là ngày tìm được tập bản thảo lại nhằm vào ngày giỗ thứ mười của cố văn hào Nhất Linh- ngày 18 tháng 5 Âm Lịch- nên chúng tôi quyết định chọn ngày này cho khởi công ngay việc chép và soạn lại toàn bộ tác phẩm Xóm Cầu Mới để đem in, đánh dấu ngày hoạt động lại của nhà xuất bản Phượng Giang do Nhất Linh chủ trương từ năm 1952.*"

Bây giờ ngồi trước máy tính chép lại những "lời nhà xuất bản" trên đây, lạ thay, tôi dần dần nhớ lại hết những chi tiết khác, trong các câu chuyện mà anh nói với tôi đêm giao thừa và đêm trước, về việc tìm lại bản thảo, cũng gây cấn như chuyện trinh thám, mà trong này anh chỉ viết gọn "*thất lạc từ mười năm nay mới tìm thấy.*" Biết mình may mắn, nhưng tôi lại tham lam, muốn có nhiều người may mắn như mình, cho nên tôi mong một ngày nào đó, anh sẽ kể lại cho độc giả, "những bí mật" về việc thất lạc ấy, tôi tin như thế, bởi nó thuộc về dĩ vãng văn chương của một văn hào. Là một trong những kẻ ưu tiên được nghe anh kể, và những điều tạm gọi là "bí mật" ấy, không những đã đọng lại trong tôi (như những chi tiết về cái chết Nhất Linh) mà nó còn làm sống lại tất cả những chi tiết khác chung quanh những câu chuyện chúng ta nói với nhau, đêm giao thừa Bính Tuất.

Trở về lúc "79-80," khi đọc xong lời "nhà xuất bản," tôi mới yên trí rằng: đây là "sách thật" và thầm cảm ơn "cái ông nhà xuất bản Phượng Giang" nào đó, chắc phải là "bạn thân" của Nhất Linh, cho nên mới *thiết tha* với Nhất Linh và với văn chương đến như thế. Tôi đâu có ngờ đó là anh. Anh Thiết. Cha anh đã đặt tên anh thật đúng.

Hai kinh nghiệm trên đây làm tôi hoang mang, phân vân không hiểu chính "cái viết" hay "cái kể" của anh đã mở trong óc tôi một ngăn kéo riêng "chứa" những gì về Nhất Linh, hay vì cha anh, *Linh* thiêng bậc *Nhất*, cho nên ông biết đúng yếu điểm của con người, lấy làm

"căn cứ" để tồn tại, sau khi chết. Dường như cả ba yếu tố này đều có thật và chúng hội tụ trong tác phẩm của anh.

Anh viết về Nhất Linh, nhưng thật sự anh đã kể về một thời, về giai đoạn bắc cầu giữa Tự Lực Văn Đoàn và Sáng Tạo, về thế hệ "di cư," thế hệ "chúng ta." Những mẩu chuyện nho nhỏ, những chi tiết cỏn con của Hà Nội những năm 50, của Sàigòn sôi động những năm 60, những gặp gỡ và xô sát giữa cái mới và cái cũ. Trong "bọn trẻ chúng ta," "tinh thần" đã âm thầm chia hai: kẻ đọc Văn Hoá Ngày Nay, kẻ đọc Sáng Tạo. Tôi đọc cả hai, nhưng tôi thích Nhất Linh hơn; anh, con Nhất Linh, anh lại thích Mai Thảo: đó là tất cả những phức tạp trong "chúng ta," khác "trường phái" nhưng chia nhau cái tự do của tuổi trẻ.

Biết bao nhiêu điều để kể về cái quá khứ chưa hết lãng mạn nhưng đã pha chút bụi đời ấy. Đọc anh mới biết Nhất Linh thích thổi hắc tiêu bài Tennessee Waltz, bản nhạc đã mê hoặc "chúng tôi": vậy ra cha anh cũng chịu chơi, cũng rất gần với tuổi trẻ. Anh lén cha đưa chúng tôi vào hậu trường của một nhà văn lớn, những lúc ông khóc một mình trong đêm khuya: thì ra ông là người cô đơn, đớn đau và bí mật. Anh chẳng giấu gì, anh kể hết những việc làm hàng ngày của ông, những thói quen của ông. Nhưng cả anh, người viết lẫn tôi, người đọc, hôm nay và mai sau, sẽ vĩnh viễn không thể nào "vén" được tấm màn bí mật của ông: Nhất Linh bình thản sửa soạn cái chết của mình, ông bàn việc đó với người con, và làm việc đó trước mặt người con, anh Triệu, vậy mà anh Triệu không hay biết gì. Cái bí mật của ông là một hiện hữu, một bản chất, một định mệnh.

Tôi còn nhớ, trong *Viết và đọc tiểu thuyết* ông khen cuốn *Wuthering Heights* là cuốn tiểu thuyết hay nhất của mọi thời. Tôi đã suy nghĩ rất nhiều về nhận định này, bởi ông rất khâm phục Tolstoi, kỹ thuật viết của ông dựa trên kỹ thuật của Tolstoi, vậy tại sao ông lại chọn Bronte là tác giả tiểu thuyết hay nhất của mọi thời? Và trước khi mất, ông "ngồi cạnh" Bronte chứ không phải Tolstoi.

Bây giờ thì tôi hiểu: cái bí mật trong tiểu thuyết của Bronte đã lôi cuốn ông, Bronte đã viết được "cái bí mật" trong con người, con người còn sống và đã chết, trong đó có ông. Bronte với ông là kẻ "đồng hội đồng thuyền." Bronte ngày trước chắc cũng đã âm thầm khóc trong đêm như ông. Cho nên, trước khi xuống "dưới ấy," ông đã đọc lại Bronte, để gặp nhau "đào sâu" thêm những nghi vấn bí mật giữa sống và chết chưa giải mã được.

Những tiếng gõ "Cạch! Cạch!" của Vũ Hoàng Chương trên quan tài Nhất Linh. Những tiếng bí mật của định mệnh, của một cái chết, của nhiều cái chết, trong dòng lịch sử. Dường như anh đã ghi lại được tất cả những âm thanh vô nghiã mà lại có khả năng dội vào tâm khảm người đọc như một định nghiã. Định nghĩa của bí mật. Đọc anh, "chúng tôi" đã "biết hết" về cái chết của cha anh và hai chú anh, để rồi kết luận rằng: họ đã mang theo tất cả bí mật của đời mình, khiến "chúng tôi" ngơ ngác, không hiểu. Nhất Linh có mặt hay vắng mặt? Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, đã một lần thật sự hiện hữu?

Bên cạnh Nhất Linh và sự vắng mặt của Nhất Linh là sự hiện diện của những người đàn bà: những người đàn bà trong Tự Lực Văn Đoàn. Những người đàn bà không viết văn nhưng nếu không có họ thì không có văn chương, không có Tự Lực Văn Đoàn, thậm chí không có lịch sử. Anh đã vẽ những bức chân dung họ, vài nét chấm phá về bà nội anh, "thủy tổ" của Tự Lực Văn Đoàn. Những nét đậm đà về bà Cẩm Lợi, mẹ anh, người đàn bà ít học nhưng thông minh lạ thường. Mẹ anh là bà Tú Xương của Văn Đoàn, nếu không có bà thì Văn Đoàn không thể "Tự Lực" được. Trong lúc hiểm nghèo, cũng chính bà đã can trường dẫn con trai ra khỏi "chỗ chết," trong khi những người thân khác (bác anh và cậu anh) đã không đi thoát. Anh đã viết những dòng đầy thương cảm về chị Thư, chị cả anh, người con gái 20 tuổi đã dẫn bốn đứa em chạy loạn, lạc cả bố lẫn mẹ, sau này sống cô đơn, không hạnh phúc, chết trong tai nạn. Không quên được chị Đạt, người chị dâu họ, đã cơm nước cho cha anh trong thời kỳ ông lẩn trốn chính quyền (sau biến cố 11/11/60), trong "sáu mươi đêm ngày" thời gian ông viết lá chúc thư văn học "Dòng sông Thanh Thủy." Cũng chính Chị Đạt đã giữ trọn bộ *Văn Hoá Ngày Nay* và một số tư liệu, bản thảo của Nhất Linh trong 40 năm sóng gió như "*khúc ruột của mình*." Chị Thoa, một đời cô đơn, âm thầm sống và âm thầm chết, nhưng bên cạnh chị hiện lên cha anh, như một "bóng ma thân thiết" che chở người con gái không nhiều may mắn. Thái Vân, vợ anh, người "cầm vận mạng gia đình" ngày

30/4... Mỗi quyết định, mỗi hành động của những người đàn bà này, đều mang tính rẽ, ngoặt, thay đổi cục diện "lịch sử," dĩ nhiên là lịch sử nhỏ của anh, của gia đình anh. Nhưng tất cả những lịch sử nhỏ ấy tạo thành Lịch Sử. Bởi qua chị Thư, bao nhiêu người tìm thấy chị mình? Qua mẹ anh, bao nhiêu người tìm thấy mẹ mình?

Anh Thiết ạ, chúng ta có những việc làm giống nhau: anh ra đi ngày 30/4 để về lại hơn hai mươi năm sau, đem tro cha mẹ về Trung. Chị Trâm tôi cũng đã vượt biên, và cũng đã, như anh, trở về, cải mộ, đem xương cha mẹ về Bắc. Chúng ta cùng đi trên một tuyến đường. Một tuyến đường có nhiều cái chết, như chị Thùy tôi, ở lại nuôi chồng đi cải tạo và gửi dần bốn thằng con trai cho chị em vượt biển thành công, chị Thuỳ đợi chồng về đi sau, để rồi cùng chết với chồng trên đường vượt biển. Và chị Trâm tôi, cũng một thân một mình, dẫn mẹ và mấy đứa em từ hậu phương về thành: Người con gái chưa đầy hai mươi tuổi ấy, đã chân đất, mỗi bước năm ngón bặm chặt vào bờ ruộng trơn như mỡ, trên vai nặng một đòn gánh, gánh một bên thúng gạo để ăn đường, một bên thúng "đựng" đứa em út chưa đầy năm tuổi là tôi, qua những đồn bót, ruộng hoang, nhà cháy, bom đạn, vượt hàng trăm cây số để về Hà Nội. Và vẫn người chị ấy, bốn mươi năm sau, từ Úc, về Sàigòn ôm tiểu cha mẹ về Bắc. Chị Thư anh và chị Trâm tôi, là một, phải không anh? Hay như chị Thùy tôi đã chết để các con được sống. Họ đã âm thầm gánh lương tâm của thời đại. Không có họ thì không còn anh, không còn tôi. Họ là những người đem thuốc hồi sinh cho một thế giới đầy rẫy chết chóc. Nhưng trong những người chị của chúng ta, còn hằng hà sa số những người chị khác, chúng ta không biết tên. Cho nên tôi thành thật cám ơn anh, anh đã viết về họ, anh đã viết về tất cả những bà Tú Xương không biết viết; anh đã viết về tất cả những người chị không biết viết văn. Nhưng họ đã sống và đã hành động kịp thời. Họ thật. Và họ cần được viết lại với sự chân thật, không màu mè, bịa đặt như chúng ta thường thấy trong những hồi ký trá hình đầy dẫy trên thị trường chữ nghiã.

Chân thật đối với anh không khó, bởi nó là "cái vốn" của gia đình anh. Thạch Lam có viết trong *Theo Giòng*, đại ý: sự chân thật không làm nên nhà văn, nhưng một nhà văn đích thực không thể không chân thật. Sự chân thật ấy, từ bà cô Nguyễn Thị Thế, ông chú Nguyễn Tường Bách, đến các anh em họ, như Duy Lam, Thế Uyên, khi viết về gia đình anh đều toát ra, khiến những dòng hồi ký của họ luôn luôn gây xúc động. Còn anh, anh viết: "*Chú Sáu. Thạch Lam. Tôi không biết làm sao khởi đầu. Tôi không biết gì về chú. Tôi không có một kỷ niệm nào với chú. Tôi không hình dung nổi ngay cả một khuôn mặt rõ ràng của chú. Nghĩ mãi sau cùng chỉ có một hình ảnh duy nhất gợi lên trong tôi về chú. Đó là cây liễu... Cây liễu ven hồ... Thế là tôi bắt đầu.*" Nào ai bắt anh phải thực thà như thế? Ở một cây bút khác, chắc gì người ta đã tự nhận là mình bí. Nhưng trong thực thà có sự thực. Anh có thể viết khác đi, nhưng người ta sẽ không đọc anh như đọc một sự thực. Và sự thực là điều quý giá nhất mà người đọc mong mỏi và tìm kiếm khi mở một cuốn hồi ký. Sự thật không cạnh tranh với văn chương, không làm hao mòn văn chương, không đe dọa văn chương, cho nên dù viết thật thế nào, cuốn hồi ký của anh cũng vẫn là một cuốn hồi ký văn chương: mộng và thực giao thoa trong những mảnh đời anh, mảnh đời gia đình, được cắt dán chồng chéo một cách rất hiện đại, không theo thứ tự thời gian, không trước sau, không thống nhất, như trong lối viết hồi ký cổ điển.

Hồi ký của anh giống những truyện ngắn, hay nói đúng ra là anh viết truyện ngắn về gia đình. Nhưng những "truyện ngắn hồi ký" này vừa có chất "thực" rất thực, mà còn chở những giấc mơ huyền ảo mà hồi ký truyền thống không có. Anh vừa sáng tạo ra một thể loại mới, anh Thiết ạ. Hôm nọ trong câu chuyện đêm giao thừa: tôi có mạo muội "khuyên" anh: Nên rút ông Nhất Linh ra ngoài, để đi con đường riêng của mình. Và trong thư mới viết cho tôi, anh có ý ngại, anh băn khoăn: nếu "bỏ Nhất Linh đi" thì liệu có còn cảm hứng để viết nữa hay không? Bây giờ đọc xong hồi ký của anh thì tôi chắc chắn hai điều: về cảm hứng, tôi nhớ Nhất Linh có khuyên Bình Nguyên Lộc: "*Không có chuyện cảm hứng gì cả, mỗi ngày bắt buộc mình phải ngồi viết một hai trang, thì cảm hứng sẽ đến.*" Điều này trước đây tôi cũng đã học được của Nguyễn Hiến Lê. Còn câu "rút Nhất Linh" ra, thì nay tôi xin "rút lại," kể như không nói, anh muốn viết gì thì viết, miễn là anh thành thực với chính mình như anh vẫn làm từ trước đến nay, như trong cuốn sách này. Chính cái thành thực đã khiến anh gần gụi với độc giả, và tôi là một trong những độc giả ưu tiên được đọc anh và tôi đã tìm thấy ở anh, dấu ấn của một nhà văn đích thực.

Paris, 27/3/2006

Người thứ bảy trong Tự Lực Văn Đoàn là ai? Hay thử hóa giải "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn"[1]

CAO QUANG NGHIỆP

1. Sự ra đời và hình thành của một huyền thoại

Tự Lực Văn Đoàn (TLVĐ)[2] là một tổ chức vừa mang tính văn học, vừa mang tính xã hội, được học giả Hoàng Xuân Hãn đánh giá "là nhóm quan trọng nhất và là nhóm cải cách đầu tiên của nền văn học hiện đại"[3]. Thế nhưng, con số thành viên cũng như các mốc thời gian quan trọng của văn đoàn này đến nay vẫn còn là một ẩn số. Có nhiều nguyên nhân tạo nên tình trạng mập mờ này.

Lý do thứ nhất là trong suốt thời gian hoạt động, TLVĐ không một lần thông báo chính thức ngày thành lập và ngày giải tán văn đoàn, ngay cả danh sách thành viên của văn đoàn cũng không được thông báo. Hiện nay chúng ta có hai nguồn thông tin đáng tin cậy nhất, đó là hai tài liệu được chính Nhất Linh và Tú Mỡ để lại. Rất tiếc, thông tin về số lượng thành viên của văn đoàn được hai thành viên nguyên thủy này đưa ra cũng mâu thuẫn với nhau.

Trong phần "Mấy lời nói đầu" của bản phác thảo *Ký ức về đời làm báo* do chính Nhất Linh viết tay, thì có 7 thành viên 'có chân trong Tự Lực Văn Đoàn', đó là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, và Xuân Diệu[4]. Nguồn tin này được một số nhà nghiên cứu lấy làm chuẩn mực[5].

Thành viên nguyên thủy thứ hai có viết về vấn đề này là Tú Mỡ-Hồ Trọng Hiếu. Trong hồi ký Trong bếp núc của Tự Lực Văn Đoàn được hoàn tất ở Láng vào ngày 12 tháng 8 năm 1968, sau này được đăng trong Tạp Chí Văn Học, Tú Mỡ đã viết: "Đoàn viên nòng cốt của Tự Lực Văn Đoàn là những nhà văn trong tòa soạn báo Phong-Hoá: Anh Tam (đứng đầu giám đốc đoàn). Các anh Long, Lân, Giư, Tú Mỡ và Thế Lữ, tất cả chỉ có 6 người. Anh Tam đề nghị kết nạp thêm một người nữa cho đủ 'thất tinh'. Anh Giư giới thiệu anh Trần-Tiêu, [...], cả đoàn đồng ý. [...] Sau cùng, theo đề nghị của anh Tam, đoàn chỉ kết nạp thêm anh Xuân-Diệu, vị chi là 'bát tú'".[6] Nguồn thông tin này sau đó được nhà nghiên cứu Lê Thị Đức Hạnh củng cố bằng một bài báo đăng trong *Tạp Chí Văn Học*[7]. Ở Việt Nam, giả thuyết này rất phổ biến, được hầu hết giới nghiên cứu chấp nhận[8] (ngoài trường hợp Nguyễn Huệ Chi như đã nói trên) và được các nhà nghiên cứu trẻ[9] và các nhà xuất bản[10] lấy đó làm căn cứ khi viết về Tự Lực Văn Đoàn[11].

Thứ hai là do sự khác biệt về ý thức hệ sau này giữa những đoàn viên, kéo đến sự phức tạp và phiến diện trong việc nghiên cứu phê bình các nhà văn cũng như các tác phẩm của văn đoàn này. Số mệnh của TLVĐ cũng như tình trạng đất nước Việt Nam: nam bắc phân chia. Sau 1954 ở miền Bắc còn lại Tú Mỡ, Thế Lữ và Xuân Diệu. Ở miền Nam chỉ còn duy nhất một Nhất Linh. Suốt trong thời gian này (1954 – 1975) không hề có một cuộc đối thoại hoặc trao đổi thông tin nào về vấn đề này giữa những thành viên của TLVĐ hoặc giữa những nhà nghiên cứu ở hai miền. Vì thế mới có sự chênh lệch về con số do Nhất Linh và Tú Mỡ đưa ra. Giả sử không có sự ngăn cách nói trên thì vấn đề khác biệt này có lẽ đã được hai vị khi còn tại thế đem ra bàn cãi, giải quyết. Trình trạng này lại tiếp diễn sau 1975, khi có hơn hai triệu người Việt rời Việt Nam mang theo một số tài liệu quí hiếm ra nước ngoài. Rồi những mảng tài liệu ấy được phổ biến ở nước ngoài thì những nhà nghiên cứu ở Việt Nam không có cơ hội biết đến, như trong trường hợp bản phác thảo *Ký ức về đời làm báo* của Nhất Linh (xin xem ảnh minh họa 1).

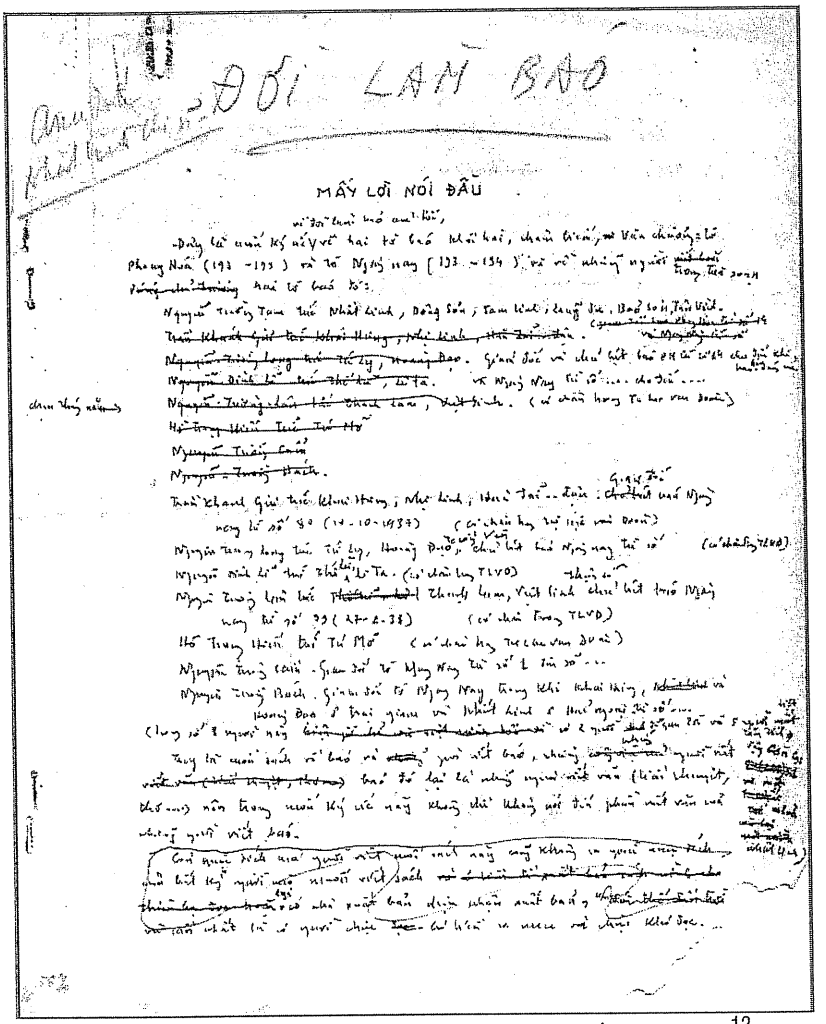

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Ảnh minh họa 1: Trang thứ nhất của bản phác thảo *Ký ức về đời làm báo* [12]

Thứ ba là lỗi của những người làm công việc nghiên cứu, có lẽ do chưa được cẩn thận trong việc xử lý thông tin, hoặc vì thiếu tài liệu. Một ví dụ điển hình là trường hợp nhà nghiên cứu Phạm Thế Ngũ trong cuốn *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*: *Văn học hiện đại 1862 – 1945*, một công trình đồ sộ, rất có giá trị của ông. Theo ông, trong tập Những Ngày Vui viết về sau, Khái Hưng có cho biết họ "...có ý định khi đó lập một thứ 'pleiade' với 'bảy vì sao'. Đó là Nhất Linh tức Nguyễn Tường Tam, Khái Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ, Hoàng Đạo, Thạch Lam và Nguyễn Gia Trí".[13] Thông tin trên đã gây ra nhiều ngộ nhận đáng tiếc; không ít người nghiên cứu sau này dựa vào nguồn thông tin này. Có một điều thật đáng chú ý, là những người trước 1975 làm việc ở miền Nam và sau 1975 sống ở hải ngoại rất tin theo giả thuyết này[14]. Nhưng, như tác giả Đặng Trần Huân đã phát biểu thì "[...] *Những ngày vui* là tiểu thuyết chứ không phải tự truyện thì ta có nên coi là một tài liệu tham khảo nghiêm chỉnh không?"[15].

Ngoài ra còn khá nhiều ý kiến khác về con số thành viên của TLVĐ. Một số nhà nghiên cứu cẩn thận thì cho rằng TLVĐ chỉ có sáu thành viên[16]. Rất tiếc là các vị này không viện dẫn ra nguồn tin nào làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Nhưng cũng có giả thuyết cho rằng, TLVĐ có đến tám thành viên. Trong quyển *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường - Nhất Linh – Hoàng Đạo - Thạch Lam*, tác giả Nguyễn Thị Thế (em gái ruột của nhà văn Nhất Linh), là nhân chứng cùng thời, cho rằng TLVĐ có tám thành viên. Ngoài những thành viên nguyên thủy còn có Nguyễn Gia Trí và Nguyễn Cát Tường[17]. Cũng có nhà nghiên cứu dựa theo thông tin này[18].

Như vậy, sau khi điểm qua những thông tin từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, chúng ta không những là không thiếu tài liệu mà ngược lại, có quá nhiều thông tin cùng một lúc được phát ra, nên dẫn đến trình trạng gây 'nhiễu loạn thông tin'. Thật sự chúng ta đang bơi trong biển tài liệu nhưng vẫn khát thông tin chính xác. Mấy năm gần đây có một số bài viết thử làm sáng tỏ vấn đề này. Tiêu biểu và quan trọng nhất là các bài sau đây:

1. Bài "Trần Tiêu có phải là thành viên trong tổ chức Tự lực văn đoàn không?" của tác giả Lê Thị Đức Hạnh, đăng lần đầu trong *Tạp Chí Văn Học*, số 5 – 1990[19]. Trong bài viết này, sau khi đưa ra năm lý do, được nhà nghiên cứu Phan Trọng Thưởng đánh giá là 'khá thuyết phục',

để củng cố thông tin trong tài liệu được Tú Mỡ để lại, tác giả đi đến kết luận: "Tự lực văn đoàn gồm tám thành viên, đó là: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Khái Hưng, Tú Mỡ, Thế Lữ, Trần Tiêu, Xuân Diệu"[20]. Đọc qua những tài liệu mà tác giả Lê Thị Đức Hạnh đã khảo cứu, chúng tôi nhận thấy rằng, tác giả này chưa biết đến bản phác thảo Ký ức về đời làm báo do Nhất Linh để lại, như đã đề cập ở đoạn trên. Vì thế, trong bài viết của mình tác giả không hề nhắc đến nguồn tài liệu này.

2. Bài "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn" của tác giả Đặng Trần Huân đăng trong tạp chí *Thế Kỷ 21*, số 102, tháng 10 năm 1997[21]. Trong bài viết này tác giả điểm qua một số thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về con số thành viên của TLVĐ. Những con số được tác giả tìm thấy rất đa dạng, từ sáu đến mười hai thành viên. Bài khảo cứu của tác giả rất công phu, đã khảo cứu rất nhiều tài liệu và phương pháp áp dụng cũng mới. Nhưng rất tiếc, vì chưa kiểm chứng tư liệu về Xuân Diệu, nên tác giả đã mắc phải một lỗi rất quan trọng khi quả quyết rằng "Năm 1938 khi in *Thơ Thơ* cũng chưa thấy giòng chữ Trong TLVĐ ghi dưới tên tác giả Xuân Diệu"[22]. Cũng trong bài viết này tác giả khẳng định rằng "ông [Trần Tiêu] không hề là thành viên TLVĐ"[23], điều mà tác giả Phan Trọng Thưởng cho là "sai lầm".[24]

3. Sau khi được một đọc giả cho biết rằng, tác giả đã lầm khi viết rằng "TLVĐ chỉ có sáu người và gạt Xuân Diệu ra ngoài" thì nhà nghiên cứu Đặng Trần Huân lại đăng tiếp bài "Xuân Diệu và Tự Lực Văn Đoàn" trên tạp chí *Thế Kỷ 21*, số 112, August 1998, để sửa lại ý kiến của mình trong bài "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn". Phần quan trọng nhất trong bài viết này, là sau khi đã tham khảo thêm tài liệu, nhất là bản phác thảo *Ký ức về đời làm báo* của Nhất Linh, tác giả đi đến kết luận: "Với di cảo của Nhất Linh, bây giờ có thể kết luận thành viên TLVĐ có bảy người là sáu vị nguyên thủy từ khi thành lập năm 1933 là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ và một nhà thơ kết nạp sau 1940 là Xuân Diệu"[25]. Tuy đồng ý với nhà nghiên cứu Đặng Trần Huân về con số và những thành viên của TLVĐ, nhưng còn một điều mà chúng tôi thấy còn cần bàn thêm, đó là thời gian Xuân Diệu được kết nạp vào văn đoàn. Điều này sẽ được chúng tôi trình bày ở phần sau.

4. Bài "Cuối thế kỷ nhìn lại việc nghiên cứu, đánh giá văn chương Tự lực văn đoàn" của tác giả Phan Trọng Thưởng, đăng trong *Tạp Chí Văn Học*, số 2-2000[26]. Trong bài viết này tác giả hoàn toàn ủng hộ ý kiến của Lê Thị Đức Hạnh và bác bỏ ý kiến của Đặng Trần Huân. Cũng như Lê Thị Đức Hạnh, Phan Trọng Thưởng chưa đọc qua bản phác thảo Ký ức về đời làm báo của Nhất Linh, nếu không thì tác giả đã phải phản bác thông tin trong nguồn tài liệu này, trước khi phát biểu rằng "Cũng may là vấn đề này, nhà văn Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu) - một trong những thành viên chủ chốt của Tự lực văn đoàn - đã kịp công bố những tư liệu đáng tin...".[27]

5. Thêm một lần nữa nhà nghiên cứu Đặng Trần Huân trở lại vấn đền này với bài "Viết thêm về Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn", đăng ngày 12 tháng 8 năm 2002 trên diễn đàn điện tử *VietPage*[28]. Rất tiếc, trong bài này tác giả không thử tiếp tục phát triển phương pháp nghiên cứu mà tác giả đã áp dụng trong bài viết trước kia. Tác giả chỉ đơn thuần kể thêm một vài thông tin có liên quan đến con số thành viên của TLVĐ mà không đưa ra một ý kiến nào mới, với lời đề nghị: "[T]rước những bài viết theo ký ức rối mù như vậy tôi nghĩ ta nên tin di cảo của Nhất Linh đã phổ biến trên nguyệt san Văn Hóa Nghệ Thuật số 3"[29].

Sau bài viết này của Đặng Trần Huân, tới nay chúng tôi không thấy một bài viết nào về vấn đề này nữa.

Như vậy trình trạng về con số thành viên của TLVĐ cho đến nay, như đã điểm qua, vẫn 'rối mù'. Như vậy giờ đây chúng ta nên theo giả thuyết nào?

* Hoặc là phải tin theo Tú Mỡ vì "Tú Mỡ cũng trong Tự lực văn đoàn, một tổ chức khá chặt chẽ, cùng làm việc, cùng sinh hoạt với nhau, nên trong văn đoàn có ai, không có ai, ông phải biết rõ"[30] như lý do thứ tư mà Lê Thị Đức Hạnh đã đưa ra.

* Hoặc là tin theo Nhất Linh vì "Không tài liệu nào có thể chính xác và khả tin hơn tài liệu do chính người đúng đầu TLVĐ viết tay để lại cho chúng ta"[31], như Đặng Trần Huân đã đề nghị.

Thông thường, nếu dựa trên trí nhớ thì thông tin của Nhất Linh đáng được tin cậy hơn, vì tính theo thời gian, lúc nhà văn Nhất Linh viết bản phác thảo *Ký ức về đời làm báo*32 thì lúc đó

cao nhất ông chỉ mới 57 tuổi (1906 – 1963), trong khi Tú Mỡ đã 68 tuổi (1900 – 1976), khi ông hoàn tất tập hồi ký *Trong bếp núc của Tự Lực Văn Đoàn* ở Láng vào tháng 8 năm 1968. Đây là xét trong trường hợp khách quan với điều kiện là hai nhà văn này cùng có trí nhớ tốt như nhau. Nhưng cũng như Lê Thị Đức Hạnh đã khuyên những người làm nghiên cứu "[...] trong công tác nghiên cứu, không thể hoàn toàn tin vào hồi ký được, vì hồi ký dựa vào trí nhớ, chưa kể, nhiều khi người viết còn hư cấu thêm cho hấp dẫn và thuyết phục"[33]. Hoặc cũng như Đặng Trần Huân đã nêu lên sự khó khăn trong công việc biên khảo và đưa ra ý kiến rằng "[Đ]ể tìm hiểu chính xác về TLVĐ chúng ta chỉ có thể căn cứ trên những tài liệu cụ thể có bút tích đã công bố bởi sáu hay một trong sáu đoàn viên nguyên thủy mà mọi độc giả đã biết. Nếu chỉ theo những lời kể lại, nhớ theo ký ức e cũng mắc sai lầm"[34]. Nếu vậy, thì lý do thứ năm mà Lê Thị Đức Hạnh đưa ra, rằng "[T] rước đây, có lần chúng tôi đã hỏi nhà thơ Thế Lữ về vấn đề này, ông cũng nói như vậy"[35] – nghĩa là nói theo ý của Tú Mỡ – cũng thuộc vào 'diện' này, cho nên cũng không đáng tin cậy hoàn toàn. Như vậy, nếu chỉ dựa trên các tài liệu được các thành viên nguyên thuỷ cung cấp thì chúng ta đã đi vào ngõ cụt. Tất cả những thành viên nguyên thủy ấy hiện giờ không còn ai nữa và giả như họ còn sống thì, vì tuổi tác họ quá cao, chúng ta sẽ nghi ngờ trí nhớ họ, như chúng ta hiện đang không tin những hồi ký và bản thảo của họ để lại.

Tình trạng bi quan đến nỗi tác giả Đặng Trần Huân đặt tên cho bài viết của mình là "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn" và cuối bài viết ông đề nghị: "Còn như nếu chưa trả lời được thiết nghĩ ta nên chấp nhận sáu thành viên nguyên thủy đã lập nên văn đoàn, [...] Thà rằng cứ mơ hồ như thân thế Hồ Xuân Hương, T.T.KH hay những Khuyết Danh, Vô Danh Thị nào đó với những tác phẩm để đời còn hơn là thêm bớt, vẽ rắn thêm chân cho một văn đoàn đã có công với văn học Việt Nam như Tự Lực Văn Đoàn vậy"[36].

Theo thiển ý của chúng tôi, chúng ta không thể hoàn toàn tin hay không tin vào những hồi ký hay trí nhớ của những người cùng thời hay của 'những nhân chứng sống'. Vì nếu không, cuối cùng thì chúng ta không còn tin vào đâu được nữa. Tài liệu vốn tự thân không phải là vàng, nhưng cũng không phải là cám. Nhiệm vụ của người nghiên cứu là sàng lọc ra trong mớ hỗn độn ấy những thông tin nào có tính khả tin cao nhất và dùng nhiều nguồn tin khác làm nền tảng cho việc củng cố giả thiết của mình.

Có lẽ vì đã bỏ ra nhiều công sức cho việc sưu tầm và khảo cứu tài liệu mà cuối cùng vẫn không tiến được bước nào trong việc làm sáng tỏ con số thành viên của TLVĐ nên nhà nghiên cứu Đặng Trần Huân mới bi quan và đề nghị như trên. Chứ giới văn học sử làm sao có thể bằng lòng với tình trạng mập mờ này, trong khi TLVĐ đâu phải là một văn đoàn của một thời đại xa xôi nào! Thành viên cuối cùng của văn đoàn cũng chỉ qua đời cách đây mới 21[37] năm thôi và hiện nay vẫn còn những nhân chứng sống. Có nghĩa là tất cả vẫn còn thuộc về nhiệm vụ của những người nghiên cứu thế hệ chúng ta. Chẳng lẽ cứ chờ lớp trẻ sau này họ sẽ làm tốt hơn ta, hay lại hy vọng thời gian làm các nhà nghiên cứu khách quan hơn, trong khi tư liệu thì mỗi ngày một mục nát và phân tán mỗi nơi một mảnh!

Theo chúng tôi, 'huyền thoại' đôi khi cũng rất cần thiết để cho sự vật nằm đằng sau cái huyền thoại ấy có một sức quyến rũ đặc biệt và gợi thêm tính hiếu kỳ của con người. Nhưng ở đây, cái mà được gọi là 'Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn' không có giá trị ấy. Nó chỉ làm rối rắm, che mù sự việc thêm mà thôi.

Trong bài này chúng tôi dùng nhiều nguồn tài liệu khác nhau, chưa công bố cũng như đã công bố – trong và ngoài nước – đồng thời áp dụng nhiều phương pháp mới hoặc khai triển thêm những phương pháp mà trước đây đã được các nhà nghiên cứu áp dụng như chưa được hoàn chỉnh, thử gỡ từng nút 'rối' và sau đó đánh tan lớp sương 'mù' bao bọc trên cái 'huyền thoại' ấy, nhằm đưa một chút ánh sáng vào vấn đề này.

Vì các bài viết của Lê Thị Đức Hạnh, của Đặng Trần Huân và của Phan Trọng Thưởng có tính cách tổng kết, làm nền tảng phổ biến cho nhiều công trình nghiên cứu sau này, nên chúng tôi dựa trên những bài viết vừa kể trên để làm đối chiếu.

2. Tiến hành hóa giải 'Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn'

Ở đây, khi nói về con số thành viên của TLVĐ thì chúng ta thống nhất với nhau rằng

chúng ta đang nói về số thành viên trước khi có sự phân rã của văn đoàn trước 1945, chứ không nói về những ứng cử thành viên (Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng), nhóm người mà khi Nhất Linh vào Nam đã tiến cử, nhưng chưa được chính thức kết nạp vào văn đoàn, qua sự bỏ phiếu và tán thành của các thành viên văn đoàn, như điều lệ và tôn chỉ của TLVĐ đã đưa ra. Vì vậy, chúng ta sẽ không bàn đến Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng, cho dù họ có thư giới thiệu của Nhất Linh, trong đó có đoạn: "Trong bảy tám nhà văn mới chọn lọc được trong hai năm nay, tôi thấy có ba nhà văn chắc chắn xứng đáng là nhân viên Tự lực văn đoàn và tôi tin anh Đỗ Đức Thu cũng như mấy anh mất tích sau này trở về, cũng như tôi sẽ bỏ phiếu bầu một khi ba nhà văn đó có đủ một số sáng tác để sự quyết định có căn cứ. Ba người đó là Nguyễn Thị Vinh, Tường Hùng và Duy Lam"[38] (xin xem ảnh minh họa 2).

Riêng về trường hợp Đỗ Đức Thu thì rất phức tạp, vì vai trò đặc biệt của ông được Nhất Linh đề cập, không những qua trong chúc thư này mà còn trong một lời giới thiệu về Đỗ Đức Thu, tác giả của truyện ngắn "Cúng Cơm", đăng trong số đầu tiên của tạp chí *Văn Hóa Ngày Nay* do Nhất Linh chủ trương; phía trên của tựa đề truyện ngắn có ghi rõ ràng: "Sau hơn mười lăm năm nhà văn lão thành Đỗ Đức Thu trong Tự Lực Văn Đoàn mới lại có truyện đăng trên báo"[40]. Hơn nữa, dưới tên tác giả Đỗ Đức Thu có chua thêm dòng chữ 'Trong Tự Lực Văn Đoàn', điều mà thông thường chỉ những thành viên của TLVĐ mới được làm. Nhưng theo ý kiến của Đặng Trần Huân thì ælời giới thiệu này có thể do một người trong toà soạn viết và Nhất Linh không coi lại kỹ trước khi cho in"[41]. Theo thiển ý của chúng tôi thì sự việc không đơn giản như vậy; vì không những Nhất Linh đã không cẩn thận để xảy ra lỗi này, mà chính ông đã đề cập vai trò đặc biệt của Đỗ Đức Thu trong *Chúc thư Giao Thừa năm Quý Tỵ 1953*, như trên đã trình bày. Nhưng trong bản phác thảo *Ký ức về đời làm báo*, cũng do ông để lại, thì mặc dù ông có để tên Đỗ Đức Thu dưới mục 'những người không ở trong tòa soạn nhưng thường có bài đăng ở hai tờ báo', nhưng không có hàng chữ 'trong Tự Lực Văn Đoàn' để trong ngoặc (xin xem dòng A của ảnh minh họa 4). Ở đây chúng ta chỉ có thể giải thích rằng, bản phác thảo *Ký ức về đời làm báo* được Nhất Linh viết trước Giao thừa năm Quý Tỵ, nhằm ngày 14 tháng 2 năm 1953, nên nhà văn Đỗ Đức Thu chưa được ông kết nạp làm thành viên TLVĐ. Từ năm 1953 trở đi Đỗ Đức Thu được chính thức công nhận là thành viên của TLVĐ qua lời giới thiệu trong truyện ngắn "Cúng Cơm" đăng tạp chí *Văn Hóa Ngày Nay.* Theo suy luận của chúng tôi, nếu quả như vậy thì nhà văn Đỗ Đức Thu được kết nạp vào TLVĐ trong khoảng thời gian sau ngày 3 tháng 2 năm 1940 và ngày 14 tháng 2 năm 1953. Còn lý do vì sao là ngày 3 tháng 2 năm 1940

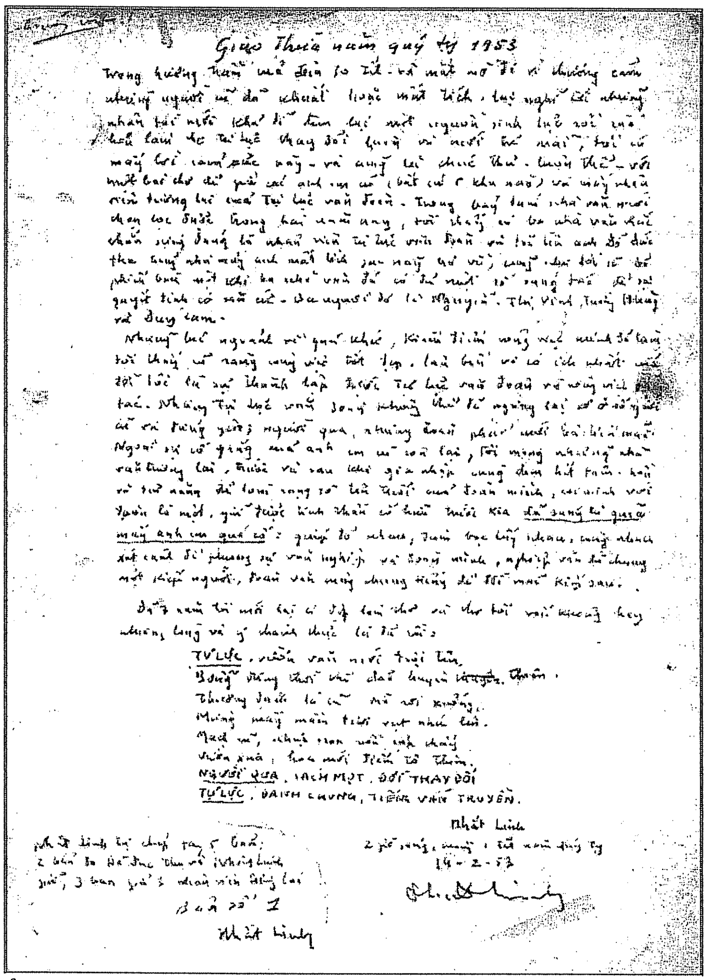
Giao Thừa năm quý tỵ 1953

NGƯỜI QUA, SÁCH MỌT, ĐỜI THAY ĐỔI
TỰ LỰC, DANH CHƯƠNG, TIẾNG VẪN TRUYỀN.

Nhất Linh
14-2-53

Nhất Linh

Ảnh minh họa 2: Thủ bút Chúc thư Giao Thừa năm quý tỵ 1953 của Nhất Linh [39]

thì sẽ được trình bày trong phần sau.

2.1. Sự thật về 'pleiade' hay 'thất tinh'

Qua sự 'nhiễu loạn thông tin' như đã trình bày ở phần 1 thì vấn đề chúng ta đang đối diện là sự khác biệt về số lượng thành viên TLVĐ và tên của các thành viên.

Chúng tôi sẽ tiến hành từng bước một: Trước nhất xác định lại con số thành viên của TLVĐ là bao nhiêu. Sau đó tìm xem những ai là thành viên thật sự của TLVĐ.

Điều đáng chú ý là từ 'pleiade' (được Khái Hưng dùng), hoặc 'thất tinh' (được Tú Mỡ dùng) hoặc số 7 (được Nhất Linh dùng) được các thành viên nguyên thủy của văn đoàn thường sử dụng để nói về số thành viên của văn đoàn mình. Tuy có một lần duy nhất Tú Mỡ viết trong hồi ký của ông: "Sau cùng, theo đề nghị của anh Tam, đoàn chỉ kết nạp thêm anh Xuân-Diệu, vị chi là 'bát tú'"[42], nhưng cũng trong hồi ký ấy, như nhà nghiên cứu Đặng Trần Huân đã tinh ý chỉ ra rằng ở những đoạn sau Tú Mỡ đã dùng từ 'thất tinh' đến ba lần khi ông viết: "[...] đến năm 1939 thì có những triệu chứng cái 'thất tinh hội' ấy bắt đầu lu mờ"[43] hoặc "Cái 'thất tinh hội' Tự lực văn đoàn tan tác trong cơn phong ba như những ngôi sao đổi ngôi"[44]. Và đặc biệt là sau khi Tú Mỡ viết rằng Thạch Lam "đã mắc bệnh lao và từ trần khi mới ngoài ba mươi tuổi"[45], "Bẵng đi mấy năm mới được tin anh [Khái Hưng] chết"[46], rồi "Sau nữa, lại được tin anh Hoàng Đạo đã rơi rụng trên đất Quảng Châu (Trung quốc)[47]," và "Anh Trần Tiêu cũng mất tại quê hương"[48], thì ngay liền ở câu dưới Tú Mỡ lại viết "Thế là thất tinh hội rơi rụng mất ba"[49]. Tại sao lại có chuyện lẫn lộn như thế này? Tại sao Tú Mỡ đã kể ra tên bốn người mà lại viết "rụng mất ba"? Xem ra, trong tâm thức và trí nhớ của Tứ Mỡ từ 'thất tinh' vẫn luôn luôn trực thức hơn từ 'bát tú'. Hơn nữa, ai trong bốn nhà văn đã qua đời được Tú Mỡ nhắc đến mà không thuộc vào cái "thất tinh hội" của TLVĐ; chẳng lẽ là Thạch Lam hay Khái Hưng hay Hoàng Đạo – những nhà văn mà tứ trước đến giờ được coi là thành viên nguyên thủy của văn đoàn – sao!?

Con số 7 này không những do trí nhớ của ba thành viên nguyên thủy nhắc đến, mà chúng tôi còn có một bằng chứng cụ thể để chính minh điều này. Trong Số Mùa Xuân 1940 của tuần báo Ngày Nay, là số 198, ra ngày 3 tháng 2 năm 1940, ở cuối trang 6, toàn soạn có đăng một bức họa, trong đó vẽ cảnh bảy người đang ngồi quây quần bên bàn làm việc[50] (xin xem ảnh minh họa 3). Thiết nghĩ, không phải ngẫu nhiên mà họa sĩ Tô Ngọc Vân chỉ vẽ có bảy người, mà không là sáu hay tám hoặc một con số nào khác.

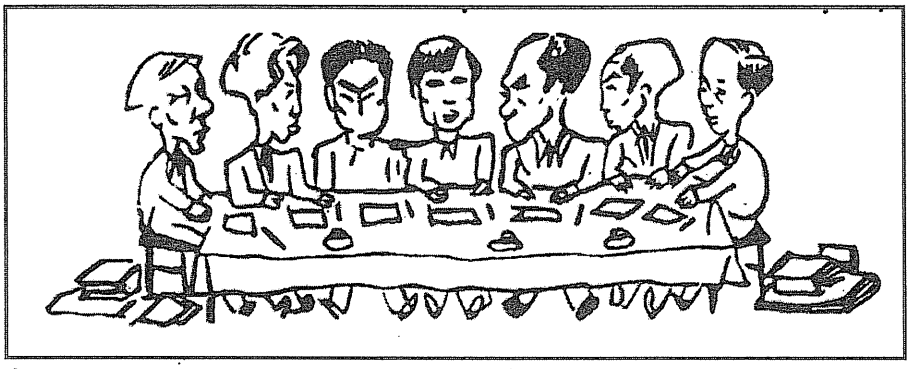

Ảnh minh họa 3: "Thất tinh hội" bên bàn làm việc [51]

Điều đó đủ để chúng ta có thể đồng ý với nhau rằng, TLVĐ đến ngày 3 tháng 2 năm 1940 chỉ có bảy thành viên chính thức.

Như vậy giả thuyết TLVĐ có sáu hoặc tám thành viên hay nhiều hơn nữa không thể đứng vững được.

Nếu đồng ý với giả thuyết TLVĐ chỉ có bảy thành viên thì bước kế tiếp chúng ta phải xác định bảy vị đó là ai, ngoài sáu thành viên nguyên thủy không cần bàn cãi nữa, đó là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thế Lữ, Thạch Lam và Tú Mỡ. Có phải người thứ bảy đó là Nguyễn Cát Tường (theo hồi ký của Nguyễn Thị Thế), hay là Nguyễn Gia Trí (theo Nguyễn Thị Thế và Khái Hưng do Phạm Thế Ngũ đưa ra) hay là Trần Tiêu (theo Tú Mỡ) hay Xuân Diệu (theo Nhất Linh) không?

Theo 'nguyên lý phế bỏ'[52] chúng tôi sẽ lần lượt gạt ra những 'ứng cử viên' nào mà xác suất của họ thấp nhất, để cuối cùng người còn lại là thành viên thứ 7 của TLVĐ.

2.2. Hai họa sĩ Nguyễn Cát Tường và Nguyễn Gia Trí không là thành viên của TLVĐ

Tại sao hai hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí (Rilg) và Nguyễn Cát Tường (Lemur) không thể là thành viên của TLVĐ? Không phải là vì hai vị này là hoạ sĩ, chỉ vẽ tranh chứ không "Tự sức mình làm ra những sách có giá trị về văn chương" chiếu theo tôn chỉ của TLVĐ như nhà nghiên cứu Lê Thị Đức Hạnh đã viện ra để phản bác khả năng rằng hai nhà họa sĩ này cũng có thể là thành viên của TLVĐ. Vì như điều 10 của tôn chỉ TLVĐ đã ghi rõ rằng "[T]heo một điều trong chín điều này cũng được, miễn là đừng trái ngược với những điều khác"[53]. Điều này cũng có nghĩa là, dẫu hai họa sĩ này không viết sách, nhưng biết đâu họ đã đáp ứng được các điều kiện còn lại thì khả năng họ làm thành viên TLVĐ cũng có thể xảy ra lắm chứ! Nhưng ở đây chúng ta phải dùng những bằng chứng cụ thể và những lý do căn bản hơn.

Như mọi người điều biết, khi chính thức[54] công bố sự ra đời của TLVĐ trong báo *Phong Hóa*, số 87, ra ngày 2 tháng 3 năm 1934[55], ngoài mười tôn chỉ TLVĐ có nêu ra bốn mục đích của văn đoàn. Điểm thứ hai trong bốn điểm đó có liên quan đến quyền hạn của thành viên và được TLVĐ đề ra như sau: "Người trong Văn Đoàn có quyền để dưới tên mình chữ Tự Lực Văn Đoàn và bao nhiêu tác phẩm của mình đều được Văn Đoàn nhận và đặt dấu hiệu"[56]. Vì vậy nhà văn nào không phải là người của TLVĐ, thì dẫu có hợp tác thường xuyên với Phong Hóa hoặc Ngày Nay và sách của họ được TLVĐ đứng ra xuất bản và giới thiệu, thì TLVĐ cũng cẩn thận trong việc quảng cáo. Bằng chứng là khi giới thiệu sách trên tuần báo Phong Hóa, ban biên tập đã phân biệt rõ ràng sách của người trong văn đoàn và sách của người ngoài văn đoàn. Một ví dụ cụ thể cho sự việc này là một mẩu quảng cáo sách trên tuần báo Phong Hóa, số 128, ra thứ sáu ngày 14 tháng 12 năm 1934, được trình bày như sau: "NHÀ XUẤT BẢN ĐỜI NAY HIỆN ĐÃ XUẤT BẢN:/ Sách của Tự Lực Văn Đoàn:/ Hồn bướm mơ tiên của Khái Hưng, [...],/ Gánh hàng hoa của Khái Hưng và Nhất Linh, [...],/ Sách ngoài:/ Cạm bẫy người của Vũ Trọng Phụng [...], Đẹp của Nguyễn Cát Tường [...], ĐƯƠNG IN:/ Tiếng suối reo của Khái Hưng [...]"[57]. Như vậy chúng ta nhận ra rằng tác phẩm của hoạ sĩ Nguyễn Cát Tường không được TLVĐ sắp chung vào những 'sách của Tự Lực Văn Đoàn' mà nằm dưới mục 'sách ngoài', cùng một loại với sách của Vũ Trọng Phụng. Dựa vào lý do này chúng ta có thể quả quyết rằng, hoạ sĩ Nguyễn Cát Tường không thể nào là thành viên của TLVĐ được.

Đến đây chỉ còn lại Nguyễn Gia Trí, Trần Tiêu và Xuân Diệu 'được tiếp tục vào vòng trong'. Nhưng thật ra, chỉ có Trần Tiêu và Xuân Diệu là ứng cử viên có triển vọng thôi, chứ Nguyễn Gia Trí thì được Phạm Thế Ngũ dẫn theo tiểu thuyết của Khái Hưng, mà, như Đặng Trần Huân đã cho biết: "Tìm đọc lại *Những*

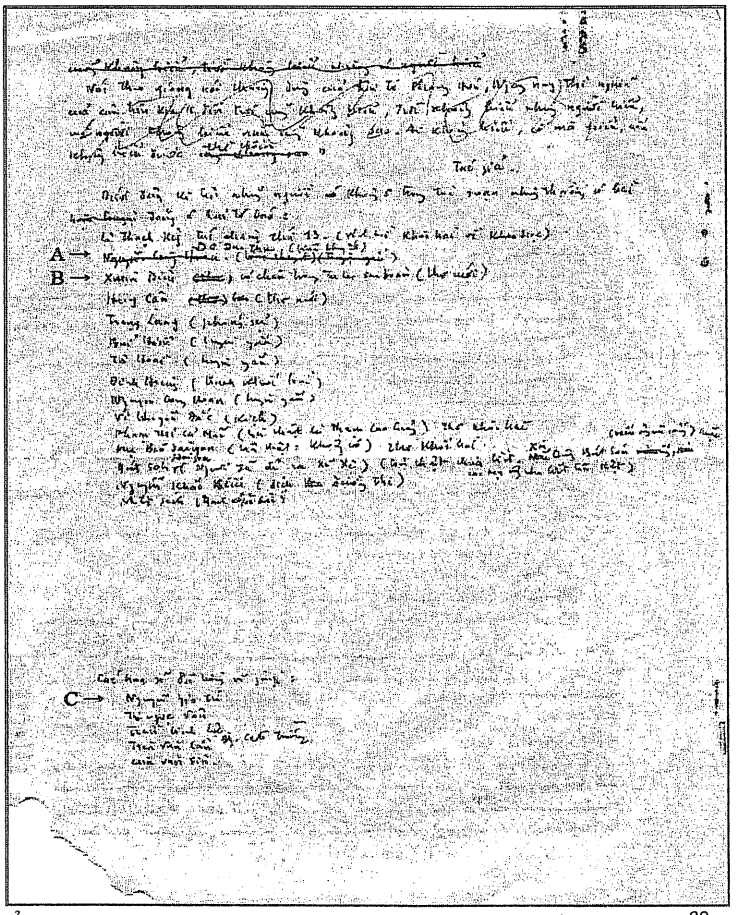

Ảnh minh họa 4: Trang thứ hai của bản phác thảo Ký ức về đời làm báo [60]

ngày vui, rồi dò từng giòng nhưng không thấy đoạn nào nói tới chuyện *Pleiades* cả"[58]. Thêm vào đó, trong bản phác thảo *Ký ứcvề đời làm báo* Nhất Linh đã để tên Nguyễn Gia Trí dưới mục 'Các họa sĩ đã từng vẽ giúp', mà không chua thêm hàng chữ 'có chân trong Tự Lực Văn Đoàn', như trong trường hợp Xuân Diệu, chẳng hạn[59] (xin xem dòng C trong ảnh minh họa 4).

Điều này không thể coi là một sự nhầm lẫn của người sáng lập văn đoàn này. Như chúng ta đều biết, Nguyễn Gia Trí không những đã cộng tác thường xuyên ngay từ đầu với báo Ngày Nay, mà ông còn là chiến hữu luôn sát cánh bên Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long và Trần Khánh Giư. Ông đã bị sở mật thám Pháp bắt và đưa đi đầy ở Sơn La cùng với Nguyễn Tường Long và Trần Khánh Giư[61]. Sau này, ông bị Pháp 'chỉ định cư trú' ở Thủ Dầu Một. Một cộng tác viên đắc lực, một chiến hữu thân tín và một nhà hoạ sĩ nổi tiếng vào bậc nhất của nền hội họa Việt Nam như thế lẽ nào Nhất Linh quên cho được. Hơn nữa, khi viết những trang phác thảo *Ký ức về đời làm báo* và cả *Chúc thư Giao thừa năm Quý Tỵ* 1953, Nhất Linh có nhắc đến 'những người cũ đã khuất hoặc mất tích' mà không nhắc đến Nguyễn Gia Trí, người cũng đang sống ở miền Nam như ông và thường được ông đến thăm viếng[62]. Ở đây, chúng ta chỉ có thể giải thích rằng, Nhất Linh rất phân minh và rõ ràng giữa tình cảm riêng tư và việc chung của văn đoàn. Theo lẽ này thì lý do thứ ba mà Lê Thị Đức Hạnh đưa ra, rằng "Trần Tiêu là em ruột của Khái Hưng, sáng tác lại phù hợp với tôn chỉ của Tự Lực Văn Đoàn, nên khi Khái Hưng đã giới thiệu thì chắc rằng Nhất Linh sẽ đồng ý kết nạp Trần Tiêu vào Tự Lực Văn Đoàn (đương nhiên, còn các thành viên khác, nhưng Nhất Linh là chính)"[63] thì không thể đứng vững được. Nếu nói về thâm tình thì người phải được kết nạp là nhà văn, bác sĩ Nguyễn Tường Bách, vì vị này là em ruột của ba nhà văn (Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam) trong TLVĐ, đã hợp tác thường xuyên dưới nhiều thể loại, nhất là về Thơ Mới trong tuần báo *Phong Hóa* và *Ngày Nay* và cũng được Nhất Linh nhắc đến trong cuốn *Ký ức về đời làm báo*. Hơn nữa sau này chính ông ta đứng ra đảm nhận công việc của nhà xuất bản *Đời Nay* trong lúc Thạch Lam mang bệnh rồi qua đời, Khái Hưng cùng Hoàng Đạo thì bị quản thúc tại Sơn La và Nhất Linh đã sang Trung Hoa. Còn nếu xét về 'khuynh hướng sáng tác' như lý do thứ nhất mà cũng chính nhà nghiên cứu Lê Thị Đức Hạnh đưa ra[64], thì rất nhiều nhà văn lúc đó cũng xứng đáng và đủ tiêu chuẩn để trở thành thành viên của văn đoàn, nhất là các nhà văn đã được TLVĐ trao giải văn chương. Nếu không thì các nhà văn này đã không được TLVĐ trao giải như thế.

Như vậy vòng chung kết chỉ còn lại Trần Tiêu và Xuân Diệu.

2.3. Trần Tiêu không là thành viên của TLVĐ

Theo chúng tôi, Trần Tiêu không là thành viên của TLVĐ. Điều này chúng tôi dựa trên những luận điểm sau đây:

Thứ nhất, theo nguyên tắc mà TLVĐ đã thông báo ngày 3 tháng 2 năm 1934 thì "[N]gười trong Văn Đoàn có quyền để dưới tên mình chữ Tự Lực Văn Đoàn và bao nhiêu tác phẩm của mình đều được Văn Đoàn nhận và đặt dấu hiệu"[65]. Nguyên tắc này đối với những thành viên của TLVĐ nói chung và đối với Nhất Linh rất quan trọng. Mặc dù ai cũng biết ông là sáng lập viên của TLVĐ, nhưng trong các tác phẩm của ông, ông đều chua thêm dòng chữ 'trong Tự Lực Văn Đoàn' dưới tên Nhất Linh, ngay cả trong những bản thảo cũng vậy. Bằng chứng là trong phác thảo bộ truyện dài "Xóm Cầu-Mới", viết ở Hồng Kông vào ngày 19 tháng 1 năm 1950[66], ông cũng không quên tiểu tiết này (xin xem ảnh minh họa 5).

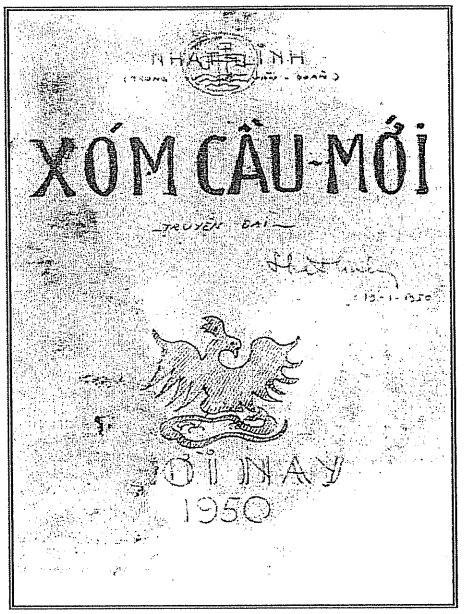

Ảnh minh họa 5: Trang bìa *Xóm Cầu Mới*[67]

Chiếu theo nguyên tắc này thì Trần Tiêu không là thành viên của TLVĐ, vì trên những tác phẩm của Trần Tiêu do nhà *Đời Nay* xuất bản thì dưới tên Trần Tiêu không thấy ghi "Trong Tự Lục Văn Đoàn" như trong những tác phẩm của các nhà văn khác trong TLVĐ (xin xem ảnh minh họa 6 và 7).

Ảnh minh họa 6: Trang bìa *Gió đầu mùa* [68]

Ảnh minh họa 7: Trang bìa *Lê Phong phóng viên* [69]

Cả sau này, khi ở miền Nam Nhất Linh có lập ra nhà xuất bản *Phượng Giang* để in những sách mà trước kia nhà in *Đời Nay* cho xuất bản ở Hà Nội, trong đó có cả 'sách của Tự lực văn đoàn' và 'sách ngoài'. Những sách nào của TLVĐ ông đều chua thêm 'Trong Tự Lực Văn Đoàn' dưới tên tác giả, trong khi đó dưới tên Trần Tiêu không có ghi chú này (Xin xem ảnh minh họa 8 và 9).

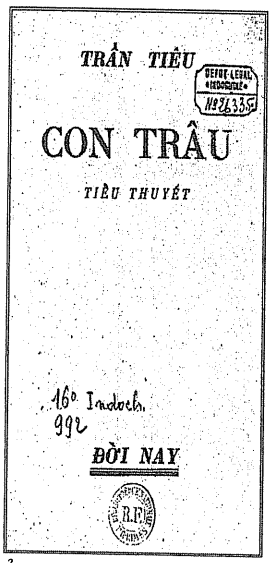

Ảnh minh họa 8: Trang bìa *Con trâu* [70]

Ảnh minh họa 9: Trang bìa *Sau lũy tre* [71]

Ở đây cũng cần nói rõ thêm rằng, TLVĐ có tất cả hai con dấu, chứ không phải chỉ một, như Tú Mỡ đã nhầm[72]. Một con dấu hình tròn, đóng khung hai chữ T và L xếp thành chữ triện. Đó là con dấu riêng của TLVĐ. Ngoài ra nhà in *Đời Nay* cũng có một con dấu riêng, được tạo thành bởi hình con chim đại bàng giương cánh bay trên làn sóng[73]. Vì lẽ này mà có một vài vị nhầm rằng, nếu trên sách của những người nào đã được TLVĐ trao giải thưởng, được nhà Đời Nay xuất bản và được đóng hai con dấu ấy vào, thì cho rằng người đó là thành viên của TLVĐ. Thật ra không phải như vậy, vì khi đăng tin "Giải Thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn" thì ban giám khảo đã rất cẩn thận khi đề: "Cuốn sách được thưởng vẫn thuộc *quyền sở hữu tác giả* và được Tự-lực Văn-đoàn nhận đặt dấu hiệu, nếu đó là ý muốn của tác giả. Người được sách thưởng không phải vì thế mà được nhận là người trong Tự-lực Văn-đoàn".[74]

2.4. Xuân Diệu là thành viên thứ 7 trong TLVĐ

Trường hợp Xuân Diệu thì khác. Những tác phẩm của ông đều có ghi dòng chữ 'trong Tự Lực Văn Đoàn' dưới tên Xuân Diệu (xin xem dòng B trong ảnh minh họa 4). Ngay cả khi giới thiệu tập *Thơ Thơ* của Xuân Diệu trên tuần báo *Ngày Nay*, nhà in cũng chua thật rõ tiểu đề này dưới tên Xuân Diệu (xin xem ảnh minh họa 10 và 11).

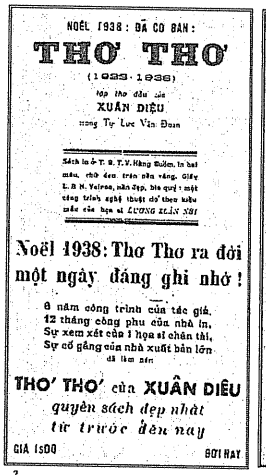

Ảnh minh họa 10: Mẫu quảng cáo *Thơ Thơ* [75]

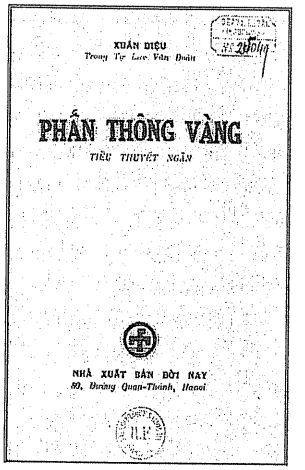

Ảnh minh họa 11: Trang bìa *Phấn Thông Vàng* [76]

Rất tiếc, khi viết bài viết của mình tác giả Đặng Trần Huân chưa có dịp đọc qua những số báo của *Ngày Nay* và ấn phẩm lần đầu tiên

của *Thơ Thơ* nên mới không biết mà viết rằng "[N]ăm 1938 khi in *Thơ Thơ* cũng chưa thấy giòng chữ Trong TLVĐ ghi dưới tên tác giả Xuân Diệu"[77]. Như vậy, ở đây chúng ta có thể khẳng định rằng, trễ nhất là đến ngày 24 tháng 12 năm 1938 Xuân Diệu đã chính thức làm thành viên của TLVĐ, chứ không như nhà nghiên cứu Đặng Trần Huân đã nhầm khi cho rằng Xuân Diệu được kết nạp vào TLVĐ sau 1940.[78]

Ngoài ra, nếu có ai tinh mắt và quen mặt Xuân Diệu thì khi nhìn bức ảnh minh họa 1 ở trên sẽ dễ dàng nhận ra người ngồi thứ hai, tính từ bên trái sang, đó là anh chàng thi sĩ có mái tóc 'đầu mây gợn'[79] đã trở thành một nét riêng, không thể nhầm lẫn, mà đã được chính thi sĩ Xuân Diệu làm nét đặc thù để tự hoạ về mình.

Ngoài ra trong bài viết "Bỗng dưng thi sĩ hoá ... Tây đoan" của Lê Ta (tức Thế Lữ), đăng trên tuần báo Ngày Nay trong mục "Tin văn ... vắn", dưới tiểu đề "Tin Trong Nhà"[80] có tả lại tiệc rượu tiễn đưa Xuân Diệu vào Mỹ Tho nhậm chức, có đoạn: "Bữa tiệc ấy có tất cả tám người: Hoàng Đạo, Nhất Linh, Thạch Lam, Huy Cận, Thế Lữ, Tú Mỡ, Khái Hưng và Xuân Diệu"[81]. Ở đây chúng ta dễ nhận ra rằng, trong buổi tiệc rượu đêm hôm đó, ngoài Huy Cận là bạn chí thân, khắn khít như hình với bóng của Xuân Diệu như chúng ta đều biết, thì không còn ai nữa ngoài những thành viên chính thức của TLVĐ. Thiết nghĩ, nếu đó chỉ là một buổi tiệc rượu tiễn đưa một người bạn hay một cộng tác viên bình thường như bao nhiêu cộng tác viên khác, thì TLVĐ, cũng như toàn soạn báo *Ngày Nay* và nhà xuất bản *Đời Nay* không những chỉ có bao nhiêu bạn bè đó thôi. Ít ra không thể thiếu những cộng tác viên đắc lực và bạn bè chí thân của họ như Nguyễn Cát Tường, Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Trần Bình Lộc hay Đinh Hùng, Đoàn Phú Tứ và Trọng Lang. Và nếu Trần Tiêu cũng đã là thành viên của TLVĐ thì chắc không thể vắng mặt trong buổi tiệc rượu chia tay này.

Và như nếu chúng ta còn có một chút niềm tin vào 'những nhân chứng sống', mà trong nhiều trường hợp là chiếc phao cho những người sắp đuối sức, ngụp lặn trong biển thông tin hỗn độn như chúng ta hiện nay – dĩ nhiên là với tất cả sự cẩn thận của người làm nghiên cứu và sự dè dặt cần có trong việc đánh giá tài liệu – thì người duy nhất đáng tin là bác sĩ, nhà văn Nguyễn Tường Bách, người đã từng làm việc khắng khít với văn đoàn từ số 85, ngày 11 tháng 2 năm 1934 của tuần báo *Phong Hóa*[82], hiện nay sống ở Mỹ. Chính cụ cũng nói rằng "TLVĐ có Xuân Diệu nhưng không có Nguyễn Gia Trí"[83].

2.5. Bằng khen như không là bằng chứng

Đến đây chắc sẽ có vị nào đó hỏi rằng, nếu TLVĐ thật sự có bảy thành viên và Xuân Diệu là thành viên thứ bảy, thì tại sao trong bằng khen, nói đúng hơn là "Lời Khen Tặng" của hội đồng *Giải Thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn* năm 1939, gửi cho nữ sĩ Mộng Tuyết, đề ngày 11 tháng 6 năm 1940 (xin xem ảnh minh họa 12), chỉ có chữ ký của 6 thành viên trong TLVĐ mà không thấy chữ ký của Xuân Diệu[84]? Điểm này là điểm hóc búa nhất trong xâu chuỗi cần được tháo gỡ.

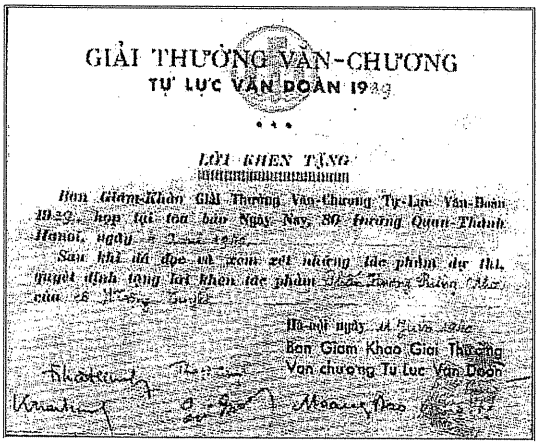

GIẢI THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN 1939

LỜI KHEN TẶNG

Ban Giám-Khảo Giải Thưởng Văn-Chương Tự-Lực Văn-Đoàn 1939, họp tại tòa báo Ngày Nay, 80 Quan-Thánh Hanoi, ngày ... 1940

Sau khi đã đọc và xem kỹ những tác phẩm dự thi, quyết định tặng tặng khen tác phẩm ... của ...

Hà-nội ngày ... 1940
Ban Giám Khảo Giải Thưởng
Văn chương Tự Lực Văn Đoàn

Ảnh minh họa 12: "Lời Khen Tặng" của *Giải Thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn* [85]

Nếu vị nào đã đọc kỹ bộ *Hồi ký song đôi* hai tập của Huy Cận thì biết rằng từ đầu năm 1940[86], thi sĩ Xuân Diệu đi Mỹ Tho làm tham tá thương chánh và ở đó đến hè năm 1942 mới về lại Hà Nội[87]. Ngoài ra chúng tôi còn tìm thấy một bài bút ký của Xuân Diệu, mang tựa đề "Giã từ tuổi nhỏ", đăng trên tuần báo *Ngày Nay,* cuối bài có đề "Mỹ-tho mars 1940"[88]. Cũng vì lý do này mà Xuân Diệu viết bài tựa cho tập *Lửa Thiêng* của Huy Cận vào tháng 6 năm 1940 tại Mỹ Tho[89]. Và theo suy luận của chúng tôi thì cũng vì lý do cách trở địa lý này nên Xuân Diệu không thể nào cùng ký tên mình vào "Lời Khen Tặng" của *Giải Thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn* được. Dĩ nhiên là ban giám khảo của *Giải Thưởng Văn Chương*

Tực Lực Văn Đoàn cũng có thể gửi "Lời Khen Tặng" này vào Mỹ Tho cho Xuân Diệu, để Xuân Diệu ký rồi và gửi ra Hà Nội cho ban giám khảo. Nhưng có thể, hoặc vì thời gian gấp rút, hoặc vì mức độ quan trọng tương đối của một "Lời Khen Tặng" chứ không phải là bằng khen của giải thưởng, hay vì một lý do nào khác nữa, mà ban giám khảo đã không làm như thế. Khác với Xuân Diệu, Trần Tiêu lúc đó ở ngay tại Hà Nội và cộng tác thường xuyên với tuần báo *Ngày Nay*. Nếu Trần Tiêu đã là thành viên chính thức của TLVĐ thì thiết nghĩ ông cũng đã ký tên vào "Lời Khen Tặng" của TLVĐ cho nữ sĩ Mộng Tuyết rồi.

Nhưng có một điều thật thú vị liên quan đến chữ ký của Xuân Diệu: Theo Đặng Trần Huân thì "Nữ sĩ Cao Mị Nhân trong loạt bài *Chốn Bụi Hồng* ít ra đã hai lần nói rằng bà đã được coi tận mắt quyết định trao giải thưởng cho tập thơ *Bức Tranh Quê* của nữ sĩ Anh Thơ có chữ ký của nhà thơ Thế Lữ, Tú Mỡ và Xuân Diệu"[90]. Điều thú vị là nữ sĩ Cao Mị Nhân đã viết rất rõ là "quyết định trao giải thưởng" chứ không phải là bằng khen hay "Lời Khen Tặng" như của nữ sĩ Mộng Tuyết. Như vậy xem ra rất có lý, vì ba vị này là ba nhà thơ trong văn đoàn. Để đánh giá một tác phẩm thơ, thì còn ai trong văn đoàn có đủ thẩm quyền hơn ba vị này.

Ngoài ra, trong bài viết "Giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn" của tác giả Nguyễn Hữu Ngư đăng trên *Bách Khoa*, số 140, ngày 1 tháng 11 năm 1962 có viết rằng "Ban giám khảo gồm có những thành viên trong Tự Lực văn đoàn. Hai kỳ đầu, có sau [sic] : Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ và Thế Lữ. Kỳ chót có thêm Xuân Diệu"[91]. Tuy tác giải Nguyễn Hữu Ngư không viện dẫn nguồn tài liệu nào cho thông tin này, nhưng nguồn thông tin này rất đáng tin cậy. Vì chính nhà thơ Tế Hanh, tác giả của tập thơ *Nghẹn Ngào*, thi phẩm đạt giải thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn năm 1939, trong bài viết "Nhớ lại những chặng đường thơ" cũng đã viết rằng: "Ban giám khảo của Tự Lực Văn Đoàn gồm 7 thành viên: Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Thế Lữ và Xuân Diệu. Giấy chứng nhận Giải thưởng của Tự Lực Văn đoàn được quấn tròn trong một đoạn trúc. Trên giấy có đủ chữ ký của bảy thành viên của Ban giám khảo"[92].

Nếu chúng ta tin được những thông tin mà nữ sĩ Cao Mị Nhân và nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Ngư cũng như nhà thơ Tế Hanh đã thông báo, thì tất cả những điều này đều củng cố thêm giả thiết rằng Xuân Diệu là thành viên thứ bảy của văn đoàn. Vì chúng ta không thể lập luận rằng "Sự kiện này cũng không chứng minh được Xuân Diệu là đoàn viên TLVĐ. Để chấm giải thơ, ngoài hai thi sĩ đoàn viên TLVĐ vẫn có thể mời thêm một thi sĩ thân hữu vào trong ban giám khảo lắm chứ", như Đặng Trần Huân đã phát biểu[93]. Vì theo thể lệ chấm thi *Giải Thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn* mà do văn đoàn đề ra thì "Vì chỉ thưởng những sách hợp tôn chỉ của đoàn, nên hội đồng chấm thi sẽ toàn là người trong Tự-lực-văn đoàn"[94].

Như vậy bằng khen của ban giám khảo *Giải Thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn* gửi cho nữ sĩ Mộng Tuyết, ngỡ đâu là một làm bằng chứng hiển nhiên, nhưng rốt cuộc thì không làm chứng cho cái gì cả.

Đến đây chúng tôi hy vọng đã có thể kết luận rằng Tự Lực Văn Đoàn đến ngày 3 tháng 2 năm 1940 chỉ có 7 thành viên chính thức, đó là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thế Lữ, Thạch Lam, Tú Mỡ và Xuân Diệu, như thông tin mà người sáng lập văn đoàn Nhất Linh đã để lại trong "Mấy lời nói đầu" của bản phác thảo *Ký ức về đời làm báo*.

Nếu có dịp chúng tôi sẽ trở lại với bài viết "Những con số xung quanh Tự Lực Văn Đoàn" để đính chính lại những sai lầm, ngộ nhận và bổ sung thêm những con số, dữ kiện không kém phần quan trọng có liên quan đến TLVĐ, chẳng hạn thời gian ra đời và (ngưng) hoạt động của TLVĐ, tuần báo *Phong Hóa*, tuần báo *Ngày Nay* và nhà xuất bản *Đời Nay*. Trong vấn đề này sự rối rắm và thiếu chính xác không thua gì vấn đề về con số thành viên của TLVĐ. Trong bài "Tự Lực Văn Đoàn" đăng trong tạp chí chuyên ngành Việt Học *Annalen der Hamburger Vietnamistik (Việt Học Niên San)* , số 1-2005 do phân Khoa Việt Học, Đại Học Hamburg xuất bản,[95] chúng tôi đã tiến hành một phần công việc này rồi.

Tưởng niệm nhà văn
Nhất Linh-Nguyễn Tường Tam
nhân ngày sinh nhật thứ 100
25. 07. 1906 – 25. 07. 2006
Hamburg, ngày 20 tháng 2 năm 2006

Chú Thích:

1. Tựa của một bài viết của tác giả Đặng Trần Huân đăng trên *Thế Kỷ 21*, số 102, tháng 10 năm 1997. Vì không có tạp chí *Thế Kỷ 21* nên chúng tôi đành trích dẫn theo bản điện tử, nên không thể nào ghi rõ số trang được. Địa chỉ của những trang báo điện tử độc giả có thể tìm thấy ở phần tài liệu tham khảo cuối bài viết này.

2. Vì tôn trọng quy tắc trích dẫn nên trong bài viết này chúng tôi giữ nguyên các cách viết "Tự Lực Văn Đoàn" khác nhau.

3. Chuyện trò với ông Hoàng Xuân Hãn". Bài báo này dựa theo cuộc phỏng vấn học giả Hoàng Xuân Hãn do báo Bulledinge (BD) của phong trào sinh viên trong tổ chức *Hội Người Việt Nam tại Pháp* thực hiện. Sau đó, *Tạp Chí Sông Hương* đăng lại và được nhà biên soạn Mai Hương in lại trong tuyển tập *Tự Lực Văn Đoàn trong tiến trình văn học dân tộc*; từ trang 549 đến trang 552. Ở đây chúng tôi trích từ trang 551 của tuyển tập này. Vì thiếu điều kiện để kiểm chứng tài liệu gốc, nên trong bài viết này có đôi chỗ chúng tôi phải trích dẫn lại của những nhà nghiên cứu đi trước.

4. Tài liệu này lần đầu tiên được công bố trên nguyệt san *Văn Học Nghệ Thuật*, số 3 phát hành tháng 7 năm 1985, tại California, do Võ Phiến làm chủ nhiệm. Vì vậy ít nhà nghiên cứu ở Việt Nam có điều kiện đọc qua. Tư liệu này sau này đã được nhà nghiên cứu Đặng Trần Huân trình bày tương đối đầy đủ trong bài viết "Xuân Diệu và Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên tập chí *Thế Kỷ 21*, số 112, tháng 8 năm 1998. Những trang tư liệu chúng tôi dùng trong bài viết này được nhà văn Nguyễn Tường Thiết, con trai của nhà văn Nhất Linh cung cấp. Ở đây chúng tôi xin được tỏ lòng biết ơn rất nhiều cho sự giúp đỡ tư liệu và những ý kiến quí báu của bác.

5. Nguyễn Văn Xung: *Bình giảng Tự Lực Văn Đoàn;* trang 10

Doãn Quốc Sĩ: *Tự Lực Văn Đoàn.* [Saigon]: Hồng Hà, 1960; dẫn theo bài viết "Trần Tiêu có phải là thành viên trong tổ chức Tự lực văn đoàn không?" của tác giả Lê Thị Đức Hạnh, đăng trong *Tập Chí Văn Học* - Số 5-1990.

Bài viết này sau đó được chính tác giả đưa vào tuyển tập Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam; từ trang 225 đến 232. Ở đây chúng tôi trích từ trang 226 của tuyển tập này.

Nguyễn Huệ Chi: "Tự Lực Văn Đoàn", trong *Từ điển văn học* (bộ mới); trang 1899. Điều đáng được chú ý là, khác với Nguyễn Hoàng Khung, tác giả của mục từ "Tự lực văn đoàn" trong bộ *Từ điển văn học*, xuất bản năm 1984, giáo sư Nguyễn Huệ Chi gần đây đã đưa ra một con số mới, khác với ý kiến phần đông trong giới nghiên cứu ở Việt Nam, nhất là không có Trần Tiêu trong dach sách các thành viên trong TLVĐ. Nhưng rất tiếc là trong khuôn khổ của một mục từ trong một bộ từ điển nên giáo sư Nguyễn Huệ Chi đã không bình luận cặn kẽ và đưa ra cơ sở căn cứ cho giải thuyết của mình.

6. Tú Mỡ: *Tiếng cười Tú Mỡ*, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 370-371

7. Lê Thị Đức Hạnh: "Trần Tiêu có phải là thành viên trong tổ chức Tự lực văn đoàn không?", trong Tạp Chí Văn Học - Số 5-1990.

8. Huỳnh Lý / Hoàng Dung / Nguyễn Hoàng Khung [...]: Lịch Sử Văn Học Việt Nam; trang 63

Nguyễn Hoàng Khung: "Tự Lực Văn Đoàn" trong Từ điển văn học; trang 488

Nguyễn Trác / Đái Xuân Ninh: Về Tự Lực Văn Đoàn; trang 17

Vu Gia: Nhất Linh trong tiến trình hiện đại hoá văn học; trang 367

Nguyễn Đăng Mạnh: Giáo Trình Lịch Sử Văn Học Việt Nam 1930 – 1945; trang 51

Mai Hương (tuyển chọn và biên soạn): Tự Lực Văn Đoàn trong tiến trình văn học dân tộc; trang 5

9. Trịnh Hồ Khoa: Những đóng góp của Tự Lực Văn Đoàn cho văn xuôi hiện đại Việt Nam. [Nguyên là luận án tiến sĩ ngữ văn bảo vệ tại trường Đại Học Khoa học Xã Hội & Nhân Văn Hà Nội]; trang 27

Lê Thị Dục Tú: Quan niệm về con người trong tiểu thyuết Tự Lực Văn Đoàn; trang 7

Nguyễn Thị Tuyến: Mô hình tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn (luận án tiến sĩ ngữ văn); trang 39

10. Phan Trọng Thưởng / Nguyễn Cừ (giới thiệu và tuyển chọn): Văn chương Tự Lực Văn Đoàn; trang 11

11. Ngoài những nguồn tài liệu đã dẫn, tác giả bài viết này còn dựa vào thông tin có được qua những lần gặp gỡ, trò chuyện và trao đổi với nhà báo, nhà nghiên cứu Vu Gia, người đã cho xuất bản bốn chuyên luận về 4 thành viên của TLVĐ gồm Khái Hưng (1993), Thạch Lam (1994), Nhất Linh (1995) và Hoàng Đạo (1997), đang sắp hoàn thành chuyên luận thứ năm về Trần Tiêu.

12. Tư liệu riêng, do nhà văn Nguyễn Tường Thiết cung cấp

13. Phạm Thế Ngũ: Việt Nam văn học sử giản ước tân biên: Văn học hiện đại 1862 – 1945; trang 433 – 434

14. Thanh Lãng: Giáo trình Ngữ Văn - Đại Học Văn Khia Sài Gòn, dẫn theo Phan Trọng Thưởng: "Cuối thế kỉ nhìn lại việc nghiên cứu, đánh giá văn chương Tự Lực Văn Đoàn"; trang 52

Nhật Thịnh: Chân Dung Nhất Linh; trang 128

Lê Đình Thống: "Nhất Linh: Tự Lực Văn Đoàn, tự lực chính trị", trong Nhất Linh: Người nghệ sĩ - Người chiến sĩ; trang 141

15. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên Thế Kỷ 21, số 102, tháng 10 năm 1997

16. Phạm Văn Diêu: Việt Nam văn học giảng bình; trang 498 và 518

Lê Hữu Mục: Khảo luận về Khái Hưng; trang 7

Bùi Xuân Bào: Naissance et evolution du roman vietnamien moderne 1925 – 1945; trang 131

Trương Chính, dẫn theo Phan Trọng Thưởng: "Cuối thế kỉ nhìn lại việc nghiên cứu, đánh giá văn chương Tự Lực Văn Đoàn"; trang 52

17. Nguyễn Thị Thế: Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường - Nhất Linh – Hoàng Đạo - Thạch Lam; trang 117

18. Phan Cự Đệ: Văn học lãng mạn Việt Nam (1930 – 1945); trang 241

19. Lê Thị Đức Hạnh: Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam; từ trang 225 đến 232

20. Lê Thị Đức Hạnh: Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam; trang 231

21. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên Thế Kỷ 21, số 102, tháng 10 năm 1997

22. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên Thế Kỷ 21, số 102, tháng 10 năm 1997

23. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên Thế Kỷ 21, số 102, tháng 10 năm 1997

24. Phan Trọng Thưởng: "Cuối thế kỉ nhìn lại việc nghiên cứu, đánh giá văn chương Tự Lực Văn Đoàn"; trang 52

25. Đặng Trần Huân: "Xuân Diệu và Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên Thế Kỷ 21, số 112, tháng 8 năm 1998

26. Phan Trọng Thưởng: "Cuối thế kỉ nhìn lại việc nghiên cứu, đánh giá văn chương Tự Lực Văn Đoàn"; trang 51-64

27. Phan Trọng Thưởng: "Cuối thế kỉ nhìn lại việc nghiên cứu, đánh giá văn chương Tự Lực Văn Đoàn"; trang 53

28. Đặng Trần Huân: "Viết thêm về Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn" đăng trên VietPage.com

29. Đặng Trần Huân: "Viết thêm về Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn" đăng tên VietPage.com

30. Lê Thị Đức Hạnh: Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam, trang 2231

31. Đặng Trần Huân: "Viết thêm về Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn" đăng trên VietPage.com

32. Rất tiếc là trong bản phác thảo Ký ức về đời làm báo do Nhất Linh để lại không ghi năm tháng nên chúng ta không biết rõ ông đã viết cuốn ký ức này khi nào

33. Xem Lê Thị Đức Hạnh: Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam; trang 225

34. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên Thế Kỷ 21, số 102, tháng 10 năm 1997

35. Xem Lê Thị Đức Hạnh: Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam; trang 231

36. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên Thế Kỷ 21, số 102, tháng 10 năm 1997

37. Xuân Diệu qua đời vào ngày 13 tháng 12 năm 1985

38. Trong đêm giao thừa Tết Quý Tỵ 1953, nhằm ngày 14 tháng 2 năm 1953, Nhất Linh có viết một chúc thư và có làm một bài thơ khai bút về TLVĐ. Trong đó Nhất Linh có đề cập đến chuyện tiến cử ba ứng cử viên (Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam và Tường Hùng) làm thành viên của TLVĐ.

39. Chúc thư Giao Thừa năm Quý Tỵ 1953. Tư liệu riêng, do nhà văn Nguyễn Tường Thiết cung cấp

40. Văn Hóa Ngày Nay. Tập I, ngày 17 tháng 6 năm 1958; trang 67

41. Đặng Trần Huân: "Viết thêm về Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn" đăng trên VietPage.com

42. Tú Mỡ: Tiếng cười Tú Mỡ, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 371

43. Tú Mỡ: Tiếng cười Tú Mỡ, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 379

44. Tú Mỡ: Tiếng cười Tú Mỡ, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 386

45. Tú Mỡ: Tiếng cười Tú Mỡ, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 379 – 380

46. Tú Mỡ: Tiếng cười Tú Mỡ, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 387

47. Tú Mỡ: Tiếng cười Tú Mỡ, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 387

48. Tú Mỡ: Tiếng cười Tú Mỡ, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 387

49. Tú Mỡ: Tiếng cười Tú Mỡ, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 387

50. Phong Hóa. Số 197, ngày 3 tháng 2 năm 1940; trang 6.

51. Chụp từ Phong Hóa. Số 197, ngày 3 tháng 2 năm 1940; trang 6.

52. Chúng tôi tạm dịch thuật ngữ "Ausschussprinzip" của tiếng Đức sang tiếng Việt bằng 'nguyên lý phế bỏ', nghĩa là khả năng nào có xác suất thấp nhất sẽ bị loại ra khỏi vòng lựa chọn.

53. Phong Hóa. Số 87, năm thứ ba, thứ sáu, ngày 2 tháng 3 năm 1934; trang 2

54. Ở đây chúng tôi có ý dùng từ 'chính thức công bố', vì trước đó, trễ nhất là ngày 29 tháng 9 năm 1933, trong số 66 của tuần báo Phong Hóa, trong trang 2, trong mục đăng quảng cáo sách, độc giả đọc được những hàng sau đây: "Các bạn nhớ đón mua HỒN BƯỚM MƠ TIÊN của KHÁI HƯNG! Văn hay! Vẽ đẹp! Một quyển sách quý! Thư viện nhà nào cũng nên có. Giá 0$40. đã in xong, đến 2 Octobre sẽ bắt đầu bán". Cuốn sách này là cuốn sách thứ nhất của Tự Lực Văn đoàn. Phong Hoá: Số 66, thứ sau 29 Septembre 1933; trang 2

55. TLVĐ lần đầu tiên công bố mục đích và mười tôn chỉ của văn đoàn mình trên Phong Hóa: Số 87, năm thứ ba, thứ sáu, ngày 2 tháng 3 năm 1934 chứ không phải là năm 1933, như nhiều nhà nghiên cứu lầm tưởng. Vì mỗi tuần Phong Hóa cho ra một kỳ, mà số 14 ra ngày 22 tháng 9 năm 1932 thì làm sao số 87 ra ngày 2 tháng 3 năm 1933 được!

56. Phong Hóa. Số 87, năm thứ ba, thứ sáu, ngày 2 tháng 3 năm 1934; trang 2

57. Phong Hóa, số 128, thứ sáu, ngày 14 tháng 12 năm 1934; trang 2

58. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên Thế Kỷ 21, số 102, tháng 10 năm 1997

59. Bút tích Ký ức về đời làm báo, trang 2. Tác giả Đặng Trần Huân trong bài viết "Viết thêm về Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn" đăng ngày 12 tháng 8 năm 2002 trên VietPage.com có viết rằng trong tài liệu này Nhất Linh có để rằng "Nguyễn Gia Trí chỉ là cộng tác viên" thì không được đúng lắm. Đúng hơn là sau tên Nguyễn Gia Trí Nhất Linh không để dòng chữ 'có chân trong Tự Lực Văn Đoàn' trong dấu ngoặc đơn.

60. Tư liệu riêng, do nhà văn Nguyễn Tường Thiết cung cấp

61. Nguyễn Tường Bách: *Việt Nam những ngày lịch sử*; trang 37

62. Xin xem bức ảnh "Nhất Linh cùng gia đình Trương Bảo Sơn đi thăm Nguyễn Gia Trí [...], năm 1953" trong Nhiều tác giả: *Nhất Linh: Người nghệ sĩ, người chiến sĩ*, trang 94

63. Lê Thị Đức Hạnh: Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam, trang 230

64. Lê Thị Đức Hạnh: Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam, trang 229

65. Phong Hóa. Số 87, năm thứ ba, thứ sáu, ngày 2 tháng 3 năm 1934; trang 2

66. Nhiều tác giả: *Nhất Linh: Người nghệ sĩ - Người chiến sĩ*, trang 232

67. Chụp từ Nhiều tác giả: N*hất Linh - Người nghệ sĩ - Người chiến sĩ*, trang 232

68. Chụp từ Thạch Lam: *Gió đầu mùa*. Saigon: Phượng Giang, 1961

69. Chụp từ Thế Lữ: *Khúc tiêu ai oán*. Saigon: Ngày Nay, 1963

70. Chụp từ Trần Tiêu: *Con trâu*. Hà Nội: Đời Nay, 1940

71. Chụp từ Trần Tiêu: *Sau luỹ tre*. Saigon: Đời Nay, 1970

72. Xem Tú Mỡ: *Tiếng cười Tú Mỡ*, do Mai Hương tuyển chọn

và biên soạn; trang 378

73. Xem Tú Mỡ: Tiếng cười Tú Mỡ, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 378

74. *Ngày Nay*. Số 99, thứ sáu, ngày 25 tháng 5 năm 1934; trang 3

75. Chụp từ *Ngày Nay*. Số 142, thứ bảy, ngày 24 tháng 12 năm 1938; trang 9

76. Chụp từ Xuân Diệu: *PhấnThông Vàng*. Hà Nội: Đời Nay, 1939

77. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên *Thế Kỷ 21*, số 102, tháng 10 năm 1997

78. Đặng Trần Huân: "Xuân Diệu và Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên *Thế kỷ 21*, số 112, tháng 8 năm 1998

79. Hình ảnh 'đầu mây gợn' này do chính Xuân Diệu dùng để tả về mình trong bài thơ có nhan đề Giới thiệu, trong tập Xuân Diệu: *Thơ Thơ*. Saigon: Hoa Tiên, 1968; trang 53, dòng 4; nguyên văn æXem đầu mây gợn, mất mây qua..." Hoạ sĩ Tô Ngọc Vân đã vẽ rất giống các thành viên trong TLVĐ. Đem so sánh những ảnh chụp của các thành viên trong TLVĐ với bức họa này chúng ta có thể nhận ra được (từ phải sang trái): 1. Tú Mỡ, 2. Xuân Diệu, 3. Hoàng Đạo, 4. Thế Lữ, 5. Nhất Linh, 6. Khái Hưng, 7. Thạch Lam

80. Ở đây chúng ta cần lưu ý thêm rằng, tài liệu này không phải là hồi ký mà sau này Thế Lữ mới nhớ lại, mà là tin æthời sự" mỗi tuần của tuần báo *Ngày Nay*.

81. Lê Ta: "Tin Trong Nhà", trong *Ngày Nay*, số 200, ngày 24 tháng 2 năm 1940, trang 17. Dẫn theo Thanh Lãng (tuyển chọn): 13 năm tranh luận văn học. Tập 3. NXB Văn Học. Hội Nghiên Cứu và Giảng Dạy Văn Học. TP. Hồ Chí Minh, 1995; trang 425 – 426 và Lữ Huy Nguyên (tuyển chọn): Xuân Diệu – Thơ và đời; trang 7

82. *Phong Hóa*. Số 85, ngày 11 tháng 2 năm 1934. Trong báo này, trong trang 6, trên mục Thơ Mới, ngoài 3 bài thơ "Hái Hoa", "Tiếng sáo thiên thai" và "Cây đàn muôn điệu" của Thế Lữ còn có bài thơ "Xuân" của Tường Bách.

83. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên *Thế Kỷ 21*, số 102, tháng 10 năm 1997

84. Sáu thành viên đó là: Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Tú Mỡ, Hoàng Đạo và Thế Lữ

85. Đỗ Đức Hiểu / Nguyễn Huệ Chi / Phùng Văn Tửu [...]: Từ điển văn học (bộ mới); trang 1832

86. Nhân dịp này mới có buổi tiệc rượu đưa tiễn như trên đã nói đến

87. Huy Cận: *Hồi ký song đôi: Tuổi nhỏ Huy Cận – Xuân Diệu;* trang 199

88. *Ngày Nay*. Số 207, thứ bảy, ngày 11 tháng 5 năm 1940; trang 14

89. Huy Cận: *Hồi ký song đôi: Những năm đi học, làm thơ, hoạt động cách mạng*; trang 179

90. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên Thế Kỷ 21, số 102, tháng 10 năm 1997

91. Trích từ Tự Lực Văn Đoàn trong tiến trình văn học dân tộc, do Mai Hương tuyển chọn và biên soạn; trang 558

92. *Tạp Chí Văn Học*. Số 9 – Tháng 9 năm 2002; trang 71-72. Điều đặc biệt cần chú ý ở đây là chi tiết "Giấy chứng nhận Giải thưởng của Tự Lực Văn đoàn được quấn tròn trong một đoạn trúc" như trong bài viết của Nguyễn Hữu Ngư. Khi đọc đến tiểu tiết này và những đoạn trích dẫn thật chính xác, tường tận (đã được chúng tôi kiểm chứng và so sánh với bài viết của Nhất Linh đăng báo *Ngày Nay*, số 209, ngày 25 tháng 5 năm 1940, trang 9) được Tế Hanh dùng trong bài viết "Nhớ lại những chặng đường thơ", chúng tôi có cảm giác rằng, trong khi viết Tế Hanh đã giở lại, bày ra trước mắt mình những bài báo có viết về mình và cả giấy chứng nhận của ban giám khảo Giải thưởng Văn Chương Tự Lực Văn Đoàn mà bao nhiêu năm qua ông đã cẩn trọng cất giữ.

93. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", đăng trên Thế Kỷ 21, số 102, tháng 10 năm 1997

94. Ngày Nay. Số 99, thứ sáu, ngày 25 tháng 5 năm 1934; trang 3

95. Cao Quang Nghiệp: "Tự Lực Văn Đoàn", trong *Annalen der Hamburger Vietnamistik* (Việt Học Niên San); từ trang 63 đến trang 84. Lưu ý: Bài này viết bằng tiếng Đức.

Tài liệu tham khảo

1. *Annalen der Hamburger Vietnamistik* (Việt Học Niên San). Engelbert, Thomas / Will, Gerhard (chủ biên). Hamburg, 2005

2. Bùi Xuân Bào: *Naissance et evolution du roman vietnamien moderne* 1925 – 1945. Paris: Đường Mới – La voie nouvelle, 1985

3. *Chúc thư Giáo Thừa năm Quý Tỵ 1953*. Tư liệu riêng, do nhà văn Nguyễn Tường Thiết cung cấp

4. Đặng Trần Huân: "Huyền thoại Tự Lực Văn Đoàn", *Thế Kỷ 21*, số 102, tháng 10 năm 1997; dưới địa chỉ http://kicon.com/theky/issues/No02/html/31_tlvd.html

5. Đặng Trần Huân: "Viết thêm về Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn", VietPage.com; dưới địa chỉ http://vietpage.com/archive_news/politics/2002/Aug/12/0141.html

6. Đặng Trần Huân: "Xuân Diệu và Tự Lực Văn Đoàn", *Thế Kỷ 21*, số 112, tháng 8 năm 1998, dưới địa chỉ http://kicon.com/theky21/issues/No112/html/60_dthuan.html

7. Đỗ Đức Hiểu / Nguyễn Huệ Chi / Phùng Văn Tửu [...]: Từ Điển Văn Học. Tập II. Hà Nội: NXB Khoa Học Xã Hội, 1984

8. Đỗ Đức Hiểu / Nguyễn Huệ Chi / Phùng Văn Tửu [...]: *Từ điển văn học* (bộ mới). [TP. Hồ Chí Minh]: NXB Thế Giới, 2004

9. Huy Cận: *Hồi ký song đôi* – Những năm đi học, làm thơ, hoạt động cách mạng. Tập 2. Hà Nội: NXB Hội Nhà Văn, 2000

10. Huy Cận: *Hồi ký song đôi:* Tuổi nhỏ Huy Cận – Xuân Diệu. Tập 1. Hà Nội: NXB Hội Nhà Văn, 2002

11. Huỳnh Lý / Hoàng Dung / Nguyễn Hoàng Khung [...]: *Lịch Sử Văn Học Việt Nam*. Tập V, 1930 – 1945. Phần I (sách dùng cho các trường Đại Học và Cao đẳng sư phạm). Hà Nội: NXB Giáo Dục, 1978

12. Khái Hưng: *Khúc tiêu ai oán*. Saigon: Đời Nay, 1971

13. *Ký ức về đời làm báo*. Tư liệu riêng, do nhà văn Nguyễn Tường Thiết, con trai của cố nhà văn Nhất Linh cung cấp

14. Lê Hữu Mục: *Khảo luận về Khái Hưng*. Saigon: Trường Thi, 1958

15. Lê Thị Đức Hạnh: *Mấy vấn đề trong văn học hiện đại Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa Học Xã Hội, 1999

16. Lê Thị Dục Tú: *Quan niệm về con người trong tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn*. Hà Nội: NXB Khoa Học Xã Hội, 1997

17. Lữ Huy Nguyên (tuyển chọn): *Xuân Diệu – Thơ và đời*. Hà Nội: NXB Văn Học, 1995

18. Mai Hương (tuyển chọn và biên soạn): *Tiếng cười Tú Mỡ*. Hà Nội: NXB Văn Hóa Thông Tin, 2000

19. Mai Hương (tuyển chọn và biên soạn): *Tự Lực*

Văn Đoàn trong tiến trình văn học dân tộc. Hà Nội: NXB Văn Hóa Thông Tin, 2000

20. *Ngày Nay*. Số 142, thứ bảy, ngày 24 tháng 12 năm 1938

21. *Ngày Nay*. Số 207, thứ bảy, ngày 11 tháng 5 năm 1940

22. *Ngày Nay*. Số 99, thứ sáu, ngày 25 tháng 5 năm 1934

23. Nguyễn Đăng Mạnh: *Giáo Trình Lịch Sử Văn Học Việt Nam 1930 – 1945*. Hà Nội: NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2000

24. Nguyễn Thị Thế: *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường - Nhất Linh – Hoàng Đạo - Thạch Lam*. Tái bản lần thứ 3. Santa Anna: Văn Hóa Ngày Nay xuất bản, 1996

25. Nguyễn Thị Tuyến: *Mô hình tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn* (luận án tiến sĩ ngữ văn). Hà Nội: Bộ Giáo Dục và Đào Tạo - Trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội, 2003

26. Nguyễn Trác – Đái Xuân Ninh: *Về Tự Lực Văn Đoàn*. TP. Hồ Chí Minh: NXB TP. Hồ Chí Minh, 1989

27. Nguyễn Tường Bách: *Việt Nam những ngày lịch sử*. Montréal: Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, 1981

28. Nguyễn Văn Xung: *Bình giảng Tự Lực Văn Đoàn*. Sài Gòn: Tân Việt, 1958

29. Nhật Thịnh: *Chân Dung Nhất Linh*. [Không đề nơi xuất bản]: Đại Nam, [không đề năm xuất bản]

30. Nhiều tác giả: *Nhất Linh: Người nghệ sĩ - Người chiến sĩ*. California: Thế Kỷ, 2004

31. Phạm Thế Ngũ. *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên: Văn học hiện đại 1862 – 1945. Tập 3*. Sài Gòn: Quốc Học Tùng Thư, 1965

32. Phạm Văn Diêu: *Việt Nam văn học giảng bình*. In lần thứ hai. Saigon: NXB Tân Việt, 1961

33. Phan Cự Đệ: *Văn học lãng mạn Việt Nam (1930 – 1945)*. [TP. Hồ Chí Minh]: NXB Giáo Dục, 1999

34. Phan Trọng Thưởng / Nguyễn Cừ (giới thiệu và tuyển chọn): *Văn chương Tự Lực Văn Đoàn*. 3 tập. Tái bản lần thứ nhất. Đà Nẵng: NXB Giáo Dục, 2001

35. *Phong Hóa*. Số 197, ngày 3 tháng 2 năm 1940

36. *Phong Hóa*. Số 209, ngày 25 tháng 5 năm 1940

37. *Phong Hoá*. Số 66, ngày 29 tháng 9 năm 1933

38. *Phong Hóa*. Số 85, ngày 11 tháng 2 năm 1934

39. *Phong Hóa*. Số 87, ngày 2 tháng 3 năm 1934

40. *Tạp Chí Văn Học*. Số 2 – 2000

41. *Tạp Chí Văn Học*. Số 9 – 2002

42. Thạch Lam: *Gió đầu mùa*. Saigon: Phượng Giang, 1961

43. Thanh Lãng (tuyển chọn): *13 năm tranh luận văn học*. Tập 3. NXB Văn Học. Hội Nghiên Cứu và Giảng Dạy Văn Học. TP. Hồ Chí Minh, 1995

44. Thế Lữ: *Lê-Phong phóng viên*. Saigon: Ngày Nay, 1963

45. Trần Tiêu: *Con trâu*. Hà Nội: Đời Nay, 1940

46. Trần Tiêu: *Sau lũy tre*. Saigon: Đời Nay, 1970

47. Trịnh Hồ Khoa: *Những đóng góp của Tự Lực Văn Đoàn cho văn xuôi hiện đại Việt Nam*. Hà Nội: NXB VănHọc, 1997

48. *Văn Hóa Ngày Nay*. Tập I (ngày 17 tháng 6 năm 1958) - tập 11 (ngày 16 tháng 5 năm 1959, là ngày Văn Hóa Ngày Nay được cấp giấy phép lần cuối)

49. Vu Gia: *Nhất Linh trong tiến trình hiện đại hoá văn học*. Hà Nội: NXB Văn Hóa, 1995

50. Xuân Diệu: *Phấn thông vàng*. Hà Nội: Ngày Nay, 1939

51. Xuân Diệu: *Thơ Thơ*. Saigon: Hoa Tiên, 1968

Tìm đọc

Ngôn Ngữ Tuyết

Tập truyện mới nhất của

Ngô Nguyên Dũng

gồm 9 truyện ngắn mang chung một chủ đề

Tình yêu và Dục tính

Quyên Book xuất bản.

Giá US$ 12.00

Hỏi mua tại các nhà sách

hoặc liên lạc về

e-mail: nqread@yahoo.com

nhất linh
những trang viết dang dở

Lời tòa soạn:

"Những trang viết dang dở" *là những tư liệu nằm trong bộ sưu tập về nhà văn Nhất Linh của anh Nguyễn Tường Thiết, người con út của nhà văn.*

Đó là những trang bản thảo viết tay gồm Hai con mắt *(truyện dài),* Con cá vàng *(truyện ngắn),* Đời làm báo, Đời thi sĩ, *(hồi ký). Tất cả đều trong tình trạng viết dang dở khi nhà văn qua đời năm 1963.*

Trong bản thảo truyện dài và truyện ngắn tác giả có ghi ngày khởi viết 26 tháng 4 năm 1961 và mồng 1 tháng 5 năm 1961. Riêng tập hồi ký không thấy ghi thời gian viết.

Truyện dài Hai Con Mắt *là truyện dài tiếp nối của* Giòng Sông Thanh Thủy. *Tác phẩm dang dở này chưa hề được đăng tải trước đây. Còn truyện ngắn và hồi ký đã đăng trên tập san* Văn Học Nghệ Thuật, *số đặc biệt về* Nhất Linh, *tháng 7 năm 1985.*

Hai con mắt

(truyện dài)

Cùng nguyền giữ tấm lòng Nhân,
Tình yêu Tổ Quốc, tình thân Bạn Bầy.
(Nhất linh 24-1-1961)

phần thứ nhất

chương I

Thanh bảo Ngọc:

- Anh để tôi ra đằng kia, thử nhìn sang đầu cầu sắt xem ở bên Thanh Thủy tụi Việt Minh nó làm gì.

Ngọc cản lại:

- Không nên chị ạ, đợi một lát nữa có người Tàu nào đi qua, nếu là người lính thì hay nhất. Mình sẽ bảo họ đi báo bộ đội đóng ở Bắc Bảo, đem "băng ca" đưa chúng mình về băng bó tạm, rồi sau...

Thanh ngắt lời:

- Anh cứ ngồi yên, tôi thích bò và nhất là thích nhìn lại lần cuối cùng giòng sông Thanh Thủy của tôi.

Thanh bò ngang trước mặt Ngọc rồi lần ra chỗ có bụi cây trước thành đường. Ngọc nhìn Thanh bò không sao giữ nổi mỉm cười vì chiếc áo tàu của Thanh đã sẻ ra làm băng cuốn chân chàng. Ngọc vội quay mặt đi.

Thanh trèo lên bờ đường ngồi nấp sau một bụi cây; nàng thong thả rẽ từng cành một nhưng bụi cây rậm quá, nàng phải bỏ đầu vào trong, sau cùng chỉ còn hai bắp chân thòi ra ngoài. Nàng vạch lá mãi mới lộ được một quãng hở: chiếc cầu sắt và mấy căn nhà cạnh cầu độ ba bốn chục thước hiện ra trước mắt Thanh. Đầu cầu có một tên lính Việt Minh đứng gác nhưng không quay mặt về phía nàng. Hai anh lính khác đương xuống dốc bờ sông, tay mỗi người cầm một chiếc khăn tay. Thanh chú ý đến căn nhà tường gạch lợp rạ vì nàng đoán Văn nếu còn ở lại chắc ngủ ở nhà ấy; cửa đã mở trong nhà có bóng người đi lại. Thanh nhìn thật kỹ và đợi lâu lắm. Tuyệt nhiên không có bóng một ai giống Văn, mật vụ trưởng của Việt Minh mà nàng đoán đêm qua chắc đã từ Hà Giang theo nàng tới Thanh Thủy và đã ra lệnh bắn Ngọc cùng bắn nàng. Có một người đàn bà ở trong nhà đi ra khệ nệ bưng một chậu gỗ lớn rồi rũ áo phơi trên giây thép. Lẫn trong quần áo đàn bà có ba bốn bộ quần áo nhà binh; Thanh đoán người đàn bà đó phụ trách giặt quần áo cho tụi lính gác cầu. Một lúc sau có người đàn ông ra đứng ở sân phơi quần áo, người to béo, chắc chắn không phải Văn, có thể là chồng người đàn bà. Tất cả mọi người đều yên lặng mà chỉ yên lặng ở bên kia giòng sông Thanh Thủy thôi; phía bên này gió bắt đầu nổi lên, Thanh nghe rõ cả tiếng gió trong các ngọn cỏ may hồng lẫn với tiếng lá sột soạt và tiếng nàng thở mạnh.

- Chắc Văn về Hà Giang rồi.

Vừa lẩm bẩm xong thì Văn ở trong nhà đi ra nói mấy câu với người đàn ông, tay nắm lại giơ lên chào và chào cả người đàn bà; Văn tiến về phía đầu cầu nói với người lính gác rồi gọi hai người lính ngồi chống súng bên vệ đường. Thanh toan gọi Ngọc và bảo Ngọc đưa súng cho mình thì thấy đáng lẽ qua cầu Văn và hai

người lính lại đi về hướng Hà Giang. Một lúc họ khuất sau sườn đồi.

- Thế là họ chuồn.

Thanh bò thụt lùi ra khỏi bụi cây rồi lại bò về phía Ngọc thản nhiên nói:

- Văn vừa về Hà Giang. Bây giờ trời sáng mà chưa có ai qua đường để tôi bỏ băng xem chỗ vết thương của anh ra sao.

Nàng tháo băng rất dễ vì băng quấn ở ngoài quần. Máu loang ra ống quần bây giờ đã khô và đen xẫm lại.

- Bây giờ anh chịu khó cởi quần ra để tôi xem vết thương. Anh có mặc quần đùi đấy chứ.

- Có.

- Như vậy thì cởi quần ngoài cũng dễ, chỉ có quần đùi chắc dính vào vết thương. Quần đùi anh có sạch không? Nếu không sợ bị sài uốn ván, không chết vì vết thương mà chết vì quần đùi bẩn thì thật đáng thương. Vậy phải mau lên rồi tôi đi Bắc Bảo kiếm một ống tiêm trừ uốn ván. Ngay chỗ kia có phân ngựa, anh đừng nghịch lấy phân ngựa dịt vào vết thương trong lúc tôi đi vắng như người ta thường dịt bằng thuốc lào. Phân ngựa là tổ vi trùng uốn ván.

Khi Ngọc cởi xong quần ngoài, Thanh rất nhẹ tay gỡ dần; lúc sắp đến chỗ vết thương bỗng nàng giật mình:

- Ấy chết. Để tôi mặc quần của anh nhỡ có ai đến lại tưởng...

Mặc xong chiếc quần nhà binh, thấy nó dài lòng thòng che gần kín hai bàn chân Thanh cuộn ống lên mấy vòng.

Nàng toan gỡ quần đùi của Ngọc nhưng ngừng lại:

- Bây giờ máu đã khô, gỡ quần đùi có khi lại chẩy máu. Bây giờ tôi đi Bắc Bảo ngay. Nếu có ai đi qua anh cần phải kể hết sự thể Việt Minh đã bắn anh vì anh là Việt Quốc.

Vừa nói xong thì cả hai thấy một người lính Tàu đi từ phía Bắc Bảo tới. Thanh chỉ tay bảo Ngọc:

- May quá! Nhưng anh cứ cầm sẵn lấy súng, lính Tàu cũng có thể là thổ phỉ. Được cái họ không "thổ phỉ nhìn" tôi nữa. Họ nhìn anh thì ăn thua gì anh cứ để họ tha hồ nhìn.

Thanh đứng thẳng dậy:

- Bây giờ tôi chạy lại gặp người lính. Anh nhớ là bao giờ tôi cũng đứng chếch đi, nếu họ lôi thôi với tôi thì anh cứ cho họ một phát. Tài bắn súng của anh lúc này không dùng thì còn lúc nào. Anh đừng bắn lầm vào tôi đấy. À anh đưa cả giấy của anh cho tôi.

Ngọc nói:

- Tới cơ quan đại đội trưởng ở Bắc Bảo họ Hoàng chị cứ nói tên tôi ra. Tôi cùng một họ với anh ta: chị nhớ tên tôi là Hoàng Minh Ngọc.

Nàng chạy mau đón đường người lính. Phía sau người lính lại có mấy người thường dân trong đó có hai người đàn bà. Thanh nghĩ thầm:

- Chắc anh lính này không phải thổ phỉ.

Nàng tiến đến gần người lính cúi chào rồi rút ở túi ra tờ giấy do đảng bộ Trung Hoa cấp cho Ngọc và cho nàng rồi kể rõ đầu đuôi câu chuyện. Người lính Tàu nói:

- Thế để tôi quay về Bắc Bảo. À ông Hoàng tôi cũng có biết mặt vì ông ấy thường lại thăm đại đội trưởng của tôi.

Thanh nở một nụ cười tươi và cảm ơn:

- Thôi, không dám phiền ông. Tôi chỉ bị đạn sướt qua cạnh sườn, tôi đi được.Vả lại tôi là nữ y sĩ ở Việt Nam, đến Bắc Bảo tôi có thể biết thứ thuốc nào cần đem đi. Thuốc tiêm trừ tétanos và một ít sulfadiazine. Ông nhớ đừng cho ông bạn tôi uống nước. Còn mấy người "lão bá tính" kia, ông dặn người ta cứ đi thẳng, sang bên Thanh Thủy tuyệt đối không được nói gặp người bị thương. Ông cố giúp cho. Còn từ đây đến Bắc Bảo độ ba cây số tôi đi vèo một cái là tới ngay.

Thanh quay lại giơ tay vẫy Ngọc rồi đi như chạy. Lên cái dốc cao nàng cũng không chậm bước. Chỉ phải cái ống quần thỉnh thoảng lại tụt xuống khi thì phủ bên phải khi thì phủ bên trái khiến nàng vướng chân mấy lần suýt ngã. Thanh kiếm một cây giây leo rồi buộc túm cả hai ống quần lại. Tình cờ, từ chỗ nàng ngừng lại, nàng trông thấy rõ chỗ Ngọc ngồi. Tất cả có đến bẩy tám người; Thanh đoán người lính bảo tất cả những người thường dân phải dừng lại ở đây không được sang Thanh Thủy.

Trong lúc đó, người lính Tàu bảo Ngọc:

- Chỗ ông ngồi đây là địa phận nước ông. Cũng may trong lúc nhốn nháo, viên tri huyện Khai Hóa cứ ra lệnh bảo chúng tôi xê chuyển mốc tới tận đầu cầu sắt. Chính tôi phụ trách đem mốc từ gần Bắc Bảo đến đầu cầu.

Ngọc mỉm cười nói:

- Ấy cũng may vì chuyện xê dịch mốc nên chúng tôi mới có cớ đi qua mặt lính Việt Minh gác lúc một giờ đêm, nói là đến gặp viên tri huyện Khai Hoá hoặc bộ đội các ông đóng ở Bắc Bảo để phản kháng.

Một người đàn bà Tàu ngồi gần đấy bảo Ngọc:

- Bây giờ trời nắng, ông lấy cái nón của tôi mà đội... Tôi ra ngồi gốc cây kia cũng được. Mấy hôm trước tôi ở Ma-Lì-Pố thấy có năm sáu người đến ở nhà cụ Hàn. Tôi chắc là số người ấy ở trong nước ra vì không phải các ông "quân không phải quân, dân không phải dân" như chúng tôi vẫn thường gọi các ông cách mệnh An-Nam. Trước kia có ba ông đến ngủ trọ nhà tôi, tôi đem ngay vịt gà làm thịt không cần đợi các ông đưa tiền trước, không như bộ đội của Lư Hán kéo về...

Bà ấy ngừng lại vì sực nhớ đến người lính Tàu ngồi cạnh nhưng Ngọc đã hiểu; bộ đội của Lư Hán hồi kéo về Hà Giang, khi qua các làng biên giới ở đất Tàu thường vào nhà dân lục soát lấy của hoặc bắt gà vịt.

Ngọc nhìn đồng hồ đeo tay tính nhẩm: Thanh có đi nhanh như chạy nữa thì cũng mất hai giờ đồng hồ. Nhưng những người ngồi chung quanh mình Ngọc thấy họ ung dung như có thể ngồi đấy cả ngày mặc dầu người nào cũng đem quang gánh theo. Người đàn bà cho mượn nón lấy ở trong làn ra một chiếc bánh chưng rồi bóc lá đưa mời Ngọc ăn. Ngọc cám ơn ăn bánh một cách ngon lành. Người lính Tàu vỗ vào cái bi-đông ở thắt lưng bảo Ngọc:

- Nhưng ăn xong ông không được uống nước. Cô, à cô y sĩ Trần, đã dặn tôi không được cho ông uống nước.

Ngọc khi được Mỹ huấn luyện ở Côn Minh đã hiểu cách thức đề phòng khi ra trận bị thương.

- Uống ít không sao. Tôi cũng đã có học ở trường quân sự Trung Hoa và học cả trường huấn luyện đặc biệt của Mỹ ở Côn Minh nữa. Máu ra nhiều nên tôi khát lắm, độ nửa giờ uống một nắp bi-đông không sao cả.

Ngọc biết mình đã khuất phục được người lính, đỡ lấy nắp nước uống thong thả từng ngụm nhỏ. Uống cạn nắp, Ngọc đưa mắt nhìn tất cả mọi người một lượt, mỉm cười với họ và hỏi thăm về từng người một về gia thế. Rồi chàng đem những chuyện về đời sống của chàng ở đất Trung Hoa cùng những phong tục khác nhau kể bằng một giọng rất vui cho mọi người quên thì giờ. Chàng không kể những chuyện ở Vân Nam nhất là ở vùng biên giới vì dân hai nước đã sống chung đụng nhiều. Ngọc kể một chuyện thật đã xảy ra ở Nam Kinh: một người Việt Nam đã phải đảm nhiệm việc làm thông ngôn cho một người ở Bắc Kinh và một người ở Quảng Châu:

- Các ông bà không ngờ đâu vì một việc xin lửa châm thuốc lá mà xuýt xảy ra cuộc ẩu đả giữa một người Việt và một người Quảng Đông. Người Việt không dám cầm điếu thuốc lá của người Quảng Đông vì sợ người Quảng Đông cho là mất vệ sinh. Người Quảng Đông cho là người Việt chơi lối trịch thượng đã xin lửa mà còn bắt người ta cầm thuốc lá hầu mình. Sau nhờ có một người Hoa kiều ở Việt Nam giải thích hai bên mới thôi việc ẩu đả. Cũng việc ấy nhưng ngược lại nếu người Quảng Đông xin lửa thì câu chuyện lại khác hẳn, nhất là khi người Việt nhiều tuổi hơn, ăn mặc sang trọng hơn. Người Quảng Đông thấy người kia giơ thuốc lá hầu mình để mình châm chắc sẽ ngạc nhiên về cử chỉ quá ư lễ phép ấy và cúi đầu cảm ơn hai ba lần... ông bà thử ngẫm câu chuyện ấy xem bên nào trái bên nào phải.

Một người đàn ông đáp luôn:

- Bên nào cũng phải cả và bên nào cũng trái cả.

Mọi người cười ồ:

- Ông này rõ thật là ba phải.

Bất giác Ngọc nghĩ đến câu đầy ý nghĩa của Pascal: Bên này dẫy núi Pyrénées là sự thực, bên kia là sai lầm. Chàng nhìn đồng hồ rồi quay mặt về phía cái dốc cao và thốt lên:

- Họ đã tới kia rồi.

Người lính Tàu đứng lên nói:

- Không ngờ nữ y sĩ Trần đi mau như vậy. Thôi bây giờ ông bà nào có việc sang Thanh Thủy thì cứ đi kẻo lỡ việc.

Nhưng mọi người cũng vẫn ngồi yên. Nghe nói có nữ y sĩ người Việt họ muốn ở lại coi, còn như người phụ trách cứu thương ở Bắc Bảo họ đã thừa biết trình độ ra sao. Vả lại người nào cũng có cảm tình với Ngọc muốn xem chàng bị thương nặng hay nhẹ: "Chắc là nhẹ vì ông vẫn bình thản, lại nói chuyện vui vẻ như thường."

Ngọc để ý nhìn kỹ thấy có cả ông Hoàng đội trưởng, một người đeo cái túi rết chắc là ông y tá phụ trách cứu thương và bốn người lính. Hoàng đội trưởng chào theo lối nhà binh rồi chạy lại cúi xuống giơ tay bắt tay Ngọc một cái mạnh:

- Hao lơ? (Hảo liễu: Tốt chứ?)

Ngọc mỉm cười đáp:

- Cảm ơn đội trưởng, tôi vẫn khỏe chỉ phải cái không chạy nhẩy được nữa...

Chàng nhìn Thanh mỉm cười, tiếp theo:

- Từ nay nếu còn sống anh em đồng chí của tôi hết gọi đùa tôi là "Hoàng châu chấu." Còn vết thương nặng nhẹ là tùy ở Trần nữ y sĩ. Nữ y

sĩ Trần có bảo là nếu tôi bị thương ở tim mới chết, bị ở đùi không sao.

Thanh quỳ xuống vạch áo Ngọc rồi chích ngay một mũi kim:

- Đây là tiêm trừ uốn ván.

Nàng lấy mấy viên thuốc đưa Ngọc bảo uống ngay:

- Rất tiếc là ở đây không có pénicilline. Anh uống sulfa cũng đủ rồi. Bây giờ anh để tôi xem vết thương.

Ngọc thấy mình như sống hẳn lại nhưng không phải vì thuốc: nhìn dáng dấp lanh lẹn của Thanh và đôi má vẫn hồng như thường, chàng biết chắc là Thanh hoàn toàn thoát nạn. Nàng đã mặc một bộ áo nhà binh Tàu rộng thùng thình nên Ngọc không biết nàng đã tháo băng tạm quấn quanh ngực chưa.

Thanh lấy cồn đổ vào chỗ quần đùi dính nhiều máu nhất:

- Anh có xót thì ráng mà chịu.

Nàng gỡ dần vải quần đùi rồi lấy tay nhè nhẹ vừa nắn vừa hỏi xem Ngọc có đau không. Ngọc lắc đầu. Bỗng Thanh nằm rạp xuống đất, lấy bông tẩm cồn lau sạch bắp đùi Ngọc rồi cau mũi:

- Hừ! Tôi có nhờ Hoàng đội trưởng gọi Malipô hỏi thì họ nói bộ đội Mỹ ở Văn Sơn đã rời bỏ trường bay. Thế này thì rầy rà. Viên đạn còn ở trong bắp đùi, cần phải tức tốc đi ngay về Khai Viễn để nhờ đốc tờ mổ lấy ra.

Thanh rửa sạch vết thương, bôi thuốc đỏ, lấy băng cuốn đùi Ngọc rồi bảo hai người lính đặt Ngọc lên "băng ca" khiêng ngay đi.

Từ lúc nẫy Ngọc vẫn yên lặng nhìn Thanh xem xét vết thương và băng bó cho mình. Lúc Thanh cau mũi nói là viên đạn còn ở trong đùi, Ngọc không để ý gì đến mình cả; tự nhiên chàng nghĩ đến Liên một nữ đồng chí chạy trốn Nhật Bản từ Liễu Châu cùng với một số hơn ba mươi anh em quân nhân Phục Quốc. Lúc đến gần Thượng Ty...

*

Con cá vàng

1-5-61

Tuy Hiệp không dự vào công cuộc đấu tranh chống lại Pháp dành độc lập nhưng trong số các nhân sĩ cách mệnh không ai là không quen biết Hiệp hoặc nghe tiếng Hiệp. Hiệp nổi tiếng là lương thiện đến nỗi nhiều nhóm cách mệnh trong lúc nguy kịch không ngần ngại giao phó cả quỹ tài chính để Hiệp giữ tạm; họ lại coi Hiệp như một nhà cao nho ẩn sĩ của thời xưa còn sót lại hoặc một giáng tiên lạc loài xuống sống ở giữa thời đại tây tàu lố lăng, đầy rẫy những phường lấy xảo trá nịnh hót để cầu chút chức vị lấm bẩn hoặc chút tiền tài hoen ố.

Hiệp tốt nghiệp trường Luật và là con một vị Tổng Đốc còn tại chức; nếu Hiệp xuất chính rất có thể bây giờ đã gần theo kịp chức cha, ngoài ra lại là chủ nhân một cái đồn điền gần nghìn mẫu ở Thái Nguyên. Nhưng Hiệp không xuất chính và cũng không chịu nhận đồn điền của cha. Chàng kiếm một khu vườn nhãn rộng, có hai gian nhà tre sơ sài ở làng Ghênh tức là làng vợ rồi ở luôn đấy có trên 10 năm; hoa lợi của mấy trăm cây nhãn cũng đủ cho gia đình gồm có hai vợ chồng và hai đứa con nhỏ chi tiêu một cách dè sẻn. Người vợ không biết vì chịu ảnh hưởng của chồng hay vì tính tự nhiên không thích các sự ganh đua cầu cạnh nên yên thân sống một đời bình thản bên chồng.

*

Một đêm rằm vào quãng 10 giờ, Hiệp đương ngồi ở cái sập đá để ngắm trăng và hưởng hương thơm của cây ngâu nở đầy hoa thì có tiếng người gõ cổng vườn, gõ theo một hiệu mà Hiệp đã định riêng với các tổ chức cách mệnh. Hiệp vội chạy ra hỏi:

- Ai đấy? ... đi một mình hay là...

Tiếng đáp lại nhát gừng như người vừa nói vừa thở:

- Vâng, chỉ có mình tôi. Ông chưa ngủ may quá. Tôi không nói tên vì ông không biết tôi là ai...

Hiệp vội mở cổng để khách vào rồi đóng ngay cổng lại:

- Chỉ có mình tôi thức, cả nhà ngủ rồi... Ông đừng lo ngại gì cả. Ông là ông...

- ... tôi là Ban.

Hiệp đưa Ban vào căn nhà nhỏ để dành riêng chàng đọc sách còn căn nhà lớn vợ con chàng và người đầy tớ ở thì cách đấy gần trăm thước. Hiệp đánh diêm châm đèn nhưng Ban cản lại:

- Ông không nên thắp đèn. Tôi đến một lúc rồi lại đi ngay. Vả lại đêm nay sáng lắm...

Ban rút ở trong người ra một sấp giấy đỉnh đưa Hiệp:

- Có biến, tôi phải chạy trốn ngay xin gửi ông giữ dùm. Tám tờ tất cả. Ông đếm xem.

Hiệp không đếm bỏ ngay vào túi áo cánh.

Ban lại rút ra ở trong thắt lưng một tờ giấy mỏng gấp nhỏ kiểu đèn xếp rồi đưa Hiệp:

- Việc này quan trọng hơn nhiều. Tôi chưa gặp ông lần nào nhưng anh em đã cho tôi biết rõ về ông. Tôi giữ về việc tổ chức ba tỉnh Hải Dương, Hưng Yên và Bắc Ninh. Đây là bản danh sách tất cả các đảng viên trong ba tỉnh đó, hơn ba trăm người tất cả, có đủ địa chỉ. Tôi muốn hủy đi nhưng sợ sau này khó lòng gây lại được vì thế tôi nghĩ đến ông. Khi nào yên tôi trở lại hoặc nếu có người khác đến nói với ông câu khẩu hiệu "Nàng Ban Ả Tạ" thì ông cứ đưa, không e ngại.

Hiệp giở ra coi qua. Chữ viết nhỏ lí nhí như chân kiến nếu muốn đọc cần phải dùng kính hiển vi.

Đây là lần đầu tiên Hiệp giữ hộ một tài liệu tối mật rất quan trọng của tổ chức cách mệnh; nếu lộ chàng bị tù tội hoặc có thể bị xử tử. Chàng đút giấy vào cùng một túi với những tấm giấy bạc rồi thản nhiên nói:

- Được ông để tôi giữ hộ.

- Tôi xin thay mặt toàn thể anh em cảm ơn ông.

Hiệp lấy làm lạ rằng một người chưa từng quen biết chàng mà lại đưa và đưa không chút lưỡng lự một tờ giấy giao phó sinh mệnh của mấy trăm người trong tay mình; sao họ những người vốn thận trọng xưa nay lại không từng nghĩ đến chỗ chàng có thể lợi dụng tấm giấy này để mưu cho mình bất cứ thứ gì mình muốn ở trên đời "nhưng nếu mình muốn thì mình đã có chức vị có tiền tài có đủ cả, cái quá khứ của mình là một bảo đảm chắc chắn nhất đối với họ."

Ban đứng lên:

- Bây giờ tôi có thể yên tâm đi được. Mong có ngày còn gặp lại ông...

Hiệp kéo tay Ban mời ngồi xuống:

- Ông định đi đâu bây giờ?

- Tôi định đi tới làng Keo, đi đường tắt qua cánh đồng chứ không đi đường cái theo đường xe lửa qua ga Đình Dù và Lạc Đạo. Tới làng Keo tôi sẽ vào một nhà hát cô đầu quen rồi sáng mai tôi qua chùa Bút Tháp ở ẩn đó ít bữa.

Hiệp can:

- Con đường trong nhiều lần tôi đi đêm nên biết rõ. Ông đi ban đêm tuần canh họ giữ lại thì nguy. Tối hôm nay ông ngủ đây với tôi, sáng sớm mai tờ mờ sáng tôi sẽ đi với ông sang làng Keo. Tôi cũng có quen một nhà cô đầu rất kín đáo ta có thể ở đấy dăm ngày làm luôn mấy chầu hát đợi tôi dò xét tình thế ra sao hãy hay. Để tôi đi pha trà ngon, chúng mình uống chè thưởng trăng và tạm quên mọi chuyện kia đi. Ông có tán đồng không?

Ban nhìn kỹ nét mặt Hiệp suy nghĩ một lát rồi gật đầu:

- Tôi xin tuân theo ý ông.

Dưới ánh trăng trông hình dáng Hiệp ngồi tựa ở cửa sổ chấn song, Ban có một cảm giác dịu dàng thanh thoát như vừa lạc vào một thế giới thần tiên nào, phảng phất như mình đương ngồi với thi sĩ Trương Hưu đời Đường ẩn dật trong mấy gian nhà tranh ở Khúc-A.

*

Tiếng gà gáy từ các nhà hàng xóm xa xa vọng lại; ngoài cửa sổ sương bắt đầu xuống hòa lẫn ánh trăng làm cho vườn ngoài bớt sáng nhưng trong căn nhà lại sáng hơn; ánh lửa ở bếp cồn khiến hai người bây giờ đã nhìn tỏ mặt nhau. Thấy nước ở ấm đã lạt, Hiệp thay trà mới. Chàng nói với Ban:

- Từ nãy đến giờ nghe ông nói chuyện - xin lỗi ông bây giờ chúng mình gọi nhau là bác để cho quen miệng đi mai có tới làng Keo khỏi ngượng ngập - nghe bác nói chuyện, tôi đã biết rõ bác là người học rộng và hiểu biết sâu xa. Tôi có câu tâm sự muốn ngỏ cùng bác. Trước hết tôi muốn hỏi bác vì cớ gì mới gặp tôi bác đã đưa ngay không chút e ngại một tờ giấy quan trọng vô cùng không những chỉ liên can đến mình bác mà còn liên can đến số phận mấy trăm người khác nữa.

Ban trả lời luôn không nghĩ ngợi:

- Tôi biết là tôi không lầm và không đời nào lầm; tôi nói quyết thế mà thực ra tôi không dựa vào một bằng chứng nào chính xác. Tôi cũng không dựa vào lời các anh em nói về bác. Từ lúc vào, tuy chưa nhìn rõ bác chưa biết vẻ mặt bác ra sao nhưng tôi thấy ngay có một thứ gì - trong các truyện họ gọi là hào quang - vậy tôi cũng nói là một thứ hào quang tỏa ra làm cho tôi biết chắc chắn bác không phải là, không bao giờ có thể là, một người gian dảo lừa dối người khác. Bác nổi tiếng là một người lương thiện và chữ lương thiện tôi dùng đây không phải dùng theo nghĩa thông thường mà dùng đúng nguyên nghĩa từng chữ nho một: bác vừa là một người lương vừa là một người thiện.

- Nhưng, tôi xin thú thật với bác, tôi là một

người đã ăn cắp, tâm hồn tôi đầy xấu xa.

Ban mở to mắt, đặt chén chè uống giở xuống phản. Hiệp nói tiếp:

- Tôi thấy tôi cần phải thành thực; kể ra cũng can đảm lắm mới dám thành thực với chính mình, lại càng phải can đảm hơn nữa khi bầy tỏ với người khác. Lắm lúc tôi nhìn vào chính tâm hồn tôi tôi thấy ghê rợn như nhìn vào một vực thẳm tối mò và đầy rắn độc. Chắc bác đã nghiên cứu về thuyết của Freud về tiềm thức.

- Có, tôi cũng có nghiên cứu qua, nhưng tôi thấy trong thuyết của Freud có một cái gì thiếu sót nếu không sự nhận định của bác về tâm hồn bác không giải nghĩa nổi thứ hào quang tự tâm hồn bác phát ra.

Hiệp gật đầu:

- Đúng đấy, tâm hồn tôi đầy xấu xa nhưng tại sao lại có được thứ hào quang đẹp đẽ như bác nói. Còn lắm người tôi biết rất tốt vì đã có nhiều bằng chứng nhưng nếu bác gặp họ không bao giờ bác tin họ cho dẫu chỉ về một việc rất nhỏ mọn như giao tiền nhờ mua mấy thứ chỉ đáng mấy đồng bạc.

Ban ngắt lời:

- Tôi hiểu. Trước kia tôi tin ngay bác vì ai cũng biết bác không muốn chức trọng, không muốn tiền của, sống một đời thanh bạch trên mười năm nay, nhưng khi gặp tôi biết không phải vì nghe lời anh em nói mà vì tôi thấy... tôi thấy...

Ban bỏ lửng câu nói một lúc lâu lại tiếp:

- Không biết có thứ gì? Tôi nói câu này chắc bác phải cho là quái gở... tôi có thể tin bác là một người ăn cắp như lời bác nói, bác có thể giết người, có thể làm những điều xấu xa... nhưng có một điều chắc chắn bác không sao làm được là biến thành một người xấu, bác muốn, bác gắng sức để trở thành một người xấu cũng không thể được. Một hạt kim cương sắc cạnh có thể khứa đôi miếng kính làm cho kính tan vỡ, có thể rạch đứt cổ, giết một người nhưng kim cương vẫn là kim cương, trong suốt và long lanh sáng đẹp. Nếu bác có làm điều gì xấu đấy cũng chỉ ở một cái gì ngoài bác xui khiến bác làm việc xấu đó như bàn tay cầm kim cương rạch kính.

Hiệp chậm rãi nói:

- Vậy bác không tin rằng người ta xấu tốt chỉ là do hành động sao?

- Vâng tôi không tin. Tôi biết một người khác rất xấu, có thể nói là xấu lắm, tôi chỉ ngồi gần người đó cũng đã ghê tởm đến rùng mình, thế mà người ấy cả đời không bao giờ làm một việc gì xấu.

- Tôi thì tôi tin khác, tôi tin người ta ai cũng tốt cả, còn người này cho người kia là tốt, người nọ là xấu đều là tương đối.

*

Đời làm báo

Mấy lời nói đầu

Đây là cuốn ký ức về đời làm báo của tôi, về hai tờ báo khôi hài, châm biếm, văn chương: tờ Phong Hoá (193... - 193...) và tờ Ngày Nay (193... - 194...) và về những người trong toà soạn hai tờ báo đó.

* Nguyễn Tường Tam tức Nhất Linh, Đông Sơn, Tam Linh, Lãng Du, Bảo Sơn, Tân Việt. Giám Đốc và chủ bút tờ Phong Hoá từ số 14 cho đến khi báo bị đóng cửa, và Ngày Nay từ số ... cho đến... (có chân trong Tự Lực Văn Đoàn).

* Trần Khánh Giư tức Khái Hưng, Nhị Linh, Hàn đãi đậu, giám đốc báo Ngày Nay từ số 80 (10-10-1937) (có chân trong Tự Lực Văn Đoàn).

* Nguyễn Tường Long tức Tứ Ly, Hoàng Đạo, Phúc Vân... chủ bút báo Ngày Nay từ số... (có chân trong Tự Lực Văn Đoàn).

* Nguyễn Đình Lễ tức Thế Lữ, Lê Ta (có chân trong Tự Lực Văn Đoàn).

* Nguyễn Tường Lân tức Thạch Lam, Việt Sinh, chủ bút báo Ngày Nay từ số 99 (27-2-38) (có chân trong Tự Lực Văn Đoàn).

* Hồ Trọng Hiếu tức Tú Mỡ (có chân trong Tự Lực Văn Đoàn).

* Nguyễn Tường Cẩm, giám đốc tờ Ngày Nay từ số 1 đến số...

* Nguyễn Tường Bách, giám đốc tờ Ngày Nay trong khi Khái Hưng, Hoàng Đạo ở trại giam và Nhất Linh ở hải ngoại từ số... (trong số 8 người này có hai người đã qua đời và năm người biệt tăm tích, vậy chỉ còn lại một mình Nhất Linh).

Tuy là cuốn sách về báo và người viết báo, nhưng những người viết báo đó lại là những người viết văn (tiểu thuyết, thơ...) nên trong cuốn ký ức này không thể không nói đến phần viết văn của những người viết báo.

Tác giả

Dưới đây kê tên những người không ở trong

tòa soạn nhưng thường có bài đăng ở hai tờ báo:

- Lê Thạch Kỳ tức chàng thứ 13 (viết bài khôi hài về khoa học).
- Đỗ Đức Thu (tiểu thuyết).
- Xuân Diệu, có chân trong Tự Lực Văn Đoàn (thơ mới).
- Huy Cận (thơ mới).
- Trọng Lang (phóng sự).
- Bùi Hiển (truyện ngắn).
- Tô Hoài (truyện ngắn).
- Đinh Hùng (tranh khôi hài).
- Nguyễn Công Hoan (truyện ngắn).
- Vi Huyền Đắc (kịch).
- Phạm Thị Cả Mốc (tên thật là Phạm Cao Củng) thơ khôi hài.
- Mụ béo Sài Gòn (tên thật: không có) thơ khôi hài.
- Bút Sơn ở Sài Gòn (người đã đẻ ra Xã Xệ) (tên thật chưa biết. Xin ông Bút Sơn (nếu còn sống) và các bạn ông cho biết tên thật).
- Nguyễn Khắc Hiếu (dịch Đường Thi).
- Nhất Sách (tranh khôi hài).

Các họa sĩ đã từng vẽ giúp:

- Nguyễn Gia Trí
- Tô Ngọc Vân
- Trần Vinh Lộc
- Nguyễn Cát Tường
- Trần Văn Cẩn
- Lưu Văn Sìn.

*

Đời thi sĩ

Trước hết tôi là một thi sĩ. Năm mười tuổi tôi phải rời bỏ Hà Nội về huyện Cẩm Giàng, tôi đâm ra nhớ Hà Nội và làm thơ. Bài thơ khá dài nhưng tiếc thay không nhớ hết. Có một câu tả cảnh hồ Gươm tôi còn nhớ nhưng đến nay (nghĩa là 43 năm sau) tôi cũng chưa thấy được cái hay của nó:

Chung quanh cây cối rườm rà
Giữa hồ có một chùa ta đây này.

Thầy tôi biết ngay là thơ không xuôi nên đổi ra:

Giữa hồ có một chùa là Ngọc Sơn.

Tôi còn bé nhưng cũng biết ngay là câu thơ của thầy tôi hay hơn.

Tôi lại là người làm thơ mới thứ nhất của nước Việt Nam. Bài thơ bốn câu tôi đều nhớ cả:

Hai bên trắng nước chảy te te
Cầu ngang bắc lại tí tẻ te
Bầu giời ngõ trắng tròn xoe xoe
Chim kêu rỉu rít, cảnh buồn te.

Gần hai mươi năm sau lúc bắt đầu có thơ mới tôi mới biết mình là nhà thơ mới đầu tiên, còn thơ thì đến nay tôi cũng chưa thấy nó hay ở chỗ nào. Nhưng mới thì nhất định mới vì những chữ hai bên trắng, cầu ngang, bầu giời ngõ trắng cũng bí hiểm như những bài thơ mới nhất của những người làm thơ mới bí hiểm nhất.

Được cái viết thơ mới, thầy tôi chịu không biết chữa thế nào. Thầy tôi chỉ lắc đầu thở dài, cho tôi là một thằng bé lẩn thẩn. Rất tiếc là năm tôi 13 tuổi thì thầy tôi mất và vì thế không được cái vui thấy con mình bốn năm sau có hai bài thơ đăng ở Trung Bắc Tân Văn. Thơ ấy vịnh cảnh đi thuyền chơi trăng trên Hồ Tây. Tôi còn nhớ hai câu:

Con thuyền đè sóng tênh tênh vượt
Chiếc bóng sau người lướt thướt theo!

Thầy tôi vốn hay làm thơ và thích thơ đúng niêm luật, chắc phải cho hai câu trên này là đúng niêm luật và đối chọi chan chát. Hai bài thơ của tôi cũng không hơn không kém gì mấy nghìn bài thơ đăng báo Trung Bắc Tân Văn hồi đó (1922), nhưng riêng đối với tôi thật là một kỷ niệm êm đẹp: tên tôi và văn tôi lần đầu tiên được nêu lên báo.

Trong báo Phong Hoá lúc bắt đầu cổ động cho thơ mới tôi cũng có viết ít bài nhưng khi có thơ Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận ra đời thì tôi tự thấy mình làng người thừa trong làng thơ.

Bài thơ cuối cùng của tôi trong đời làm báo là bài Dân Quê. Bài ấy đã làm cho báo Phong Hoá (đăng bài thơ ấy) suýt bị đóng cửa, tôi bị mời ra ty kiểm duyệt và báo bán tăng thêm được hai nghìn số.

Từ đấy tôi không làm thơ nữa.

Mười năm sau (1945) ở hải ngoại về Hà Giang, tôi lại làm thơ nhưng làm thơ... chính trị. Hồi ấy Hà Giang bị Việt Minh bao vây phải mở chợ phiên lấy tiền giúp quân đội. Nhà thi sĩ mặc binh phục, đi giầy cao ống cầm kéo cắt giây chăng cửa trong khi một tràng súng liên thanh nổ vang cả tỉnh lỵ Hà Giang và mấy cô thiếu nữ dâng hoa. Nhà thi sĩ thì thích hoa nhưng sợ tiếng súng. Nhà chiến sĩ thì thích súng và sợ hoa. Người tôi lúc đó vừa thích vừa sợ lại vừa sợ vừa thích thật là phân vân khó tả. Nhưng biết làm thơ cũng là một cái lợi. Chợ phiên có

bán một bức tranh vẽ bó hoa và người mua tranh cứ nhất định đòi phải có bài thơ vịnh của nhà thi sĩ chiến sĩ thì họ mới trả 2000 đồng (gần hai vạn bạc bây giờ). Thế là tôi lại phải làm thơ. Thơ rằng:

Trăm đóa hoa tươi hợp sắc màu
Muôn nghìn người Việt dạ như nhau
Bó hoa biểu hiện tình đoàn kết
Của khắp nhân dân vạn kiếp sau.

Nhà thi sĩ mơ mộng hão huyền: muôn nghìn người Việt dạ như nhau và đoàn kết! Trước sự thực, nhà thi sĩ thở dài.

Bài thơ tuy mơ mộng nhưng thực là "hàng hàng châu ngọc" vì mỗi chữ đã bán được bẩy trăm đồng bây giờ. Chưa bao giờ tiền nhuận bút của tôi lại nhiều như vậy, nhưng than ôi, tiền lại không vào túi mình.

Đến lúc tôi làm bộ trưởng ngoại giao trong chính phủ liên hiệp và trưởng đoàn phái bộ ở Đà Lạt để đàm phán với Pháp thì tôi lại có dịp làm thơ... khôi hài, và làm cả thơ Tây.

Những thơ ấy tôi cùng làm với ông bạn quen đã lâu, rất vui tính, ông Nguyễn Duy Thanh lúc đó là cố vấn chuyên môn của phái đoàn. Đoàn trưởng phái bộ Pháp là ông Max André (Mạc Ăng Đê). Sau gần một tháng hai bên thăm dò ý kiến nhau đủ thứ, thì ông Max André phải về Pháp. Chúng tôi (ông Thanh và tôi chứ không phải cả phái đoàn) họp kín ở trong phòng tôi và hai người cùng nhỏ lụy làm thơ sầu ly biệt:

Ới Mạc quân, hỡi Mạc quân!
Tóc tơ ngắn ngủi có ngần ấy thôi
Anh đường anh, tôi đường tôi
Biết bao giờ lại nối lời nước non.

Mấy câu thơ này không hay gì lắm, mà lại phải cái sáo nữa! Quả nhiên tôi và ông Mạc, ông đường ông, tôi đường tôi, không bao giờ gặp nhau cả. Mới gần đây, ông bạn tôi có dịp gặp ông Mạc. Ông có nhắc đến tôi. Xin cảm ơn ông nhưng trời đã định vậy, ông và tôi không bao giờ lại nối lời nước non nữa.

Bài thơ ấy chúng tôi có dịch ra tiếng Pháp và thơ dịch hay hơn nguyên văn nhiều:

Oh! Max André! Ah! Max André!
Cheveux noir si court que ca!
Toi, chemin toi, moi, chemin moi,
A quand se relieront les paroles d'Eau et
De Montagne, moi pas connaitre!

Thơ Tây đến thế, thật là tuyệt và thật là cảm động, đọc nghe thật trúc trắc và thật êm du. Nhất là câu "si court que ca" điệu ngắn củn và bỏ thõng đã tả được ý nghĩa của câu thơ như cái tàu đương chạy mau thả hơi hãm phanh gấp. Thanh âm "que ca" tả thật đúng tiếng hơi phì hãm phanh. Câu sau cùng kéo dài lòng thòng (trái hẳn với câu thứ hai ngắn củn) cốt để tả rõ thời gian vô hạn cho đến lúc hai bên lại nối lời nước non. Trong đời thi sĩ của tôi có mấy câu thơ tây trên đây là hay nhất!

Rồi chúng tôi lại làm thơ ta (lục bát lối ca dao) bằng chữ Tây:

Depuis que je te connaisse
Jusqu'ici c'est presque un mois
A quand on se revoir?
Bien! On se quitte, aur'voir monsieur!
(Đờ puy cờ dơ tơ con nết
Duýt ki si se pét koong moa
A cằng ong xơ rơ voa
Biên! Ông xơ kít, ô voa me sừ!)

Trong đời chính trị khô khan của tôi, mấy câu thơ này đã làm tôi trở lại cái đời sống vui vẻ của nhà viết báo khôi hài. Nếu cái cười chữa được bệnh thì trận cười vì mấy câu thơ này đã chữa được cái bệnh nghiêm trang giả vờ của tôi lúc giữ việc ngoại giao.

Khi qua đất Trung Hoa lần thứ hai, ở Nam Kinh tôi lại có làm hai bài thơ "Đốt lò than" và "Vịnh cụ N..." Nay chưa tiện đăng.

Đó là hai bài thơ sau cùng của tôi và cũng là hai bài thơ cuối cùng của tôi, tôi mong thế!

*

Thơ mừng cụ Nguyễn Hải Thần, 70 tuổi, tóc chưa bạc sợi nào, cụ bà mới đẻ con trai:

Thần mộng đêm qua báo một câu
Báo rằng cụ Nguyễn sống còn lâu
Dân đen chưa thoát phường xanh mắt
Trời biếc đâu cho cụ bạc đầu
Càng nỏ, càng dai, càng giúp nước
Để danh, để tiếng, để về sau
Nước nhà lắm việc thân già mỏi
Miệng nửa cười vui, nửa ngậm sầu.

Nam Kinh tháng chạp năm 1946

Nhóm than đun nước

Nước lạnh cho nên phải đốt lò
Hai bàn tay trắng những than tro
Chiếc mồi vừa nhóm còn leo lét
Ngọn lửa bùng lên đã sáng lòa
Than cựa thân hồng kêu lách tách
Nước giam ấm chật réo vo vo
Bật vung sức ép phì hơi tỏa
Chắc chẳng bao lâu nước sủi mà!

Nam Kinh 12-1946

Làm sáng tỏ một sự kiện văn học

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Cuốn sách "*Những tác phẩm cuối cùng của Nhất Linh*" của Trọng Đạt do Đại Nam xuất bản năm 2003 tại Hoa Kỳ có vẻ như muốn "thẩm định lại" giá trị Nhất Linh, một nhà văn có sự nghiệp vững chắc trên văn đàn, không riêng do giá trị tự thân của toàn bộ tác phẩm mà còn qua những nhận định của giới phê bình văn học nói chung, trong hơn nửa thế kỷ qua.

Dường như để "lật lại thế cờ," ông Trọng Đạt sẵn sàng "khám phá" ra những "yếu tố đáng ngại" trong ba tác phẩm chính của Nhất Linh: Về cuốn *Bướm trắng*, ông Trọng Đạt thấy "*cốt truyện giả tạo*", "*mối tình Trương-Thu nhạt nhẽo*", "*nội dung phản khoa học*"... Về cuốn *Xóm Cầu Mới*, ông cho rằng "*ý tưởng nghèo nàn, nội dung giả tạo*"... Cuốn Dòng Sông Thanh Thủy còn "nguy hại" hơn bởi ông thấy nó có tính cách "*phản tuyên truyền,*" "*phương hại đến đến chính nghiã Quốc gia,*" v.v... Những ý kiến trên đây của riêng ông Trọng Đạt, xin miễn bàn. Nhưng, ông còn "khám phá" ra một chuyện động trời nữa là *Nhất Linh đạo văn của chính mình.*

Chính ở điểm cuối cùng này mà tôi, là con của Nhất Linh, tôi phải lên tiếng.

Ở trang 148-149, ông Trọng Đạt viết:

"Mặc dầu Xóm Cầu Mới là một tác phẩm xã hội giá trị của nền văn chương Việt Nam, có chiều sâu tâm lý, Nhất Linh đã chau chuốt hành văn của ông một cách tỉ mỉ nhưng vẫn còn nhiều sai phạm đáng tiếc. Ở đoạn cuối, chương 22, tức truyện Cho Đến Lúc Hai Tay Buông Xuôi, trang 466, tác giả viết:

Hai hàng lông mi dài và cong của nàng thong thả hạ thấp một tí, hàng mi dưới lại hơi vòng lên như cười và con ngươi nàng hơi rung rung sáng. Cả hai con mắt nàng Siêu thấy như đương trông ngắm một thứ gì đẹp lắm, chàng cảm thấy như là nàng đương nhìn thấy cả hạnh phúc của đời nàng. Siêu muốn cúi ngay xuống và hôn vào hai con mắt thân yêu ấy, hai con mắt mà chàng cũng thấy như là biểu hiện cho sự sung sướng của đời chàng.

Đắc ý với đoạn văn tuyệt diệu ấy, khi viết Giòng Sông Thanh Thủy, vì tiếc rẻ ông đã sao chép lại gần như nguyên vẹn vào trang kết thúc ở truyện thứ ba Vọng Quốc (trang 210) sau khi đã đổi tên nhân vật như sau:

Hàng lông mi dài và cong của nàng thong thả hạ thấp xuống, hàng mi dưới lại vòng lên như cười và con ngươi nàng rung rung sáng. Mắt nàng Ngọc cảm thấy như đương ngắm một thứ gì đẹp lắm. Ngọc định cúi xuống hôn vào hai con mắt thân yêu ấy, hai con mắt mà chàng thấy như là biểu hiện cho sự sung sướng của cả một đời chàng.

Tiếc rẻ một đoạn văn hay ý đẹp, khi đưa sang một tác phẩm khác sao lại không diễn tả khác đi? Lại cóp nguyên văn như kiểu lắp ráp nhà tiền chế thì thật kỳ chết!".

Ngoài ra, ở trang 150, ông Trọng Đạt viết thêm về Xóm Cầu Mới:

"Truyện Mùi Đi Cân Gạo (chương 16) và Khói bếp (chương 24) đã chép lại trong truyện Thương Chồng: Thương Chồng là một tuyển tập truyện ngắn viết năm 1949-50, gồm sáu truyện: Thương Chồng, Hờn Dỗi, Bắn Vịt Trời, Búng Ruồi, Những Ngày Diễm Ảo, Bác Hòa Hàng Cơm. Ba truyện Bắn Vịt Trời, Búng Ruồi, Bác Hoà Hàng Cơm sau được in lại nguyên văn trong Xóm Cầu Mới, nửa phần trên của Thương Chồng được đưa vào Xóm Cầu Mới, đổi tên nhân vật thành Mùi Đi Cân Gạo, Hờn Dỗi in lại trong Xóm Cầu Mới sau khi đổi tên nhân vật và viết thêm trang cuối, tức Khói Bếp (chương 24). Đây là một hiện tượng lạ trong văn nghiệp Nhất Linh cũng như trong văn chương Việt Nam, tác giả lại đạo văn của chính mình đem sang truyện khác; ở những tác phẩm trước, thời kỳ Nhất Linh viết cho Tự Lực Văn Đoàn, người ta không thấy cái lối viết vá víu như thế này."

(Trích "Những tác phẩm cuối cùng của Nhất Linh" của Trọng Đạt, trang 148-149-150).

1- Trước hết, chữ *đạo văn*, chỉ để dùng cho những **người chép** (cóp) **văn của người khác**

mà không đề rõ xuất xứ. Không ai dùng chữ *đạo văn* để chỉ việc chép lại văn của mình. Bởi nếu như thế, thì chúng ta có thể tìm thấy tất cả những hình thức *đạo văn* khác nhau trên báo chí, sách vở. Gần đây nhất là loạt bài viết về Thanh Tâm Tuyền trên các hệ thống thông tin, in cũng như mạng: cùng một tác giả viết rất nhiều "bài" về Thanh Tâm Tuyền, với cùng một nội dung, chỉ đổi dăm ba câu, và đổi nhan đề, xuất hiện trên các tờ báo khác nhau, mà chẳng ai lên tiếng chỉ trích tác giả này, tác giả kia "đạo văn" của chính mình. Bởi vì việc viết đi, viết lại, sửa chữa hoặc chép lại y nguyên một đoạn văn của mình, thay đổi nhan đề hay không, là **toàn quyền của tác giả.**

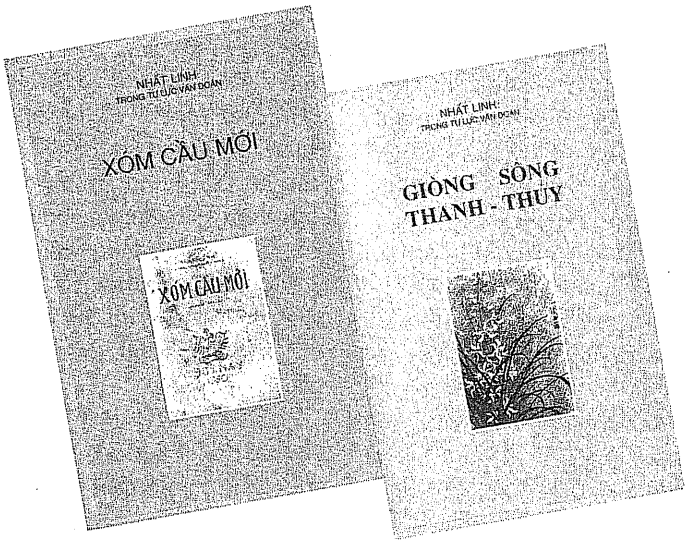

2-Trường hợp Nhất Linh có khác đôi chút: Ông Trọng Đạt đã có công đọc khá kỹ các tác phẩm của Nhất Linh, nhưng tiếc rằng ông lại **không đọc kỹ những gì liên quan đến tác phẩm**, vì đó cũng là công việc của một người muốn viết phê bình, biên khảo.

- Nếu ông nhìn lại ấn bản đầu tiên *Xóm Cầu Mới*, thì ông sẽ thấy tác phẩm này in năm 1973 tại Sài gòn (10 năm sau khi Nhất Linh qua đời), tức là Nhất Linh không hề biết việc xuất bản bộ *Xóm Cầu Mới*. Ấn bản thứ nhì, do Văn Mới in năm 2002, tại Hoa Kỳ, cũng có đầy đủ mọi tư liệu như trong ấn bản đầu.

- Nếu ông đọc kỹ bài *Lời nhà xuất bản* (do tôi viết năm 1973) ở cuối cuốn Xóm Cầu Mới, ông sẽ thấy tôi ghi rõ hoàn cảnh ra đời của tác phẩm: *"Tập bản thảo mà chúng tôi dùng để in quyển truyện này đã bị thất lạc từ mười năm nay."*

Và điều kiện biên tập cuốn sách: *"Thứ nhất là chữ viết của Nhất Linh nhỏ- có đoạn phải dùng tới kính lúp mới nhìn ra chữ- và thời gian hai mươi bốn năm trời từ lúc viết bản thảo tới nay, tự nó đã làm mờ đi nhiều nét mực. Thứ hai là trong phần đầu, bố cục rất lộn xộn vì **chính tác giả đã tự trích ra từng đoạn** để sắp xếp lại thành những truyện dài có tên riêng biệt như truyện cô Mùi, truyện Nhà Mẹ Lê v.v... nhưng tất cả vẫn nằm chung trong bộ truyện Xóm Cầu Mới."*

Cái việc **chính tác giả đã tự trích ra từng đoạn** này, **để dùng vào những việc khác**, mà thời đó (1973) tôi không mấy chú ý, nay có thể giải thích được:

Năm 1960, vì biết là mình không thể hoàn tất bộ trường thiên *Xóm Cầu Mới* như đã dự định, nên Nhất Linh cho ra đời tập *Thương Chồng*, gồm sáu truyện ngắn mà năm truyện là năm chương trong *Xóm Cầu Mới* đã được đổi nhan truyện và tên nhân vật.

Năm 1961, Nhất Linh - vẫn trong ý định không in *Xóm Cầu Mới* - đã lấy lại một đoạn ngắn trong *Xóm Cầu Mới*, đưa vào *Giòng Sông Thanh Thủy* (như ông Trọng Đạt đã nhận ra, và tôi, trong lúc biên tập cuốn *Xóm Cầu Mới*, đã không để ý).

Việc nhà văn lấy đoạn văn này của mình ghép vào cuốn sách kia; hoặc lấy một chương đã in rồi trong cuốn sách này, in lại trong cuốn sách khác... như trên đã nói, là chuyện thường xẩy ra. Chỉ tiếc là Nhất Linh không hề có ý định như vậy, vì khi còn sống, ông không dự định in *Xóm Cầu Mới*.

Và nếu ngay cả như Nhất Linh có xuất bản *Xóm Cầu Mới*, trước khi ông qua đời, mà vì vô ý, ông cho in lại một đoạn văn ngắn đã có trong *Giòng Sông Thanh Thủy*, thì việc ấy cũng chỉ đáng một dòng chú thích.

Tiếc rằng ông Trọng Đạt đã quan trọng hoá vấn đề, nêu lên như một "vụ đạo văn." Điều đó, không những làm thương tổn cho chúng tôi, những người trong gia đình Nhất Linh và có lẽ còn làm thương tổn đến cả những người yêu văn học nữa.

Sonate Xanh

MAI NINH

1.

trong suốt
cửa mở ra đêm ấy xanh
kèn đồng cuồng động chiêng đập xoang xoang
trống bùng bùng đuổi từ sâu hút căn phòng tràn tới mùa nước lũ
núi đằng sau xô tới
âm vĩ cầm xé lên cung cao nhất rồi thả rào xuống cùng với dòng thác ùa vỡ
cuộn đuổi đẩy thốc nửa tấm thân trần trắng buốt sắc trăng
điểm hai nụ vú hồng đào
nhào khỏi khung cửa sổ
quần lụa ngà chấp chới tóc đen dòng suối
bay hay rơi
những nốt nhạc chung cuộc của dàn giao hưởng bốc bung lên cùng đêm
hay đang lụy vào mặt đất
giá không là thế
giá là allegro cuối cùng của một sonate
xanh

2.

Hấn lên thang gác lúc nào tôi không hay. Cửa mở ra hàng ba sũng nước sau cơn mưa. Nửa mảnh cầu vồng khoác trên đầu hấn chiếc vương miện rực rỡ. Gương mặt ửng màu cam của các pho tượng đất sét phơi trong khu vườn phía sau căn gác nhà tôi. Sắc hoang bạo ấy khác hẳn làn da nhợt nhạt của gã con trai mỗi chiều nắng tắt tôi thường thấy bước khỏi nhà, lững thững ơ hờ như cõi đời trong con ngõ này không hề hiện hữu.

Cặp môi của hấn chiều nay nhếch lên theo hai lòng mắt mang ánh nâu xanh rờn rợn. Tự dưng thay vì tiến tới để mời khách thì tôi lại lùi hai bước, đụng ngay vào chiếc máy đang quay cái đĩa 33 vòng. Đầu kim rét lên một đường, lệch hẳn ra ngoài, ngừng lại. Requiem tắt ngấm. Những giọng hát tang lễ chợt rút vào địa phủ. Hấn đang đứng sững trước mặt, tia chớp loé lên ngoài khung cửa. Vài hạt mưa lại đập nặng nề lên mái tôn căn nhà đối diện. Không có chiêng trống của requiem, chỉ có sấm trên trời chuyền thẳng vào không gian.

Hấn càng lừ lừ tiến tới tôi càng lùi sâu. Tôi biết mình vừa rơi hút vào vực kinh cầu nguyện. Đôi môi vẫn mở, cặp mắt hấn nhấp nháy những vì sao hồi năm tuổi tôi ngồi giữa lòng cha trên bãi biển. Tay cha đặt trên đùi giữ gìn âu yếm. Tôi nhìn chăm vào chúng, tê điếng. Ôi nỗi sợ, cái sợ đập dình dình hai màng tang. Gã con trai không thèm thấy những đường gân thái dương tôi bần bật, hấn cứ lầm lì bước đến, mùi thơm nhựa cây mới chặt bốc từ cần cổ và mảng vai gã lộ khỏi manh áo sơ-mi chỉ cài ba hạt khuy cuối. Không, hấn không gầy gò như tôi vẫn thấy, chân dài đùi căng ngực phồng vai mở. Vải quần dầy nhưng không đủ sức kìm các bắp thịt đang nẩy bầm bập. Tôi vẫn còn sợ nhưng lạ lùng từ lõm giữa hai đùi một cái buốt sâu hút man dại rút lên cứng rợn bầu vú. Muốn giơ tay ra trước để ngăn chặn, muốn lùi ra sau hơn nữa, muốn mở miệng kêu hấn dừng bước, nhưng tay chân và môi miệng cứng trơ. Bàn tay và lưng tì vào cạnh bàn. Cái thân cây đầy nhựa ấy sắp đè, sắp đổ lên tôi. Hãy giơ hai tay ra ôm ghì lấy nó, cho cái nhánh cụt tàn bạo ấy đâm lút vào, vỡ màng vỡ mật, làm túa nước tận đáy khô. Hay tôi phải xoay người lại chạy rút ra khung cửa sau lưng để lao ra ngoài? Nhạc đã nín, không có bản giao hưởng của năm xưa cuồng lên xô đẩy tôi về phía trước. Chẳng còn bóng núi đen đe dọa đằng sau, chỉ có thân cây mưng nhựa, nực nồng mùi thú hoang động tình trước mặt. Run rẩy, tràn bờ, tôi chợt nhận ra thân xác mình là khoảnh rừng đang mở, hân hoan. Nhưng bất ngờ gã thanh niên dừng sững, hấn cất giọng, tự nhiên như đang trò chuyện :

- Mấy hôm nay sao cô cứ để bản nhạc này, nó là gì mà âm vang như mộ khúc?

Thân xác đang ngỏ ra chờ đợi bỗng bị bỏ rơi, hụt hẫng, tôi mấp máy môi không đáp ngay

được. Trái lại hắn rất bình thản, nhìn thẳng vào tôi vài giây rồi đảo quanh căn phòng, ngừng trên kệ sách và chồng đĩa nhạc. Nhưng gã không tiến lại gần, chỉ đứng đó. Rồi chẳng một lời nào thêm, hắn quay người ra khỏi căn gác, bước xuống cầu thang lộ thiên ngoài hàng ba. Hắn bỏ đi đột ngột không kém gì khi đến. Nửa thân tôi vẫn ấn vào cạnh bàn, cái buốt dưới bụng vẫn làm mê dại. Tôi đã ẩm ướt đáy tôi cùng mưa ngoài trời. Còn nghe tiếng mình lạc lõng vớt theo:

- Đấy là requiem... requiem...

3.

Ổ khoá đồng sáng trưng trên màu gỗ nâu bạc, chỉ xoay một vòng chìa đã bật ra. Gió luồng thống ngay vào, chạy loáng qua suốt chiều sâu chừng mươi thước của căn gác rồi phóng ra ngoài, qua các chấn song của cửa sổ đối diện. Tôi đặt chiếc vali giữa phòng, cạnh cái bàn trên đó có máy quay đĩa, lọ hoa cắm năm ba nhánh luá mì và một vài giấy tờ thư từ nằm lẫn với đĩa nhạc. Một chiếc dép xinh xắn của Trinh bên chân bàn, chiếc kia cạnh cửa ra vào. Trinh đã rời căn gác của chị vội vã đến thế hay người ta đã đá chúng văng hai nơi khi đến bồng chị ra khỏi nơi đây? Nhiều năm qua, Trinh gọi về thăm nhưng tôi mãi chần chừ. Trinh khoe trong mảnh vườn dưới cửa sổ có những khuôn mặt người chết sống dậy nhởn nhơ cùng tuế nguyệt, toàn là tượng bán thân vai cổ và đầu của vĩ nhân, Chopin, Victor Hugo, Trần Hưng Đạo... Trinh bảo chỉ có phụ nữ là được ông điêu khắc già tạo cho đầy đủ thân xác và không nhất thiết có tên tuổi. Tượng đàn ông bằng đất sét đỏ, đàn bà thạch cao trắng. Vào đêm trăng nở, những cặp đùi, đồi ngực, lõm bụng phụ nữ rực lên rưng rức qua bóng cây ánh lá, ma mị. Chị Trinh than:

- Ta quặn bụng không chịu nổi, chỉ muốn nhảy xuống ôm lấy chúng vuốt ve, nhưng ta lại sợ, chúng phây phây thế mà cô đơn đến kinh hoàng.

Bây giờ đang giữa trưa, nắng loá trên hàng ba rọi vào tận tấm áo cánh màu lục của chị Trinh vất trên chiếc giường nằm sát bờ tường. Từ ngày nhỏ Trinh thường mặc áo xanh, thật nổi với sắc tím đậm của lòng mắt và mái tóc. Căn gác chị đơn sơ, không mấy đồ đạc, nhiều nhất là băng và đĩa nhạc chồng xếp đây đó. Vật quý giá có lẽ chỉ là cây vĩ cầm của chị và chiếc đàn xen-lô của anh Khương dựng ở góc nhà. Lúc nãy Trinh đã cố nhỏm người nắm bàn tay tôi căn dặn:

- Vân hãy giữ lại cây vĩ cầm, còn kỷ vật của anh Khương thì chẳng nhất thiết.

Hình ảnh anh Khương đã quá mơ hồ. Từ độ nào, mảnh cằm vuông và mấy sợi tóc quăn quăn của anh thường bị giá nhạc trên chiếc dương cầm tôi đàn che khuất. Tôi chỉ nhớ rõ cái dáng thuôn mảnh của chị Trinh bên phải, mái đầu nghiêng xuống và cây mã vĩ đưa lên, ở những buổi nhạc thính phòng trong dãy nhà thấp, nơi tập dượt cho học sinh trường nhạc trên con đường Nguyễn Du mưa rũ lá me. Khương ít nói, dáng điệu hệt một công tử con nhà bắc kỳ gia giáo, còn chị Trinh yểu điệu cô gái xứ thần kinh. Ngày ấy Trinh yêu đời, kể chuyện reo vui như chuỗi nốt rộn ràng chị thường thích dạo đầu trước khi thực sự vào nhạc bản. Chúng tôi vẫn cùng hoà tấu các tri-ô cho đến ngày Trinh hiện ra giữa khung cửa ấy, trong đêm.

Mỏi mệt tôi đặt người trên tấm nệm của Trinh. Một thứ mùi am ám đâu đây, mùi gỗ mục lá cây tóc Trinh hay lớp ngói cũ chồng xếp trên kia, hay bụi thời gian bám kín chiếc đàn của anh Khương? Con hẻm dưới đó đang thiếp đi trong trời trưa đổ nắng. Tôi muốn ngồi dậy đặt một đĩa nhạc nhưng lười, chuyến đi vội vã và gặp lại Trinh trong không gian nặng nề bức tử đã khiến nhoài người. Tôi nhắm mắt, tấm màn the xanh kéo dạt về hai bên cửa sổ chợt lay nhẹ, dòng nhạc dạo đầu bản sonate cung mi thứ của Mozart từ đâu trỗi lên bập bềnh hoài cảm bay qua những kẽ ngói cao. Mơ màng, tôi thiếp đi trong ý thức nhập nhòa, tôi vẫn biết đây không phải là đêm xanh trước căn lầu nhà chị Trinh có giậu hoa lồng đèn đỏ máu, mà giữa một hẻm nhỏ vắng lặng trưa hè.

Mấy tiếng động khô, sấng đánh thức tôi dậy. Đầu nặng bưng bưng, vải áo ẩm dưới lưng. Đêm đã buông màn sau khung cửa sổ, vài nhánh sao lanh lánh qua mấy chấn song. Tôi sẽ có cảm giác mình đang nằm ở một nơi nghỉ mát hoang dã, nếu không chợt thấy nhói đau ở bàn chân rồi tiếng muỗi vo ve cùng lúc với tiếng xe gắn máy rồ rồ xen lẫn giọng rao mì khuya dưới cầu thang. Tất cả oà lên tấu khúc của thực tại, một thực tại xa lạ, ngỡ ngàng. Chiếc áo chị Trinh tôi đã móc lên cột nhà mờ mờ nhân ảnh, nó và cây vĩ cầm là vật gần gũi, cho tôi cảm giác Trinh đang hiện diện trong gác này nhiều nhất.

Đáng lẽ tôi phải trở lại thăm chị cuối chiều nhưng đã ngủ quên. Bất giác tôi nghĩ mình sẽ đem đến cho Trinh tấm áo lục vào sớm ngày mai. Nếu không quá muộn. Ý tưởng ấy bỗng làm tôi tái điếng, lạnh ngắt da lưng. Để xua đuổi, tôi vội vàng tung người ngồi dậy đặt ngay cái concerto của Rachmaninov vào máy quay đĩa. Bản nhạc bốc phừng những hoà âm mạnh mẽ nồng ấm, chúng nâng tôi lên dồn sức cho tim, xoa dịu mảng đầu tê dại. Tôi sẽ thu lại vào băng rồi đem tới cho Trinh nghe. Trinh thiêm thiếp trên mặt giường nhàu nát giữa căn phòng thông thống không cửa, ồn ào. Âm binh ẩn núp rình rập chỉ đợi giờ phút điểm, để ùa vào xốc Trinh đi.

Trong con hẻm mập mờ này, cửa nhà mọi người vẫn mở toang đón gió. Cặp vợ chồng đối diện nhà Trinh đang ngồi ở ngưỡng cửa. Thùng mía hấp trên xe ba gác của ông chồng hé nắp bốc mùi thơm. Bà vợ rong róc con dao bào đen nhẻm, thỉnh thoảng bà giơ dao dọa thằng con chồm hổm bên cạnh cứ chực thò tay bốc vỏ mía. Giữa ánh nê-ông lạnh lẽo hắt ra từ những căn nhà khác, tôi đảo mắt một vòng, gã say rượu ngồi dưới cây trứng cá chiều nay đã chồm người ra định ngáng chân tôi, giờ đang thẩy nút khoén với hai ba đứa trẻ. Bọn con nít cãi cọ phân bua, còn gã say miệng không ngừng chửi tục. Tất cả trộn lẫn với tiếng xướng ngôn viên tiếng đàn hát, cải lương từ tivi tạo thành âm thanh hỗn loạn. Tôi tưởng tượng dáng chị Trinh mỗi đêm đi đàn ở phòng trà về, bước trên lớp bùn đất và xi-măng vỡ lở ngổn ngang, băng qua thế giới này rồi leo lên những bậc thang gỗ kèn kẹt xênh mòn. Chợt nhớ khu vườn ông tạc tượng già Trinh từng nhắc đến, tôi đi vội về phía sau căn gác, đến bên cửa sổ nhìn xuống. Đằng trước hàng ba kia ồn ào tạp thế như vậy, mặt sau căn gác này chẳng ngờ là một cảnh giới huyền hoặc im thinh, một cõi nào vô thực. Chỉ có dế rền từ bên kia bờ rào và thỉnh thoảng vài giọng ễnh ương oàm oạp xa xa. Trăng thượng tuần một vành mỏng không sắc lắm nhưng đủ rải sáng thật đều lên những tượng hình nằm ngồi thênh thang quanh một mặt hồ óng ả. Lá nhảy lờn vờn trên vai mọng, trên đùi mở, trên bầu vú thổn. Trăng ló ra rồi lại ẩn vào giữa giải mây lập lờ. Trong khi đám đàn ông cụt nửa người hay chỉ có mỗi cái đầu lẩn giữa các bụi cây giương cặp mắt đứng tròng, thì mây giỡn với trăng, ve vuốt lục lọi từng vùng đồi lũng của các pho tượng đàn bà phươn đợi, da thịt trong ngần. Tôi rùng mình, hai trái ngực trắng hồng bầu bĩnh nưng nức mở toang giữa khung cửa ấy có phải chị Trinh?

- Trinh, Trinh!

Anh Khương hốt hoảng thét lên đau đớn cùng lúc với trống kèn đập bung bung những hoà âm kết thúc bản giao hưởng. Níu cái xe anh Khương đã xô vội để nhào qua đường đêm chạy tới bên hàng rào dâm bụt, tôi kịp nhận ra chiếc áo màu xanh tả tơi hàng nút của chị Trinh bay như bướm.

4.

Khi Vân vừa ra về, người ta khiêng vào người đàn bà thứ mười một. Căn phòng chỉ có mười chiếc giường. Nhân viên nhà xác chưa kịp đem đi cô gái nằm ngay đầu cửa. Họ đặt tấm băng ca của bà thứ mười một tạm thời xuống đất. Thân nhân lúp húp đằng sau, người nắm tay thiếu phụ lo âu, người quay mắt ngó đăm đăm tấm vải trắng đã phủ kín xác thân cô gái trẻ. Tất cả chỉ còn là hình ảnh một cái đòn dài cồm cộm. Mấy ngày trước tôi bước ngang giường, cô nhìn tôi cười, những sợi tóc nhuộm vàng lợ quấn bết vào nhau. Nụ cười ấy thật hiền lành thân thiện, không mang chút gì lo âu buồn bã. Khi trở về chỗ, tôi nằm xuống với ý nghĩ mình cũng phải có một chấp nhận thanh thản như thế cho nhẹ lòng. Nhẹ lòng tôi và cả cho con bé Qùy hằng ngày vào đây giúp đỡ. Con bé mười sáu, khuôn mặt tươi mát, một tiếng chim, một dòng nhạc tươi vui tưng bừng mỗi sớm mai thức dậy. Quỳ đã đón tôi ở đầu xóm, thẳng thắn gọn ghẽ xin:

- Cô giáo, em muốn học đàn mà má em nói không có tiền để trả học phí. Cô dậy không cho em nghe.

Từ hôm phát hiện tội nằm gục trên giường và gọi người khiêng tôi vào bệnh viện cứu cấp, Quỳ thường xuyên đến đây sau lúc tan trường. Nhiều cuối chiều, trước khi ra về con bé để cái máy hát nhỏ vào cạnh tai tôi rồi dặn:

- Cô Trinh đừng nghĩ gì hết, đừng thèm để ý họ rên la, cô nghe nhạc nghen. Mai em vô.

Tôi biết nó nói vậy nhưng không tin là tôi ngủ nổi trong thế giới âm u mà luôn luôn chao động như sắp nổ ra này. Ngay cả tươi tỉnh như con bé cũng phải nghẹt người đau điếng ở mỗi tiếng kêu ré thảng thốt cùng lúc với cái rúm người quặn ruột của bà cụ tám mươi nằm cạnh tôi đã hơn tuần nay. Hay ở mỗi lần bà ơ ơ túm

lấy bàn tay Quỳ đang đút vào miệng bà muỗng nước cháo, hai vành môi nhăn nhíu như miếng táo tàu khô vừa hơm hớp vừa ngờ nghệch gọi "Má, má ơi." Quỳ cũng thường lớn vởn tới gần cô gái vừa qua đời để vuốt sẽ cho cô mấy sợi tóc, chùi mấy ngấn nước miếng sùi đục bên mép. Kéo cái chậu tiểu tiện rồi tuột quần giúp người đàn bà chèo queo nằm trước mặt tôi, vào những khi y tá không đến kịp. Những tiếng nước tiểu róc rách, những rên rỉ, chửi đời xa xót và cả giọng ca cải lương ồ ề não ruột của chị Ba mỗi đêm vào đây trải chiếu dưới đất để canh chừng bà mẹ sắp đi đến đầu cuối con đường, đã là một bản nhạc hằng ngày vang bên tai tôi. Chúng thay những chuỗi nốt lung linh nhịp nhàng hay dập dồn kèn trống từng quận quyến, thăng hoa đời tôi cho tới bây giờ.

Nhưng đêm nay, tự dưng tôi biết mình sẽ lắng nghe được cả cuộn băng mà Quỳ đã cho vào máy. Các tiếng động muôn thuở của căn phòng này đang dần dần biến thành thứ âm thanh mơ hồ, không còn tần số, hay chúng đã theo nhau tuồn tuột chạy ra ngoài trời. Cái đau giữa ngực vẫn từng chập đập tung hai buồng phổi úng nước, nhưng thể xác này đã chọn được thế nằm duỗi lặng của một đầu hàng báo trước. Có thể sáng mai Vân sẽ đem vào cho tôi những bản khác hơn của Quỳ. Một opéra, một concerto, một bài nhạc lễ. Vân đã trở về, tôi được gặp lại Vân kịp thời như vầy là niềm hạnh phúc, dù chỉ một lần.

Đêm nay, Vân đang làm gì nơi căn gác tôi? Chắc Vân đã nhìn thấy cây xen-lô của Khương, nhiều năm rồi tôi không mở ra để chùi bụi hay lên dây. Bụi bám thành lớp mịn, bụi không bay mù thành sương mỏng đã tỏa khắp người Khương vào buổi trưa thị trấn mưng mưng nắng đục hôm nào. Đứng dưới đường, cái giỏ vải đeo sau lưng, mấy sợi tóc bết hai thái dương, tôi quay quắt ngó lên Khương. Anh đang khuân các bao gạo trên xe cam nhông thảy xuống vai một người phu khác bên dưới. Thực ra tôi nào thấy rõ mặt Khương, chỉ chiếc quần rách tua đầu gối và manh áo chẳng định được màu. Gió thốc qua rặng bạch đàn, phả từng màn bụi xám phủ khắp con người cảnh vật. Chiếc xe đò chở tôi từ thành phố sau hai ngày trời mới bò ra đến đây, đậu lại đổ xăng bên kia đường đang bom bom bóp còi giục khách lên xe. Anh lơ vừa kéo vạt áo quệt mồ hôi, vừa nghiêng mắt nhìn sang. Anh ta hẳn vẫn còn thắc mắc vì sao người đàn bà lầm lì thu lu trong góc xe suốt hành trình cực nhọc ra tới vùng đất cằn khô này, để rồi chỉ đứng trơ trơ ngơ ngác dưới vệ đường.

Khương chưa nhìn thấy tôi trong đám bụi. Thế cũng hay, tôi muốn được tự do ôm lấy anh trọn vào lòng mắt, dù bây giờ phải nhìn bằng linh hồn mới nhận ra anh. Thoáng một giây, gương mặt Khương thoát khỏi màn sương bụi, nhưng chỉ đủ cho tôi kịp thu nhận một làn da cháy xạm, một khuôn mặt vừa đăm đăm vừa lạnh lẽo. Tôi rùng mình với ý nghĩ, chẳng chắc gì nếu nhận ra tôi, Khương có thể nở được nụ cười mừng tủi. Một đám người xách bao bị, sô chậu từ đâu nhào tới cân gạo, họ chen lấn đẩy tôi ngã ngồi sang một bên. Không gian bất ngờ náo loạn hẳn lên, tiếng tranh chấp, cãi cọ, ta thán, tiếng còi công an giữ trật tự và người đàn bà quản lý xe gạo la lối. Khương nãy giờ im lìm bỗng hét to, vung tay xua đuổi một thằng con trai đang đu người rướn lên tới sàn xe cầm dùi tính chọc thủng một bao gạo. Đấy chính là giọng Khương, là tiếng nói đầu tiên của anh tôi được nghe lại sau mấy năm trời, kể từ đêm cuối cùng trước khi Khương đi cải tạo. Khuya ấy, anh đã đem cây đàn đến đưa tôi rồi lẩn mất vào bóng tối. Tôi nhắm mắt lại, một dòng nước xé cay bên khóe.

Khi tôi mở ra, gương mặt Khương thật gần và đang cúi xuống. Nhưng tôi không biết anh nhìn tôi hay nhìn vài cọng cỏ le hoe bầm dập dưới đôi dép mỏng. Nắng lúc này rờn rợn trên những sợi tóc tua tủa của Khương. Tôi muốn sờ lên chúng. Đã xa lắm rồi, ngày nào tôi thường sung sướng vò đầu Khương sau mỗi buổi hòa nhạc, trong âm vang những tiếng vỗ tay rạt rào. Tôi muốn quàng hai cánh tay qua cổ anh, để Khương cuống cuồng xa xót bồng tôi lên từ giậu hoa lồng đèn, đặt trên yên xe, rồi Vân sợ hãi ngồi chèn đằng sau, quýnh quíu khép lại hai vạt áo tôi đã bị giựt bung tơi tả. Chiếc xe băng qua nhiều con đường gió lạnh. Tôi gục vào lưng Khương, nức nở cho đến lúc anh và Vân đỡ tôi vào căn phòng trọ của anh.

Đêm đó, dưới tấm thân Khương hừng lửa, tôi bàng hoàng giữa thiên đường và địa ngục. Hét lên tiếng kêu hãi hùng nghẹt thở khi ngọn núi đen đổ tới, với những thân cây sần sùi hung dữ vươn chùm tay khổng lồ vồ lấy ngực tôi, xé toạc mảnh áo xanh. Nhưng bất ngờ, núi biến đi, cả người tôi bứng lên run rẩy khi một dòng

nước rút mạnh vào tận hốc thẳm, sức nước như đuôi rồng quẫy mạnh vũ cuồng không ngừng nghỉ. Tôi rốc từng tiếng kêu sảng mê hoan lạc, ghì lấy lưng Khương để cùng anh tan vào thế giới mênh mông. Rồi trong cơn say thiếp, tôi thấy mình ngồi trên thuyền, con thủy quái hai lòng mắt đỏ ngàu trợn trừng, mình dầy vẩy nhọn trồi lên từ lòng nước sâu, bơi đến cạnh thuyền, tôi rú gọi Khương cầu cứu nhưng chung quanh chỉ có sóng đen đang rầm rầm xô tới. Phút chốc không phải giữa biển bao la, phút chốc tôi đang lùi dần ra cửa sổ căn phòng của mình, bản nhạc giao hưởng từ hai chiếc loa cuối phòng đang dội lên âm thanh tưng bừng. Quái vật khổng lồ hiện ra, ngất ngưởng lừng lững tiến tới. Ở đâu đây mùi sình, mùi cá chết, nước tù, mùi thịt và rượu xông nồng. Tôi chưa kịp ngạc nhiên, hoảng hốt, cánh tay nó đã vươn ra nắm manh áo, giựt tung, chộp ngay hai vú tôi, bóp xoay nghiến ngấu. Thu hết can đảm tôi cố nhìn thẳng vào nó, khuôn mặt cha tôi. Hai con mắt và hai núm má cha trồi ra, máu ứ, rượu từ họng nồng nặc. Tôi lấy cả sức vùng người, quay vụt lại. Sau lưng, bàn tay quái vật còn trong thế chộp, đỏ nẫng. Trước mặt, cửa trống.

5.

Cơn gió bốc về từ phía bờ kinh xa, cuốn theo đám lá và đánh thức lũ chim trong bụi cây vùng lên xao xác. Bản nhạc vừa chuyển qua một giai điệu bay lượn, âm vĩ cầm nhảy nhót cùng những nốt dương cầm chạy dài từng chuỗi. Trăng trải lụa bạch trên đùi ngực các mỹ nhân muốt trắng. Những cánh lá sẫm bay qua mái ngói hất tung theo gió, chao đi từng lượn sóng trước khi rơi xuống khu vườn. Tôi nhìn theo một chiếc lá to bản, màu lục mềm lấp lánh trong ánh trăng. Tấm lá mãi quay quắt trong không, xà đến gần cửa sổ rồi lại vút xa, chờn vờn xoay đảo, như thể nó muốn đáp xuống yên nghỉ giữa lòng một pho tượng nào đó đang tênh toang mở ra chờ đợi dưới kia, nhưng mãi hoài bất khả. Chị Trinh, chị Trinh. Ruột tôi quặn lên đau xót. Trinh còn trong căn phòng nhà thương hay đã bay ra ngoài trời?

Khung cửa sổ căn phòng thiếu nữ của chị Trinh lung linh trong ánh đèn. Anh Khương vừa đèo tôi tới để rủ chị đi một vòng Sài Gòn đêm êm mát. Tôi chưa kịp rụt rè đưa tay bấm chuông ngôi nhà kiên cố ấy đã nghe nhạc tuôn tràn và nửa khuôn người trần của Trinh vụt hiện ra cửa sổ trên cao. Khương và tôi trố mắt, chưa kịp ngạc nhiên, chưa kịp gọi thì dòng nhạc đã binh binh những hợp âm tàn bạo đẩy vụt Trinh lao vào khoảnh đêm.

Tôi còn nhớ tiếng Khương kêu thất thanh và gương mặt nhúm lại căm hận của anh khi ngước vội lên khung cửa sổ. Cha chị Trinh đứng sững trên đó, bóng áo đen đồ sộ sập hết nửa cánh cửa. Bản nhạc chị Trinh hay nghe vừa chấm dứt. Đêm câm.

6.

Con ngõ ồn ĩ bình dân ấy đã quen thuộc từ lâu lắm, tôi về đó ở từ sau lần ra tới thị trấn cao nguyên xơ xác tìm Khương. Có lẽ cùng một thời với gã thanh niên dưới lầu. Lâu thế mà tôi không biết gì về hắn. Một cố tình lạ lùng, vô lý. Không biết hắn là ai, làm gì, mặt mũi thực sự ra sao. Sau một thời ở trọ gian trên gian dưới với những tiếng ồn bất kể giờ khắc của nhau, hắn say sưa hò hét rầm rầm, soong chảo khua loảng choảng với đám bạn, còn tôi thường mở nhạc và kéo những tiếng vĩ cầm lắm khi thật chói tai, chúng tôi đã tự thỏa ngầm chịu đựng. Chẳng hiểu từ bao giờ hắn bớt tụ tập bạn bè, rồi một hôm giữa một bản concerto tôi nghe tiếng gậy dộng từ dưới sàn nhà, cồng cộc cồng cộc, trước nhát gừng sau liên hồi ra chiều thúc giục. Bực mình tôi bật nhạc to hơn, tiếng đập ngưng bặt. Tôi không biết gã ấy chơi trò gì, lại vặn nhỏ, tiếng dộng lại binh binh đòi hỏi. Khi nhạc hết, ba cú công công điểm đạm dưới sàn gác đưa lên như một hơi thở thơ thản hân hoan, một câu cám ơn dễ chịu. Tôi chạy ra hàng ba nhìn xuống, đèn nhà hắn đã tắt, cánh cửa lốm đốm vài mảng sơn xanh hiu hắt trong ánh sáng hắt ra từ nhà vợ chồng ông bán mía hấp. Tự dưng tôi thấy lòng rưng rưng. Đi về trong con hẻm này, gặp nhau ai cũng chào gọi tôi là cô giáo Trinh, họ biết tôi dạy vĩ cầm, họ biết tôi chơi đàn ở phòng trà để kiếm cơm, nhưng chưa ai nói một câu gì về những tiếng nhạc phát ra từ căn phòng tôi ở. Chúng xa lạ và ngoài cõi đời của họ, hệt như mảnh vườn nhỏ huyền hoặc của ông tạc tượng già đẵng sau dãy nhà lụp xụp. Vậy mà gã thanh niên đã dần dần say mê nhạc ấy, cùng tôi.

Từ ngày Vân theo gia đình vượt biên, từ buổi Khương gẫy tan trong thế giới khô trơ cỏ cây nghiêng ngửa, tôi chẳng còn ai chia sẻ cõi âm thanh đó. Nỗi cô đơn phình ra cô lại ở từng

chiều rơi đêm tới. Tôi mở nhạc cho chúng vật vờ với lá với mưa, cho chúng bay xuống các pho tượng và sau đó sùng sục những lát dao xoáy đục từng phần da thịt khát khao sâu buốt. Rồi trở vào giường, mộng mị xác thân Khương. Tôi chống tay lên chăn chiếu nhìn ngắm đầu anh nghiêng trên gối, riềm mắt rung nhè nhẹ, vành môi hơi nhếch lên, Khương đang mơ gì mà mỉm cười mời gọi, giai điệu vào đầu một sonate đấy ư? Vai và vồng ngực mở rộng, nhịp đập đều đặn. Tôi đặt nhẹ ngón tay lên làn da bụng anh, vẽ một đường xoay, xoáy tròn mấy sợi lông mềm quanh rốn. Đoạn giữa, Andante? Không, Rondo. Nhưng lướt xuống, lướt tay xuống mau hơn, miết xát đi, nắm lấy nó. Mắt Khương vẫn nhắm mà hơi thở như không còn thuộc về anh nữa, chúng dồn lên đẩy xuống vùng bụng dưới, hai bắp đùi anh dẫy bưng bưng như cả bàn tay đang búng mạnh các dây đàn. Không thể chờ đợi nữa tôi vật người lên Khương, phần cương cứng nhất của Khương bấy giờ đâm thẳng vào cửa huyệt tôi. Bản sonate chuyển sang tiết điệu cuối, Presto, Presto. Hoang mê cuồng lũ.

Chẳng biết tự lúc nào tôi đem gã thanh niên vào giấc mơ. Tôi chưa từng thấy rõ hắn ngoài cái dáng gầy gầy ra vào con hẻm nhỏ. Hắn chỉ đến với tôi bằng những cú gậy dộng vào sàn nhà, vài nhát thế này để yêu cầu tôi thay bản nhạc khác, những cú liên tục mạnh mẽ thế kia ngụ ý thích thú và gọi tôi vặn to hơn, hay một tiếng đập nhẹ cuối cùng để nói giờ là thời gian của giấc ngủ. Hắn đâu biết chính từ đó, trong đêm của tôi, hắn là thân xác đàn ông cường vũ đa tình thay Khương, còn tôi, tấm thân đàn bà trắng trẻo rạo rực dưới vườn ông điêu khắc già. Để về giấc sáng, đứt cơn mơ hoảng, tôi choàng dậy với đáy quần ẩm rị, linh hồn rời rã xót xa.

Những cơn mơ cuồng như vậy thường đến vào đêm trăng, chúng tiếp tục hành hạ tôi cho đến buổi chiều mưa giông ấy, tôi có được đĩa Requiem mới. Mozart tự làm kinh cầu hồn cho chuyến xe đưa ông vào mộ địa cô đơn. Kinh nhạc này không hiểu sao đã kích động gã thanh niên đến nỗi đó là lần đầu sai khiến được hắn leo lên chiếc cầu thang lộ thiên, để tôi bị đắm chìm mê sảng giữa ban ngày. Để sau đó, tôi hụt vào vực trống khi hắn bình thản quay bước. Tất cả mộng ảo vỡ ra, như chiều nào bên cái quán lá cạnh bờ thị trấn gió bụi.

Khương cầm cái muỗng nhôm đuổi mấy con kiến lui hui trên đĩa đường vàng ẩm bẩn. Ly cà phê đen trước mặt lờ nhờ màu đất. Tôi gỡ chiếc túi đeo vai, lấy ra ba bao thuốc lá Dunhill và một kí đường cát trắng để lên bàn. Khương cầm ngay lấy một bao thuốc, mấy ngón tay khô gầy lột giấy bóng ngoài, quẹt lửa. Bấy giờ tôi mới can đảm nhìn thẳng vào mặt anh, sau làn khói mong manh lòng mắt Khương dịu xuống. Tim tôi đập mạnh, nước mắt cứ muốn trào ra. Tôi thèm Khương cười. Tôi lôi từ túi vải chiếc máy hát nhỏ và cuộn băng nhạc.

- Em đem cho anh cuộn băng có những bản mình đàn chung hồi xưa.

Không có tiếng trả lời ngoài gió nổi mạnh hơn, rít qua ngọn cây, mái tôn vải bạt đập bình bình. Mãi lâu, Khương nhìn vào cuộn băng nhưng chẳng cầm, rồi ngửng lên hướng về ngọn núi mờ xa, xám bạc dưới mặt trời.

- Bao nhiêu năm bị cầm tù trong rừng, rồi phải lao vào cảnh sống như thế này đây để tồn tại khi ra khỏi. Nhìn đi Trinh, em không thấy quanh đây sao? Em không nghe không gian ung bức này nổ ùng ùng, vỡ toang trong đầu như thế nào sao Trinh? Âm nhạc ngày ấy đã là cuộc đời bỏ lại bên kia núi. Em đem chúng về đi.

Khương nói một tràng không ngưng, rồi đứng dậy, bước khỏi quán. Tôi lặng người trên chiếc ghế đẩu nghiêng xiêu, ngó Khương nhảy lên xe gạo. Người đàn bà chủ xe mặc tấm áo in bông vạn thọ vàng rực vạt xẻ cao núc nỉnh mỡ bên hông, mắt liếc tôi một vạt, xong leo ngồi cạnh anh tài xế giục nổ máy. Chiếc xe giật xình xịch mấy tiếng rồi lăn bánh, hất tung bụi mù.

Bỗng vài đứa con trai nãy giờ lấp ló sau mấy quán tôn nhào ra chạy theo xe, vung tay nhảy tót lên, đâm lia lịa. Gạo trắng lập tức phun ra từng tia từ các bịch gạo ngoài rìa chiếc xe cam nhông. Dường chỉ chờ có thế, đám người đang ngồi xổm bên bờ đường nhỏm ngay dậy đuổi đuôi xe, giơ rá giơ chậu ra hứng. Họ cuống quít ồn ào xô đẩy trong khói xe đen khịt. Vậy mà tôi vẫn nhìn thấy rõ Khương ngồi trên thùng xe, co lại như một nhúm tượng bất động, thờ ơ mặc bao dòng gạo đang đổ xuống đường. Những chiếc lá bạch đàn chao trong gió rơi đụng vai Khương.

Lá đã bùi ngùi rơi nhiều năm như thế trên khu vườn phía sau căn gác. Nhưng đêm nay, có chiếc sắp cùng bản nhạc cuối cùng này đưa tôi vào bầu trời đeo những vì sao. Xanh hút.

(tháng năm, 2006)

Hoa cúc và những bước đi hạnh phúc

ĐẶNG THƠ THƠ

1.

Sơn bắt đầu công việc sớm hơn thường lệ vào sáng mùng một tết. Lúc anh ra khỏi nhà thì Ly vẫn còn ngủ. Anh nói bà Guadalupe cứ để cô ngủ và anh sẽ đưa thằng bé đến trường. Dù tối hôm trước anh đi dạ tiệc khuya và uống nhiều rượu, sau đó anh còn ghé bệnh viện thăm một bệnh nhân vừa tự tử và đến hơn ba giờ sáng mới về nhà, anh vẫn nhất quyết phải có mặt ở phòng mạch đúng tám giờ rưỡi. Không hẳn vì anh là một bác sĩ tận tâm. Người ngoài có thể tưởng là anh tận tâm, nhưng Sơn lại không nghĩ vậy. Anh cho rằng chuyện anh làm việc siêng năng chỉ là vì anh không còn lựa chọn nào khác.

Thả thằng bé ở cổng trường lúc 8 giờ 10 phút, mở cửa phòng mạch lúc 8 giờ 20 phút, anh hài lòng với những tính toán chính xác của mình. Những trù liệu của anh đang ăn khớp với bước đi của thời gian. Không hấp tấp và không trễ nải, tất cả xảy ra kịp thời như nốt nhạc rơi đúng vào nhịp đang chờ sẵn. Tất cả những dụng cụ đo đếm thời gian đều khe khắt và tàn nhẫn, đòi hỏi phải tính toán chặt chẽ để có thể điều khiển nó. Như tiếng đàn điều khiển cái máy gõ nhịp metronome. Anh bước vào phòng mạch với ý nghĩ mình đang tác động lên thời gian, vì anh mở cửa nên đồng hồ mới nhảy. Khi cửa đóng lại thì đồng hồ trên tường sẽ chuyển sang con số 8:20 sáng.

Đứng chơ vơ giữa phòng, nghe âm vang tiếng cửa xập lại, anh giật mình nghĩ: mình vừa xông đất phòng mạch. Lúc mới bước vào, trước đó một giây, hoàn toàn anh không nghĩ đến khái niệm xông đất. Đó không phải mục đích của anh. Anh cũng không tin chuyện xông đất. Vậy mà bắt đầu từ đó đến hết ngày, cái ý tưởng xông đất bám dính lấy anh. Nó len lỏi vào đầu anh thật kỳ cục. Như thể chuyện anh bước vào phòng làm việc xảy ra cùng nhịp với chuyện ý tưởng xông đất đi vào trong óc - và chúng hợp nhất lại cho anh thấy rằng "anh đang xông đất." Khi suy nghĩ như vậy, Sơn cảm thấy chúng đang bẫy anh - tất cả không gian, thời gian, vô thức và ý thức của anh đang mưu toan bẫy anh. Chúng muốn bắt quả tang anh đang xông đất, và anh đuối lý, không chối cãi được.

Cuối cùng thì đúng là anh vừa làm chuyện đó, chuyện ***xông-đất***.

2.

Không mở đèn, anh đi thẳng đến cửa sổ, kéo màn lên. Sương giá đang rịn nước bên ngoài cửa kính. Ở đây sương còn dày hơn bờ biển mình vừa đi qua. Sơn nghĩ. Nơi nào nhiều sương cũng gây cảm tưởng gần biển. Anh đứng lại bên cửa sổ vài phút, ngắm sương và để cảm giác lạnh lẽo thấm vào người. Tất cả những buổi sáng sương mù đều khó hiểu. Như thể có một âm mưu đằng sau lớp sương. Như thể trong màn sương ấy có người đang đứng đợi. Như thể sau mỗi gốc cây là một khuôn mặt lạ. Và tất cả đều mang mặt nạ để không ai có thể nhận ra.

Phòng đầy khí lạnh. Dù vậy theo thói quen anh vẫn cởi áo khoác trước khi ngồi vào bàn làm việc. Anh nhấp vài ngụm cà phê nóng rót từ bình thủy. Cà phê luôn làm anh thấy dễ chịu, anh xoa tay khoan khoái trước khi bắt đầu công việc. Vị cà phê đắng, ngọt và béo. Nhưng mùi thì không. Anh ngẫm nghĩ: cà phê sao không có mùi cà phê gì cả. Cà phê này do chính bà Guadalupe pha theo lối Pháp sáng nay, bao giờ cũng đậm đặc và thơm lừng kia mà? Anh thử một ngụm nữa, vẫn thế.

Trong bao nhiêu năm qua, ngày nào anh cũng vừa uống vừa ngửi mùi cà phê. Thậm chí anh còn thấy chuyện ngửi thú vị hơn chuyện uống. Mùi cà phê ấy anh đã coi như một sự thật không

thay đổi, hoặc giả còn chắc chắn hơn sự thật - vậy mà bây giờ biến mất. Trong lúc nghi ngờ khả năng ngửi của mình, anh kiểm điểm lại những thứ vừa làm, và nhớ mình đã uống thuốc dị ứng trước khi rời nhà. Khi thấy trời đầy sương anh còn cẩn thận bơm thuốc vào mỗi bên mũi hai lần để phòng ngừa. Để trắc nghiệm, anh hít một hơi dài. Một luồng hơi thông suốt từ cánh mũi chạy lên trán, rồi tỏa xuống hai bên xoang. Anh thở ra nhẹ nhõm: không có vấn đề gì cả!

Anh dí mặt thật sát ly cà phê, hít vào thật sâu như cách người ta xông lá. Khói bốc lên làm mờ mắt kiếng. Anh hít vài hơi liên tiếp. Rồi anh ngửi thấy.

Nhưng không phải mùi cà phê.

Một thứ mùi khác đang xông lên trong phòng.

3.

Cái mùi ấy xộc vào mũi anh một hương vị nồng nồng tanh tanh. Mùi đất!

Một mùi đất mềm, và ẩm, đầy hơi nước, và thoáng lo ngại.

Khi nhận ra mùi đất ấy, tim anh nhói lại vì sợ hãi.

Đó là mùi đất mới xới ngoài đồng. Đất ấy là của một ngày mưa, bốc lên từ một huyệt mộ mới đào. Một mùi đất anh đã ngửi từ một đám tang ngày bé. Mộ của ai, đám tang ai, ai là người chết ngày hôm đó, ai đã nằm xuống đó... thì anh không nhớ, thậm chí không biết vì lúc đó hãy còn quá nhỏ. Hơn bốn mươi năm rồi. Vậy mà bây giờ nó trở về - xông lên đậm và nồng quanh anh. Như thể bao nhiêu năm qua nó không hề phai lạt đi - dù nó không hề chường mặt ra một lần nào cả, cho đến hôm nay.

Ký ức về mùi của con người gắn liền với một sự kiện trong đời. Con người không có khả năng nhớ sự kiện bằng nhớ mùi hương. Một con người bình thường có thể "nhớ" ba mươi ngàn thứ mùi nhưng chưa chắc nhớ nổi ba mươi ngàn dữ kiện. Một khoa học gia đoạt giải Nobel hóa học đã nói vậy. Sơn tự hỏi, vậy thì cái gì là sự kiện của mình, mùi đất hay người chết? Hay cả hai? Có thể lần đầu tiên chứng kiến cảnh hạ huyệt, lần đầu tiên ngửi mùi đất bốc lên; và ý thức một đứa bé lập tức kết hợp hai chuyện đó với nhau thành một sự thật: mùi đất gắn liền với tang tóc.

Mùi đất đi với người chết.

4.

Một kỷ niệm - tưởng là không hề tồn tại - vừa quay lại, chỉ vì một thứ mùi bất chợt. Mà cái mùi ấy ở đâu ra? -Chẳng ở đâu ra cả. Vì trong phòng này làm gì có đất? Sơn bàng hoàng: Thì ra anh không ngửi bằng mũi. Anh đang ngửi bằng óc.

Óc anh đang ngửi một thứ mùi quá khứ.

Nhưng tại sao một buổi sáng đầu năm lại đi mất thời giờ với những liên tưởng kỳ quặc này? Sơn tự hỏi. Chỉ vì cái ý tưởng xông đất làm mình ngửi thấy mùi đất, và mùi đất làm mình nghĩ tới người chết? Hay người chết làm mình nghĩ tới mùi đất? Có thể cái chết vẫn lảng vảng trong óc anh từ suốt đêm qua. Điều này không có gì lạ. Thật sự anh biết mình bị cái chết thu hút đến nỗi vì thế mà quyết định trở thành bác sĩ. Đã có lúc anh coi đó là điều kiện cần để hành nghề và để yêu nghề. Một bác sĩ nếu thờ ơ với cái chết sẽ không thể nào tận tâm được.

Anh nghĩ tới cô gái vừa chết. Anh vẫn không thể tin rằng với cô ta thì chết là hết. Cái chết ấy làm anh buồn bã hơn anh tưởng. Cái chết ấy không chỉ chứng minh sự thua cuộc của bác sĩ và chiến thắng của bệnh tật. Cái chết ấy chứng tỏ sự tuyệt vọng đã thắng thế, cô ta không còn tin tưởng vào bất cứ điều gì nữa. Ý nghĩ đó làm anh đau đớn. Sơn tha thiết muốn biết tâm trạng cô lúc đó: Điều gì đã xảy ra trong đầu cô? - Lúc gần kề cái chết trong một thân xác còn sống, cô đã tuyệt vọng vì không thể nào vui sướng - hay cô vui sướng vì sẽ không còn tuyệt vọng? Cô gái ấy đã lao vào hư không trong cách-thế nào? -Cách lạnh lùng của một người tự tay bóp nghẹt hơi thở mình, hay cách buông thả của một thân xác mỏi mệt đang cần ngủ? - Cách ta quăng một thứ phế thải vào thùng rác cho nhẹ người, hay cách một kẻ bị truy lùng ráo riết phải nhảy lầu trốn thoát? Bao nhiêu khả năng có thể xảy ra mà anh muốn biết. Toàn là những câu hỏi không thể biết, vì nó đến sau kiến thức, sau cái chết. Nhưng vì là bác sĩ, anh phải biết những điều không thể biết. Đó là lý do mà anh tồn tại và làm việc.

5.

Bao nhiêu điều sẽ còn tiếp tục xảy ra sau cái chết nhất định của một con người nhất định. Vì vậy tin tưởng rằng ***chết là hết*** chỉ là một tin tưởng hão, để cốt đánh lừa chính mình. Thật sự họ không chết đối với anh. Nếu họ ra đi vì một bệnh tật thuộc phạm vi điều trị của anh, họ vẫn

còn sống trong tâm trí anh. Họ vẫn đầy quyền lực với anh, họ vẫn bắt anh phải tiếp tục suy nghĩ về họ. Hơn thế nữa, họ còn buộc anh phải viết sách về họ.

Trong một lúc bực bội anh đã nghĩ vậy.

Anh càng bực bội hơn khi nghĩ tới cuốn sách anh đang viết. Hội Chứng Tuyệt Vọng và Khuynh Hướng Tự Tử, đầu đề cuốn sách là như vậy. Cô gái mới tự tử hôm qua là trường hợp anh cần nhắc tới. Trước đó anh không có ý định viết về cô, nhưng bây giờ thì anh không còn lựa chọn nào khác. Vốn không phải người tin dị đoan, vậy mà anh bắt đầu nghĩ: *chết vào ngày đầu năm là chuyện chẳng lành, ít nhất là nó báo trước một năm đầy bất ngờ, công việc dồn dập, và cuốn sách ấy sẽ còn lâu mới xong.*

Khi mới khởi viết anh không ngờ công việc sẽ kéo mình đi xa như thế. Thời hạn hai năm đã qua từ lâu. Sau đó anh gia hạn thành bốn năm. Bây giờ đã gần hết năm thứ năm của cuốn sách. Và anh bắt đầu sợ nó sẽ theo mình, suốt đời.

6.

Số người tự tử đã gia tăng bất thường trong vòng một thập niên qua.

Khối lượng thống kê và nghiên cứu dồn dập khiến cuốn sách của anh cứ kéo dài ngoài ý muốn. Khi anh mới khởi viết số người chết không nhiều như vậy. Đáng lẽ anh phải viết xong từ hai năm nay. Nhưng trước khi anh kịp viết chương kết thì một sự kiện mới lại xuất hiện, một vấn đề mới lại phát sinh, những cái chết lại xảy ra vô phương cứu chữa. Đôi lúc anh có cảm tưởng chuyện viết sách đã ảnh hưởng đến con số của hiện thực, hoặc hiện thực tìm cách chứng minh cho lý thuyết, hoặc nghiên cứu về cái chết sẽ thúc đẩy cái chết đến nhiều hơn. Không thể

PHẠM CÔNG THIỆN

BÀI THƠ CHO LOÀI SÚC SINH

Tặng PPS

Chính tôi là súc sinh
Lại làm thơ không vần không thi điệu không song
thất lục bát và cũng không lục bát
Tự tặng cho mình
Loài súc sinh thượng hạng

Lúc tôi chết
Tôi sẽ đi thẳng xuống địa ngục
Đủ loại địa ngục nóng và lạnh
Còn nhiều địa ngục nữa
Vô cùng thơ mộng
Địa ngục kim cương

Bởi lý do nhân duyên duy nhất
Tôi không kính trọng đàn bà con gái
Không kính trọng có thể là quá sợ hãi
Tôi là sự hèn nhát
Sự sợ hãi đang di động trên cõi hoang vu gọi là trái đất
Đêm qua sự sợ hãi không thể ngủ được
Tất cả cơ thể thần trí kiệt quệ
Với thi điệu Mozart
Một đêm tối nào đó
Lúc đôi mắt con sâu đực
Ngó trừng trừng vào con sâu cái
Nguyễn Du:
Nhãn trừng trừng...
Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ táng
Tất cả ba bận bạch đầu đã thành chuyện cổ tích
Tôi đang nhớ Henry Miller:
Lúc nào Always merry and bright
Always merry and bright
Luôn luôn vui sống và sáng ngời.

Los Angeles, Thứ Hai 27-2-2006

nào kết thúc cuốn sách được, vì không thể ngăn cản cái chết được.

Anh ghi chú vào sổ tay:

Thêm một nạn nhân nữa là đủ 100,000 người tự tử vì tuyệt vọng. Tức là số lượng tăng gấp đôi trong vòng ba năm qua. Hay là tăng gấp ba từ khi mình bắt đầu viết sách.

Phía dược khoa có trách nhiệm một phần, có thể quy lỗi cho họ được, nếu muốn. Trong bản tin y học mới nhất, người ta đã xác nhận đa số thuốc trị bệnh trầm cảm có thể làm gia tăng ý muốn tự tử. Phần lớn các bệnh nhân đều dùng những thuốc này.

Ngẫm nghĩ một chút, anh viết tiếp: *Người tự tử là Nguyễn Như Mân, 27 tuổi, trong vòng 10 năm đã dùng những thứ thuốc sau: Anafranil – Elavil – Ludiomil (1993 – 1997), Celexa – Cymbalta – Pexeva (1997 – 1999), Marplan – Sarafem –Zyban (1999 – 2002)*

Anh ngừng tay, nhìn lên: những hộp thuốc đang đứng xếp hàng trên bàn làm việc. Đây là đợt thuốc mới nhất, theo đúng luật ban hành ngày 22-10-2004 về dược phẩm chống trầm cảm. Bên ngoài các bao thuốc đều có lời cảnh cáo của FDA (The Food and Drug Administration) in trong khung đen đậm:

WARNING:

...increase the risk of suicidal thinking and behavior

in adolescents with major depressive disorder...

Anh không ưa cái khung đen này. Nó là sự đe dọa. Nó gợi nhớ những giải băng tang. Nó mở ra những ý tưởng u ám. Và thay vì ngăn ngừa, nó trở thành lời mời gọi người ta tự tử.

Vậy là cùng một loại thuốc mà có hai công dụng trái ngược nhau: uống để tự tử, và uống để đừng tự tử. Sơn viết tiếp: *Vậy thì uống thuốc hay không uống thuốc? -Phía bác sĩ tâm thần cho rằng cứ nên uống thuốc. Vì nếu kết cục tự tử là điều không thể tránh khỏi, thì việc uống thuốc làm người ta tự tử trong tinh thần dễ chịu. Ngược lại, trường hợp không uống thuốc, bệnh trầm cảm sẽ gia tăng khốc liệt, cũng dẫn đến tự tử, nhưng sẽ là tự tử trong tuyệt vọng.*

Vậy Mân đã tự tử ***vì uống thuốc*** hay ***vì không uống thuốc***? Nếu cô đã uống thuốc theo đúng toa bác sĩ để ngăn ngừa, nhưng rồi vẫn tự tử, thì đó là trách nhiệm của anh (nhưng cô đã quá tuổi vị thành niên từ lâu, và lời cảnh cáo trên chẳng ăn nhập gì đến cô nữa). Còn nếu cô không chịu uống thuốc anh cho, và vì thế cô tự tử, thì đó là lựa chọn của cô. Khám nghiệm tử thi không giải đáp được câu hỏi này, vì trong máu cô chỉ toàn là thuốc ngủ.

7.

Sơn làm việc đến mười rưỡi sáng thì cô Hạnh đến.

Hôm qua Hạnh đã dặn là sẽ đến trễ hơn ngày thường. Mùng một tết có nhiều nghi thức phải tuân theo cẩn thận, nhất là vì năm nay cô gặp sao hạn. Cô nói sẽ xuất hành vào lúc chín giờ sáng, giờ tốt nhất trong ngày. Cô sẽ đi lễ chùa gần nhà. Sau đó cô phải đi vòng về phía biển – ngược hướng phòng mạch - cho đúng lời dặn xuất hành về hướng đông nam. Cô còn phải hái một cành hoa tươi, đem về nhà cắm ngay vào lọ. Xong xuôi cô mới được quyền đến đây. Còn ngược lại, nếu cô từ nhà đi thẳng đến phòng mạch thì trong năm cô sẽ gặp xui xẻo, tai nạn, có thể chết được vì phòng mạch ở hướng tây bắc - tử địa và ky tuổi cô. Khoa tử vi vậy là đã đánh cắp một tiếng quý giá của một đời người, hay đây là một trao đổi có lợi: mất một tiếng để sống thêm một năm? Vì sinh mệnh của Hạnh, anh đã dặn cô hãy thư thả, hãy làm tất cả những gì cần làm, hãy làm với tất cả lòng tin tưởng thiêng liêng nhất, đừng quên rằng tỷ trọng của một buổi sáng đầu năm rất nặng, và tác động của nó quả là khôn lường. Thật ra cô đến trễ hơn nữa cũng được, hoặc không cần phải đi làm, nhưng vì anh hợp tuổi cô nên việc gặp anh vào đầu năm là có lợi, theo lời thầy bói.

Hạnh mặc áo lụa vàng tươi thêu lá trúc, khoác một tấm khăn voan mỏng dệt bằng tơ tằm, tóc chải cao cài trâm bạc, cô giống người mẫu áo dài trong chương trình video ca nhạc xuân. Cô đứng ở ngưỡng cửa phòng, cười rạng rỡ:

"Chào bác sĩ."

"Chào cô Hạnh. Chúc mừng năm mới."

Anh nói máy móc một câu chúc mà theo anh là rất vô nghĩa (vì người Việt ở Việt Nam hình như không chúc tụng như thế, cách chúc của họ văn hoa và tinh tế hơn nhiều, linh động tùy theo nghề nghiệp, địa vị và vai vế của người đối diện), rồi anh không biết nói gì nữa. Hạnh nhếch môi cười, cô luôn có một nụ cười nửa như chế diễu, nửa dịu dàng như thế:

"Năm mới chúc bác sĩ được sức khỏe dồi dào. Công việc thì may mắn, thành công, phát

đạt, càng ngày càng nhiều bệnh nhân hơn..."

Sơn xua tay:

"Ấy chết, cô đừng nói thế, tôi sợ bệnh nhân lắm."

Hạnh che miệng cười, cô nhận ra vẻ hoảng hốt trên mặt bác sĩ:

"Không sao. Bác sĩ đừng lo. Nhiều bệnh nhân nhưng tất cả đều khoẻ mạnh. Nhiều bệnh nhân nhưng bác sĩ chữa mát tay, họ sẽ khỏi hết ấy mà. À, một điều nữa, em chúc cuốn sách của bác sĩ sẽ xong trong năm nay nhé."

8.

Bệnh nhân đến. Hạnh ra ngoài chuẩn bị hồ sơ. Sơn nhấm nháp chỗ cà phê còn lại, ngồi lặng yên suy nghĩ. Câu nói của Hạnh ban nãy vẫn lảng vảng trong đầu.

Càng ngày càng nhiều bệnh nhân hơn!

Đấy là một câu chúc ác.

Nó có nghĩa là: càng ngày càng nhiều người điên hơn, càng ngày càng nhiều người tuyệt vọng hơn, càng ngày càng nhiều người tự tử hơn. Trong câu chúc đó ẩn chứa nhiều tai họa. Hạnh thông minh phải biết điều đó. Đúng là một bác sĩ muốn phát đạt phải có nhiều bệnh nhân. Họ là tiền, là nguồn lợi bất hạnh trời mang đến cho anh. Nhưng anh không thể xây dựng sự nghiệp mình trên tuyệt vọng, bệnh hoạn và điên loạn được.

"Tôi sợ bệnh nhân lắm."

Anh tự nói với mình.

9.

Hạnh mang vào phòng làm việc của anh một giỏ hoa cúc trắng, cô nói đầu năm bác sĩ có người tặng hoa là may mắn lắm. Cô lại nháy mắt với anh khi cài tấm thiệp vào giỏ cúc thanh nhã cắm theo kiểu Nhật Bản. Cúc trắng có mùi hắc làm anh nhảy mũi liên tục. Đi kèm với giỏ cúc là tấm thiệp xuân, phong bì làm theo kiểu thủ công, bằng một loại giấy kính trong, điểm vài cọng lá vẽ bằng màu nước như những chữ viết ngoằn ngoèo.

Thoạt tiên anh nghĩ là của gia đình một bệnh nhân. Nhưng thật ra một tặng vật chỉ có giá trị nghệ thuật kiểu này không có vẻ đến từ một thân chủ thông thường. Và thiệp cũng không đề tên người gửi, khiến trò tặng hoa này trở nên khác lạ. Nhưng anh lầm, quả thật chính là của một bệnh nhân, đọc vài dòng chữ thì anh rõ. Thiệp viết chi chít với những nét nghiêng ngả, kèm theo một CD nhạc, không phải CD gốc mà chỉ là bản thu lại.

Những lời lẽ trong thiệp cũng hết sức bất thường.

Trước tiên, người ấy cảm ơn anh, nhờ sự tận tâm của anh mà nay người ấy đã hoàn toàn khỏi bệnh, và chắc chắn sẽ không trở bệnh lại nữa. Người ấy có lẽ muốn diễn đạt và nhấn mạnh vào ý chính "không bao giờ, không bao giờ bệnh nữa" - anh bắt được dụng ý đó qua giọng điệu hơn là cách dùng chữ cụ thể. Vài đoạn sau, người ấy nhắc đến một bản nhạc của Mozart, nói là nhờ bản nhạc đó mà tìm ra hạnh phúc. Bây giờ người ấy thu vào CD, gửi kèm theo thiệp – trước là để gửi đến anh những giai điệu vào một sáng đầu xuân, như cách người ta tặng nhạc cho nhau trên đài phát thanh; sau là để anh dùng làm tư liệu cho cuốn sách. Người ấy nhắc đến cách anh chữa trị, sự quan tâm đáng cảm động với những người điên loạn, đôi khi vượt quá cương vị của một bác sĩ. Người ấy căn dặn: *"bác sĩ hãy vừa nghe nhạc vừa đọc tiếp những gì tôi viết, bởi vì tôi không đủ chữ để diễn tả cảm giác sung sướng tột độ của mình đâu..."*

Kỳ quặc. Lập dị. Điên. Sơn nghĩ. Nhưng anh vốn thích những gì bất thường, và bị lôi cuốn theo lời dặn trong thiệp. Người gửi quà này biết rất rõ nhược điểm của anh nên hẳn đã cố tình làm mọi sự trở nên cầu kỳ để thu hút chú ý. Anh cho CD vào máy, nhấp một ngụm cà phê, lắng nghe. Một giai điệu quen của Mozart, hòa tấu khúc viết cho đàn dương cầm, còn gọi là Elvira Madigan nhờ cuốn phim nổi tiếng của Widerberg. Anh đọc tiếp.

Elvira đang yêu, nàng đang đau khổ trong tình yêu, vì đấy là tình yêu không lối thoát. Trong phim, bác sĩ còn nhớ không, khi nhạc trỗi lên. Nàng lại bước đi, nhưng bây giờ là bước đi rất khác. Đấy là những bước đi của một người hạnh phúc.

Sơn biết cuốn phim, nhưng anh đã quên hầu hết những tình tiết và hình ảnh trong phim. Qua miêu tả trong thư, anh cố hình dung ra một Elvira, tuyệt vọng và cuối cùng hết tuyệt vọng. La - là Lá - là Lá! Năm nốt nhạc đầu tiên của Elvira khi cô đi những bước lâng lâng không chạm đất. La - là Lá - là Lá! Có thể hình dung như thế này: Một tiếng la lên, một bước nhẹ, một bước cao, và con người trở thành nốt nhạc. Elvira đang đi thì bị một ý tưởng ùa đến, xâm

chiếm. Đột nhiên như ánh chớp. Thình lình như sét đánh.

Người ấy viết "*Đây là điệu nhạc của một người hạnh phúc cực độ. Một người hạnh phúc sẽ bước đi loạn như thế, vừa đi vừa nhảy nhót theo điệu nhạc, thực sự là điều khiển nhạc bằng bước đi của mình. Những bước đi không đều, những bước đi khi nhanh khi hụt, khi vấp té khi cao vút, với dáng vẻ kinh ngạc vì điều mình chợt vừa tìm thấy. Người ấy đã tìm ra một lối thoát ở cuối con đường. Một lối thoát mãi mãi...*"

Hợp âm Fa trưởng ở đầu câu số 3, người ấy viết, như một niềm vui choáng ngất. Một kiểu choáng nắng, đến chóng mặt, đến xây xẩm, như trúng một luồng gió độc trên hè phố. Rồi ý tưởng ập tới, bất ngờ, khi những hợp âm ném giữa lối đi. Sơn ngẫm nghĩ: Giai điệu hoàn toàn lạc quan, đến độ ngây thơ, gần như mù quáng. Một niềm vui lớn bao giờ cũng có chút mù quáng. Một hoan lạc cực độ luôn luôn là điên dại, và vì thế mà ngây ngất. Giai điệu của một người say, say la ngà, say loạng choạng. Say nhưng không té ngã, nhưng vẫn thấy đường về. Hoặc giả tất cả các con đường đều là lối về. Tiếng dương cầm nện những gót giầy trên hè phố. Những nốt gõ trong vắt. Toàn thể bản nhạc là một niềm vui ngây dại. Không phải một niềm vui thông thái.

Anh huýt gió theo. Anh chờ đợi một niềm vui sẽ len lỏi vào người, như nốt nhạc mi giáng đang lẩn vào cung Fa trưởng. Nhưng kỳ lạ thay, anh chỉ thấy buồn ảm đạm. Càng nghe càng buồn, một nỗi buồn ẩn giấu rất kín đáo bên dưới niềm vui.

Bản nhạc là một nghịch lý. Nó thấy ra niềm vui hào phóng, hóa ra chỉ là niềm vui bao trùm bề mặt, sau đó chỉ toàn buồn bã. Lắng nghe những hợp âm ẩn ở bè dưới thì sẽ thấy hạnh phúc ấy thật ra thê thảm lắm. Nó ném ra một lời khẳng định, mà cuối cùng chỉ làm người ta hoang mang nghi hoặc. Không thể nào lý giải được những phức điệu trong những bước đi của hoà âm, trong con người Elvira, trong tâm hồn người viết.

Người viết lá thư này là ai?

Không đề tên, không chữ ký. Một thư nặc danh, kèm theo hoa cúc trắng. Nét chữ khó đoán của đàn bà hay đàn ông, nhưng giọng văn và toàn bộ cách gửi hoa tặng thiệp hẳn là phụ nữ. Sơn không nghĩ trong đám bệnh nhân nam của anh lại có người chịu khó làm việc đó.

Tại sao người ấy có thể đoan chắc là không bao giờ bệnh lại nữa?

Những bệnh nhân của Sơn là những người không bao giờ khỏi bệnh. Công việc chính duy nhất của anh là ngăn họ đừng chết. Họ sống và được duy trì trong một thứ bệnh tật kinh niên. Họ chỉ hoàn toàn khỏi bệnh khi họ thoát khỏi cuộc sống. Sơn lạnh người. Anh đã hiểu ẩn ý của người viết thiệp. Người ấy đã chọn đường tắt ra khỏi cuộc đời, như Elvira, một lối thoát mãi mãi.

Người ấy là ai?

Anh nghĩ tới cô gái chết đúng vào đêm giao thừa hôm qua. Lúc đó họ đã rửa ruột. Rửa ruột mà như lọc rửa cả thân thể nên da mặt và da cổ tay trắng nuột, tương phản với màu tóc đen nhánh xõa sượi trên gối. Hình ảnh người chết nửa như đang tan rữa, nửa hãy còn tươi. Lúc chết có phần còn đẹp hơn lúc sống. Khuôn mặt tuy tiều tụy nhưng đã bắt đầu thanh thản. Đôi môi căng mọng như sắp bật máu đang từ từ chuyển sang hồng lợt. Đôi mắt thường mở to đầy vẻ hờn oán nay đã hoàn toàn khép chặt, đóng lại vĩnh viễn những tia nhìn đau đớn.

Anh nhìn tấm thiệp, của Mân chăng? Nếu vậy, anh đã chứng kiến cái chết trước khi nghe được lời trăn trối. Lời trăn trối đến muộn, là bây giờ cô sung sướng lắm, và cô cảm ơn anh. Tại sao lại cảm ơn chứ? Đáng lẽ cô oán trách anh mới phải, vì hơn mười năm chữa trị, đã bao lần anh ngăn cản cô với niềm hạnh phúc của cô: niềm hạnh phúc vĩnh cửu của cõi chết.

10.

Sáng hôm ấy Ly cũng nhận được một giỏ hoa cúc trắng, không kèm tên người gửi. Cô gặng hỏi bà Guadalupe và biết người đưa hoa là một nhân viên của hãng Conroy's Flower thuộc thành phố Huntington Beach. Bà đoán là của một bệnh nhân vừa khỏi bệnh đem tặng, nhưng Ly không nghĩ vậy. Bệnh nhân của Sơn sẽ không bao giờ khỏi bệnh, họ sẽ theo anh suốt đời, trừ khi cuối cùng họ tự tử vì tuyệt vọng mà thôi. Ngoài ra, ai lại đem tặng hoa cúc trắng vào ngày đầu năm? Cô nghĩ bó hoa dành cho cô. Cô nghĩ bó hoa đến từ một cõi khác. Nó đến từ một giấc mơ, giấc mơ tối hôm qua, hay là những tối xa hơn nữa.

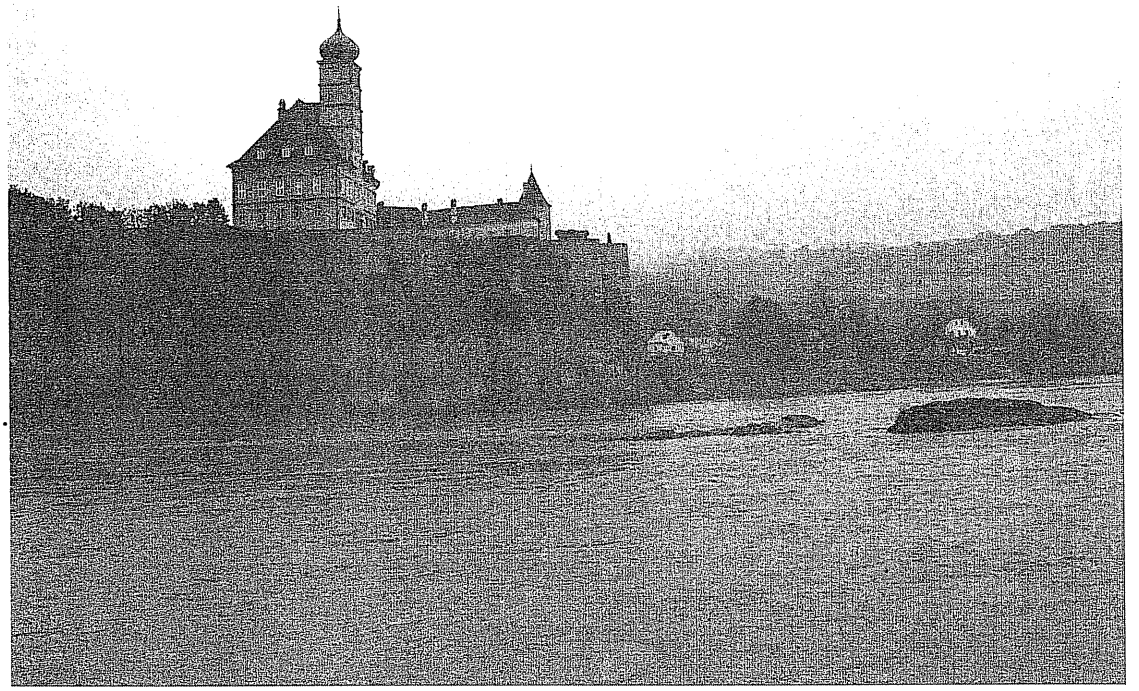

Sông Danube

ĐẸP NHƯ KIẾP BOHÉMIEN

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Người đẹp thành Vienne

Trước mặt tôi là một tờ giấy nhỏ. Tất cả còn lại ghi dấu kỷ niệm của tôi với nàng. Tờ giấy chỉ là một phiếu tính tiền, mặt trước in hình màu vàng óng của một cốc bia sủi bọt. Cắt ngang cốc một hàng chữ lớn EDELWEISS. Phía dưới là một hàng chữ nhỏ *Das edle weisse aus den alpen.* Dưới nữa là những cột và hàng kẻ của phiếu tính tiền với những hàng chữ nhỏ mà vị trí trên cột cho tôi phỏng đoán ý nghĩa của chúng. Rechnung Mr. (Liệt kê?), Rechnungsbetrag (Tổng cộng hay Giá thành?). Tôi lật mặt sau. Mấy nét vẽ và nét chữ của nàng. Hai đường kẻ sát nhau song song có vạch những nét xéo ngắn ngắn tượng trưng cho con đường tàu điện (Tram). Hai chữ thập bên cạnh đường tàu ghi dấu hotel nơi tôi ở và quán rượu nơi chỗ chúng tôi gặp nhau. Tram số 52. Tuyến metro N3. Trạm Westbannhoff. Và địa chỉ e-mail của nàng. Anita_kurzydlak@.

Tôi lật lại mặt trước của tờ giấy. Trên hình cốc bia có in một hàng chữ rất nhỏ. Tôi đưa tờ giấy lại gần mắt cố đọc. Cốc bia áp sát. Đầu mũi tôi chạm khẽ vào thành cốc. Một chút lạnh và ướt ở chấm mũi. Trong khóe mắt tôi qua màu nước bia vàng óng, dưới bóng ngọn đèn chụp, Anita đứng sau quầy tính tiền. Tôi chỉ nhìn được phần trên của nàng từ bàu vú trở lên. Gương mặt nàng hiện dưới ánh đèn. Đẹp. Vẻ đẹp lung linh qua ánh rượu. Nàng đứng yên đó thờ thẫn. Răng nàng cắn nhẹ vào một bên môi như dáng điệu của một cô gái đang hờn dỗi hay đang có gì để suy nghĩ, hay đang có gì để mơ mộng. Anita tựa hai tay vào thành quầy, hai ngón tay cầm cây bút gõ gõ đập đập vào lòng bàn tay kia với một cử chỉ lơ đãng. Lâu lâu có tiếng gọi giật mạnh "Anita!" từ trong bếp, nàng lật đật buông bút, cúi xuống khẽ nâng chiếc váy xòe lách khỏi quầy tính tiền, đi xuống bếp, dáng đi vung vẩy chiếc váy như theo một điệu nhạc vô hình, mặc dù không hề có một tiếng nhạc ở đây. Lát sau từ trong bếp Anita bước ra

một tay chống nạnh bàn tay kia giơ cao xòe bưng cái khay có đĩa spaghetti bốc khói. Nàng xoay người đặt đĩa lên bàn khách, gọn gàng, một cử động trơn tru có lẫn chút gì nhún nhẩy ở trong. Rồi nàng trở về quầy đứng yên tắp, lặng lẽ, cây bút lại tiếp tục gõ nhẹ lên lòng bàn tay, nàng ngó mông lung ra ngoài đêm tối, qua cửa kính, cái bảng quảng cáo nhà hàng Ristorante với chai bia Edelweiss sáng lên chớp chớp.

Ristorante nằm trên góc đường Linzerstrasse, cách khách sạn Kavalier nơi tôi ở ba block đường. Buổi chiều. Đường có tàn cây rợp chính giữa là tuyến xe điện. Quán ăn nằm ngay góc. Trên một mảng tường của hông quán vẽ một lá cờ tam tài thật to, màu xanh dương của lá cờ Pháp thay bằng màu lá mạ, cho tôi biết quán là một nhà hàng Ý. Bước lên mấy bậc xi-măng uốn theo lan can sắt tôi đẩy cửa bước vào. Bên trong phòng ăn nhỏ chỉ đủ chứa sáu bẩy chiếc bàn phủ khăn trắng. Tôi chiếm một bàn nhỏ nhất ở phía trong. Quán vắng. Không có ai ngoài một ông già ngồi uống bia một mình ở một bàn phía ngoài. Tôi ngồi đó khá lâu không có ai ra tiếp. Lâu lâu tôi lắng tai nghe xem có tiếng động nào không ở phòng trong, thông với phòng ngoài bằng một cửa lớn có giăng mành che. Không một động tĩnh. Chỉ có ông già đội mũ phớt đang giương mắt nhìn tôi, hai con mắt đùng đục những rượu. Mãi sau khi tôi đã bắt đầu chán tính bỏ về thì một người mặc đồ trắng, đầu đội mũ cao trắng, tay cầm cái khăn trắng vén tấm mành mành bước ra. Chắc ông ta là đầu bếp hay là chủ quán hay là cả hai. Ông ta liếc nhìn vào chỗ cái quầy tính tiền lúc đó trống trơn và có lẽ vì đọc được ánh mắt bất bình của tôi nên ông ta vội vàng nói mấy câu, tôi đoán là lời xin lỗi, mặc dù tôi không hiểu ông ta nói gì. Lật đật ông ta lại quầy tiền lấy tấm menu đưa tôi và khoanh tay đứng chờ. Tôi nhìn tấm thực đơn. Thực đơn viết bằng cái thứ tiếng gì tôi không đọc được, chỉ có hai cái tên quen quen, đó là hai chữ spaghetti và pasta. Khốn nỗi có cả chục thứ spaghetti và pasta khác nhau mà giá cả rất chênh biệt, tôi không biết thế nào mà lựa. Tôi sổ tiếng Anh nhờ ông ta giải thích các món ăn thì ông ta cũng tuông một tràng dài, tôi đoán là tiếng Đức. Rốt cuộc thì rõ ràng không bên nào hiểu bên nào. Ở bên kia bàn ông già ngồi uống rượu thấy chúng tôi đối chất thì có vẻ thích thú lắm. Ông ta đứng hẳn dậy nhìn thẳng vào tôi, một tay gập ngang ngực, tay kia nâng cao cốc rượu, cúi gập đầu xuống chào tôi cung kính như một vị hầu tước ngày xưa. Lúc ông ta ngửng lên ánh mắt ông ta tôi thấy rạng lên, không còn một chút gì đùng đục như tôi thấy chỉ trước đó mấy phút.

Đúng lúc ấy cửa ngoài mở. Nàng bước vào cởi chiếc áo lạnh máng trên giá rồi hấp tấp đứng vào sau quầy. "Anita!" Ông chủ quay đầu về phía cô gái. Cùng với tiếng gọi ông ta ném về phía nàng một cái nhìn sắc lẻm. Anita tiến về phía tôi với một cái nhìn thật tươi như cô ta muốn chữa lại cái lỗi của mình vì đến trễ khiến cho khách và ông chủ phải bực mình. Tôi lập lại với cô ta những gì tôi đã nói với ông chủ và tôi ngạc nhiên khi nghe giọng nói tiếng Anh của Anita, một giọng rất nhuần nhuyễn.

Tôi order *pasta* và một cốc bia lớn nửa lít. Ăn xong tôi uống cạn một hớp gần nửa cốc. Bia Đức đặc sánh, thứ bia mà tôi đã quen vị vì tuần trước tôi đã uống khá nhiều ở Beer Garden tại Munich trong ngày hội lớn Oktoberfest. Khi tôi ngửng lên thì bên ngoài trời xẩm tối. Một chiếc *tram* đi loáng qua khung cửa, trên đường rầy. Bên kia bàn ông khách già vẫn ngồi đó. Ông ta không ăn, chỉ uống, không biết là cốc thứ mấy. Ông cất tiếng hát nho nhỏ, buồn buồn, như lời rên rỉ, ngón tay ông gõ vào thành cốc làm nhịp. Bây giờ tôi thấy ông ta dễ thương, có chen lẫn chút thương cảm. Có lẽ bởi vì tôi cũng bắt đầu ngà say như ông. Khi tôi say tôi thấy đôi mắt ông ta không còn đùng đục mà lại có vẻ ướt ướt. Dù đang hát nhưng hễ ông ta bắt gặp ánh mắt của tôi nhìn thì ông ta lập tức cúi gập xuống chào, tay ông ta giơ cao cốc rượu, nói mấy câu mà tôi đoán là lời chào hay lời chúc tụng. Tôi cũng giơ cao cốc mời chào lại.

Có mấy người khách đến, ăn vội rồi đi, trong quán bây giờ chỉ còn lại mỗi tôi và ông già. Khi cốc bia vừa cạn tôi nhìn về phía quầy ngoắc tay cho Anita làm hiệu một cốc bia thứ hai. Lúc cô ta đứng thẳng dậy đầu cô gần chạm vào cái chụp đèn và ánh sáng làm hoe mái tóc vàng óng ả của cô. Tôi nhớ ngay mấy hôm trước ở Budapest khi chúng tôi bước xuống du thuyền trên dòng Danube thì tiếng nhạc trỗi lên. *Ôi! Tóc em hoe như mây chiều... Rơi... Rơi... Vàng lòng đời... Ôi! Mắt em xanh như đêm dài...* Trong làn hơi men tôi thấy Anita tay cầm cốc bia tiến về phía tôi chiếc váy của nàng như xoay tròn theo điệu nhạc luân vũ và tôi sực nhớ ra mình

đang ở trong lòng của thành phố Vienna. *Yêu mối tình bên bờ thành Vienne...* Anita đứng cạnh tôi tay đặt cốc rượu lên bàn. Tôi chống khuỷu tay ngước mắt nhìn nàng.

– Would you please do me a favor?

– Sure. I'm glad to!

Tôi nói là tôi vừa đến Vienna ngày hôm trước và đang tìm đường để đi thăm downtown của thành phố này. Tôi không có ý niệm gì về khoảng cách từ khách sạn Kavalier nơi tôi ở đến khu trung tâm thành phố. Tôi nói:

– Tôi không ngại phải đi bộ, nếu khoảng cách cho phép.

Anita trả lời:

– Chúng mình đang ở ngoại vi của Vienna. Cũng khá xa khu trung tâm thành phố. Cách tốt nhất là ông đi *tram* số 52, khi nào tàu điện ngừng ở cuối trạm thì ông xuống. Sau đó ông xuống hầm metro chọn tuyến đường N3, tuyến đường này màu vàng cam, sẽ dẫn ông về phía downtown. Ông có thể hỏi thăm để chui lên ở trạm metro nào khi ông đến trung tâm thành phố. Cách đi cũng dễ dàng thôi. Không có gì khó lắm đâu.

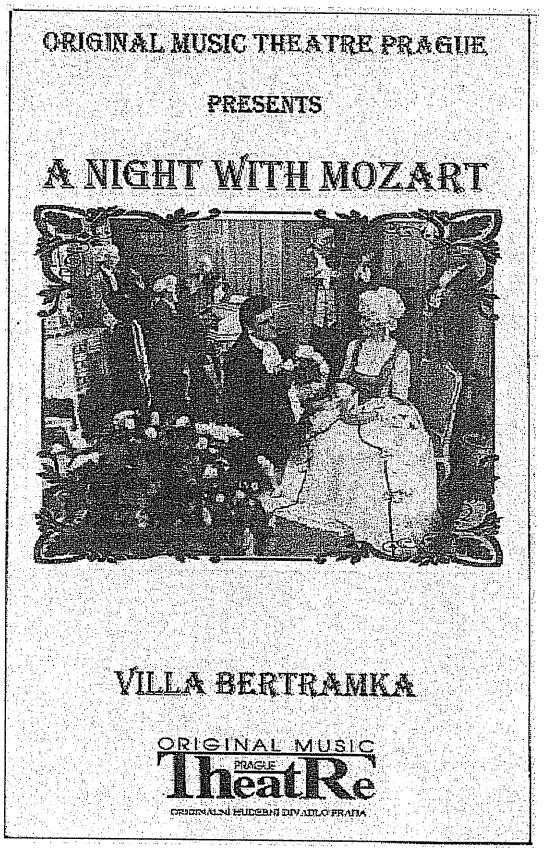

Tôi cười nói với Anita:

– Dễ dàng là với cô thôi, vì cô là thổ công ở đây. Một ngày nào đó nếu cô có dịp sang thăm thành phố Seattle, nơi tôi ở bên Mỹ, nếu lúc đó tôi được hân hạnh chỉ đường cho cô thì chắc chắn là cô sẽ không thích đâu nếu tôi nói là đường xá cũng dễ thôi không có gì khó lắm đâu. Tôi xin cô viết ra cho rõ ràng, bởi vì cô nên nhớ rằng không phải dân ở đây ai cũng nói tiếng Anh giỏi như cô để chỉ đường cho du khách.

Anita đến chỗ quầy tính tiền xé một tờ giấy trong tập biên lai rồi quay lại. Tôi lui vào ngồi ghế trong, nhường chiếc ghế ngoài cho cô ta. Lật mặt sau tờ giấy tính tiền Anita bắt đầu vẽ con đường tàu điện cắt ngang, rồi định vị trí của quán ăn và khách sạn tôi ở. Khi cô viết tên đường và tên của những trạm metro, Anita bối rối:

– Tôi viết thế này đại khái thôi nhé! Tôi không nhớ rõ lắm đâu nhé!

Rồi sực nhớ ra nàng dặn thêm:

– Đi tàu *tram* ông cần có 2 euros tiềm kẽm. Trên tàu có cái máy bỏ tiền ở phía sau lưng tài xế. Ông nhớ để ý máy có hai cái lỗ vẽ hai cái đầu của Mozart, đầu lớn dành cho người lớn. Ông bỏ tiền vào đó.

Sau đó chúng tôi ngồi nói chuyện vãn. Quán lúc này vắng và Anita không bận tiếp khách. Người khách duy nhất mà nàng tiếp là tôi vì ông già rượu đã bỏ về từ hồi nào tôi không hay. Thốt nhiên tôi có cảm giác như cả cái quán chỉ còn lại riêng hai người. Anita và tôi. Lúc ấy tôi đã tiêu thụ gần một lít rượu bia và thoát được cái nhìn soi mói của ông già tôi cảm thấy dạn dĩ hơn bội phần. Tôi ngồi ngả sát hơn vào Anita giả vờ như lắng nghe. Trong lúc nàng nói tôi chỉ nhìn thấy những sợi lông măng trên đôi má mịn màng, đôi môi dầy mọng và cảm nhận được hơi thở nồng nàn của nàng, một Anita hồn nhiên, miên man, cho tôi biết nàng là người Ba Lan, sang Vienna học đại học tại đây với hy vọng giật được mảnh bằng tiến sĩ về kinh tế học. Trong thời gian đi học nàng phải làm đủ nghề để sống. Cái quán này nàng chỉ làm ba đêm cuối tuần và đêm nay là chủ nhật, ngày cuối. Mộng của Anita là được đi du lịch thật nhiều nơi, nhất là đi Mỹ và nếu trong tương lai tìm được một việc làm bên Mỹ thì lý tưởng. Tôi tả về thành phố Seattle của tôi, một thành phố không nổi tiếng như

Vienna của cô, nhưng đẹp thì đẹp không thua. Tôi mong cô một ngày nào sang chơi để tôi được cơ hội hướng dẫn cô đi thăm Seattle.

Anita bỗng quay hẳn sang tôi. Tôi thấy đôi mắt Anita trong sáng và xanh như dòng Danube. Đôi mắt ấy ánh lên một tia vui:

– Tôi muốn lắm! Thế này nhé! Lúc nẫy ông vừa nói là ông mới đến Vienna chưa được đi thăm thành phố. Ngày mai tôi không phải đi làm. Tôi được rảnh suốt ngày. Tôi rất vui lòng làm hướng dẫn viên đưa ông đi thăm thành phố như một tour guide miễn phí. Chỉ mong là được ông trả ơn như vậy trong tương lai khi tôi đến Seattle.

Quả tim tôi đập mạnh. Hình ảnh một cuốn phim cũ thời xa xưa hiện về. Tôi hình dung tôi là Gregory Peck và Anita là nàng công chúa Audrey Hepburn và Vacance Romaine đổi thành Vacance Viennoise. Rồi một cuộc tình nẩy nở. Biết đâu đấy! *Yêu mối tình bên bờ thành Vienne*... Chỉ thoáng nghĩ thế thôi. Buồn rầu tôi nói:

– Rất tiếc là tôi có một cái hẹn vào ngày mai, không thể đi với cô được. Tôi xin cô địa chỉ e-mail để liên lạc.

Trong lúc Anita viết địa chỉ của nàng lên mặt sau của phiếu tính tiền tôi thò tay vào túi quần gấp nhỏ một tờ giấy bạc mà tôi không biết là 5 hay 10 euro rồi tôi nắm lấy bàn tay của Anita truyền tờ giấy bạc vào tay nàng.

– Cô đã giúp tôi nhiều tôi chỉ có chút này trả ơn.

Anita rụt tay lại. Nàng sợ hãi nhìn thật nhanh về phía chiếc cửa mành mành nói:

– Nhà hàng không cho phép tôi được nhận tiền "tip".

– Không, đây không phải là "tip". Tôi sẽ để "tip" riêng. Đây là của riêng tôi tặng cô.

Tôi nắm chặt lấy tay Anita xoay nửa vòng rồi bàn tay kia của tôi úp lên ve vuốt lưng bàn tay nàng. Thoáng trong một giây tôi thấy bàn tay nàng to hơn hẳn bàn tay tôi và cánh tay trần của nàng tròn lẳn, mập mạp với những sợi lông tơ vàng hoe dưới ánh đèn, tôi nhìn lên bầu vú của nàng và một sự ham muốn làm tôi thều thào:

– Nobody know. Just between you and me!

Tôi quặp các ngón tay để chuyển tờ giấy bạc vào lòng bàn tay của Anita rồi dùng cả hai bàn tay tôi bóp mạnh tay nàng nắm chặt lấy tờ giấy bạc kéo nàng về phía mình.

Dù là dưới ảnh hưởng một lít rượu bia Edelweiss tôi vẫn mơ hồ cảm thấy một giới hạn nào đó khiến tôi ngừng lại. Buông tay nàng ra, tôi đứng dậy, tiến đến quầy quẳng 15 euros lên đĩa, trong đó tôi đã tính sẵn có luôn 2 euros tiền "tip". Lặng lẽ tôi bước ra cửa. Không nhìn Anita. *Người đẹp thành Vienne của tôi.*

Ngoài đêm mưa rơi rất nhẹ. Đêm Vienna mờ đi như trong một làn sương loãng. Vỉa hè tôi bước đi những lát đá bóng nhẫy ánh nước dưới ngọn đèn đường. Tôi men dọc theo con đường tàu điện hoang vắng nhớ tới những dòng thơ đẹp mà buồn của Hà Huyền Chi trong bài Vienna:

Anh tới thành phố nước
Lòng gợn sóng Vienna
Kè ôm nhau tình tự
Sao chúng mình chia xa...

Đã khuya khi tôi tìm về khách sạn. Trong lobby nơi quầy rượu vẫn còn người ngồi uống. Tôi nhận ra cặp vợ chồng người Do Thái trong đoàn du lịch của tôi. Tôi bấm thang máy lên lầu 3 rồi đi suốt dẫy hàng lang dài tìm số 338. Cơn say khiến tôi mò mẫm một lát mới đút được tấm thẻ plastic vào khe hộp để mở cửa.

Trong phòng đèn giường vẫn còn bật sáng. Thái Vân đang nằm đọc sách. Nàng ngồi nhỏm dậy, một ngón tay nàng đẩy cặp kính hạ xuống dưới sống mũi, ngước nhìn tôi. Tôi đứng yên đó một hồi lâu nhìn nàng.

Rồi tôi nói. Và lắng nghe cả chính giọng của mình *(Lạ nhỉ? Mình không say mà sao như giọng nói của một người khác)*:

– I am falling in love with Anita!

– What?

Tôi lập lại:

– I am falling in love with Anita!

Tuy say tôi cũng cố bắt chước dáng điệu của Anita khi nàng đặt cái đĩa spaghetti lên bàn khách.

Trên gương mặt Thái Vân thoáng một nét ngạc nhiên. Suốt 33 năm chung sống chưa bao giờ nàng thấy tôi có cử chỉ buồn cười và ăn nói lung tung như thế.

Nàng ngước mắt lên trần mỉm cười nói rất chậm rãi:

– What-e-ver!

Một đêm với Mozart

Chiếc xe buýt của hãng du lịch Cosmos đậu ở đầu đường Mozartova đổ đám du khách xuống

rồi chạy ngay. Lúc đó cơn mưa nhẹ vừa dứt và trời chiều ngả tối. Chúng tôi đi lên con đường dốc. Mặt đường đá đen còn bóng nước mưa. Tiếng giầy cao gót của các bà du khách nện trên nền đá gõ lên những nốt nhạc. Đêm nay trong lòng thành phố cổ kính Prague chúng tôi đến dự buổi ca nhạc kịch *Một đêm với Mozart* tại ngôi biệt thự Bertramka là nơi mà chính Mozart đã từng lưu trú trong thời gian ông viếng thăm thủ đô nước Tiệp vào những năm 1787 và 1791.

Du khách tối nay ăn mặc diện hơn thường lệ. Ngay cả Robert, anh hướng dẫn viên trẻ đẹp trai người Hung Gia Lợi, đã bỏ chiếc quần jeans thay bằng chiếc quần tây thẳng nếp. Một chiếc áo len màu vàng nhẹ khoác lỏng lên vai anh ta, hai cánh tay áo len buộc túm quanh cổ, mái tóc vàng quăn bồng bềnh nghệ sĩ.

Đi ngay sau Robert tôi khen:

– Chà! Đêm nay Rob trông bảnh trai dữ!

Anh ta quay lại nói:

– Tất cả mọi người đêm nay trông đều bảnh hết. Họ ăn mặc tươm tất để tỏ lòng tôn kính nhà soạn nhạc lừng danh của nhân loại. Còn tôi thì khác. Không phải vì Mozart. Mà vì nàng. Josefína. Chủ nhân của Villa Bertramka. Một trang tuyệt thế giai nhân. Rồi ông sẽ thấy đúng như lời tôi nói.

Biệt thự Bertramka nằm trên đỉnh con đường dốc mà dân thành phố Prague đặt tên Mozartova để vinh danh nhà soạn nhạc nước Áo. Đèn đường lúc ấy vừa thấp. Những ngọn đèn gục đầu tỏa ánh vàng trên vỉa hè lát đá. Trả lời câu nói của Robert là tiếng giầy gõ lọc cọc của đám du khách lặng lẽ bước trên mặt đường.

Trên mặt đường này vào ngày 4 tháng 10 năm 1787 có tiếng vó ngựa lộp cộp. Trong cỗ xe Mozart nghiêng người nhìn ra ngoài. Bên cạnh chàng Constanze vợ chàng cũng đưa mắt nhìn theo. Từ trên cao thoải xuống là triền đồi ruộng nho xanh rì bao quanh ngôi biệt thự mùa hè của gia đình Duseks. Đây là lần thứ hai Mozart viếng Prague nhưng lần này chàng đến theo lời mời của ông Dusek và bà Dusková. Mozart quen biết cặp vợ chồng này từ năm 1777, khi bà Josefína Dusková từ Prague đến Salzburg nước Áo, quê quán của chàng, để thu góp tài sản của ông nội bà mất đi để lại; người ông của bà đã có thời từng là thị trưởng thành phố Salzburg. Ông Frantisek Dusek là một nhà soạn nhạc xuất chúng của Prague còn vợ ông ta, bà Josefína, là một ca sĩ danh tiếng. Thời đó Mozart đã soạn riêng cho Josefína bài hát nói "Ah, lo previdi" và hai người đã cùng nhau hòa tấu ở Salzburg. Giữa Mozart và ông Dusek có sự tương kính: Mozart trọng sự hiểu biết uyên bác của Dusek, ngược lại Dusek khâm phục ý tưởng phong phú và tài năng tuyệt luân của Mozart.

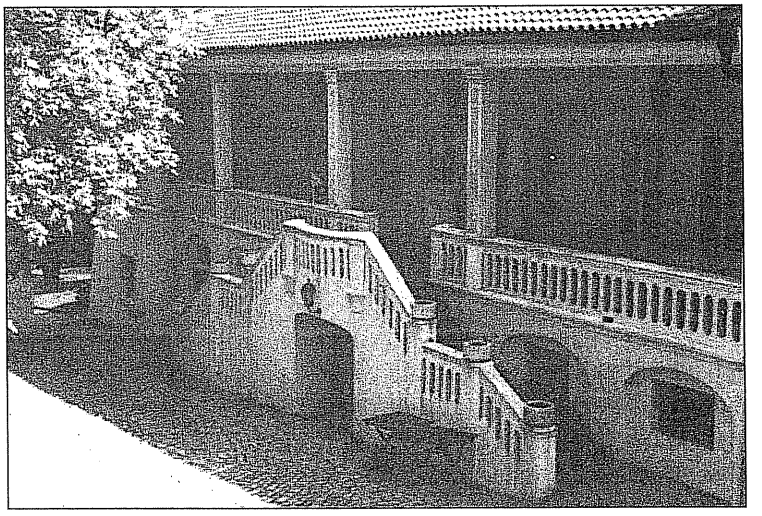

Ngôi biệt thự Bertramka, nơi Mozart từng cư trú.

Robert quay lại nói với tôi:

– Mozart ở ngôi biệt thự Bertramka này chỉ một thời gian ngắn, khoảng vài tuần lễ, nhưng đây là thời gian đẹp và đáng ghi nhớ nhất trong đời ông, một cuộc đời như chúng ta đều biết rất ngắn ngủi. Mặc dù không thấy đề cập trong những cuốn sách viết về cuộc đời của Mozart nhưng huyền thoại về mối tình giữa trai tài gái sắc Mozart-Josefína đã được thêu dệt trong dân chúng của thành phố Prague từ trên hai trăm năm nay.

Đến trước một cái cổng lớn mang số 169 Robert đứng lại. Anh ta quay người đứng khoanh tay chờ đám du khách lên dốc. Thái Vân đi sau tôi đang nói chuyện với một cặp du khách người Anh. Lát sau khi mọi người tề tựu đông đủ trước

cổng, Robert xem đồng hồ tay và nói to với du khách:

– Chúng ta có khoảng nửa giờ giải lao trong vườn của biệt thự Bertramka, trước khi được chủ nhân hướng dẫn vào thăm bảo tàng viện Mozart. Chương trình ca nhạc kịch *Một đêm với Mozart* được khởi diễn vào đúng 8 giờ tối.

Mọi người đi vào vườn. Những đèn lồng treo trên cành cây soi lối đi trải sỏi. Chúng tôi đứng tụm từng đám nhỏ nói chuyện dưới những tấm lều lớn căng ngoài vườn. Lát sau có mấy người hầu bàn, ăn bận theo lối xưa với chiếc áo choàng màu đỏ viền vàng, mái tóc cuộn bím hai bên mang tai, đầu đội chiếc nón đen rộng vành kiểu Napoléon, bưng khay đựng những cốc rượu xâm banh mời khách. Có tiếng nhạc cổ điển tây phương rất nhẹ vẳng từ vùng tối của khu vườn cây. Bên trái khu vườn là ngôi biệt thự Bertramka rộng lớn quét vôi vàng. Josefína Dusek mua căn biệt thự này vào tháng 4 năm 1784. Ba năm sau bà đứng trên lầu chỉ cho chồng một cỗ xe ngựa lên dốc, tiến qua cổng rồi ngừng lại ở dưới nhà.

Người xà ích nhẩy xuống mở cửa. Mozart cúi xuống bước khỏi cỗ xe. Năm đó chàng 31 tuổi, người tầm thước, gương mặt xanh gầy. Trừ cặp mắt to và sáng, chàng có một bề ngoài tầm thường không thể cho người ta đoán biết bên trong chứa đựng một tài năng âm nhạc xuất chúng. Chàng giơ tay đỡ Constanze bước xuống rồi quay nhìn về phía Bertramka. Chính diện căn biệt thự là cổng vào ở từng dưới, phía ngoài có hai cầu thang đi lên chụm nhau phía trên, nơi một hành lang dài có lan can. Mozart mỉm cười nhìn nàng đứng trên đó, cạnh chồng. Mười năm đã qua. Josefína trông vẫn sắc sảo như xưa.

Mọi người trong vườn ngừng nói chuyện, cùng ngẩng lên lầu trên của Bertramka. Josefína (do kiều nữ Renée Nachtigallová đóng vai) xuất hiện trước lan can. Nàng bận chiếc áo choàng màu đen với chiếc mũ đen rộng vành, lộng lẫy trước ánh flask từ những chiếc máy ảnh của đám du khách. Bằng một giọng lưu loát và quý phái Josefína chào mừng quan khách bằng cả ba thứ tiếng Tiệp, Pháp và Anh ngữ. Sau đó nàng trân trọng giới thiệu Mozart bằng tiếng Anh với chúng tôi như sau:

"Khi tôi bắt đầu viết vở ca kịch *Một đêm với Mozart* tôi có cảm tưởng dường như những lời hát xưng tụng Mozart như là 'vừng thái dương nhỏ sáng chói của chúng ta' của dân thành phố Prague có vẻ như hơi quá lời. Tuy nhiên sau khi tôi đọc nhiều tài liệu viết về chàng, nhất là những bức thư của chính chàng viết với những lời lẽ rất chân thành, thì một cảm tình xâm chiếm lấy tôi và cảm tình ấy chắc chắn đã xẩy đến cho không biết bao nhiêu người khác trước tôi: đó là lòng tràn ngập yêu mến Mozart. Bây giờ tôi nhìn chàng như thể chàng là một con người khác, khác hẳn con người đã được diễn tả, ví dụ, như trong cuốn phim *Amadeus* của Milos Forman, hoặc trong một số tài liệu phổ thông khác.

"Vì thế điều rất quan trọng với tôi là phải mô tả chàng với cả cái khía cạnh sầu muộn của con người Mozart và trong vở kịch này ngoài việc phô diễn biệt tài dí dỏm của chàng mà ai cũng biết, cần nói lên sự hòa giải giữa chàng và cái chết, dường như đã manh nha rất sớm từ năm 1787. Tôi cũng muốn chuyên chở càng nhiều càng tốt đến khán thính giả tính nhân bản trong con người Mozart nhưng thì giờ không cho phép; dù sao thì tất cả những điều đó đã ngầm chứa trong những nốt nhạc của Mozart: những nốt nhạc vui tươi, dí dỏm, tự tin và đầy nhân ái đi đôi với những nốt nhạc nói lên lòng khiêm tốn, nỗi bất hạnh, tính u hoài và tình tuyệt vọng của chàng."

"Buổi trình diễn *Một đêm với Mozart* không phải chỉ tái tạo một trong những huyền thoại đáng yêu về những ngày Mozart lưu lại ở Prague mà còn nhắc nhở một khung cảnh và một thời kỳ đã khiến Wolfgang Amadeus mãn nguyện và hạnh phúc. Bertramka (với bảo tàng viện Mozart) trong những năm gần đây đã trở thành nơi hành hương của không biết bao nhiêu du khách yêu chuộng văn hóa Prague thuộc đủ mọi thế hệ, mọi khuynh hướng, mọi quốc tịch; đó chỉ là một bước nhỏ mở cửa cho ta thấy một thế giới của trung tâm văn hóa Bohemian thế kỷ 18, trong đó tất cả những nhạc sĩ, những người bảo trợ và những người yêu nhạc đều có chung nhau một thần tượng: Wolfgang Amadeus Mozart."

Mọi người vỗ tay tán thưởng bài diễn văn của Nathtigallová và cùng nhau bước lên cầu thang, vào thăm bảo tàng viện Mozart trên lầu của Bertramka, vốn xưa kia là nơi ở của ông bà Duseks và Mozart trong thời gian chàng lưu trú tại đây.

Du khách vào một phòng rộng và dài. Giữa

là một tủ kính thật lớn. Trên tường bao quanh phòng cũng là những tủ kính. Ánh đèn trong những ngăn tủ chiếu sáng những vật được trưng bày. Đó là những tài liệu về Mozart và về gia đình Duseks được chú giải bằng hai thứ tiếng Tiệp và Anh ngữ. Tài liệu bao gồm từ những bài tường thuật của báo chí thời đó, những văn kiện liên quan đến bất động sản Bertramka, cho đến những thư từ, những bản in khắc, bản thảo, tranh vẽ, bản nhạc chép tay, nhạc khí và những vật kỷ niệm về Mozart trong thời gian chàng lưu trú ở Bertramka và Prague.

Ở cuối gian phòng là hành lang thông sang hai căn buồng khác, một phòng nhỏ chỉ bầy độc nhất một cái đàn dương cầm và một phòng lớn hơn gọi là phòng Mozart, có lẽ là nơi ngủ của Mozart và Constanze.

Cây đàn piano của Mozart

Trong lúc các du khách khác chỉ đi qua, liếc sơ cái đàn dương cầm và dồn sự chú ý vào căn phòng ngủ của Mozart, thì tôi, một mình, tôi đứng lặng rất lâu trước cây đàn.

Cây đàn trông nhỏ nhắn, tầm thường. Tôi nhìn lên phím đàn. Mười ngón tay của Mozart, mười ngón tay của một tài năng tuyệt luân đã từng gõ lên đấy. Tôi không ngăn được ý nghĩ muốn sờ thử, muốn lồng bàn tay mình vào bàn tay của chàng. Như đoán được ý nghĩ của tôi một sợi dây to bản căng chùng xuống giữa hai cột đồng ngăn tôi và chiếc dương cầm bằng một khoảng cách vừa ngoài tầm tay với.

Mozart ngồi xuống. Ngay trước chỗ tôi đứng. Josefína đứng bên đàn, hồi hộp chờ đợi. Rồi tiếng dương cầm gõ từng tiếng thánh thót. Nàng cất tiếng hát. Giọng hát trong suốt như tiếng ngân vang của thủy tinh. Tiếng hát vui tươi cao vút bỗng đổ xuống buồn bã, ai oán, thảng thốt. Đêm đó mồng 3 tháng 11 năm 1787, Mozart vừa sáng tác xong bài hát concerto nổi tiếng mang tên "Bella mia fiamma, addio!" để riêng tặng nữ chủ nhân Bertramka. Huyền thoại thơ mộng về bài hát này được truyền tụng cho đến ngày nay. Ngày hôm đó, vì nóng lòng muốn có ngay bài hát mà Mozart hứa sẽ sáng tác cho nàng, Josefína sai chồng vào trong bếp pha cà-phê cho Mozart rồi nàng sắp sẵn giấy kẻ nhạc và bút để sẵn trong phòng vẽ, lừa chàng vào căn phòng này, khóa trái lại và nhốt chàng trong đó. Nàng ra hẹn với Mozart là chỉ mở cửa khi nào bài nhạc được viết xong. Mozart nhanh chóng hoàn tất bản nhạc.

Gần đây người ta mới tìm được bản lời ca trong tác phẩm mà Mozart viết riêng cho Josefína vào ngày hôm đó và khám phá sự trùng hợp lạ lùng với lời trong bản ca kịch *Cerere placata* viết bởi Michelle Sarcone, trình diễn năm 1772 ở Naples, trong đó Titan, vị anh hùng bị bức tử, đã thốt những lời ca bi thiết vĩnh biệt người yêu Proserpina trước khi từ giã cõi đời.

Một lời ca tiên tri. Bốn năm sau Mozart đến Prague và Bertramka lần thứ ba, thăm Josefína lần cuối. Chàng qua đời mấy tháng sau đó, ở Vienna, vào ngày 5 tháng 12 năm 1791 khi chàng mới 35 tuổi.

Mozart-Josefína, Titan-Prosperpina. Một ngẫu nhiên tình cờ hay một song song của định mệnh?

Có tiếng gọi tên tôi.

Tôi quay người lại. Tất cả du khách đã rời khỏi bảo tàng viện từ lúc nào. Tôi đi qua căn buồng ngủ dành cho vợ chồng Mozart, căn phòng được tu sửa và bảo trì giống như tình trạng nguyên thủy với những hình trang trí trên tường và trần do chính tay nữ chủ nhân Bertramka, cũng là một người yêu thích và sưu tập nghệ thuật hội họa, trang hoàng. Tôi đi vào một căn buồng nhỏ khác. Thái Vân đứng đợi tôi ở cửa ra hiệu đã sắp tới giờ trình diễn. Trước khi khép cửa nàng chỉ tay cho tôi thấy một tủ kính đặt ở góc tường. Tôi bước lại gần. Trong tủ, dưới ánh đèn, có trưng bày một lọn những sợi tóc tơ vàng óng ả của nhạc sĩ Mozart.

Phòng trình diễn ca kịch là nội sảnh lớn nhất

của Bertramka. Tuy lớn nhưng cũng chỉ chứa được khoảng bốn năm chục người. Phòng hình vuông, quanh tường và sau sân khấu được trang trí bằng những bức họa vĩ đại, tất cả hình sắc và ánh sáng được thiết kế để tái tạo khung cảnh thân mật, ấm cúng của một phòng tấu nhạc thế kỷ 18 nơi mà trên hai trăm năm trước đây Mozart đã thực sự trình diễn.

"Một đêm với Mozart" không phải là một chương trình hòa tấu nhạc thông thường của Mozart như chúng tôi thoạt tưởng khi đặt mua vé từ ở bên Mỹ mấy tháng trước. Tuy buổi trình diễn có chơi nhạc Mozart nhưng trọng tâm ở đây vẫn là một màn ca kịch cốt làm sống lại khung cảnh thật của một đêm với Mozart tại Bertramka, dựa theo hồi ức của bà Josefína Dusková.

Sau khi chồng bà, nhà soạn nhạc Frantisek Dusková(1731-1799) qua đời, Josefína Dusková(1754-1824) hồi tưởng lại những kỷ niệm giữa bà và Wolfgang Amadeus Mozart (1756-1791) mười hai năm về trước, vào những ngày mà người nhạc sĩ thiên tài đã lưu trú ở Bertramka. Thời gian ấy không dài, từ mồng 3 tháng 10 đến ngày 13 tháng 11 năm 1787, vỏn vẹn có 40 ngày, nhưng đối với Mozart cũng như đối với Josefína quả là những ngày diễm ảo đáng ghi nhớ nhất trong đời hai người.

Theo hồi ức ấy của bà Dusková, chính tại đây trong không gian thơ mộng của Bertramka, trong bầu khí đối thoại đầy thoải mái với gia đình Duseks và các nghệ sĩ thành phố Prague mà Mozart đã tìm thấy nguồn hạnh phúc và cảm hứng sáng tác. Chính tại đây ngày 28 tháng 10 Mozart đã hoàn tất vở nhạc kịch *Don Giovanni* là tác phẩm chàng viết tặng cho dân chúng thành phố Prague. Ngay đêm hôm sau vở nhạc kịch này được trình diễn trước công chúng và Mozart là người điều khiển buổi diễn đầu tiên. Mozart đã tỏ ra lo lắng không biết dân Prague đón nhận những dòng nhạc của mình như thế nào và tỏ ra hết sức vui mừng khi thấy buổi trình diễn đầu tiên được dân thành Prague đón nhận nồng nhiệt.

"Một đêm với Mozart" dựng lại một mảnh trong hồi ký của bà Dusková nhưng là một mảnh đáng yêu nhất: tái tạo đêm mồng 3 tháng 11 năm 1787, đêm đó Mozart vừa sáng tác xong bài hát concerto nổi tiếng mang tên "Bella mia fiamma, addio!" để riêng tặng nữ chủ nhân Bertramka. Huyền thoại thơ mộng về bài hát này được truyền tụng cho đến ngày nay và huyền thoại đó được làm sống lại như thực trên sân khấu.

Bên cạnh một Mozart với thân hình nhỏ thó và ông chồng mệt mỏi già nua (năm 1787 ông Dusek đã 56 tuổi) Josefína xuất hiện trên sân khấu như một thiên thần. Nàng là hiện thân của của sức sống, của sắc đẹp và của tài năng. Sắc đẹp và tài năng ấy không những chinh phục trái tim của Mozart mà còn chinh phục cả trái tim của tất cả du khách tham dự buổi trình diễn đêm nay.

Wolfgang Amadeus Mozart–Bella mia fiamma, addio!... Tiếng hát của Josefína ngân vang vừa dứt. Tiếng hát gửi đến Mozart như một lời vĩnh quyết, cũng là lời tiễn biệt chúng tôi của kiều nữ Renée Nachtigallová, người đã xuất sắc thủ vai nữ chủ nhân Bertramka.

Bấy giờ là mười giờ đêm của Prague. Tôi nắm tay Thái Vân lách qua các hàng ghế. Từng cặp du khách lần lượt bước ra ngoài vườn Bertramka. Choàng tay nhau đi trước chúng tôi là một cặp vợ chồng già người Anh. Người vợ đi nép vào vai chồng. Tôi thấy bà ngước mặt lên nhìn chồng âu yếm, rồi bà nói khẽ:

– You fell in love with Josefína, didn't you?

Một dòng xanh... xanh...

Một... dòng tràn mông mênh...

Khởi đi từ vùng Black Forest bên Đức, kết thúc ở Black Sea của Lỗ-Ma-Ni, Danube là con sông dài thứ hai của Âu Châu sau sông Volga mang những tên khác nhau *Danau* (Đức), *Dunaj* (Tiệp), *Duna* (Hung), *Danăre* (Lỗ-Ma-Ni).

Dòng sông chảy qua 10 quốc gia trên một chiều dài 2850 cây-số và chuyên chở trong nó hàng triệu con tim khắp thế giới qua hai bản nhạc luân vũ bất hủ của hai nhạc sĩ trứ danh người Áo và Lỗ-Ma-Ni: Le Beau Danube Bleu của Johann Strauss (1825-1899), (*Dòng Sông Xanh*, lời Việt của Phạm Duy), và Les flots du Danube của Ion Ivanovici (1845-1902) (*Sóng Nước Biếc* lời Việt của Phạm Đình Chương).

*

Trong bao nhiêu thế kỷ dòng sông xanh Danube soi bóng đôi bờ hai thành phố nằm đối mặt nhau mang tên Buda và Pest của Hung Gia Lợi. Cho đến năm 1873 chiếc cầu treo được hoàn thành bắc ngang sông nối liền hai thành phố thì Buda và Pest nhập làm một. Ngày nay chiếc cầu treo trở thành biểu tượng làm nên

lịch sử của thành phố Budapest.

Khi chiếc xe buýt của hãng du lịch chạy qua cây cầu ấy tôi nhìn xuống dòng Danube và ngạc nhiên được biết Budapest có một dòng sông hiền hòa và nổi tiếng như thế chẩy qua.

Tôi ngạc nhiên vì trước khi tôi đến đây Budapest không hề gợi trong tôi một hình ảnh nào thơ mộng. Với tôi cái tên Budapest dính chặt với một biến cố lịch sử không mấy gì đẹp đẽ.

Hình ảnh thành phố này trong trí tưởng tôi là những chiếc xe tăng Sô-Viết, là những chai xăng "Molotov coctails," là dòng thơ của Thanh Tâm Tuyền đã thấm sâu vào tôi ở tuổi đôi mươi:

Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest...
Hãy cho anh chết bằng da em
Trong dây xích chiến xa tội nghiệp...

Giống như thành phố Prague cổ kính mà tôi đã đi qua, thành phố Budapest này là một công trình kiến trúc đại quy mô với những tòa nhà nhiều từng nối liền nhau hai bên đại lộ mà mặt tiền trên cao đều trạm trổ công phu. Thành phố tự nó là một bảo tàng viện vĩ đại. Budapest tôi trông thấy bây giờ cũng giống hệt Budapest của nhiều thế kỷ trước, có khác nhau chăng chỉ ở trên mặt đường: những chiếc xe hơi xe điện ngày nay thay thế những cỗ xe ngựa lọc cọc thời xưa.

Khi xe chạy vào trung tâm thành phố, thoáng trong một giây trí óc tôi trở về với biến cố 1956. Những chiếc xe hơi đang chạy như mắc cửi ngay trước mắt tôi vụt mất. Đại lộ bỗng trải rộng thênh thang. Từ một góc phố có tiếng gầm rú, tiếng nghiến của xích sắt trên mặt đường rồi đầu chiếc xe tăng hiện ra, cái tháp quay tròn chĩa họng đại bác lên cao ốc đe dọa. Rồi những cửa sổ đóng kín ở trên cao kia của con đường này đồng loạt mở ra, những chai xăng Molotov tới tấp ném xuống. Tiếng nổ. Đám cháy. Tiếng reo hò. Tiếng đạn bay. Hình ảnh một khúc phim cũ nào đó lóe trong óc tôi như một tia chớp.

Khi chiếc xe buýt đỗ trên bến sông thì trời chiều đã bắt đầu nhuộm tối. Cơn mưa nhẹ dường như đã trôi theo chúng tôi qua ba thành phố từ Prague, qua Bratislava, đến đây. Trước mặt tôi dòng sông Danube –dòng sông "của tôi" trong tâm tưởng– nay đã trở thành hiện thực. Dưới làn mưa mỏng trong buổi chiều tím dòng sông khoác một vẻ mặt mới, khác với vẻ xinh xắn êm dịu tôi đã nhìn thấy từ phía trên cầu. Nó mênh mang, huyền ảo và quyến rũ hơn.

Theo chương trình thì đêm nay du khách dùng cơm tối trên du thuyền và thưởng ngoạn phong cảnh "đêm Budapest" trong khi thuyền trôi trên dòng Danube. Chúng tôi xuống thuyền. Trời tối hẳn. Khi tôi mở cửa bước vào phòng ăn rộng lớn của du thuyền thì một dòng nhạc rất quen thuộc ập vào tôi: *Ôi! Tóc em hoe như mây chiều... Rơi... Rơi... Vàng lòng đời... Ôi! Mắt em xanh như đêm dài...* (Dòng Sông Xanh).

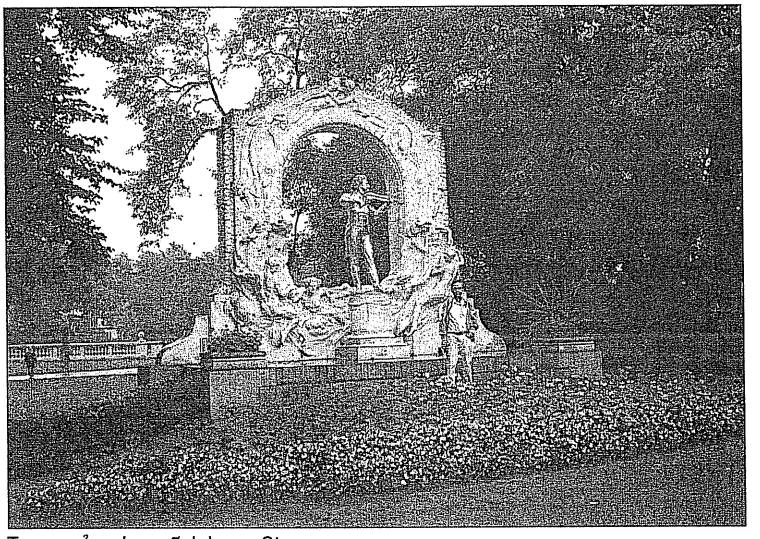
Tượng của nhạc sĩ Johann Strauss

Trong suốt tối đó trên thuyền bản nhạc bất hủ của Johann Strauss được lập đi lập lại trong khi du khách tự lấy thức ăn và ngồi ở hai dãy bàn đặt dọc theo cửa kính hai bên mạn thuyền.

Thái Vân ngồi đối diện tôi qua chiếc bàn phủ khăn trắng, một bông hồng đỏ và một ngọn nến giữa hai người.

Bên ngoài cửa kính thành phố Budapest rực rỡ ánh đèn, những kiến trúc lịch sử, những lâu đài được thắp sáng. Nhưng dòng sông thì chìm trong biển đen. Màu xanh của dòng Danube bây giờ chỉ còn trong lời nhạc, trong kỷ niệm. Tôi nhấp cốc rượu vang. Theo với hơi men và dòng nhạc luân vũ dìu dặt trong ánh nến lung linh của du thuyền, màu xanh của dĩ vãng hiện về. Màu xanh của nước biển. Mầu xanh của

một dòng sông.

Một dòng xanh... xanh... Một dòng tràn mông mênh... Một dòng nồng ý biếc... Một dòng sầu mấy kiếp... (DSX)

Tiếng nhạc trôi tôi về miền quá vãng, cái thời rất xa xưa lần đầu tiên tôi được nghe Thái Thanh hát bài nhạc ấy. Thủa ấy khoảng năm 1953 thời mà Vũng Tàu còn gọi là Cap Saint Jacques, tôi là một đứa bé được gia đình bác tôi cho đi ké theo ra "Cấp". Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy biển. Thằng bé đi lang thang ở bãi trước. Dưới bóng hàng cây thùy dương là những kiosque lúc nào cũng đầy những ông tây cởi trần trùng trục ngồi uống bia trên những chiếc ghế đẩu cao, trong khi những bà đầm nằm thượt phơi nắng trong chiếc ghế vải với bộ đồ bikini hai mảnh trên người. Và chiều nào cũng thế, bãi trước vang vang những lời nhạc phát ra từ máy phóng thanh. Toàn là những bài hát tây. Có vài bài mà đến nay tôi còn nhớ được ít lời: *Dans un coin perdu de montagne...* (Étoile des neiges), *Moulin des amours, tu tournes tes ailes...* (Moulin Rouge), *Tout le bleu du ciel... danse dans tes yeux...* (Tango Bleu).

Rồi bỗng một buổi chiều lần đầu tiên tôi nghe một bài hát lời Việt, giọng trong và cao, vút ra từ máy phóng thanh. Tiếng hát lan hòa nhịp sóng của bãi biển Vũng Tàu. *Một dòng xanh...xanh... Một dòng tràn mông mênh... Một dòng nồng ý biếc... Một dòng sầu mấy kiếp... Một dòng trời xao xuyến... Một dòng... còn quyến luyến... Một dòng nhớ quay về miền đời lúc mơ huyền...* Như một mối tình đầu, tôi yêu Thái Thanh và Dòng Sông Xanh từ đó.

Tôi nghiêng người nhìn lên cao. Thuyền đi qua chân cầu treo. Ở trên tít cao chiếc cầu lịch sử của Budapest được thắp sáng. Xa xa phủ lên một màu đèn sáng xanh là những câu cầu khác bắc ngang sông Danube, mỗi cầu là một công trình nghệ thuật, xứng hợp với các kiến trúc lịch sử ở hai bên bờ sông.

Hai bên bờ sông Danube ấy, một tuần lễ sau, là một quang cảnh khác, quang cảnh rực rỡ ánh nắng ban mai, khi đám du ngoạn chúng tôi bước lên một con tàu khác, ở một miền đất khác, miền đất của nước Áo, của thành Vienna mộng mơ, và của quê hương hai nhạc sĩ lừng danh: Amadeus Mozart và Johann Strauss.

Rời Budapest hai hôm sau, chúng tôi di chuyển đến Vienna. Thành phố cũng có dòng Danube chẩy qua và cũng có du ngoạn bằng thuyền ban đêm trên sông. Nhưng chúng tôi không dự buổi du ngoạn ấy mà chọn một tour khác hai hôm sau, cũng trên sông Danube nhưng vào ban ngày, trên đường từ Vienna đến nơi sinh đẻ của nhạc sĩ Mozart, thành phố Salzburg. Thay vào đó đêm ấy chúng tôi dự một buổi hòa nhạc tại đại hí viện Imperial Palace do ban nhạc Wiener Hofburg trình diễn. Đây là buổi nhạc đại hòa tấu trình diễn nhạc của hai người con yêu quí nhất của Áo quốc và của thành phố Vienna: J. Strauss & W.A. Mozart. Buổi hòa tấu chấm dứt bằng bản Dòng Sông Xanh với tiếng vỗ tay vang động tưởng như bất tận của khán thính giả.

Tuy nhạc của Johaan Strauss phổ thông trong lòng đại chúng hơn nhạc Mozart nhưng trong thời gian chúng tôi lưu trú ở Vienna (tháng 10 năm 2005) đi đâu chúng tôi cũng chỉ nghe nói đến Mozart, trưng hình Mozart. Những bức tượng Mozart được chùm kín trong bao plastic để tu sửa. Và sau này khi đến Salzburg chúng tôi thấy ngay căn nhà nơi Mozart sinh đẻ cũng được che kín để sửa sang. Robert giải thích thành phố đang được trang hoàng lại để sửa soạn đón lễ kỷ niệm 250 năm sinh nhật của người nhạc sĩ này vào năm sau 2006. Anh ta còn cho chúng tôi biết là đang có một sự thi đua giữa Vienna và Salzburg trong việc tổ chức năm kỷ niệm này và thành phố nào cũng đòi vơ Mozart vào như đứa con cưng riêng của mình. Mozart tuy sinh ra và sống ở Salzburg cho đến năm 25 tuổi, nhưng sau đó chàng đã chọn Vienna làm nơi định cư vĩnh viễn và chết tại đó.

Sau hai ngày ba đêm ở Vienna, xe buýt lên đường đi Salzburg. Thành phố này nằm ở phía tây của nước Áo, gần biên giới Áo-Đức. Nó nổi tiếng vì không những là nơi sinh trưởng của Mozart mà còn được xem là một thành phố đẹp nhất của Âu châu, được chọn làm bối cảnh cho cuốn phim âm nhạc đầy thơ mộng *Sound of Music*. Đây là chặng chót của chuyến du ngoạn trước khi chúng tôi trở về điểm xuất phát là thành phố Munich (Đức), kết thúc chuyến đi 14 ngày qua năm nước Đông Âu bằng xe buýt, chuyến đi mang tên Bohemian Rhapsody mà tôi dịch là *Đẹp như kiếp Bohémien* dựa theo lời một bài hát Việt thịnh hành.

Rời Vienna mấy cây số thì xe lên dốc. Xe chạy quanh co trong vùng đồi núi bao quanh thành phố, bỏ lại phía sau dưới thung lũng xa

tấp là thành phố Vienna mộng mơ và con sông Danube uốn khúc lấp lánh ánh nắng. Tôi nhìn khu rừng thông hai bên đường và nghe Robert giải thích đây là rừng săn bắn; Johann Strauss đã cảm hứng trước vẻ đẹp của khu rừng này và sáng tác bản nhạc *La forêt Viennoise*.

Đến Krems, một làng nhỏ nằm ven bờ sông, xe ngừng. Chúng tôi xuống và bước lên một con tàu lớn, lớn hơn du thuyền ở Budapest. Tàu chạy trên sông Danube một đoạn dài 35 cây-số băng qua thung lũng Wachau, nằm giữa hai làng Krems và Melk. Khúc sông này được chọn vì nó đi qua một vùng tuyệt đẹp và tiêu biểu nhất: thung lũng Wachau là tổng hợp giữa cảnh trí thiên nhiên và lịch sử, văn hóa của nước Áo.

Du khách ngồi ở bàn ăn nhìn qua cửa kính. Ai nấy đều chĩa máy ảnh ra ngoài. Máy phóng thanh trên tàu giải thích những thắng tích, những lâu đài ở hai bên bờ. Tôi nhìn dòng sông rộng mênh mang, sóng cuồn cuộn lấp lánh trong ánh nắng mai, bất giác hai bản nhạc bất hủ của dòng sông này lại hiện lên giao hòa trong trí tôi. *Một dòng xanh... xanh... Một dòng tràn mộng mênh...* (DSX) chuyển thành *một... dòng sông sâu... cuồn cuộn sóng trôi về nơi đâu. Gió... đưa buồm nâu... mang tâm hồn vào cõi u sầu...* (Sóng Nước Biếc).

Người hầu bàn cúi xuống. Thái Vân gọi cốc nước cam. Tôi muốn gọi bia uống nhưng phân vân không biết chọn thứ bia nào vì trong thực đơn có ghi cả chục loại khác nhau. Bỗng tôi mỉm cười, quả quyết kêu to:

– Edelweiss!

Ôi! Tóc em hoe như mây chiều... Hình ảnh người con gái Vienna xẹt như một ánh sao.

Uống hết chai bia tôi định rủ Thái Vân lên bong tàu vì lúc ấy trời nắng to, hầu hết du khách đều lên bong hứng nắng. Nhưng tôi thấy nàng đang mải mê nói chuyện với cặp vợ chồng người Anh lúc đó đã trở thành bạn của chúng tôi, tôi cầm chiếc máy ảnh lên bong tàu một mình.

Trên bong ánh nắng chan hòa. Nắng hắt từ mặt sông làm lóa mắt tôi. Mặt sông bát ngát. *Sóng lớp lớp... sóng lớp lớp... sóng đem nguồn vui. Đang chơi vơi... đang chơi vơi... sóng lan mọi nơi. Khi đau thương... khi yêu thương thiết tha vô vàn. Sóng dâng trong lòng ta mơ màng...* (SNB).

Tôi nghĩ đến đêm hai hôm trước ở Vienna trong quán ăn Ý, tự hỏi vì sao đúng vào giây phút gay cấn nhất tôi đột nhiên ngừng lại. Cái gì ngăn không cho tôi liều lĩnh hơn một chút? Nhát gan chăng? Sợ cô nàng la làng chăng? Có lẽ đúng thế. Nhưng tôi nhớ rõ cái cảm giác ngay sau quyết định ấy, khi tôi quẳng tiền trên đĩa, lặng lẽ bước ra cửa. Một cảm giác lịm đi vì buồn. Như mình vừa mới đánh mất một cái gì to lớn. Tôi ngợ không phải vì mất Anita. Mà buồn chính vì biết tuổi trẻ của mình đã mất. *Ngày vui đã qua...bờ sông riêng có ta, nhìn sóng trôi về phương trời xa mịt mờ. Xót xa chiều nay ta đến đây để thấy trên dòng sông... duyên tình... tàn phai...* (SNB).

Tiếng nói của nhà tôi làm tôi chợt tỉnh:

– Anh đứng xích ra một chút, em chụp anh với cái lâu đài ở phía sau.

Thái Vân chĩa máy ảnh về phía tôi, tay nàng ngoắc ngoắc ra hiệu tôi đứng né sang một bên. Chụp xong tấm hình chúng tôi đứng tựa lan can nhìn cảnh vật bên sông. Cảnh trí ở đây trông đẹp như một cảnh giả. Lác đác trên đồi những căn nhà với những mái ngói đỏ tươi in trên nền cỏ xanh mượt như nhung khiến tôi nhớ đến những tranh vẽ trên những hộp kẹo tây tôi đã thấy hồi niên thiếu.

Tôi nói với nhà tôi:

– Trong bao nhiêu năm qua lời nhạc của Phạm Duy làm anh tưởng tượng con sông này sai bét. Cứ nghĩ nó là một con sông nho nhỏ xanh xanh, ở hai bên bờ lúc nào cũng đầy những cô gái cười đùa. *Ánh dương lên xôn xao, hai ven bờ sông sâu, cười ròn tiếng người, đẹp lòng sớm mai. Những cô em tươi môi, ngồi giặt yếm yên vui, thả ý thắm theo người chở gió về xuôi*:.. (DSX). Bây giờ thấy dòng sông này cũng chẳng xanh gì, mà lại rộng thênh thang, hai bên bờ thì vắng ngắt, tàu chạy cả tiếng mà không vẫn thấy có bóng dáng một người nào.

Nàng nhìn tôi mỉm cười nói:

– Nếu không thấy hình ảnh "những cô em tươi môi" ở ven sông thì lấy hình ảnh "người đẹp thành Vienne" của anh thế vào.

Tôi hỏi:

– Người đẹp nào?

– Còn ai vào đây. Người đẹp Anita chứ còn ai nữa!

Tôi định chống chế, nhưng tôi chỉ mỉm cười, lắc đầu:

– Biết nhau hết!

Nhà tôi đưa máy ảnh nhắm tôi cười một cách giễu cợt rồi nàng cất tiếng hát nho nhỏ:

– Hát vang lên cho vui... A-ni-ta bên tôi... đời là khúc nhạc... đời là tiếng thơ...

Seattle, mùa nắng Hạ 2006

Giới thiệu dịch phẩm

Xích Lại Gần Với Hiện Thực

của Cao Hành Kiện

TRẦN ANH TUẤN

Lời giới thiệu: *Đây là bài nói chuyện của Giáo sư Trần Anh Tuấn nhân buổi ra mắt một dịch phẩm khác của Nguyễn Hồi Thủ, dịch giả của* Người Trung Quốc Xấu Xí, *từ Paris sang. Buổi ra mắt sách đã được tổ chức hôm Chủ Nhật, 4/6/2006, tại Hội Trường Trung Tâm VIVO, San Jose. Tòa soạn đã lược bỏ bớt những lời thưa gửi trong một bài nói trước công chúng tại một địa phương.*

Đây là lần thứ hai tôi có hân hạnh được đứng giới thiệu một tác phẩm tại Hội Trường ấm cúng này.

Lần trước, tháng 12 năm 2005, tôi giới thiệu tác phẩm *Biên Giới Việt Trung 1885-2000* với một nội dung rất quen thuộc với nghề của tôi, là sử học. Nhưng tôi lại không hề quen hay biết tác giả của nó. Lần này ngược lại, tác giả là người bạn đồng học với tôi hơn bốn mươi năm về trước, nhưng nội dung giới thiệu thì phần nào xa lạ với tôi. Đó là văn chương.

"Văn chương hạ giới rẻ như bèo!" Đó là cảm nghĩ của một người. Người khác thì nhận định *"lập thân tối hạ thị văn chương."* Hồi tôi còn học tiểu học ở Hà Nội trước năm 1954, tôi nhớ đã được đọc một bài tập đọc trong có định nghĩa văn chương như thế này: *"văn" là vẻ đẹp, "chương" là vẻ sáng*. Từ đó, tôi cho văn chương là món trang điểm của cuộc đời.

Cho nên, hôm nay tôi sở dĩ nhận lời chia sẻ với quý liệt vị vài ba cảm nghĩ của một độc giả về văn chương của nhà văn Á Châu được giải Nobel Văn Chương 2000 là vì bản dịch đã được thực hiện bởi một anh bạn đồng học: anh Hồi Thủ Nguyễn Khôi Minh, người mà khả năng tuyển dịch đã được thực tế chứng minh và đông đảo bạn đọc hoan nghênh qua dịch phẩm *Người Trung Quốc Xấu Xí* của tác giả Bá Dương.

Chắc chỉ mới có đôi ba người đã đọc *Xích Lại Gần Với Hiện Thực* vì hôm nay là ngày đầu tiên sách được phát hành. Nhưng nếu ai đọc phần đầu của sách, phần nói chuyện tay đôi giữa nhà văn Cao Hành Kiện và với một nhà văn Pháp, Denis Bourgeois, thì không khỏi buông một câu, *"đọc chán lắm!"*

Còn nếu ai chỉ đọc nửa phần sau của sách, phần chín truyện ngắn của nhà văn Cao Hành Kiện, thì không khỏi buông một câu khác, *"viết thế này mà cũng được Nobel à?!"*

Không tin tôi, xin quý liệt vị cứ mua sách đi!

Nhưng đặt hai phần liền nhau, chúng ta mới thấy phần này bổ túc cho phần kia. Phần đối thoại giữa Cao Hành Kiện và Denis Bourgeois là lý thuyết, là giải thích, là phân tích về một nền văn học mới, quan niệm mới, và các truyện ngắn tiếp theo chính là phần thực hành, minh họa cho chủ trương và quan niệm viết mới đó. Một phần là xương, một phần là thịt. Một phần là chân phải, một phần là chân trái.

Chọn lựa cách trình bầy này là cái khéo cái hay của dịch giả, để giới thiệu một cây bút mới, không, một tài năng mới trong thế giới văn chương mà hầu như độc giả người Việt chúng ta chưa hề quen hay biết cho đến khi ông ta được giải thưởng Nobel năm 2000.

Phần đối thoại ghi lại nội dung những buổi nói chuyện và trao đổi giữa nhà văn Cao Hành Kiện và một nhà văn Pháp trong những năm 1994-1997 về việc cầm bút, và xung quanh việc cầm bút, của các đương sự cũng như của các đồng nghiệp khác của họ trong thế giới văn chương. Theo dõi những cuộc đối thoại này, chúng ta mới thấy viết văn đã đóng vai trò quan trọng như thế nào với cuộc đời của Cao Hành Kiện. Viết chính là lẽ sống của ông. Trong diễn văn nhận giải tại Hàn Lâm Viện Thụy Điển ngày 7 tháng 12 năm 2000, ông tuyên bố, nguyên văn, *"Tại Trung Hoa, nếu nhà văn muốn*

có tự do tri thức, thì chỉ có hai lựa chọn. Hoặc là im miệng lại, hoặc là bỏ ra đi." Hoàn cảnh ấy cũng chính là hoàn cảnh của chúng ta. Và như Cao Hành Kiện, chúng ta đã chọn cách thế "bỏ ra đi"! Nhưng tôi xin ngưng ngay ở đây vì chẳng có lý do gì tôi được phép làm mất đi sự hào hứng của quý liệt vị tự mình tìm thấy những chi tiết trong quyển sách trước mặt.

Phần hai của dịch phẩm gồm chín truyện ngắn được chọn dịch từ tập *Mua Cần Câu Cho Ông Tôi* của Cao Hành Kiện.

Đọc xong những truyện này, chúng ta sẽ thấy cốt chuyện bình thường quá và cách viết đơn giản quá. Đơn giản như những sinh hoạt hàng ngày, như chúng ta ăn, chúng ta thở, chúng ta nói chuyện, chúng ta đi lại...

Cứ xét lại mà xem. Tựa đề của tác phẩm chỉ là những câu chữ rất thường, không hề có hơi hướm văn chương gì cả: toàn tập thì có tên *là "Mua Cần Câu Cho Ông Tôi,"* từng truyện thì có tựa là "*Mẹ*", là "*Bạn*," là "*Tai Nạn*," là "*Chuột Rút*," hay là "*Ông Thợ Giầy Và Cô Con Gái.*" Đâu có gì là "văn chương," bóng bẩy, ý nghĩa, cao sang, trong những tựa đề như thế!

Chỉ khi ta để ý khi đọc mới thấy họ Cao chọn lựa chi tiết rất khéo, rất sống động, rất "hiện thực"! Chẳng hạn như trong cuộc sống tẻ nhạt và ngột ngạt của thời Cách Mạng Văn Hóa ở Trung Hoa mà một cử chỉ, một câu nói là có thể bị đem ra đấu tố thì, "*khi đi ngủ, căng được cái đình màn cho thẳng và đẹp đã là một cái lạc thú nho nhỏ rồi.*" (trang 232). Độc giả nếu vô tình sẽ cho chi tiết đó là lẩm cẩm, và vị độc giả ấy sẽ không hiểu tác giả muốn nói lên cái gì khi viết. Còn những ai đã phải nằm trong trại tập trung của Cộng Sản mới thấy đồng cảm, và công nhận cách viết đó là rất "hiện thực," không thêm bớt về cảnh sống của người dân trong xã hội Cộng Sản.

Hay một chi tiết khác, trong thời Cách Mạng Văn Hóa ở Trung Hoa, hay trong bất cứ một xã hội Cộng sản nào cũng thế: Trong "bệnh xá" của một "Trường Cán Bộ" thật ra là một cái trại tập trung, nơi chính tác giả Cao Hành Kiện đã bị gửi đến đó, khi cần nước đá cho bệnh nhân thì mới biết là tủ lạnh của bệnh xá bị hỏng không có nước đá. Người ta phải đi thu nhặt cả huyện qua mấy cửa hàng bán kem mới thu được mười tám cây kem. Người ta đem mấy cây kem ấy về bệnh xá, bóp ra, chia làm đôi, cho vào bao để *"một cái áp lên trán bệnh nhân, một cái áp lên ngực"* (trang 266). Hay cảnh tượng hô hấp nhân tạo để cứu bệnh nhân nơi trang 268, nguyên văn: *"Ông bác sĩ này bỏ cái khăn trải giường trắng phủ trên thân người chết ra, cởi*

chuvươngmiện

Khuất chiều

Mới về gom lá tràn sân
Đốt tan thành khói trầm luân mấy từng
Rút tâm mấy đoạn vô chừng
Vừa trang vô tự vừa tình hư vô
Mới về đốt lá mần thơ
Bao nhiêu tâm huyết rải bờ cỏ khâu
Rằng là mắc mớ chi nhau
Nên chi tằm chết nong dâu úa vàng
Người thời đến hẹn quên sang
Người thì lơ đãng đò ngang thiếu đò
Còn đâu chè đậu xôi vò
Còn đâu cà pháo hẹn hò mắm tôm
Kể như cứ đổ gió nồm
Còn câu bần thán còn nôm thúy kiều
Mơ chi mơ mãi chỉ nghèo
Một ao bèo tấm còn theo nếp nhà
tình gần rồi kéo tình xa
được bao năm ngó ruộng cà trắng phau
đất lề quê thói mầu nâu
khói bay lửa ngún bóng mau khuất chiều

dây thắt lưng quần, lật qua lật lại thân thể đó, vỗ đập, bóp nắn ngực, bụng, lại bẻ chân bẻ tay đến nỗi những đốt xương phát ra tiếng kêu lộp bộp."

Những cảnh tượng ấy là "hiện thực" mà còn hơn tưởng tượng! Và người ta không lạ khi, chỉ một ngày sau khi Hàn Lâm Viện Thụy Điển công bố tên được giải Nobel năm 2000 là một người Trung Hoa đầu tiên và duy nhất được giải thưởng văn chương cao quý của nhân loại này, thì Hội Nhà Văn Trung Quốc ở Bắc Kinh đã phản đối Uỷ Ban Xét Giải là đã xâm phạm vào chuyện nội bộ của Trung Hoa.

Nhưng đừng tưởng "hiện thực" mà không thâm trầm. Đã có ai hạ bệ triết học của Mác như thế này không: Cao Hành Kiện đã đưa triết học Mác -thứ mà người Cộng Sản tôn sùng tột bậc- xuống ngang với việc bán rau ngoài chợ! (trang 216). Mà cách so sánh của ông cũng độc đáo ý nhị lắm: Đặt danh từ "triết học Mác" bên cạnh danh từ "kinh nghiệm bán rau," hỏi ai đã hóm hỉnh nghĩ được đến thế?!

Cũng xin nói một hai điều về văn dịch của Nguyễn Hồi Thủ. Văn dịch nhưng trôi chảy liên tục. Khi đọc, tôi không thấy vẻ gì là văn dịch cả, đúng như có người đã nhận xét rằng dịch giả chính là tác giả thứ hai, một đồng tác giả. Đọc *Xích Lại gần Với Hiện Thực*, tôi thấy như đọc Nguyễn Hồi Thủ vậy. Nhất là anh đã sử dụng danh từ đặc xệt Bắc Kỳ: "đằng ấy", "tớ", "u"..., khiến không gian của truyện như xảy ra tại Việt Nam.

Sự thực, tôi có thắc mắc về cách sử dụng tiếng Việt ở một đôi chỗ của dịch giả. Trước nay, tôi chỉ nghe và biết đến giải Nobel Văn Chương, thì nay dịch giả gọi là Nobel Văn Học. Ở trang 199 có một đoạn như thế này, nguyên văn: *"Một xe công an mang đèn quay màu xanh trờ tới. Mọi người giạt ra nhường lối cho bốn cảnh sát nhẩy xuống."* Tôi đã đem những thắc mắc này trao đổi với dịch giả, và anh đã cho tôi biết lý do tại sao những ngôn từ này là sự cố ý của anh. Sau những giải thích của dịch giả thì tôi không còn trao đổi thêm nữa. Còn nếu quý liệt vị có thắc mắc, thì dịch giả hôm nay hiện diện nơi đây cốt là để trao đổi với quý liệt vị.

Vì cách viết của Cao Hành Kiện hiện thực như thế, tôi tò mò đọc lại sách báo cũ để xem giới viết văn cầm bút người Việt chúng ta có cái nhìn như thế nào về nhà văn được giải Nobel Văn Chương Cao Hành Kiện. Và tôi không ngạc nhiên khi thấy ai nấy đều có chung một cảm nghĩ. Cảm nghỉ là thời cơ cho người Việt được giải Nobel đến nơi rồi. Như Nguyễn Văn Tuấn trong tạp chí *Thế Kỷ 21*, nguyên văn trong số 139 (tháng 11/2000, trang 41): *"Quả thực, tôi cảm thấy viễn ảnh về một nhà văn Việt Nam được trao giải Nobel Văn Chương trong tương lai không phải là quá xa."* Hay như Hoàng Linh trong tạp chí *Hợp Lưu*, nguyên văn trong số 56 (tháng 12/2000, trang 14): *"Và, biết đâu, trong một tương lai không xa... sẽ chẳng đưa một người Việt, dù cư trú ở bất cứ đâu, dù mang bất cứ quốc tịch nào, lên tuyệt đỉnh vinh quang trong văn chương?"*

Sự thực, trong tư cách của một độc giả, nhận xét của tôi là các nhà văn Việt Nam phức tạp hơn nhiều, chữ dùng lúc bóng bẩy lúc xúc tích hơn nhiều, nội dung lúc bất ngờ lúc triết lý hơn nhiều. Cho nên tôi nghĩ trong tương lai gần, không một nhà văn Việt Nam nào sẽ đi, hay cố gắng đi theo cái kỹ thuật của Cao Hành Kiện. Bởi vì theo tôi, kỹ thuật văn chương của Cao Hành Kiện trái với bản chất của người Việt Nam, cũng là của nhà văn Việt Nam. Ít có người Việt thấy cái đẹp trong sự bình dị đơn giản. Người Việt không đến nỗi màu mè nhưng lúc nào cũng muốn sắc màu, và khi viết thì người Việt lúc nào cũng muốn chuyên chở một ý nghĩa, một tư tưởng, một "thông điệp," vân vân.

Ở một khía cạnh khác, tôi muốn chia sẻ với quý liệt vị một ý nghĩ như thế này. Nếu nhà văn chỉ trình bày cái bình thường trong cuộc sống, tức cái "hiện thực" như chữ của nhà văn và của dịch giả, thì sự thưởng ngoạn văn chương nằm ở đâu? Kỹ thuật viết của Cao Hành Kiện quả nhiên độc đáo, vì nhà văn đã đem được cái bình thường, rất bình thường thăng hoa lên thành cái phi thường. Nhưng sự thưởng ngoạn văn chương nằm ở đâu? Sự kiện Cao Hành Kiện được giải thưởng Nobel Văn Chương là một chuyện rất lạ, lạ đến chính đương sự cũng không ngờ. Chính ông đã kết thúc lời tuyên bố ngắn của mình trong bữa tiệc nhân lễ Phát Giải hôm 10 tháng 12 năm 2000 bằng một câu hỏi. Ông hỏi quốc vương Thụy Điển chủ toạ buổi dạ yến như thế này: *"Thưa Hoàng Thượng, đây là thực tại hay là một câu chuyện thần tiên?"*

Một cách diễn tả thật ngoan ngoãn và rất bình thường, bình thường như chính văn của Cao Hành Kiện mà dịch giả dụng công giới thiệu với chúng ta ngày hôm nay.

(Tháng 6 năm 2006)

Trên Xe Lửa Xuyên Âu

LƯU VĂN VỊNH

Nếu bay từ Paris tới Đông Âu bằng máy bay SkyEurope, tương tự hãng SouthWest của Mỹ, thì chỉ mất hơn hai giờ bay, giá khứ hồi sấp sỉ bằng một vòng xe lửa từ Budapest qua Prague, Vienna, khoảng gần 200 euro hay hơn 200 đô la. Nhưng đi xe lửa có cái thú riêng, nhất là xe lửa bây giờ chạy êm và nhanh, khác với thời 1989, đi xe lửa từ Pháp sang Bá Linh qua đêm, nóng ngộp thở trong loại xe lửa cũ, không hơn bao nhiêu loại xe lửa chạy đường Sài Gòn Mỹ Tho năm xưa. Ngồi trên xe lửa, nhìn ngắm phong cảnh hai bên hay vào toa uống cà phê bắt chuyện với dân tứ xứ, có một chút không khí du hành dân dã với cảm tưởng thấy được nhiều mặt xã hội, dân tình, cảnh trí.

Tiệp Khắc và Hung Gia Lợi là hai nước từng chịu hoạ độc tài Cộng Sản hơn 30 năm, nên chỉ nhìn qua cũng thấy tinh thần chống Cộng của dân chúng: áo T. Shirt bày bán ở Budapest mang hình Lê Nin dưới chữ M vàng của Mc Donald với hàng chữ Mc Lenin, một áo khác: *Đ.M. Cách mạng — F... Revolution,* lại có hình ba ông râu xồm Mác, Lê, Castro: *The three tenors*- Ba gã hát hò. Pho tượng khổng lồ Staline ở Prague đã bị phá từ thời bức tường Bá Linh xập đổ, thay vào đấy là đài kỷ niệm 248 chiến sĩ bị thủ tiêu từ 1948-1953 dưới thời CS sắt máu, hết sức độc đáo: kỳ đài dựng nhiều bậc trên triền đồi, mỗi bực đặt một hai hình tượng người cụt đầu, người mất tay, người què chân, người thủng ngực, người chỉ còn nửa thân người... nhà điêu khắc nào hoàn thành tượng đài trên thật đáng lĩnh giải quán quân. Với kinh nghiệm đau thương từ thời 1956 khi xe tăng Nga Sô nghiền nát tự do dân chủ, Hung, Tiệp... đứng sát với Mỹ: khách sạn nào cũng có đài TV Mỹ như CNN, còn ở Pháp, Đức, Áo... thường chỉ thấy đài Anh ngữ BBC. Hậu quả xã hội tiêu cực của Cộng Sản để lại vẫn còn sâu đậm: nhân viên làm việc bê trễ, quan liêu như làm ơn cho khách hàng chứ không phải phục vụ khách hàng, chợ búa lảng vảng những tay bịp bợm đổi tiền đô la, ông bạn người Pháp kể lại từng bị mất cắp mấy lần ở đây!

Budapest thanh lịch tập trung hai bờ sông Duna (Danube) xinh đẹp mang không khí vàng son thời vua chúa, nhưng chỉ đi xa khu du lịch khoảng hai cây số là thấy ngay nhà cửa cũ kỹ xô bồ, nhất là khu Buda tả ngạn, từng bị đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ xâm chiếm, khu hữu ngạn Pest gần Áo, có phần khang trang quy mô hơn. Ảnh hưởng Thổ Nhĩ Kỳ còn lại là những nhà tắm nước nóng khoáng xây cất rộng lớn như lâu đài, nước nóng khoảng 36-38 độ C, với phòng hơi nước, hồ bơi và các ông thoa bóp massage to lớn như hộ pháp! Áo và Hung vốn là một đế quốc, bị thua trận, bị ép co rút lại chỉ còn diện tích 1/10 thuở xưa! Dân số Hung và Tiệp mỗi nước còn khoảng 10 triệu, Tiệp không bị bom đạn tàn phá thời đệ nhị Thế chiến, còn nguyên vẹn nhà cửa, đền đài, nhà thờ Chúa hay Do Thái. Một ông người Đức khoe: Prague là do Đức xây cất, tiền chiến các thành phố Đức trông như Prague bây giờ. Tuy vậy, xem hệ thống chuyên chở cũ kỹ và lộn xộn ở Tiệp và nhất là ở Hung, mới thấy còn lâu Tiệp và Hung mới bắt kịp Tây Âu; điểm son là họ không chịu nhập xe máy gây ô nhiễm như ở Việt Nam. Casino khu nào cũng có, kể cả khu thị tứ giữa Vienne. Chút khác biệt giữa dân Tiệp và Hung có lẽ là nhan sắc và cung cách phụ nữ: phụ nữ Hung có phần mềm mại, dịu dàng nhỏ nhắn hơn đàn bà Tiệp, Đức, Áo.

Xe lửa vừa vào tới Áo là thấy ngay nhân viên kiểm soát thông hành gốc Đức cao lớn mập mạp, họ làm việc nghiêm chỉnh kể cả việc kiểm soát vé trên xe điện xe bus. Áo nói tiếng Đức với giọng riêng, giọng dân kinh kỳ đế quốc vua quan cũ và nay Vienne trở thành một trung tâm văn hoá ngang ngửa với Paris, một trong ba trung tâm Liên Hiệp Quốc, bên cạnh New York và Geneva. Riêng về nhạc, Mozart, Strauss, Beethoven, Schubert, từng sống và trình diễn ở đây, năm nay kỷ niệm 250 năm Mozart, cả thành phố nhộn nhịp tưng bừng hãnh diện với thiên tài âm nhạc này, lo o bế từ nhà trọ của Mozart, tới viện bảo tàng âm nhạc, các đêm trình diễn concert... Có điều đặc biệt là buổi hòa nhạc nào cũng kết thúc bằng bản Dòng Sông Xanh (Le Beau Danube Bleu) mặc dù dòng Danube ở Vienne nâu đục, không đẹp và không

trong bằng khúc sông mênh mông ở Budapest. J. Strauss từng nói "chỉ có một đế đô, chỉ có một Vienne" cũng có nhiều phần đúng cho tới hiện tại. Sinh hoạt văn hoá, nhạc kịch quanh nhà hát Opera quốc gia -Staats-oper cổ kính từ thế kỷ XVII, thêm vào hình bóng các học giả lừng danh như Freud... làm Vienne cao cả như cây cổ thụ, như mạch sống, như trái tim của Âu châu. Paris chỉ còn vang bóng của thế kỷ vàng son văn hoá Pháp thế kỷ XVIII, trong khi Vienne vẫn tiếp tục dòng nhạc kiêu kỳ hai ba trăm năm xưa. Paris đang phai tàn, Vienne đang vươn lên và được cả thế giới mến mộ, có thể nhờ Mozart, Strauss... nói lên ngôn ngữ bất hủ vượt biên cương chăng?

Pháp và Tây Ban Nha có hơn 40 triệu du khách mỗi năm, và Tây Ban Nha đang lấn lướt Pháp về du lịch. Pháp giống một mụ già làm đỏm hờn ghen, tiếc thuở tóc xanh, đề cao quá đáng những gì đã qua của Louis XIV, Nã Phá Luân... Văn hoá văn minh nào rồi cũng sẽ cũ kỹ, nếu bám mãi vào cái cũ thì sẽ trở nên độc hành. Pháp chẳng chịu Anh, chẳng chịu Mỹ, quay ra làm thân với Đức là nước từng mấy lần xâm lăng Pháp, có lẽ vì Đức cùng hướng, chẳng ưa Anh, chẳng ưa Mỹ vì tội dội bom diệt Đức Quốc Xã chăng? Có điều thấy rõ, trên thế giới, khối nói tiếng Anh lan toả khắp nơi, khối nói tiếng Pháp hẹp lại, hẹp hơn cả khối nói tiếng Tây Ban Nha, chọ nên mặc cảm tự tôn và tự ti xen lẫn, Pháp với Đức đang cố đi tìm một thế đứng. Đức mạnh hơn, vững hơn, vì họ có nội lực thâm hậu, kỹ thuật giỏi, triết lý sâu, âm nhạc cao, có hấp lực hơn văn hoá Pháp. Paris duyên dáng, cà phê bánh mì thơm ngon, son phấn nước hoa nổi tiếng, nhưng ngoài ra, còn gì nữa ?

Đi quanh khu xầm uất dầy đặc du khách, khu nhà thờ Notre Dame và khu Saint Germain des Prés, Saint Michel... có thể thấy một nước Pháp thu nhỏ: một bên là các nhà thờ Catholics, một bên là giới trí thức quanh khu đại học Sorbonne, quanh cà phê vỉa hè... một bên truyền thống cũ, một bên đi tìm, qua sách vở, một hướng đi nào đó. Ông bạn Pháp, và nhóm bạn từng du học bên Mỹ thuở 1970, than thở: 26 năm của Mitterand và Chirac làm nước Pháp trì trệ, một khoảng thời gian dài, cả một thế hệ mất đà tiến bộ. *Pháp cứ muốn chơi riêng, mang nặng quá khứ vàng son, không hội nhập với thế giới đang chuyển đổi với tốc độ mãnh liệt.* Đỉnh cao của Pháp là Louis XVI. Sang Tây Ban Nha mới thấy trí thức chuyên viên ở đây có tầm nhìn phóng khoáng nên họ tiến xa tiến mạnh. Nhà giầu Pháp bỏ nước ra đi vì thuế đánh nặng quá, bác sĩ cũng vậy, muốn lấy hẹn có khi phải chờ cả bốn tháng! Đảng Cộng Sản Pháp chiếm 25-26%, báo chí, radio, giáo chức... đa số Mác xít, cuộc bạo loạn vừa qua của dân thiểu số Ả Rập có bọn Cộng Sản và bọn đầu đường xó chợ tiếp tay. Chương trình trung học Pháp từ bao năm vẫn chẳng thay đổi, tháng Sáu cả mấy trăm ngàn sĩ tử ngồi học thi Tú Tài, với mấy đề tài Triết học cũ rích, cô bé 16 tuổi non choẹt, con ông bạn tôi ngồi bàn chuyện Descartes và phong trào Ánh sáng (Lumière), muốn viết khác nhưng ngại ông thầy Mác xít trù!! Cô bé thắc mắc nếu duy lý như thế thì phong trào triết lý Ánh sáng có tôn trọng khác biệt riêng tư giữa con người không?! Giáo dục từ chương Pháp đào tạo khá nhiều trí thức không tưởng, cung cấp sản phẩm bất mãn chống đối cuồng tư loạn động cho những thiên đường mù. Vào các nhà sách, như Gilbert, bán ngộp sách luyện thi. Albert Camus đang trở lại trên quầy sách, hai ba tập truyện của Dương Thu Hương đã dịch sang Pháp ngữ, hàng loạt các nhà văn Nhật, các nhà văn Đông Âu, các tài liệu về tội ác Cọng Sản từ những năm Lê Nin, sách chỉ trích tổng thống Chirac "la Tragédie" (Bi kịch Chirac). Riêng sách Thiền và Phật giáo không nhiều so với các nhà sách bên Mỹ. Cả khu ville Chinoise, lầu Tang Freres, có một nhà sách Việt Nam, Sudasie, của Mai Trung Ngọc, là tương đối đủ sách báo ấn hành ở Pháp và Mỹ.

Đời sống bên Pháp và có lẽ cả Âu châu, đắt đỏ, thuế nặng, giá nhà ở Paris tăng gấp ba gấp bốn như Cali trong mấy năm qua, tuy lãi xuất còn thấp, 4%, nhà thuê trung bình một apartment ở ngoại ô Paris, ở Vienne, cũng như Cali, giá cả 1000 đô mà không tiện nghi bằng, cắt tóc đắt gấp ba bên Mỹ, khách sạn khắp Âu châu, kể cả Budapest, Prague, Vienna, phải gần 100 đô một ngày (2-3 sao) nhất là hối xuất Euro lên cao so với đô la. Tính chung, mấy ông MBA và HEC (cao đẳng thương mại) Pháp cho biết, lưu lượng đồng Euro cũng chỉ bằng 1/3 số đô la trên toàn cầu, và tương lai đồng đô la sẽ lên lại, nên họ trữ đô la chờ thời! Giới chuyên viên Pháp nhìn ra vấn đề toàn cầu, kinh tế thị trường là cấp bách, nhưng họ không làm gì được vì dân Pháp gánh quá nặng quá khứ, khuynh tả từ sau cuộc cách mạng 1789 trở thành một thứ tôn giáo, trong khi nước Anh chẳng cần đổ máu, chẳng cần phá đổ những gì đã có mà vẫn được dân chủ, còn Pháp thì đập phá, cả hay lẫn dở, rút cuộc tới thế kỷ XXI vẫn loay hoay chuyện Tả và Hữu, thù ghét nhau, chỉ trích

nhau thậm tệ. Ngay đảng Cộng Sản Ý còn thay đổi cả tên cả cờ, mà CS Pháp thì vẫn dậm chân tại chỗ, không đổi được vì "question de face" hay vì số Cộng Sản Do Thái từ Nga, Đông Âu di qua đông và mạnh quá?! Tôi hỏi "Thế chồng cũ của Jane Fonda là nhà đạo diễn Vadim có phải là Do Thái không? Họ ngẩn người. *Ừ nhỉ tên ấy chắc chắn là tên từ xứ Nga di sang Pháp! Ngay cả ông trùm CS phụ trách Á châu Borodin cũng là Do Thái Nga đấy.* Xe chạy qua khu gần Versailles, ông bạn Pháp chỉ: bạn nhìn bên kia đường, toàn chung cư do bọn xã hội chủ nghĩa tạo ra cho dân thiểu số nghèo, xập xệ nhơ nhớp, bên này đường, khang trang khác hẳn. Tôi tiếp lời "Bên Mỹ, như ở Chicago, chính quyền đập hết loại chung cư ấy đi, chỉ là tổ tập trung băng đảng tệ đoan, ngồi nhà ăn phúc lợi!" Pháp là nước nhỏ, gần bằng Texas, dân số khoảng 60 triệu, sinh hoạt tiểu công nghệ, tiểu thương, có thân tình làng xóm, bạn bè, cà phê, thuốc lá, tán gẫu... chưa muốn chuyển đổi sang đại thị trường. Tiệm bánh kẹo, tiệm thuốc Tây, quán ăn tiểu thương còn choán chỗ công nghiệp, nên khi họ thấy các doanh thương quốc tế, như Mc Donald, Burger King, Starbucks... mỗi ngày một nhiều, thì họ chẳng vui.

Nhưng vào các thương xá, vài khu thương mại mới như khu La Defense, thì thấy làn sóng toàn cầu không thể cưỡng được. Giữ truyền thống dân tộc là một chuyện, khư khư đi ngược chiều gió lại là chuyện khác. Đa số dân Pháp, kể cả người Việt ở Pháp, đều chỉ trích thậm tệ Bush và chiến tranh Iraq, nhưng ít có ai nhìn nhận Pháp và Đức mất bạc tỷ đấu thầu với Saddam Hussein khi Mỹ và Anh vào lật ngược thế cờ. Chính trị là quyền lợi, chẳng ai tuyệt đối đúng cả, vấn đề là đi với ai thì lợi và đi với ai thì thiệt. Người Pháp nói chung tính tình vui vẻ, *bon viveur*, nhưng xúc cảm hời hợt hơn dân Ăng Lô lì lợm lạnh lùng. Sau trận Waterloo, cả hai trăm năm nay, Pháp không quân bình được với Anh, với Mỹ nên rất ngúng nguẩy trên trường quốc tế. Liên Hiệp Anh thì còn, mà Liên Hiệp Pháp thì mất, vài nước Phi Châu nói tiếng Pháp chẳng giúp Pháp lấy được thế đứng mạnh. Xa xưa người Do Thái Âu châu tạo ra phong trào Cộng Sản Bolshevick để lấy thế đứng, thế mượn tên của Khổng Minh, nay thì Pháp, dù biết Cộng Sản chẳng còn, vẫn tìm một cái cớ khuynh tả, một cái gì khác với Anh với Mỹ, để ngáng chân. Cho dẫu mang tiếng "bảo hoàng hơn vua" thì vẫn còn vị thế nào đó khiến thiên hạ nể nang!

Kinh tế Pháp hiện tại xếp hàng thứ bảy, thứ tám, nếu không có lá bài riêng, dù là lá bài tẩy đa ngôn, thì trên bàn bài thế giới Pháp lấy gì mà đánh? Cả nghìn năm trước, dân Pháp tương đối đông nhất Âu châu, 25 triệu, khi dân Anh mới chỉ độ vài triệu, Đức lẻ tẻ chia năm xẻ bảy sứ quân. Thời xưa Pháp là "Trung Hoa của Âu châu" -la Chine de l'Europe- nên ảnh hưởng lớn, ai ai cũng học tiếng Pháp, Paris là thủ đô ánh sáng của Âu châu. Nhưng nay hào quang xưa đã mất, tiềm năng chẳng còn, dân La tinh Pháp, Ý, Tây Ban Nha đối với khối dân Đức, dân Bắc Âu, Vikings cũng chỉ là hươu nai giữa hùm báo sư tử.

*

Những háo hức tuổi trẻ lần đầu tới Pháp ba mươi năm trước, 1976, nay không còn nữa. Thế kỷ XXI, 2006, không phải là thế kỷ lãng mạn, hoặc giả tuổi tác đã lừa dối chính mình như câu nói của văn hào Corneille: *Mais mon âge a trompé ma généreuse envie.* Tôi ngồi lại với nhóm bạn xưa, kỷ niệm 36 năm, ba chu kỳ tử vi, cùng dưới mái học xá Chapel Hill, Đại học Carolina. Họ là nhóm người Pháp, Bỉ... nhìn ra chuyển đổi kinh tế toàn cầu xuất phát từ Mỹ, nên dù đã tốt nghiệp ở các đại học lớn của Pháp như HEC, hay Kỹ sư... vẫn sang Mỹ học thêm MBA. Bây giờ, hơn 30 năm qua, họ cũng gần đến tuổi về hưu, đã giữ những chức vụ cao cấp trong giới kinh doanh công tư, họ là lớp đưa Âu châu vào trào lưu kinh tế mới, trào lưu đại thị, điện tử, kết hợp với Mỹ, với Nhật... Một ông chuyên nghề đồ cổ, có cả chục bức tranh từ thế kỷ XV, XVI, sưu tầm những pho tượng bán thân cả dăm sáu trăm năm, tủ gỗ Ba tư thế kỷ XIII, tâm sự: "Tụi tôi trong lòng mang mặc cảm tội lỗi làm hại Đông Dương, gây hoạ cho các anh..." Thấy ông đã 65 tuổi, hiền hòa, thành khẩn, lại là chồng một cô bạn học, tôi đỡ lời "Chuyện qua rồi, thực dân quả có gây tai hoạ, nhưng sau đệ nhị Thế chiến, khi Ấn Độ yên ổn trong Liên Hiệp Anh thì Đông Dương bị hoạ Cộng sản phá thế cờ Liên Hiệp Pháp. Giả dụ không có Cộng sản, thì từ Liên Hiệp Pháp sang độc lập hoàn toàn cũng chỉ mất nhiều lắm là mươi năm mà không tốn nhân mạng, không gây oan oán hận thù chập chùng." Ông ta thở phào: "Lời nói của một người trong cuộc làm tôi thấy nhẹ nhõm hẳn." Ông ta đi vào tủ lấy một chai sâm banh quý, mở nút nâng ly uống mừng. Trên tầng lầu 39 cao ốc tân kỳ, nhìn thẳng tới tháp Eiffel, sát dòng sông Seine và khu rừng Boulogne trước mặt, đúng nửa đêm mới mãn tiệc, tháp bắt đầu lấp láy đèn, sáng loang loáng cả khung cửa kính.

6-2006

NHÀ TÂY SƠN QUA CA DAO

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

(Tiếp theo từ số 205)

Vua Càn Long sai Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị thống lãnh 20 vạn quân tiến vào Thăng Long bằng hai ngả, từ Cao Bằng xuống do Sầm Nghi Đống chỉ huy, từ Lạng Sơn xuống do Tôn Sĩ Nghị trực tiếp chỉ huy [15]. Theo lời bàn của Ngô Thì Nhậm, ngày 20 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), Ngô Văn Sở cho lui quân về giữ Tam Điệp (đèo Ba Dội), thủy quân về đảo Biện Sơn (trong vùng biển Thanh Hóa Nghệ An) và cấp báo Phú Xuân.

Lê Chiêu Thống theo quân Thanh về Thăng Long, không lo trị nước an dân, chỉ một việc đền ơn trả oán, giết hại những người theo Tây Sơn. *Việt Nam sử lược*, trang 371 chép "Tiếng là làm vua mà phải theo niên hiệu của vua Tàu, việc gì cũng phải bẩm đến quan Tổng đốc, thế thì có khác gì đã là nội thuộc rồi không?" và "Tôn S

ĩ Nghị thì càng ngày càng kiêu ngạo thêm, coi việc binh làm thường, lại thả quân lính ra cướp phá dân gian, làm lắm sự nhũng nhiễu. Vì thế nên lòng người mất cả trông cậy," dân chúng chỉ còn biết than trời:

Đời ông cho chí đời cha
Đời nào cực khổ cho qua đời này.

Nhận tin cấp báo, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (22-12-1788) Nguyễn Huệ làm lễ lên ngôi Hoàng đế ở Bàn Sơn (phía nam núi Ngự Bình) thì ngày 29- 11 vua Quang Trung cùng đại binh có mặt tại Nghệ An. Ở đấy 10 ngày để lấy thêm quân và hội kiến với La Sơn Phu Tử. Ngày 20 tháng chạp, Quang Trung đến núi Tam Điệp, mở tiệc khao quân, vua nói: "Bữa nay hãy ăn Tết Nguyên Đán trước, sang xuân, ngày mồng 7, ta sẽ vào thành Thăng Long, mở tiệc ăn Tết Khai Hạ. Các ngươi cứ nhớ lấy lời ta, xem có đúng không?" [16]. Quân dân một lòng tin tưởng và quyết chiến :

Thùng thùng trống đánh quân sang
Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàng
Qua Chiêng thì rẽ về Giàng
Qua quán Đông Thổ vào làng Đình Hương
Anh đi theo chúa Tây Sơn
Em về cày cuốc mà thương mẹ già.

Quang Trung chia quân làm ba đạo: Hữu quân [17] cùng Thủy quân có Đại Đô đốc Lộc và Đô đốc Tuyết đi đường biển, theo sông Lục Đầu tràn lên đất liền. Cánh quân của Tuyết đổ bộ Hải Dương, tiếp ứng mặt trận miền Đông. Cánh quân của Lộc tràn lên Bắc Ninh, Bắc Giang, đóng chốt từ Yên Thế đến Lạng Giang, chận đường về của giặc.

Tả quân kiêm lĩnh tượng, kỵ binh giao cho Đại Đô đốc Bảo và Đô đốc Long [18] đi bọc đường núi đánh tạt cạnh sườn vào phòng tuyến địch. Cánh quân của Bảo dùng tượng binh từ huyện Sơn Minh (Ứng Hòa, Hà Đông) đánh vào các căn cứ địch ở Đại Áng (Thanh Trì, Hà Đông). Cánh Quân của Long vòng lên hạ các trại giặc tại huyện Chương Mỹ (Hà Đông), đâm thủng phòng tuyến ở làng Nhân Mục (Thanh Trì, Hà Đông), tiến đến Khương Thượng, tiêu diệt quân của Sầm Nghi Đống đóng ở chùa Bộc, cạnh Đống Đa.

Còn chính nhà vua thống lĩnh đại binh gồm ba doanh Tiền, Trung, Hậu quân; có Tư mã Sở và Nội hầu Lân làm mũi nhọn tiên phong. Đám tân binh Nghệ An sung vào Trung quân do nhà vua trực tiếp chỉ huy. Hậu quân do Hô Hổ hầu (không rõ tên họ, chỉ biết chức đô đốc, tước hầu) thủ vai đốc chiến và đề phòng hậu tập. Ngày 30 Tết, đại quân của Quang Trung vượt bến đò Gián Khuất (Ninh Bình), ngược chiều tiến quân của giặc, lần lượt hạ các đồn Thanh Liêm, Nhật Tảo, Phú Xuyên, Hà Hồi, Ngọc Hồi, Văn Điển, Khương Thượng, Đống Đa. Vào giờ thân (khoảng 4 giờ chiều) mồng 5 Tết Kỷ Dậu, Hoàng Đế Quang Trung, áo ngự bào sạm đen thuốc súng, với 80 thớt voi, ung dung tiến vào kinh thành Thăng Long sớm hơn hạn định hai ngày, lời vua đã hứa trước ba quân trong ngày 20 tháng chạp:

Tây Sơn khởi nghĩa anh hùng
Cứu dân quét sạch quân Thanh bạo tàn.

Thiên tài quân sự thần tốc của Nguyễn Huệ sáng chói nhất trong lịch sử Việt Nam. Không chỉ có trận Đống Đa mà còn trận Rạch Gầm Xoài Mút ở Mỹ Tho, khúc sông Tiền Giang nối với hai rạch ấy. Ngày mồng 8 tháng chạp năm Giáp Thìn (18-1-1785), Nguyễn Huệ đánh tan hai vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền, chỉ

còn sống sót vài ngàn tháo chạy về nước. Trong vòng ba năm (1775- 1788) hai lần đại thắng ngoại xâm và những lần tiến quân từ Nam ra Bắc xóa bỏ lằn ranh chia đôi đất nước:

Thành ngoài, thành giữa, thành trong
Hoàng thành còn dấu rêu phong thuở nào.
Voi gầm, ngựa hí lời trao
Vào Nam ra Bắc cờ đào ruổi quân.
Nguyễn Huệ tài giỏi hơn thần
Đuổi Xiêm, đại phá quân Thanh Ngọc Hồi.
Quang Trung Hoàng Đế lên ngôi,
Nhất vương nhị đế một thời lừng danh.

Năm Nhâm Tý (1792), Quang Trung đang chuẩn bị lực lượng 30 vạn quân đánh Gia Định cho dứt điểm [19]. Ngoài ra vua còn sai sứ sang Tàu xin cầu hôn và đòi lại đất Lưỡng Quảng. Không ngờ vua bị huyễn vận và mất ngày 29 tháng Bảy năm Nhâm Tý [20], niên hiệu Quang Trung thứ 5, đặt miếu hiệu là Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

Vua Quang Trung băng hà là sự mất mát lớn của đất nước. Triều Tây Sơn đang hưng thịnh nhưng không có người lãnh đạo tài ba thay thế, khó tránh khỏi suy vong:

Nguyễn Huệ là đấng anh hào
Tận trung dưới trướng biết bao kỳ tài:
Văn thời Kỷ, Nhậm hòa hai
Lại thêm Phu Tử ở ngoài giúp vô,
Võ thời Tư mã họ Ngô,
Quang Diệu, Văn Dũng, nữ đô họ Bùi.
Triều đình văn võ toàn tài
Tưởng bề dựng nước lâu dài quản bao
Nào ngờ đứt gánh tài cao
Con thơ nên nỗi Tây trào vội suy.

Quang Toản lên ngôi mới có 10 tuổi, niên hiệu Cảnh Thịnh cho đến năm Tân Dậu (1801) kinh đô thất thủ, đổi là Bảo Hưng.

Từ năm Nhâm Tý (1792), cứ đến tháng Ba, gió mùa tây nam thổi mạnh, Nguyễn Ánh, từ Gia Định đem binh thuyền ra đánh Qui Nhơn, dân trong vùng quen gọi là Giặc Mùa:

Gió nồm thổi rộ tháng ba
Giặc Mùa trong ấy kéo ra hãi hùng.

Năm Quý Sửu (1793), Nguyễn Ánh sai Tôn Thất Hội, Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Văn Thành dẫn bộ binh đánh lấy Phan Rí và tiến quân ra Qui Nhơn. Vương cùng với Nguyễn Văn Chương và Võ Tánh đem thủy quân đánh lấy các phủ Diên Khánh, Bình Khang rồi đến Phú Yên. Triều đình Thái Đức đã suy yếu, nên dù cố sức chống đỡ cũng không ngăn nổi bước tiến quân Gia Định, chỉ tốn hao xương máu và dân phủ Qui Nhơn phải lao dịch chiến trường quá nặng nề:

Tiếng ai than khóc nỉ non
Là vợ chú lính trèo hòn Cù Mông.

Thừa thế, Nguyễn Vương cho thủy quân đổ bộ vào Thị Nại, Thái tử Nguyễn Bảo dàn quân chống cự, không ngờ có bộ binh của Tôn Thất Hội từ Phú Yên ra kịp, đánh tập hậu nên thua nặng. Thành Hoàng Đế bị uy hiếp, vua Thái Đức cầu viện Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh sai Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Huấn, Lê Trung, Ngô Văn Sở đi đường bộ và Đặng Văn Chân đi đường biển vào cứu Qui Nhơn. Nguyễn Ánh biết không địch nổi, rút quân về Gia Định.

Quân Phú Xuân giải vây được rồi, chiếm luôn thành trì, tịch biên kho tàng. Nguyễn Nhạc uất ức quá, thổ huyết chết. Cảnh Thịnh truất Thái tử Nguyễn Bảo làm Hiến công, cho ăn lộc một huyện, gọi là Tiểu triều.

Lỗi lầm của triều Cảnh Thịnh là làm mất đoàn kết nội bộ. Lại nữa, vua nghe lời dèm pha, giết nhiều tướng tài như Lê Trung, Nguyễn Văn Huấn, lòng người chán nản:

Lạy trời cho chóng gió nồm
Cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra.

Năm Kỷ Tỵ (1799), Nguyễn Ánh lấy thành Qui Nhơn, cải danh là thành Bình Định. Năm sau, tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu vây chặt thành Bình Định và Võ Văn Dũng nắm thủy quân, giữ cửa Thị Nại. Để quân lính đỡ nhớ nhà, ngày mồng một và mồng hai Tết, tướng Diệu và Dũng dùng bãi đất rộng sát núi Úc (tên chữ là Hàm Long) và sông Cần, thuộc làng Phong Thạnh (nay thuộc thị trấn Tuy Phước, tỉnh Bình Định), cho vợ con binh sĩ đến thăm, có tổ chức trò chơi vui xuân và nhóm chợ. Truyền thống Chợ Gò, nay vẫn còn:

Chợ Gò Phong Thạnh Mỹ Cao
Gần sông gần núi biết bao nhiêu tình
Nhớ quan Thiếu phó quang minh
Nhớ quan Đô đốc trung trinh trọn đời.

Năm Tân Dậu (1801) Nguyễn Vương chiếm Thị Nại, nhưng không giải cứu được thành:

Mai chiều gió ngạt ngào hương
Ai hay rằng bãi chiến trường ngày xưa
Đôi bên quyết chiến hơn thua
Cần Úc súng nổ, gươm đưa máu trào
Quan quân phất ngọn cờ đào
Can tràng há để ai vào nơi đây.

Trong thành, hết cả lương thực, quân Gia Định sắp chết đói, quan trấn thủ Võ Tánh tự đốt mình ở lầu Bát giác, quan Hiệp trấn Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Tấm lòng trung kiên ấy, bia miệng

ngàn đời khắc ghi:

Ngó lên hòn tháp Cánh Tiên
Cảm thương quan Hậu thủ thiềng ba năm.
Ba năm quan Hậu thủ thiềng
Thành cô lửa dậy tôi hiền gởi thân.

Nguyễn Ánh thừa lúc chủ lực của Tây Sơn đang vây thành Bình Định, ngày mồng 3 tháng 5 năm Tân Dậu (1801) Vương chiếm kinh đô Phú Xuân, triều đình Cảnh Thịnh chạy ra Bắc.

Ngày mồng một tết Nhâm Tuất (3-2-1802), quân Tây Sơn dồn hết lực lượng thủy bộ gần ba vạn quân, mở mặt trận Trấn Ninh [21], cố giành lại phần đất đã mất. Nguyễn Quang Thùy tiến đánh lũy Trấn Ninh. Bùi Thị Xuân lãnh chức Đại tướng, đem 5000 quân bản bộ tấn công lũy Đồng Hới. Quân Nguyễn bắn như cát vãi nhưng cờ lệnh của bà vẫn chúc hẳn xuống, dấu hiệu tiến không lùi. Bỗng nghe tin thủy quân Tây Sơn ở cửa Nhật Lệ bị vỡ, lại thêm tướng Nguyễn Văn Kiên ra hàng địch, vua Cảnh Thịnh và các tướng nản lòng. Bà liền sai một đội quân đến điền khuyết bọn làm phản, rồi giành lấy dùi trống thúc quân liên hồi. Một lúc sau mới biết trên mặt trận chỉ còn quân dưới quyền bà, các cánh quân khác đã hỗn loạn tháo chạy. Bà vẫn bình tĩnh giữ vững hàng ngũ, bảo vệ vua Cảnh Thịnh rút lui an toàn. Nỗ lực cuối cùng đó không thành nhưng để lại dấu ấn trong lịch sử Việt Nam về lòng can trường của nữ tướng Bùi Thị Xuân và đội nữ binh:

Truyền rằng có đội nữ binh
Phò Bà đánh giặc quyên sinh đến cùng.
Chị em tả đột hữu xung
Tay đao tay kiếm nữ hùng kém ai.

Tháng 6 năm Nhâm Tuất (1802), quân Nguyễn vượt sông Linh Giang tiến ra bắc, bằng cả hai đạo thủy bộ, không gặp sức kháng cự nào mãnh liệt, chỉ trong một tháng đã đến Thăng Long. Vua Cảnh Thịnh cùng các Hoàng đệ và cận thần sang sông Nhị Hà chạy lên trấn Kinh Bắc, đến huyện Phượng Nhãn thì bị dân địa phương bắt nộp quân Nguyễn. Sự kiện lịch sử diễn tiến đúng với câu sấm truyền:

Nguyễn ra rồi Nguyễn lại về
Giặc đến Bồ Đề [22], *thời giặc lại tan.*

Hai mươi bốn năm về trước, Nguyễn Nhạc xưng đế (1778), đặt niên hiệu là Thái Đức. Bấy giờ, trong nước có ba thế lực Trịnh, Tây Sơn, Nguyễn tranh giành nhau; có người chiết tự chữ *Thái Đức* mà đoán số mệnh nhà Tây Sơn không bền:

Tam nhân tranh nhất thủy
Thập tứ niên vong.
Quang Trung Nguyễn Huệ,
Hoa Bằng dịch:
Ba người tranh một nước
Mười bốn năm nữa sẽ mất.

Quả nhiên, triều đình Qui Nhơn, Nguyễn Nhạc làm vua 15 năm (1778- 1793), bị xóa sổ. Triều đình Phú Xuân cũng chỉ 14 năm (1788- 1802) thì chấm dứt.

Lại nữa, năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu Quang Trung; năm 1892, Quang Toản nối ngôi đặt niên hiệu Cảnh Thịnh. Các nhà háo sự thấy chữ *Quang* (trong chữ Quang Trung) có chữ *tiểu* trên đầu, nên gọi là *đầu cha.* Chữ *Cảnh* (trong chữ Cảnh Thịnh) có chữ *tiểu* ở dưới, nên gọi là *chân con*, rồi truyền ra câu:

Đầu cha lấy làm chân con
Mười bốn năm tròn, hết số thì thôi.

Họ còn kết hợp giữa chiết tự và dịch nghĩa để có câu:

Cha nhỏ đầu, con nhỏ chân
Đến năm Nhâm Tuất thì chân chẳng còn.

Không rõ các câu trên là lời tiên tri hay sự kiện có rồi, người ta mới nghĩ đến. Dù sao, chữ nghĩa vẫn là điều hệ trọng, đáng suy ngẫm.

Một điều đáng nói, tạo hóa có luật bù trừ, nhà Nguyễn với chính sách dài hạn xóa bỏ tàn tích của Tây Sơn, các sử quan triều Nguyễn khi viết đến Tây Sơn cũng chỉ khái quát. Thế nhưng, văn chương truyền khẩu đền bù lại. May mắn cho lịch sử, đất Bình Định là cái nôi của bài chòi, hát hò, hát bả trạo, hát bội; vì thế sinh sản nhiều câu hát dân gian. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn xảy ra ở Bình Định, được dân chúng hết lòng hưởng ứng và truyền lại qua ca dao không thiếu một sự kiện quan trọng nào.

Tóm lại, thời Tây Sơn (1771- 1802) là giai đoạn lịch sử đặc biệt, có nhiều cái nhất, tốt xấu đều nhất cả.

Vua Quang Trung đánh đuổi ngoại xâm trong thời gian ngắn nhất và trước thời hạn ấn định: Trận Đống Đa đánh tan 20 vạn quân Thanh trong năm ngày, trận Rạch Gầm Xoài Mút tiêu diệt hai vạn quân Xiêm chỉ một ngày. Quang Trung còn được nhà Thanh nể nang nhất, xóa bỏ lệ cống người bằng vàng, vua Càn Long rót rượu mời giả vương.

Một thời đại nội chiến triền miên, từ Nam Bắc triều (1533-1592), đến Trịnh Nguyễn phân tranh (1558-1775); khốc liệt nhất là cuộc chiến giữa Tây Sơn – chúa Nguyễn (1771- 1802) và Tây Sơn – Trịnh (1775- 1786).

Một thời đại, cùng lúc có nhiều vua chúa. Thời điểm cao nhất là năm 1778, nước ta có hai vua và

hai chúa: ở Thăng Long vua Lê Hiển Tông còn tại vị, chúa Trịnh Sâm đang quyền hành; ở Qui Nhơn Nguyễn Nhạc xưng đế; miền Gia Định, sự nghiệp chúa Nguyễn chưa dứt vì có Nguyễn Ánh thay thế.

Và thời đại có nhiều biến cố nhất, bất ổn nhất nhưng lại lắm nhân tài. Có thể mượn câu thơ của Chí sĩ Phan Bội Châu [23] để luận cứ cho giai đoạn lịch sử này:

Nếu phải đường đời bằng phẳng hết
Anh hùng hào kiệt có hơn ai.

GHI CHÚ

[1] Phan Khoang, *Xứ Đàng Trong* (Sài Gòn, Khai Trí, 1970), trang 253.

[2] Nguyễn Xuân Nhân, *Văn học dân gian Tây Sơn* (Sài Gòn, nxb Trẻ, 1999), trang 12, ghi lời kể của cụ Phan Tỏ (ở An Điềm Nam, Cửu An, An Khê): Nhóm thợ rèn người Kinh lên đây hành nghề, bán nông cụ cho người Thượng, lập ra xóm Ké, nay thuộc thôn Thượng An, xã Song An, huyện An Khê.

[3] Sách đã dẫn, trang 25: ông Tư Quỳnh (ở Phước Bình, An Cửu, An Khê) cho rằng câu này là một trong các mật lệnh tình báo của Tây Sơn.

[4] Các địa danh trong câu này gồm:
- Hóc Yến ở chân đèo An Khê, một thung lũng hẹp, nằm giữa Hòn Phòng và hòn Bằng Lăng.
- Lĩnh Lương, tên ngọn núi ở thôn Tả Giang, xã Bình Giang, sát quốc lộ 19. Theo *Văn Học Dân Gian Tây Sơn*, trang 22, nơi đây Nguyễn Lữ phát lương cho quân sĩ.
- Đá Hàng là phụ lưu quan trọng của sông Côn, bờ phía tây là thôn Trinh Tường, bờ đông là thôn Phú Phong, từ đèo An khê xuống phủ lỵ Qui Nhơn (tức thành Đồ Bàn) phải qua sông này.

[5] Hòn Một tức hòn Trống, hòn Dãi tức hòn Chiêng, là hai núi nhỏ ở xã Bình Tường. Tương truyền thời Tây Sơn treo trống, chiêng ở hai núi nầy đánh báo hiệu cho tiếng vang xa.

[6] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 1, trang 243.

[7] Các địa danh trong câu này gồm:
- Thạch Thành, làng miền núi thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; có nữ chúa Chàm là Bà Hỏa đem quân giúp Tây Sơn và bị tử trận.
- Eo Gió, đèo nằm trên đường từ Vân Canh (tây nam Bình Định) vào La Hai (huyện Đồng Xuân, Phú Yên).

[8] Đèo Cù Mông cao, dốc, quanh co, hiểm trở, nằm giữa Bình Định và Phú Yên.

[9] Hoa Bằng, *Quang Trung Nguyễn Huệ* (Glendale CA, Đại Nam tái bản, không ghi năm), trang 48.

[10] Ngô Lê Cát và Phạm Đình Toái, *Đại Nam quốc sử diễn ca* (tái bản ở Hải ngoại, không đề chi tiết về xuất bản), trang 210.

[11] Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược* ghi: "ngày 7 tháng 7"; Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* ghi: "ngày rằm tháng 7".

[12] Thân mẫu của Ngọc Hân là Nguyễn Thị Huyền, người xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[13] Thơ của Nguyễn Thời Thấu, lan truyền trong dân gian và được ca dao hóa.

[14] Nguyên trong *Sử ký Đại Nam Việt*, Giáo hội xuất bản, Sài Gòn 1898, trang 59; Hoa Bằng chép trong *Quang Trung Nguyễn Huệ*, trang 99.

[15] Trần Trọng Kim, sách đã dẫn, trang 370, ghi là quân Thanh sang nước ta làm ba ngả: Cao Bằng, Tuyên Quang và Lạng Sơn.

[16] Hoa Bằng, sách đã dẫn, trang 183.

[17] Trần Trọng Kim (*Việt Nam sử lược*, trang 372) chép là Hữu quân, Hoa Bằng (*Quang Trung Nguyễn Huệ*, trang 189) chép là Tả quân, và ngược lại.

[18] Trần Trọng Kim (Sách đã dẫn, trang 372) chép là Đô đốc Mưu.

[19] Lam Giang, *Vua Quang Trung* (Sài Gòn, nxb Thanh Niên, 2001), trang 199.

[20] Hoa Bằng, sách đã dẫn, trang 333.

[21] LũyTrấn Ninh thuộc xã Trấn Ninh, sau đổi là Phù Ninh, huyện Phong Lộc, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[22] Bến đò ở xã Phú Viên, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc thành phố Hà Nội), ngày xưa có hai cây bồ đề cổ thụ nên đặt tên là Bồ Đề (theo Đinh Xuân Vịnh, *Sổ tay địa danh Việt Nam*, trang 68).

[23] Nguyên văn hai câu kết bài thơ Phan Bội Châu tặng Mai Lão Bạng là: "*Giả sử tiền đồ tận dị thản, Anh hùng hào kiệt dã dung thường*", Đào Trinh Nhất dịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đinh Xuân Vịnh; *Sổ tay Địa danh Việt Nam*; Hà Nội, nxb Lao Động, 1996.
- Kiêm Đạt, *Đi tìm lại vết tích của thành Hoàng Đế*; nhật báo Cali Today (San Jose) số 113, thứ sáu, ngày 5- 2- 1999 và số 114, thứ bảy, ngày 6- 2- 1999.
- Hoa Bằng; *Quang Trung Nguyễn Huệ* (Hà Nội, nxb Tri Tân, 1944), Glendale CA, Đại Nam tái bản, không ghi năm.
- Lam Giang Nguyễn Quang Trứ; *Vua Quang Trung*; Sài Gòn, nxb Thanh Niên, 2001.
- Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái; *Đại Nam quốc sử diễn ca*, Hoàng Xuân Hãn đề tựa và dẫn, tái bản ở Hải ngoại; không đề chi tiết về xuất bản.
- Ngô Gia văn phái; *Hoàng Lê nhất thống chí*, bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch; Hà Nội, nxb Văn Học, 2001.
- Nguyễn Đình Đầu; *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn, tỉnh Phú Yên*; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1997.
- Nguyễn Trúc Phượng; *Văn học bình dân*; Sài Gòn, nxb Sống Mới, 1964.
- Nguyễn Văn Mại; *Việt Nam phong sử*, bản dịch của Tạ Quang Phát; Sài Gòn, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa xuất bản, 1972.
- Nguyễn Xuân Nhân; *Văn học dân gian Tây Sơn*; Sài Gòn, nxb Trẻ, 1999.
- Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc sưu tập; *Tục ngữ phong dao*, 2 tập (Hà Nội, Vĩnh Hưng Long thư quán, 1927), Garden Grove (CA), Tú Quỳnh tái bản, không đề năm.
- Phạm Văn Sơn; *Việt sử tân biên*, quyển 3; Sài Gòn, tác giả xuất bản, 1959.
- Phan Khoang; *Việt sử: Xứ Đàng Trong (1558- 1777)*; Sài Gòn, Khai Trí xuất bản, 1970.
- Quách Tấn; *Nước non Bình Định*; Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967.
- Quách Tấn và Quách Giao; *Nhà Tây Sơn*; Sài Gòn, nxb Trẻ, 2000.
- Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính; Hà Nội, nxb Sử Học, 1962.
- Quốc sử quán triều Nguyễn; *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, 47 quyển; Hoa Bằng và 2 người khác dịch, ấn hành thành 2 tập; không đề nơi, nxb Giáo dục, 1998.
- Sưu tầm một số tài liệu về ca dao ở các địa phương.
- Trần Trọng Kim; *Việt Nam sử lược*, in lần thứ 7; Sài Gòn, nxb Tân Việt, 1964.
- Vụ Bảo tồn Bảo tàng; *Niên Biểu Việt Nam*; Hà Nội, nxb Khoa học Xã hội,1984.

PHÂN ƯU

Được tin buồn Thân Mẫu
của chị Hoàng Thị Ngọc Thúy, tức nhà văn Hoàng Quân:

Cụ bà HOÀNG NGỌC UẨN

Nhũ danh ĐẶNG THỊ ĐỈNH

Đã tạ thế vào ngày 07 tháng 6 năm 2006
tại Bad Nauheim, Đức Quốc
Hưởng thọ 80 tuổi.
Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng
chị Hoàng Thị Ngọc Thúy cùng tang quyến.
Nguyện cầu hương hồn Cụ Bà được sớm về cõi Vĩnh Hằng.

Tạp chí THẾ KỶ 21
cùng các văn hữu: Hoàng Nga (Đức quốc), Ngô Nguyên Dũng (Đức quốc)
Bùi Bích Hà, Trần Mộng Tú, Ngô Nhân Dụng, Phạm Xuân Đài

PHÂN ƯU

Được hung tin Hiền Thê của chú

HOÀNG NGỌC UẨN

là thím ĐẶNG THỊ ĐỈNH

Sinh ngày 26-05-1926
Vừa từ giã cuộc đời vào ngày 7-6-2006
tại Bad Nauheim, Đức Quốc
Hưởng thọ 80 tuổi.
Gia đình chúng tôi xin chân thành chia sẻ nỗi buồn mất mát
to lớn của chú Hoàng Ngọc Uẩn và các em.
Xin dâng lời cầu nguyện cho thím được sớm tiêu diêu Miền Cực Lạc.

Thành kính phân ưu.

Gia đình ĐẶNG PHÚ PHONG (Hoa Kỳ)

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.

Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

#1 Authorized DIRECTV Dealer Vietnamese Direct

DIRECTV TOP 50 DEALER 2006

HD Receiver/DVR Rebate $100.00

CHƯƠNG TRÌNH GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT TRONG MÙA FOOTBALL

FREE công lắp ráp & shipping cho 4 phòng

SBTN + 80 ĐÀI MỸ $44.99

FREE HBO, SHOWTIME, CINEMAX and STARZ cho 3 tháng đầu trị giá $132

Offer June 28 to Oct 2

NFL SUNDAY FOOTBALL TICKET $69.99 (cho 4 payments)

(cho 4 tháng)

FREE (TOTAL CHOICE PLUS, HBO, SHOWTIME, CINEMAX, STARZ and SPORT PACK cho 4 tháng đầu) FREE hơn 250 đài, trị giá $400

THÊM SBTN + $14.99

Offer June 28 to Oct 2

HD PROGRAMMING + TOTAL CHOICE $44.99

FREE HD Programming cho 4 tháng, trị giá $40.00

THÊM SBTN + $14.99

Offer June 28 to Oct 2

1-800-581-6910 www.vietsatellite.com

Chương trình thấp nhất cho phòng đầu tiên là $24.99/tháng gồm có đài Việt Ngữ SBTN và các đài Local. Quý vị muốn xem thêm Đài Truyền Hình Việt Ngữ mới 24/24 VHN chỉ trả thêm $7.99/tháng.

Chương trình TV Việt Ngữ gồm các tiết mục như sau: Tin tức quốc nội, thế giới, tin tức cộng đồng, những bài bình luận thời sự chính trị nóng bỏng, cải lương, phim bộ Hồng Kông và Đại Hàn chuyển âm tiếng Việt, Chương trình Thiếu Nhi, Em học tiếng Việt, y học, Khoa học trong đời sống ...

open 7 days a week, we install everywhere in the U.S.

Những lệ phí hàng tháng kể trên chỉ áp dụng cho phòng đầu tiên. Kể từ phòng thứ 2 trở lên, mỗi phòng phải trả thêm $4.99

CHƯƠNG TRÌNH ... Giá Bán 7 Mỹ Kim